

Luật sư NGUYỄN ĐĂNG TRÙNG



đăng sau những bản án

NHỮNG BÀI
BÀO CHỮA CỦA
TÔI TRONG CÁC
VỤ ÁN HÌNH SỰ

ĐẲNG SAU NHỮNG BẢN ÁN

đăng sau những bản án

bìa: *Midway Press*

trình bày: *Midway Press*, tranh bìa internet

ấn hành: *Anywhere*

Copyright © 2017 by Nguyễn Đăng Trùng

đăng sau những bản án
những bài bào chữa của tôi trong các
vụ án hình sự
nguyễn đăng trừng

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	9
Tựa	
Ước mơ và hiện thực	11
Vụ án thứ nhất	
Vụ án siêu lừa Dương Thanh Cường lừa đảo ngàn tỷ của Agribank	17
Vụ án thứ hai	
Cơ sở nước hoa thanh hương và án chung thân cho đại gia Nguyễn Văn Mười Hai	40
Vụ án thứ ba	
Đại án cimexcol	79
Vụ án thứ tư	
Chuyên án z5.01 - vụ án Năm Cam và đồng bọn	95
Vụ án thứ năm	
Án tử của nữ bị cáo nước ngoài buôn ma túy	70

Vụ án thứ sáu	
Nguyễn thương cúc và đồng bọn	180
Vụ án thứ bảy	
Vụ án “bắt giữ người trái pháp luật” và tội “cưỡng đoạt tài sản”	191
Vụ án thứ tám	
Vụ án Nguyễn Tăng Trường và tội “tuyên truyền vn hóa phẩm đồi trụy”	216
Vụ án thứ chín	
Dinh jason thoát án tử	223
Một số vụ án khác	231
Lời kết	263
Phụ lục	
Lược sử ngành luật tại việt nam và trên thế giới	268

LỜI GIỚI THIỆU

Đăng sau những bản án - Những bài bào chữa của tôi trong các vụ án hình sự tập hợp những bài tranh biện sắc sảo của luật sư Nguyễn Đăng Trường trước tòa hình sự. Trong đó có những vụ án lớn, được nhiều người biết đến và quan tâm như Đại án Năm Cam, Vụ án nước hoa Thanh Hương và Nguyễn Văn Mười Hai, Vụ án Agribank và siêu lừa Dương Thanh Cường... Ngoài ra, chúng tôi cũng đưa vào hai bài bào chữa của luật sư Trần Kim Ni và luật sư Nguyễn Văn Hiệp trong hai vụ án cùng tham gia với luật sư Nguyễn Đăng Trường, hầu giúp độc giả nắm được toàn bộ diễn tiến của các vụ án được đề cập.

Phần chính của cuốn sách là 9 vụ án quan trọng diễn ra trong 30 năm, từ năm 1987 đến năm 2016, được tái hiện cụ thể từ bối cảnh cho tới diễn tiến, trong đó trọng tâm là các bài bào chữa và phần Hỏi & Đáp mà Dương Ngọc Hân (Saigon Books) đã phỏng vấn riêng với Luật sư Nguyễn Đăng Trường, nhằm làm sáng tỏ các vấn đề liên quan cũng như giúp người đọc hiểu rõ hơn về quyền được luật pháp bảo vệ của công dân.

Phần sau của quyển sách là các bài bào chữa hấp dẫn của Luật sư Nguyễn Đăng Trùng trong các vụ án chính trị (vụ án Hoàng Cơ Minh, vụ án Nguyễn Thế Vũ của Đảng Việt Tân) và các án kinh tế lớn được xử trong thời kỳ nền kinh tế bao cấp của Việt Nam (Triệu Bình Thiệt, Trần Ty, Lê Minh Tâm).

Trong cuốn sách này, để giữ tính nghiêm túc, Saigon Books đã ghi rõ tên của các luật sư đằng sau mỗi bài phát biểu trước tòa. Trong phần phụ lục, chúng tôi có giới thiệu thêm một số thông tin ngắn gọn về lịch sử ngành Luật và lịch sử các án tử tại Việt Nam và trên thế giới để thêm thông tin cho bạn đọc.

Đằng sau bản án - Những bài bào chữa của tôi trong các bản án hình sự là một tư liệu có ích cho bạn đọc tìm hiểu về nghề luật sư, cung cấp thêm một góc nhìn cụ thể về nghề luật sư vốn rất cần thiết trong đời sống xã hội.

Dương Ngọc Hân

tựa

ƯỚC MƠ VÀ HIỆN THỰC

Vào dịp hè năm đệ nhị (lớp 11) của bậc trung học, tôi được xem phim *Vụ án Nuremberg*. Phim dựng lại phiên tòa xét xử các tội phạm chiến tranh dưới thời Đức Quốc xã.

Monty Cliff đóng vai luật sư bào chữa trong phiên tòa đó đã diễn xuất hết sức xuất sắc. Quả thật ông đã thể hiện khả năng nói trước đám đông, hùng biện rất tuyệt vời.

Tôi đã say mê chăm chú theo dõi không bỏ sót một lời nói, cử chỉ, điệu bộ nào của tài tử này.

Từ chỗ khâm phục nhân vật luật sư trong phim trên, tôi mơ ước sau này sẽ được trở thành luật sư hình sự. Sau khi đậu tú tài hai (lớp 12) tôi vào Sài Gòn ghi tên học trường Đại học Luật.

Trong những năm còn là sinh viên luật, tôi đã tham gia Phong trào đấu tranh của sinh viên học sinh, trở thành thủ lĩnh sinh viên. Kỹ năng nói trước đám đông, hùng biện là một yêu cầu khách quan đối với tôi.

Tôi dự định vừa hoạt động đấu tranh hợp pháp, vừa đi tập sự hành nghề luật sư. Nhưng sau đó tôi bị Tòa án Quân sự Vùng III Chiến thuật của chế độ Sài Gòn xử vắng mặt 10 năm khổ sai nên tôi không có điều kiện tiếp tục hoạt động đấu tranh công khai hợp pháp nữa.

Tuy sống ở căn cứ nhưng tôi vẫn nuôi hy vọng đến ngày đất nước hoàn toàn giải phóng tôi sẽ trở lại làm nghề luật sư. Nhưng sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, không có tổ chức luật sư, phải 14 năm sau – đến năm 1989 – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh mới được thành lập. Ước mơ trở thành luật sư là mơ ước tôi hằng ấp ủ từ tuổi thanh niên, nên nó luôn luôn đeo đuổi, thôi thúc trong tình cảm cũng như suy nghĩ của tôi. Tôi luôn luôn cảm thấy ngày nào chưa hành nghề luật sư coi như trong cuộc đời mình còn thiếu một cái gì đó rất quan trọng mà mình không thể bù đắp. Sau này bằng con đường quanh co, nhọc nhằn tôi đã trở thành luật sư.

Như thế là gần hai mươi năm sau, mơ ước của tôi mới trở thành sự thật.

Khi bào chữa trong các vụ án hình sự, tôi lại được tiếp tục sử dụng kỹ năng nói trước đám đông, hùng biện mà tôi đã tích lũy được khi còn là một thủ lĩnh sinh viên. Tôi mong muốn mỗi vụ án hình sự mà tôi bào chữa sẽ để lại một cái gì đó trong tâm trí những người tham dự phiên tòa.

Như trong vụ án Triệu Bình Thiệt, can tội “Tham ô tài sản Xã Hội Chủ Nghĩa”, thời kỳ kinh tế còn bao cấp nặng nề, chưa có kinh tế tư nhân, hàng hóa của thân chủ tôi, Triệu Bình Thiệt mua, nhưng phải đưa vào kho nhà máy Nhựa Tân Tiến 1 tức là kho của Nhà nước nên vị đại

diện Viện Kiểm Sát cho rằng đó là hàng của Nhà nước chứ không phải hàng của thân chủ tôi. Tôi đã phát biểu bào chữa cho bị cáo Triệu Bình Thiệt như sau:

“Vậy 21.700.000 đồng vốn là của ai?”

Trong khi Triệu Bình Thiệt đã thông qua Trần Mậu Thành có sự hỗ trợ của Trần Kim Đệ, để móc 2 chuyến hàng đó Triệu Bình Thiệt đã trả cho Trần Kim Đệ 400.000 đồng gọi là tiền hoa hồng. Trần Kim Đệ đã xác nhận tại phiên tòa ngày hôm qua.

Chúng ta theo nguyên tắc nào để coi 21.700.000 đồng trị giá 2 chuyến hàng trên là của Nhà nước?

Chẳng lẽ chúng ta theo nguyên tắc “của đến nhà quan là của quan” trong vở kịch nổi tiếng “Nghêu Sò Ốc Hén”? Vị đại diện Viện Kiểm Sát cho rằng hàng nhận về phải đưa vào kho của Tân Tiến 1 tức là kho của Nhà nước nên là hàng của Nhà nước.

Tôi xin hỏi rằng liệu Tân Tiến 1 có lập ra 100 kho hay 1.000 kho, nếu Triệu Bình Thiệt không thông qua Trần Mậu Thành, Trần Kim Đệ móc hàng về, Tân Tiến 1 có hàng không?

Tôi xin đảm bảo với Quý Tòa, Tân Tiến 1 không có một ký nhựa nào chứ đừng nói có hàng trăm tấn nhựa”. Một lần khác khi bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc Sương trong vụ án Nông trường Sông Hậu, tôi đã phát biểu: “Tất cả tài liệu trong vụ án đã xác định việc lập cái gọi là quỹ trái phép đã xảy ra từ thời ông Trần Ngọc Hoàng làm giám đốc Nông trường Sông Hậu. Ông Trần Ngọc Hoàng đã chết nên muốn xử tội lập quỹ trái phép phải xuống âm phủ mở phiên tòa để xét xử chứ ở trên trần gian này không thể xử ai về tội lập quỹ trái phép.

Nông trường Sông Hậu hai lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng, lần thứ nhất là thời kỳ ông Trần Ngọc Hoàng làm giám đốc, lần thứ hai là thời kỳ bị cáo Trần Ngọc Suong làm giám đốc. Nếu Quý Tòa xử bị cáo Trần Ngọc Suong có tội là chúng ta đã bắn đại bác vào quá khứ, đây không phải là một quá khứ bình thường mà là một quá khứ đã được tôn vinh”.

Tôi tin rằng những ai đã tham dự 2 phiên tòa này chắc chắn sẽ không quên những lời bào chữa trên đây của tôi. Độc giả đọc những bài bào chữa của tôi trong các vụ án hình sự sẽ thấy tôi đã thực hiện ước mơ của tôi như thế nào và cũng sẽ thấy tôi đã sử dụng kỹ năng nói trước đám đông, hùng biện như thế nào khi bào chữa cho thân chủ trong các vụ án hình sự.

Tôi cho rằng kỹ năng nói trước đám đông, hùng biện là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với một luật sư hình sự. Trong những vụ án hình sự, đặc biệt là những vụ án hình sự lớn, phức tạp, một luật sư tài ba càng có điều kiện, cơ hội để phát huy tác dụng tuyệt vời của kỹ năng nói trước đám đông, hùng biện.

- Luật sư Nguyễn Đăng Trùng

Luật sư NGUYỄN ĐĂNG TRÙNG

Ông sinh ngày 22 tháng 2 năm 1942. Từ năm 1967 đến 1968: Chủ tịch Ban đại diện Sinh viên Trường Đại học Luật Sài Gòn, Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, Chủ nhiệm Báo Sinh Viên.

Từ năm 1968 đến 1969: Ủy viên Liên minh các Lực lượng Dân tộc Dân chủ và Hòa bình Việt Nam Khu Sài Gòn Gia Định, Ủy viên Chủ tịch Đoàn Đại hội Đại biểu Quốc dân Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Từ năm 1989 đến năm 1995: Phó Chủ nhiệm Thường trực Đoàn Luật sư TP.HCM.

Từ năm 1995 đến năm 2014: Chủ nhiệm Đoàn Luật sư TP.HCM.

Từ năm 2007 đến năm 2011: Đại biểu Quốc hội Khóa XII.

Ông đã được bầu giữ chức vụ trong các tổ chức Luật sư Khu vực và Quốc tế như sau:

Ủy viên Hội đồng tài phán, Liên đoàn Luật sư Thái Bình Dương IPBA (2001 - 2002), Phó Chủ tịch Quốc gia đại diện Việt Nam của Hiệp hội Luật sư Quốc tế UIA (2002 - 2003), Ủy viên Hội đồng Hội Luật Châu Á Thái Bình Dương (LAWASIA, 2006 - 2007).

Hiện nay ông là Chủ tịch Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Thái Bình Dương (PIAC), Ủy viên Danh dự Hội đồng Hội Luật Châu Á Thái Bình Dương (LAWASIA), Thành viên Đoàn Luật sư Hình sự Quốc tế (BPCB).



vụ án thứ nhất

VỤ ÁN SIÊU LỪA DƯƠNG THANH CƯỜNG LỪA ĐẢO NGÀN TỶ CỦA AGRIBANK

A. Bối cảnh vụ án

Vụ án “Siêu lừa Dương Thanh Cường lừa đảo ngàn tỷ của Agribank” là vụ án phức tạp vì tính chất chồng chéo giữa các bên liên quan và bao gồm trong đó 2 vụ việc: Lừa đảo chiếm đoạt hơn 27,3 tỷ đồng tại Agribank Bình Chánh và lừa đảo chiếm đoạt hơn 1.000 tỷ đồng tại Agribank chi nhánh 6.

Vụ án được khởi tố từ ngày 25/6/2013 và tuyên án cuối cùng vào ngày 11 và 12/5/2016.

Ngày 11/5, bị cáo Dương Thanh Cường bị tuyên phạt mức án chung thân trong vụ án lừa đảo, gây thất thoát gần 1.000 tỷ đồng tại Agribank chi nhánh 6 (TPHCM). Ngày 12/5, bị cáo Dương Thanh Cường tiếp tục lãnh án chung thân trong vụ án lừa đảo, chiếm đoạt hơn 27 tỷ đồng của Agribank Bình Chánh.

• Vụ Dương Thanh Cường lừa đảo hơn 27 tỷ đồng tại Agribank Bình chánh

Hồ sơ vụ án cho biết, từ năm 2007 - 2009, Dương Thanh Cường trong vai trò là giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Bình Phát đã thành lập 2 công ty là Tân Đại Phát và

Thanh Phát. Cùng với sự giúp đỡ của ông Lý Văn Chúc - nguyên Giám đốc ngân hàng Agribank chi nhánh Bình Chánh (đã chết do bệnh), Dương Thanh Cường dùng cơ sở pháp lý của 2 công ty mới thành lập để lập khống một số giấy tờ... nâng khống trị giá mảnh đất từ 3 tỷ đồng lên 27 tỷ đồng để làm hồ sơ thế chấp vay 19,25 tỷ đồng của Agribank chi nhánh Bình Chánh. Sau đó, Dương Thanh Cường không có khả năng thanh toán nợ và gây thiệt hại cho Agribank chi nhánh Bình Chánh 27,3 tỷ đồng (trong đó gốc là hơn 12,8 tỷ đồng, lãi hơn 14,4 tỷ đồng).

• Vụ án Dương Thanh Cường lừa đảo chiếm đoạt 1.127 tỷ đồng của Agribank Chi nhánh 6

Theo hồ sơ vụ án, từ năm 2007, Dương Thanh Cường trong vai trò là giám đốc Công ty Bình Phát, sau khi ký hợp đồng kinh tế với Công ty Phương Nam và Công ty Dệt kim Đồng Phương, đã sử dụng 22.000m² đất tại địa chỉ số 10 Âu Cơ để thế chấp vay nợ tại ngân hàng Agribank chi nhánh 6, do Hồ Đăng Trung làm giám đốc. Số tiền vay là 170 tỷ đồng.

Sau đó, Dương Thanh Cường dựa vào mối quan hệ với Hồ Đăng Trung, mượn lại giấy tờ đất tại số 10 Âu Cơ để đem cầm cố tại ngân hàng Phương Nam (nay là ngân hàng acombank) để vay 490 tỷ.

Tiếp đó, Dương Thanh Cường dùng giấy tờ 23 quyền sử dụng đất tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh để thế chấp tại Agribank chi nhánh 6, mượn 700 tỷ đồng. Và tương tự như trên, Dương Thanh Cường mượn lại số giấy tờ này để tiếp tục vay nợ 266 tỷ đồng tại ngân hàng Phương Nam. Trong giao dịch này, Dương Thanh Cường gán nợ luôn 23 giấy tờ sử dụng đất này cho ngân hàng Phương Nam để thanh lý hợp đồng nợ 266 tỷ.

Bước thứ 3, Dương Thanh Cường bán lô đất ở số 10 Âu Cơ cho Công ty Loan Thảo với số tiền 1.150 tỷ. Với số tiền này Dương Thanh Cường thanh toán số tiền vay ngân hàng Phương Nam lần 1 là 490 tỷ. Số tiền còn lại Dương Thanh Cường dùng để

mua 38 ha đất của Công ty Long “V”. 38 ha đất này được Dương Thanh Cường hứa hẹn sẽ thay tài sản thế chấp tại ngân hàng Agribank chi nhánh 6 với tổng mức đã vay 2 lần là: 870 tỷ đồng.

Tuy nhiên, Công ty Long “V” không giao giấy tờ lô đất 38 ha được giám định là 651 tỷ đồng cho ngân hàng Agribank chi nhánh 6 vì Dương Thanh Cường chưa trả tiền mua lô đất này. Lúc này Dương Thanh Cường cũng cho biết không có khả năng thanh toán nợ.

Đến đây vụ án được khởi tố.

B. Các bài bào chữa và trao đổi của luật sư Nguyễn Đăng Trường

1.

Thẩm vấn bị cáo Dương Thanh Cường: bị cáo đầu trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Agribank Bình Chánh

Tôi giới thiệu lại thẩm vấn của tôi đối với bị cáo Dương Thanh Cường và bị cáo Nguyễn Văn Lợi và phát biểu của tôi bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường để các đồng nghiệp trẻ tham khảo.

• Thẩm vấn bị cáo Dương Thanh Cường

Hỏi: Tài sản bảo đảm cho khoản vay 147 tỷ của Công ty Bình Phát tại Agribank Bình Chánh là tài sản nào?

Đáp: Tài sản bảo đảm cho khoản vay 147 tỷ của Công ty Bình Phát tại Agribank Bình Chánh là Khu đất 31.889m² tại phường An Phú Đông, quận 12.

Hỏi: Trị giá tài sản đó là bao nhiêu?

Đáp: Ở thời điểm giá đất đang sốt vào giữa năm 2007 có người trả tôi với giá 300 tỷ.

- Nhưng theo cáo trạng, Cơ quan tư vấn thẩm định giá kết

luận giá trị tài sản thế chấp (tức 31.889m²) tại thời điểm hiện nay là 180 tỷ đồng.

Hỏi: Nếu so với khoản vay gốc 147 tỷ đồng thì giá tài sản thế chấp cao hơn gần 33 tỷ đồng phải không?

Đáp: Phải.

Hỏi: Có phải bị cáo biết tài sản đảm bảo khoản vay 147 tỷ cao hơn nên mới cam kết với Agribank Bình Chánh đưa phần cao hơn của tài sản trên để đảm bảo thêm cho khoản vay 19,25 tỷ của Công ty Tân Đại Phát không?

Đáp: Dạ phải.

Hỏi: Khi bị cáo vay 19,25 tỷ Agribank Bình Chánh có cử người đi thẩm định tài sản thế chấp ở phường 3, thành phố Đà Lạt không?

Đáp: Dạ có.

Hỏi: Người đó là ai?

Đáp: Ông Lợi và ông Bích

Hỏi: Khi thẩm định họ có đồng ý dùng tài sản trên để đảm bảo khoản vay 19,25 tỷ không?

Đáp: Họ cho rằng giá trị tài sản thế chấp thấp, không đủ bảo đảm khoản vay.

Hỏi: Vậy tại sao bị cáo được vay 19,25 tỷ?

Đáp: Vì tôi có thống nhất với ông Chúc - Giám đốc Agribank Bình Chánh, đưa 31.889m² tại phường An Phú Đông, quận 12 để đảm bảo thêm cho khoản vay 19 tỷ nên ông Chúc mới đồng ý.

Hỏi: Khi Công ty Tân Đại Phát chuyển nợ cho Công ty Thanh Phát, bị cáo đã trả lại vay cho Agribank Bình Chánh

Đáp: Đã trả lại rồi.

Hỏi: Bao nhiêu?

Đáp: 4 tỷ.

Hỏi: Tài sản bảo đảm cho khoản vay 19,25 tỷ của Công ty Thanh Phát là tài sản nào?

Đáp: Tài sản tại phường 3, thành phố Đà Lạt và cam kết đưa 31.889m² tại phường An Phú Đông, quận 12 để bảo đảm thêm.

• **Thẩm vấn bị cáo Nguyễn Văn Lợi**

Hỏi: Anh và anh Bích đã đi thẩm tra tài sản thế chấp ở phường 3, thành phố Đà Lạt phải không?

Đáp: Dạ phải.

Hỏi: Anh và anh Bích có đồng ý cho Công ty Tân Đại Phát dùng tài sản trên để đảm bảo khoản vay 19,25 tỷ không? *Đáp:* Không.

Hỏi: Tại sao?

Đáp: Trị giá tài sản này thấp.

2.

Bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường

Kính thưa Quý Tòa,

Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố phát biểu quan điểm về vụ án, sau đây là nội dung phát biểu của tôi bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường đã bị Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 4, Điều 139 Bộ luật Hình Sự.

Trước hết xin phép Quý Tòa cho tôi nêu ra đây một câu hỏi, đó là tại sao ông Lý Văn Chúc - Giám đốc Agribank Bình Chánh cho vay 19,25 tỷ đồng với tài sản thế chấp tại phường 3, thành phố Đà Lạt? Agribank Bình Chánh đã cử ông Nguyễn Văn Lợi, lúc đó là Phó Giám đốc Agribank Bình Chánh và ông Hoàng Như Bích, lúc đó là Phó phòng Kế hoạch - Kinh doanh của Ngân hàng này (hiện 2 ông này là các bị cáo trong vụ án) lên Đà Lạt thẩm tra.

Hai bị cáo Lợi và Bích thấy tài sản thế chấp trị giá thấp, không đủ để bảo đảm cho khoản vay 19,25 tỷ đồng, họ không đồng ý cho Công ty Tân Đại Phát vay. Nhưng bị cáo Dương Thanh Cường đã cam kết đưa thêm tài sản đã bảo đảm khoản vay của Công ty Bình Phát tại Agribank Bình Chánh để bổ sung trị giá

tài sản thế chấp cho khoản vay của Công ty Tân Đại Phát. Bị cáo Dương Thanh Cường đã khai tại Cơ quan điều tra như sau: “Tôi cam kết với ông Chúc dùng tài sản đã đảm bảo cho Công ty Bình Phát vay vốn là khu đất 31.889m² tại An Phú Đông, quận 12 để bảo đảm cho Công ty Tân Đại Phát. Ông Chúc đồng ý, ông Chúc chỉ đạo nhân viên nâng giá trị lên 27 tỷ đồng để tôi cho vay 19,25 tỷ đồng” (Bút lục số 1170, hồ sơ vụ án). Tại Phiên tòa Sơ thẩm ngày 19/5/2015, tại phiên tòa này bị cáo Dương Thanh Cường đã khai nội dung tương tự. Công ty Tân Đại Phát và Công ty Bình Phát của Dương Thanh Cường đều vay tại Agribank Bình Chánh và có tài sản thế chấp tại Ngân hàng này. Nên với tư cách là Giám đốc Agribank Bình Chánh, ông Lý Văn Chúc biết rất rõ tài sản thế chấp 31.889m² tại phường An Phú Đông, quận 12 của Công ty Bình Phát cao hơn nhiều so với trị giá khoản vay của Công ty này.

Trị giá tài sản thế chấp của Công ty Bình Phát cao hơn khoản vay của Công ty này, chính cáo trạng của Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố đã xác định rõ như sau: “Cơ quan tư vấn thẩm định giá kết luận trị giá tài sản thế chấp (tức 31.889m²) tại thời điểm hiện nay là 180 tỷ đồng”.

Trong khi đó nợ gốc của Công ty Bình Phát hiện là 147,213 tỷ đồng, nếu tính ở thời điểm hiện tại thì trị giá tài sản thế chấp cao hơn nợ gốc của Công ty Bình Phát tại Agribank Bình Chánh” (Cáo trạng, trang 8). Nghĩa là trị giá tài sản thế chấp của Công ty Bình Phát cao hơn nợ gốc của Công ty này là 32,687 tỷ đồng.

Chính vì biết rõ trị giá thế chấp của Công ty Bình Phát cao hơn khoản vay của công ty này nên ông Chúc mới đồng ý nâng giá trị tài sản thế chấp của Công ty Tân Đại Phát từ 3 tỷ đồng lên 27 tỷ đồng để cho công ty này vay 19,25 tỷ đồng.

Cơ quan điều tra cho rằng tài sản thế chấp của Công ty Tân Đại Phát để vay 19,25 tỷ đồng chỉ có 3 tỷ.

Nhưng theo tôi không phải như thế.

Vậy trị giá tài sản thế chấp của Công ty Tân Đại Phát đối với khoản vay 19,25 tỷ đồng là bao nhiêu? Theo tôi, trị giá tài sản thế chấp cho khoản vay 19,25 tỷ đồng là 3 tỷ đồng cộng (+) 32,687 tỷ đồng tức là phần trị giá cao hơn của 31.889m² tại phường An Phú Đông, quận 12 đối với nợ gốc của Công ty Bình Phát tại Agribank Bình Chánh.

Chỉ khi nào Cơ quan điều tra chứng minh được rằng trị giá tài sản thế chấp cho khoản vay chỉ có 3 tỷ đồng thì Cơ quan điều tra mới có thể kết luận là bị cáo Dương Thanh Cường đã chiếm đoạt tài sản tại Agribank Bình Chánh.

Ở đây, Cơ quan điều tra đã không chứng minh được điều này, nên chưa thể xác định rằng bị cáo Dương Thanh Cường đã chiếm đoạt tài sản tại Agribank Bình Chánh.

Nên cáo trạng quy kết rằng bị cáo Dương Thanh Cường đã chiếm đoạt 15.254.494.500 đồng tại Agribank Bình Chánh và cách tính của cáo trạng là lấy trị giá khoản vay 19,25 tỷ đồng nợ gốc trừ (-) 3,995 tỷ đồng trị giá tài sản thế chấp (tức trị giá khu đất tại phường 3 thành phố Đà Lạt) vào thời điểm Công ty Tân Đại Phát vay. Với những gì tôi đã trình bày trên đây, tôi cho rằng cách tính về tài sản mà Cơ quan điều tra cho rằng bị cáo Dương Thanh Cường đã chiếm đoạt tại Agribank Bình Chánh là không đúng.

Tôi xin phép được thưa thêm với Quý Tòa rằng ông Lý Văn Chúc sẽ không bao giờ chịu nâng trị giá tài sản thế chấp của Công ty Tân Đại Phát từ 3 tỷ đồng lên 27 tỷ đồng để cho công ty này vay 19,25 tỷ đồng, nếu ông ta không biết chắc chắn rằng trị giá tài sản thế chấp 31.889m² tại phường An Phú Đông, quận 12 cao hơn nhiều so với khoản vay 147 tỷ đồng của Công ty Bình Phát.

Hỏi rằng bị cáo Dương Thanh Cường có sử dụng 2 pháp nhân là Công ty Tân Đại Phát và Công ty Thanh Phát để lập khống các chứng nhận góp vốn, lập khống chứng từ chi trả tiền và

nâng khống hợp đồng mua bán đất từ 3 tỷ lên 47 tỷ, lập khống dự án để vay 19,25 tỷ đồng tại Agribank Bình Chánh không?

Mặc dầu tôi là luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường nhưng tôi xác định với Quý Tòa là bị cáo Dương Thanh Cường đã làm việc trên.

Chính bị cáo Dương Thanh Cường cũng đã khai tại Cơ quan điều tra như sau: “Toàn bộ các biên bản họp và giấy chứng nhận góp vốn là làm khống chứ không có họp và góp vốn” (Bút lục số 1178, hồ sơ vụ án).

Bị cáo Dương Thanh Cường còn khai rõ thêm “Nếu tôi không làm giả mạo các loại văn bản thì không vay vốn được vì theo quy định khi vay phải có đủ các tài liệu văn bản này” (Bút lục số 1170 - 1171, hồ sơ vụ án). Tôi thừa nhận bị cáo Dương Thanh Cường đã làm giả mạo hồ sơ pháp lý để được vay và được giải ngân. Nhưng tài sản thế chấp khoản vay 19,25 tỷ đồng là thật và trị giá tài sản thế chấp là cao hơn trị giá khoản vay này.

Đến đây tôi nghĩ rằng vị đại diện Viện Kiểm Sát và Quý Tòa sẽ hỏi tôi là bị cáo Dương Thanh Cường tại Cơ quan điều tra đã nhận tội, nhưng tại sao tôi lại cho rằng chưa có đủ cơ sở để xác định bị cáo Dương Thanh Cường phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Cho phép tôi được thưa với Quý Tòa rằng tôi đọc rất kỹ lời khai nhận tội của bị cáo Dương Thanh Cường. Tại Cơ quan điều tra, điều tra viên đã hỏi bị cáo Dương Thanh Cường như sau: “Anh Cường cho biết anh có ý kiến gì về quyết định khởi tố bị can đối với anh về hành vi dùng pháp nhân Công ty Tân Đại Phát lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Agribank Bình Chánh không?”. Và bị cáo Dương Thanh Cường đã trả lời: “Tôi không có ý kiến gì, tôi thừa nhận hành vi của tôi là lừa đảo là đúng và Cơ quan điều tra khởi tố tôi về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng” (Bút lục số 1181, hồ sơ vụ án).

Nhưng xin thưa với Quý Tòa, Khoản 2, Điều 72 Bộ luật tố

tụng Hình Sự đã quy định rất rõ: “Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ, nếu phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội”.

Qua những gì tôi đã phân tích ở trên cho thấy rằng lời nhận tội của bị cáo Dương Thanh Cường không phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Đó là cam kết của bị cáo Dương Thanh Cường đưa 31.889m² tại phường An Phú Đông quận 12 đã thế chấp cho khoản vay 147 tỷ đồng của Công ty Bình Phát để bổ sung vào tài sản thế chấp cho khoản vay 19,25 tỷ đồng của Công ty Tân Đại Phát. Bởi vì trị giá 31.889m² đất trên cao hơn trị giá vốn vay 147 tỷ đồng của Công ty Bình Phát là 32,687 tỷ đồng.

Có 2 điều kiện, yếu tố bắt buộc phải có để xác định 1 bị can, bị cáo có phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay không: - Điều kiện, yếu tố thứ nhất là bị can, bị cáo đó có thực hiện các thủ đoạn gian dối không?

- Điều kiện, yếu tố thứ hai là bị can, bị cáo đó có chiếm đoạt tài sản của công dân hoặc tổ chức hay không? Ở đây bị cáo Dương Thanh Cường đã thực hiện các thủ đoạn gian dối. Nhưng lại chưa có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã chiếm đoạt 15.254.494.500 đồng của Agribank Bình Chánh như tôi đã trình bày ở phần trên.

Trên cơ sở nội dung mà tôi đã trình bày, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét và quyết định trả lại Hồ sơ vụ án để Cơ quan điều tra bổ sung làm rõ những điểm mà tôi phát biểu tại phiên tòa hôm nay.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- Luật sư **Nguyễn Đăng Trường**

3.

Một số nội dung mà luật sư Trần Kim Ni và tôi đã tham gia bào chữa cho bị cáo

Dương Thanh Cường

Phiên tòa xét xử vụ án Dương Thanh Cường bắt đầu vào ngày 22/10/2015 đến ngày 30/10/2015 khi các bị cáo nói lời sau cùng. Hội Đồng Xét Xử nghị án 2 ngày: ngày 2 và ngày 3/11/2015. Dự kiến sáng ngày 4/11/2015 sẽ tuyên án.

Tuy nhiên, ngày 4/11/2015 Hội Đồng Xét Xử bất ngờ tuyên bố quay lại phần xét hỏi và triệu tập đến tòa nguyên Tổng Giám đốc Agribank Việt Nam Nguyễn Thế Bình để thẩm vấn, làm rõ trách nhiệm trong việc nâng phán quyết cho vay đối với Agribank chi nhánh 6 từ 80 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.

Vụ án có 11 bị cáo và 19 luật sư bào chữa cho các bị cáo và bảo vệ quyền lợi cho các đương sự.

Chiều ngày 5/11/2015 tòa đã tuyên án.

Tôi giới thiệu lại một số nội dung mà luật sư Trần Kim Ni và tôi đã tham gia bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường tại phiên tòa Sơ thẩm này để chia sẻ với các đồng nghiệp:

A. Luật sư Trần Kim Ni hỏi bị cáo Dương Thanh Cường.

B. Phát biểu của luật sư Trần Kim Ni bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường.

C. Phát biểu của luật sư Nguyễn Đăng Trùng bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường.

D. Tranh luận giữa luật sư Nguyễn Đăng Trùng và đại diện Viện Kiểm Sát.

Các nội dung cụ thể như sau:

A. Luật sư Trần Kim Ni hỏi bị cáo

Dương Thanh Cường:

I. Việc bán 2 dự án 10 Âu Cơ và dự án Hòa Bình cho Công ty Thảo Loan:

Hỏi: Bị cáo trả lời cho Hội Đồng Xét Xử biết là bị cáo có bán 2 dự án 10 Âu Cơ và đường Hòa Bình cho Công ty Thảo Loan không?

Đáp: Tôi có bán 2 dự án trên cho Công ty Thảo Loan.

Hỏi: Dự án số 10 Âu Cơ bị cáo bán giá bao nhiêu?

Đáp: 805 tỷ.

Hỏi: Dự án đường Hòa Bình bị cáo bán giá bao nhiêu?

Đáp: 345 tỷ.

Hỏi: Tổng trị giá 2 dự án là 1.150 tỷ phải không?

Đáp: Phải.

Hỏi: Dự án số 10 Âu Cơ, bị cáo đã thế chấp, vay ở ngân hàng Phương Nam bao nhiêu?

Đáp: Vay cả vốn lẫn lãi là 420 tỷ.

Hỏi: Dự án đường Hòa Bình bị cáo đã thế chấp vay ở ngân hàng Phương Nam bao nhiêu?

Đáp: Vay cả vốn lẫn lãi là 70 tỷ.

Hỏi: Tại sao bị cáo khai tại Cơ quan điều tra là 150 tỷ?

Đáp: Do tôi khai nhầm.

Hỏi: Vậy tổng giá trị các khoản vay của bị cáo tại ngân hàng Phương Nam là 490 tỷ phải không?

Đáp: Phải.

Hỏi: Như vậy sau khi trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng Phương Nam, bị cáo còn dư bao nhiêu?

Đáp: Bị cáo còn dư 660 tỷ.

Hỏi: Khi bị cáo bán 2 dự án trên cho Công ty Thảo Loan thì ông Trầm Bê đưa ra điều kiện gì với bị cáo?

Đáp: Ông Trầm Bê yêu cầu bị cáo phải dùng số tiền dư 660 tỷ để mua 38 ha đất tại Khu công nghiệp Đức Hòa, Long An của ông Trầm Bê.

Hỏi: Tại sao bị cáo phải đồng ý điều kiện của ông Trầm Bê?

Đáp: Bởi vì Công ty Thảo Loan phải vay ngân hàng Phương Nam 1.150 tỷ để mua 2 dự án của bị cáo. Nếu bị cáo không đồng ý điều kiện này thì ngân hàng Phương Nam không cho Công ty Thảo Loan vay 1.150 tỷ để mua 2 dự án của bị cáo. *Hỏi:* Bị cáo bán dự án số 10 Âu Cơ như thế nào?

Đáp: Bị cáo chuyển 80% cổ phần của Công ty Bình Phát trong Công ty Đông Phương phát cho Công ty Lan Trúc Hương, là công ty của bị cáo và Công ty Lan Trúc Hương bán 80% cổ phần trên cho Công ty Thảo Loan; 10% của Công ty Bất động sản Phương Nam thực chất là của bị cáo nhờ Công ty Bất động sản Phương Nam đứng tên giữ. Nên tôi yêu cầu Công ty Bất động sản Phương Nam chuyển 10% cổ phần cho Công ty Thảo Loan. 10% còn lại của Công ty Dệt Kim Đông Phương, bị cáo mua lại nhưng ông Trầm Bê trả thay cho tôi bằng cách trích 31,2 tỷ trong số tiền dư bị cáo bán 2 dự án là 660 tỷ.

Hỏi: Bị cáo cho biết tại sao không phải là Công ty Bình Phát trực tiếp chuyển 80% dự án 10 Âu Cơ cho Công ty Thảo Loan, mà phải thông qua một Công ty mới do bị cáo thành lập là Công ty Lan Trúc Hương?

Đáp: Vì năm 2009, bị cáo đang bị điều tra vụ án xảy ra tại Agribank chi nhánh 6 cho nên ông Trầm Bê sợ dự án 10 Âu Cơ bị kê biên tài sản và yêu cầu bị cáo lập ra 1 công ty mới là Công ty Lan Trúc Hương để Lan Trúc Hương trực tiếp bán dự án 10 Âu Cơ cho Công ty Thảo Loan.

II. Việc hoán đổi tài sản thế chấp 23 quyền sử dụng đất tại Agribank chi nhánh 6 bằng 38 ha:

Hỏi: Bị cáo mượn 23 quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Agribank chi nhánh 6 đem sang thế chấp tại ngân hàng Phương Nam để vay tiền. Khoản vay này bị cáo đã trả cho ngân hàng Phương Nam chưa?

Đáp: Bị cáo đã trả rồi bằng cách gán nợ 23 quyền sử dụng đất cho ngân hàng Phương Nam.

Hỏi: Bị cáo đã báo cáo với Agribank chi nhánh 6 việc hoán đổi tài sản thế chấp 23 quyền sử dụng đất bằng 38 ha phải không?

Đáp: Đúng.

Hỏi: Agribank chi nhánh 6 có đồng ý không?

Đáp: Agribank chi nhánh 6 đã báo cáo với Agribank Việt Nam và Agribank Việt Nam đã đồng ý nhưng với điều kiện là phải thẩm định giá 38 ha.

Hỏi: Kết quả thẩm định của công ty thẩm định Nhà nước đối với 38 ha trị giá bao nhiêu?

Đáp: Trị giá 651 tỷ.

III. Hợp đồng Công ty Long “V” bán 38 ha cho Công ty Thanh Phát:

Hỏi: Trị giá 38 ha là 651 tỷ, tại sao Hợp đồng Công ty Long “V” của ông Trầm Bê do ông Ngô Chí Dũng làm giám đốc bán cho Công ty Thanh Phát của bị cáo 38 ha lại ghi giá 38 tỷ?

Đáp: Vì theo đề nghị của ông Trầm Bê để được giảm thuế và mục đích chính của Hợp đồng này là để sang tên quyền sử dụng đất 38 ha từ Công ty Long “V” của ông Trầm Bê sang Công ty Thanh Phát của bị cáo.

Hỏi: Bị cáo khẳng định trị giá 38 ha là 651 tỷ phải không?

Đáp: Trị giá 38 ha là 651 tỷ.

Hỏi: Trong bản kết luận điều tra bổ sung ngày 14/4/2014 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an trang 24 có ghi: “Đến ngày 16/11/2011, ông Ngô Chí Dũng, Giám đốc Công ty Long “V” có giấy cam kết gửi Agribank chi nhánh 6 cam kết thay mặt Công ty Thanh Phát bàn giao 38 ha đất tại Khu Công nghiệp Đức Hòa, tỉnh Long An cho Agribank chi nhánh 6. Thực tế, Dương Thanh Cường không trả tiền mua 38 ha đất cho Công ty Long “V” nên Công ty Long “V” không thực hiện theo cam kết gửi Agribank chi nhánh 6.”

Thực tế bị cáo đã trả tiền mua 38 ha đất chưa? Nếu đã trả, bị cáo trả bằng số tiền nào?

Đáp: Bị cáo đã trả tiền mua 38 ha bằng khoản tiền dư bán 2 dự án cho Công ty Thảo Loan được 1.150 tỷ. Bị cáo trả vốn và lãi cho ngân hàng Phương Nam 490 tỷ, còn dư 660 tỷ. Bị cáo dùng số tiền này để mua 38 ha cho ông Trầm Bê.

Hỏi: Nghĩa là bị cáo không còn phải trả khoản tiền nào nữa cho Công ty Long “V” phải không?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Chính vì Công ty Long “V” vi phạm cam kết nên bị cáo không trả được khoản tiền vay tại Agribank chi nhánh 6 là 44.575.898.130 đồng và 520.001.125.824 đồng, tổng cộng là 564.577.023.959 đồng?

Đáp: Đúng thế. Nếu Công ty Long “V” thực hiện đúng cam kết thì bị cáo đã trả hết nợ gốc của bị cáo tại Agribank chi nhánh 6. Nghĩa là tôi không chiếm đoạt số tiền trên của Agribank chi nhánh 6.

Hỏi: Bị cáo có đề nghị điều tra viên làm rõ sự việc bị cáo bán 2 dự án 10 Âu Cơ và đường Hòa Bình không? *Đáp:* Bị cáo có đề nghị nhiều lần điều tra viên làm rõ việc bị cáo bán 2 dự án trên cho Công ty Thảo Loan dư ra 660 tỷ để bị cáo thu hồi trả nợ cho Agribank chi nhánh 6.

Hỏi: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo làm việc với mấy điều tra viên?

Đáp: Với khoảng 10 điều tra viên.

Hỏi: Vậy bị cáo đề nghị với điều tra viên nào?

Đáp: Bị cáo đã đề nghị với điều tra viên Nguyễn Đại Sơn, Phó Trưởng phòng 8, C48 Bộ CA.

B. Phát biểu của Luật sư Trần Kim Ni bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường:

Kính thưa Quý Tòa,

Luật sư Nguyễn Đăng Trùng và tôi, luật sư Trần Kim Ni,

nhận bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường bị Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh truy tố về 2 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo các Điểm a, b, Khoản 4, Điều 139 và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo các Điểm a, b, Khoản 4, Điều 140, Bộ luật Hình Sự. Tại phiên tòa này, tôi xin phép được phát biểu trước.

Qua nhiều lần nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghe các bị cáo khai nhận tại phiên tòa và nghe vị đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Dương Thanh Cường nội dung sau đây:

Đó là việc bị cáo Dương Thanh Cường đã bán 2 dự án: dự án số 10 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú và dự án Hòa Bình tại đường Hòa Bình, quận Tân Phú cho Công ty Thảo Loan với giá 1.150 tỷ.

Như bị cáo Dương Thanh Cường đã khai tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa: vào tháng 3/2010, bị cáo Dương Thanh Cường còn dư 660 tỷ.

Trong khi đó, cáo trạng của Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bị cáo Dương Thanh Cường đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản 520.001.125.826 đồng và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 44.575.898.130 đồng. Tổng cộng số tiền mà cáo trạng cho rằng Dương Thanh Cường chiếm đoạt là 564.577.023.956 đồng.

Nhưng kính thưa Quý Tòa, thế thì bị cáo Dương Thanh Cường có chiếm đoạt 564.577.023.956 đồng tại Agribank chi nhánh 6 không?

Theo tôi là không.

Bởi vì như phần trên tôi đã trình bày: Bị cáo Dương Thanh Cường đã bán 2 dự án số 10 Âu Cơ và dự án đường Hòa Bình và sau khi trả vốn và lãi cho ngân hàng Phương Nam, bị cáo Dương Thanh Cường dư 660 tỷ.

Cho nên nếu lấy số tiền dư bán 2 dự án trên để trả nợ gốc vay tại Agribank chi nhánh 6 là 564.577.023.956 đồng mà cáo trạng cho là bị cáo Dương Thanh Cường đã chiếm đoạt tại Agribank chi nhánh 6 thì còn dư 95.422.975.041 đồng. Nghĩa là theo tôi bị cáo Dương Thanh Cường không chiếm đoạt 564.577.023.956 đồng tại Agribank chi nhánh 6.

Như Quý Tòa đều biết, yếu tố bắt buộc của 2 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thì bị cáo phải chiếm đoạt tài sản nghĩa là bị cáo phải chiếm đoạt 564.577.023.956 đồng thì mới có thể xác định bị cáo Dương Thanh Cường phạm các tội trên.

Tóm lại, theo tôi chưa có đủ cơ sở để xác định bị cáo Dương Thanh Cường phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Như trên tôi đã trình bày, việc làm rõ bị cáo Dương Thanh Cường bán 2 dự án số 10 Âu Cơ và đường Hòa Bình là hết sức quan trọng đối với bị cáo Dương Thanh Cường, làm rõ được vấn đề này mới có thể xác định bị cáo Dương Thanh Cường có tội hay không?

Chính vì thế mà trong thời gian tạm giam làm việc với nhiều điều tra viên, đặc biệt đối với điều tra viên Nguyễn Đại Sơn - Phó phòng 8, C46 Bộ Công an, bị cáo Dương Thanh Cường đã nhiều lần đề nghị làm rõ việc bị cáo đã bán 2 dự án gồm số 10 Âu Cơ và đường Hòa Bình cho Công ty Thảo Loan. Cụ thể bị cáo Dương Thanh Cường đã khai tại Cơ quan điều tra như sau: “Tôi kiến nghị với Cơ quan điều tra kiểm tra đối chứng các chứng từ mà ngân hàng Phương Nam cung cấp có liên quan đến khoản tiền chênh lệch bán 2 dự án để tôi có tiền trả Agribank chi nhánh 6 để khắc phục hậu quả” (Biên bản hỏi cung bị can ngày 14/8/2013, bút lục 1233).

Đến đây, tôi xin phép kết thúc nội dung phát biểu bào chữa của tôi đối với bị cáo Dương Thanh Cường. Sau đây luật sư

Nguyễn Đăng Trưng sẽ tiếp tục phát biểu bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- Luật sư **Trần Kim Ni**

C. Phát biểu của Luật sư Nguyễn Đăng Trưng bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường:

Kính thưa Quý Tòa,

Trước hết tôi nhất trí với nội dung mà luật sư Trần Kim Ni đã phát biểu bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường.

Tôi đề nghị Quý Tòa tiếp tục xem xét cho bị cáo Dương Thanh Cường 3 nội dung sau đây:

1. Thứ nhất: Kết luận điều tra bổ sung ngày 14/4/2014 (trang 24) cho rằng Công ty Long “V” đã bán cho Công ty Thanh Phát (của Dương Thanh Cường) 38 ha đất tại Khu Công Nghiệp Đức Hòa, tỉnh Long An với giá 38 tỷ nhưng Dương Thanh Cường không trả tiền mua 38 ha đất nên Công ty Long “V” không thực hiện cam kết bàn giao 38 ha đất trên cho Agribank chi nhánh 6.

Sự thật như thế nào?

Có phải trị giá 38 ha đất mà Công ty Long “V” bán cho Công ty Thanh Phát chỉ có 38 tỷ không? Theo tôi hoàn toàn không phải. Vậy trị giá 38 ha đất là bao nhiêu? Như bị cáo Dương Thanh Cường đã khai tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa này trị giá 38 ha đất đó là 651 tỷ. Bởi vì kết quả thẩm định của công ty thẩm định Nhà nước đối với 38 ha là 651 tỷ.

Hơn nữa khi bị cáo Dương Thanh Cường bán 2 dự án gồm số 10 Âu Cơ và đường Hòa Bình cho Công ty Thảo Loan với giá 1.150 tỷ thì ông Trầm Bê đã đặt điều kiện với Dương Thanh Cường là số tiền dư từ việc bán 2 dự án trên sau khi trả hết vốn và lãi vay tại ngân hàng Phương Nam còn dư 660 tỷ, bị cáo Dương Thanh Cường phải mua 38 ha của ông Trầm Bê.

Nên giá 38 ha phải là 651 tỷ chứ không thể là 38 tỷ. Vậy tại sao trong hợp đồng lại ghi 38 tỷ? Câu hỏi này bị cáo Dương Thanh

Cường đã giải thích rất rõ tại phiên tòa này là theo đề nghị của ông Trầm Bê để giảm thuế và mục đích chính của Hợp đồng là để có điều kiện sang tên quyền sử dụng đất 38 ha từ Công ty Long “V” sang Công ty Thanh Phát.

Có phải bị cáo Dương Thanh Cường không trả tiền mua 38 ha cho Công ty Long “V” nên Công ty Long “V” của ông Trầm Bê không thực hiện cam kết gửi Agribank chi nhánh 6?

Hoàn toàn không phải. Ngược lại bị cáo Dương Thanh Cường đã trả tiền mua 38 ha bằng số tiền dư từ việc bán 2 dự án số 10 Âu Cơ và đường Hòa Bình là 660 tỷ. Nhưng Công ty Long “V” không thực hiện cam kết với Agribank chi nhánh 6 nên Dương Thanh Cường không trả được nợ gốc 44.575.898.130 đồng và 520.001.125.826 đồng, tổng cộng là 564.577.023.956 đồng mà cáo trạng cho rằng bị cáo Dương Thanh Cường đã chiếm đoạt số tiền trên tại Agribank chi nhánh 6. Nếu Công ty Long “V” thực hiện cam kết với Agribank chi nhánh 6. Nghĩa là bị cáo không chiếm đoạt 564.577.023.956 đồng và bị cáo không phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như luật sư Trần Kim Ni đã trình bày với Quý Tòa.

2. Thứ hai: Có phải bị cáo Dương Thanh Cường đã gán nợ quyền sử dụng đất số 10 Âu Cơ cho ngân hàng Phương Nam không?

Theo tôi không phải. Bởi vì vào tháng 3/2010 bị cáo Dương Thanh Cường đã bán dự án số 10 Âu Cơ cho Công ty Thảo Loan, nên bị cáo Dương Thanh Cường không thể gán nợ quyền sử dụng đất số 10 Âu Cơ cho ngân hàng Phương Nam.

Mặc dù cáo trạng cho rằng: “Ngày 23/3/2010, do không có tiền trả nợ cho ngân hàng Phương Nam nên Dương Thanh Cường gán quyền sử dụng đất số 10 Âu Cơ, để tất toán hợp đồng tín dụng số 0013/01/2009 của Công ty Đông Phương Phát và hợp đồng tín dụng số 0027/003/2009 của Công ty Châu Hoàng Ngân”.

Nhưng đối với hợp đồng tín dụng số 0013/01/2009 của Công ty Đông Phương Phát vay 340 tỷ, Dương Thanh Cường đã tất toán bằng cách nhận nợ của Công ty Đông Phương Phát chuyển thành nợ của Công ty Lan Trúc Hương tại ngân hàng Phương Nam là 420 tỷ.

Còn hợp đồng tín dụng số 0027/03/2009 của Công ty Châu Hoàng Ngân bị cáo Dương Thanh Cường đã tất toán bằng một tài sản khác.

Nghĩa là không có việc bị cáo Dương Thanh Cường gán quyền sử dụng đất số 10 Âu Cơ cho ngân hàng Phương Nam.

3. Thứ ba: Việc hoán đổi tài sản thế chấp 23 quyền sử dụng đất tại Agribank chi nhánh 6 bằng 38 ha.

Bị cáo Dương Thanh Cường đã mượn 23 quyền sử dụng đất thế chấp tại Agribank chi nhánh 6 đem đi thế chấp tại ngân hàng Phương Nam để vay tiền. Khoản vay này bị cáo Dương Thanh Cường đã trả ngân hàng Phương Nam bằng cách gán nợ 23 quyền sử dụng đất cho ngân hàng Phương Nam.

Bị cáo đã đề nghị với Agribank chi nhánh 6 việc hoán đổi tài sản thế chấp 23 quyền sử dụng đất bằng 38 ha. Agribank chi nhánh 6 đã báo cáo với Agribank Việt Nam và Agribank

Việt Nam đã đồng ý nhưng với điều kiện là phải thẩm định 38 ha. Kết quả thẩm định của công ty thẩm định Nhà nước đối với 38 ha trị giá là 651 tỷ như tôi đã trình bày ở trên.

Tóm lại qua trình bày của luật sư Trần Kim Ni và của tôi cho thấy rằng việc bị cáo Dương Thanh Cường bán dự án số 10 Âu Cơ và dự án đường Hòa Bình và việc hoán đổi tài sản thế chấp 23 quyền sử dụng đất bằng 38 ha Cơ quan điều tra chưa làm rõ. Trong khi đó 2 vấn đề này cần được làm rõ mới có thể xác định bị cáo Dương Thanh Cường có phạm tội hay không.

Nên tôi đề nghị Quý Tòa xem xét và quyết định trả hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh điều tra bổ sung theo Điểm b, Khoản 2, Điều 39 và Khoản 2, Điều

199 Bộ luật Tố Tụng Hình Sự làm rõ những vấn đề mà luật sư Trần Kim Ni và tôi đã nêu ra tại phiên tòa Sơ thẩm này.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trừng*

D. Tranh luận giữa luật sư Nguyễn Đăng Trừng và đại diện Viện Kiểm Sát:

- *Đại diện Viện Kiểm Sát:* Công ty Long “V” có giấy cam kết với Agribank chi nhánh 6 cam kết thay mặt Công ty Thanh Phát bàn giao 38 ha đất tại KCN Đức Hòa, tỉnh Long An cho Agribank chi nhánh 6. Nhưng Dương Thanh Cường không trả tiền mua 38 ha đất cho Công ty Long “V” nên Công ty Long “V” không thực hiện cam kết với Agribank chi nhánh 6.

Luật sư Nguyễn Đăng Trừng bào chữa cho bị cáo Dương Thanh Cường đề nghị Hội Đồng Xét Xử xem xét và quyết định trả hồ sơ vụ án điều tra bổ sung là không có cơ sở.

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trừng:* Vị đại diện Viện Kiểm Sát cho rằng Dương Thanh Cường không trả tiền mua 38 ha đất, có lẽ vị đại diện Viện Kiểm Sát muốn nói rằng phải có biên nhận tiền của Công ty Long “V” mới chứng minh được là Dương Thanh Cường đã trả tiền.

Nhưng theo tôi không cần thiết mà chỉ có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty Long “V” và Công ty Thanh Phát và cam kết của Công ty Long “V” thay mặt Công ty Thanh Phát bàn giao 38 ha đất cho Agribank chi nhánh 6 là có cơ sở khẳng định được Dương Thanh Cường đã trả tiền mua 38 ha đất cho ông Trầm Bê.

Bởi vì nếu bị cáo Dương Thanh Cường không trả tiền thì Công ty Long “V” không bao giờ cam kết bàn giao 38 ha đất cho Agribank chi nhánh 6. Ở đây không chỉ có việc ông Ngô Chí Dũng, Giám đốc Công ty Long “V” ký bản cam kết mà trước khi ông Ngô Chí Dũng ký bản cam kết, Hội đồng quản trị Công ty Long “V” đã họp và nhất trí cam kết chậm nhất đến 15/11/2012

Công ty Long “V” sẽ thay mặt Công ty Thanh Phát bàn giao 38 ha đất cho Agribank chi nhánh 6. Nền chắc chắn không có việc Dương Thanh Cường không trả tiền mua 38 ha.

Còn đại diện Viện Kiểm Sát cho rằng tôi đề nghị trả hồ sơ vụ án về điều tra bổ sung là không có cơ sở. Nhưng tôi khẳng định đề nghị của tôi hoàn toàn có cơ sở.

Bởi vì việc Dương Thanh Cường bán 2 dự án gồm số 10 Âu Cơ và đường Hòa Bình giá 1.150 tỷ và việc hoán đổi tài sản thế chấp 23 quyền sử dụng đất bằng 38 ha đất không chỉ có Dương Thanh Cường khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa mà các bị cáo Hồ Đăng Trung, Hồ Văn Long, Lê Sơn Hùng, Phạm Hoàng Thọ và đại diện Agribank Việt Nam đều đã khai về việc Dương Thanh Cường bán 2 dự án và việc hoán đổi tài sản thế chấp 23 quyền sử dụng đất bằng 38 ha đất.

Như luật sư Trần Kim Ni đã trình bày với Quý Tòa tiền bán 2 dự án sau khi trả nợ và lãi ở ngân hàng Phương Nam và trả nợ gốc tại Agribank chi nhánh 6 thì Dương Thanh Cường còn dư 94 tỷ.

Nên làm rõ việc bị cáo Dương Thanh Cường bán 2 dự án số 10 Âu Cơ và đường Hòa Bình và việc hoán đổi tài sản thế chấp 23 quyền sử dụng đất tại Agribank chi nhánh 6 bằng 38 ha đất không chỉ rất quan trọng đối với bị cáo Dương Thanh Cường để xác định bị cáo có phạm tội hay không mà còn liên quan trực tiếp đến thân phận pháp lý của bị cáo trong vụ án này đặc biệt là các bị cáo là cán bộ của Agribank chi nhánh 6 bị truy tố tội vi phạm về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng.

Trong quá trình thẩm vấn các bị cáo, vị chủ tọa có một nhận xét là Agribank chi nhánh 6 - Ngân hàng Nhà nước giữ tài sản không chặt, giữ tài sản dở còn ngân hàng Phương Nam - Ngân hàng tư nhân giữ tài sản rất chặt, rất giỏi. Tôi rất thích thú khi nghe vị chủ tọa phiên tòa nhận xét như thế.

Nhưng xin phép cho tôi được nhận xét thêm là ông Trầm Bê với tư cách là Chủ tịch Hội đồng tín dụng, Phó chủ tịch Hội

đồng quản trị ngân hàng Phương Nam chẳng những giữ tài sản ngân hàng Phương Nam giỏi mà còn lấy tài sản của doanh nghiệp là Công ty Thanh Phát cũng rất giỏi.

Nên tôi đề nghị Quý Tòa trả hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh điều tra bổ sung làm rõ việc bị cáo Dương Thanh Cường bán 2 dự án gồm số 10 Âu Cơ và đường Hòa Bình và việc hoán đổi tài sản thế chấp 23 quyền sử dụng đất tại Agribank chi nhánh 6 bằng 38 ha, buộc ông Trầm Bê phải giao 38 ha đất cho Agribank chi nhánh 6, giải oan cho thân chủ của tôi bị cáo Dương Thanh Cường.

(Cả khán phòng đã vỗ tay).

Kết quả vụ án

Dương Thanh Cường bị tuyên hai án chung thân cho hai vụ lừa đảo tại hai chi nhánh ngân hàng Agribank gây thiệt hại 1.127 tỷ đồng (cả vốn gốc lẫn lãi), tổng cộng chung lại là án chung thân.

Nguyễn Văn Lợi (Nguyên Phó Giám đốc Agribank Bình Chánh) 8 năm tù.

Hồ Đăng Trung (Nguyên Giám đốc Agribank chi nhánh 6) 20 năm tù.

Các bị cáo liên quan đến vụ án khác tùy vào mức độ phạm tội mà tuyên phạt từ 8 - 13 năm tù giam.

C. Hỏi - Đáp

Dương Ngọc Hân: Tại sao trong vụ án Dương Thanh Cường, các lý lẽ của luật sư đưa ra thuyết phục và làm sáng tỏ vấn đề về tính chất “không lừa đảo” của bị cáo mà tòa vẫn y án chung thân đối với bị cáo?

Luật sư Nguyễn Đăng Trùng: Những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án mà tôi đã dựa vào đó, căn cứ vào đó để đưa ra những

lập luận, lý lẽ bào chữa cho Dương Thanh Cường, vị đại diện Viện Kiểm Sát và các vị trong Hội Đồng Xét Xử đều đã nghiên cứu.

Nhưng sự đánh giá của họ đối với các tài liệu, chứng cứ đó không giống tôi và theo một hướng khác nên đề nghị của tôi đối với Dương Thanh Cường không được chấp nhận.

Vụ án thứ hai

CƠ SỞ NƯỚC HOA THANH HƯƠNG VÀ ÁN CHUNG THÂN CHO ĐẠI GIA NGUYỄN VĂN MUỐI HAI

A. Bối cảnh vụ án

Từ cuối năm 1986, đầu năm 1987, Cơ sở nước hoa Thanh Hương do Nguyễn Văn Mười Hai làm giám đốc đã huy động vốn với lãi suất cao là 15%/năm. Với mức lãi suất này, rất nhiều người đã gửi tiền vào Thanh Hương, kể cả những người lao động nghèo cũng dành dụm tiết kiệm để gửi cho công ty này nhằm kiếm lợi nhuận.

Tháng 1/1990, Cơ sở nước hoa Thanh Hương công bố lỗ 37 tỷ đồng và tuyên bố phá sản, khiến nhiều hộ gia đình điêu đứng vì trắng tay. Đến tháng 3/1990, Nguyễn Văn Mười Hai bị truy tố trước tòa với 3 tội danh: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân, tội phá hoại thực hiện các chính sách kinh tế xã hội và tội đua hối lộ.

Vụ án xét xử đến tháng 9/1991, Nguyễn Văn Mười Hai bị tuyên án chung thân.

B. Đại gia Nguyễn Văn Mười Hai

Nguyễn Văn Mười Hai được biết đến như “Đại gia số 1 Sài Gòn” trong những năm 1980 - 1990, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mỹ phẩm.

Xuất thân nghèo khó, từng học hành dở dang, nhưng Nguyễn Văn Mười Hai có niềm đam mê đối với kinh doanh và có năng khiếu trong lĩnh vực này.

Không chỉ sáng tạo ra các loại sản phẩm mới, phù hợp thị hiếu người tiêu dùng mà Nguyễn Văn Mười Hai còn biết sử dụng quảng cáo cũng như xây dựng hệ thống để mở rộng và phát triển kinh doanh. Đây là những cách làm mới mẻ có tầm nhìn vượt trội vào giai đoạn đó tại Việt Nam.

C. Những bài bào chữa của luật sư Nguyễn Đăng Trưng

1.

Bài bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai trong vụ án Cơ sở nước hoa Thanh Hương tại phiên tòa Sơ thẩm

Ngày 16 tháng 10 năm 1990

Kính thưa Quý Tòa,

Tôi nhận bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai trong vụ án Thanh Hương là tôi phải ở vào một hoàn cảnh hết sức khó khăn và phức tạp. Vì bị cáo đã bị truy tố cùng một lúc 3 tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân; Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế xã hội và tội đưa hối lộ. Tội nào cũng bị vị đại diện Viện Kiểm Sát thành phố đề nghị mức án cao nhất.

Trong khi đó trong lòng tôi lại mang một nỗi ưu tư, ray rứt rất lớn, đó là đông đảo những người gửi tiền ở Thanh Hương, nhiều người là bà con lao động nghèo vừa qua chưa được chi trả bao nhiêu, đã lâm vào tình cảnh rất khó khăn, khổ sở.

Với lương tâm và tình cảm chân thật của một luật sư, tôi xin được chia sẻ và thông cảm sâu sắc với tất cả các bà con trên vì sự đau khổ đó.

Nhưng với trách nhiệm là một luật sư đã nhận bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai thì qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, theo dõi sự khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa trong mấy ngày qua tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai về từng tội và về những điểm cụ thể sau đây:

I. Thứ nhất về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân

1. Theo lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thì từ cuối năm 1986 đầu 1987 Cơ sở Thanh Hương đã huy động vốn với lãi suất 15% mỗi tháng và từ đầu năm 1988 đến ngày 12/7/1989, lãi suất vẫn 15% nhưng trong đó có 1% sản phẩm. Nhưng từ ngày 12/7/1989 đến 10/3/1990 tức là ngày Nguyễn Văn Mười Hai bị bắt lãi suất hạ xuống còn 13% trong đó có 1% sản phẩm.

Cáo trạng của Viện Kiểm Sát coi lãi suất 15% là một lãi suất cao, là một thủ đoạn nhằm thu hút dân gửi tiền nhiều vào Thanh Hương.

Nhưng vấn đề đặt ra ở đây là ở vào thời điểm nào thì lãi suất 15% là cao. Còn ở vào những thời điểm nào thì lãi suất 15% là không cao, thậm chí có khi lại là thấp nếu so với sự trượt giá trong những thời điểm đó.

Chúng ta hãy nhớ lại rằng gần 10 năm trời từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đồng bạc Việt Nam liên tục bị mất giá. Đặc biệt khoản thời gian từ năm 1986, 1987 đến tháng 7/1988 đồng bạc Việt Nam mất giá trung bình mỗi năm từ 500 đến 600%.

Cho nên trong những năm đó Thanh Hương huy động vốn với lãi suất 15% Thanh Hương vẫn lời, đó là chưa kể khoản lời về sản xuất kinh doanh những mặt hàng của Thanh Hương. Thanh Hương lời ở đây là do đồng bạc mất giá, do sự trượt giá. Tôi xin được phép đơn cử một thí dụ để chứng minh: Chẳng hạn vào tháng 1/1988 giá 1 lượng vàng là 500 ngàn đồng đến tháng 7/1988 giá một lượng vàng là 1 triệu 500 ngàn đồng. Một người gửi cho Thanh Hương 500 ngàn đồng tương đương với một lượng vàng tháng 1/1988 với lãi suất 15% thì đến tháng 7/1988 (tức 6 tháng sau) lãnh được 1 triệu đồng. Nhưng vào thời điểm tháng 7/1988 giá 1 lượng vàng là 1 triệu 500 ngàn

đồng. Như thế Thanh Hương đã được lời 500 ngàn đồng. Tóm lại Thanh Hương huy động vốn trong thời điểm này là có lời, nghĩa là Thanh Hương mượn vốn của nhân dân để sản xuất kinh doanh mà không phải trả thực lãi. Còn người gửi tiền vẫn nhận tiền lời của Thanh Hương nhưng thực chất là lãnh tiền trượt giá mà thôi nhưng thấp hơn mức trượt giá thực tế.

Nếu người gửi tiền tiêu xài tiền lời do Thanh Hương trả vào thời điểm đó, tức là ăn vào vốn gửi của mình cũng giống như con kỳ nhông mùa đông ăn vào cái đuôi của mình mà không biết.

Về mặt kinh tế người ta gọi là lãi suất âm. Cho đến cuối năm 1988, cả đến tháng 2/1989 đồng bạc Việt Nam

vẫn còn mất giá. Cụ thể như tôi nói ở trên tháng 7/1988 giá một lượng vàng là 1 triệu 500 ngàn đồng, tháng 12/1988 giá một lượng vàng là 2 triệu 200 ngàn đồng và tháng 2/1989 giá 1 lượng vàng khoảng trên 3 triệu đồng.

Chỉ đến tháng 3/1989 thì một sự kiện đột biến đã xảy ra:

Nhà nước đã đưa ra lãi suất cao: 12%, sau 10% và xuống 9%, sau đó có giảm xuống và thực hiện một số biện pháp chống lạm phát có hiệu quả. Đồng bạc Việt Nam bỗng nhiên trở nên có giá đến nỗi nhân dân lúc đó không còn giữ vàng nữa mà đem bán vàng ra để lấy tiền gửi vào hợp tác xã tín dụng và các đơn vị huy động vốn.

Thế giới coi đây là một thành công kỳ diệu của Việt Nam nhưng xét về một mặt khác thì đây là một tai họa đối với các đơn vị quốc doanh lẫn tư doanh, đặc biệt là đối với các đơn vị có huy động vốn.

Chúng ta phải nói rằng đây là cái giá phải trả cho việc chống lạm phát thắng lợi cũng giống như khi chúng ta trị bệnh sốt rét chúng ta uống ký ninh và các thứ thuốc đặc trị rất mạnh thì chúng ta có thể cắt ngay được cơn sốt nhưng tác hại của các thứ thuốc đó làm cho gan và lách của chúng ta có thể bị hư và bị sưng. Tôi muốn nói đây là cái giá phải trả không có cách nào khác.

Cụ thể trong thời điểm này khi đồng bạc đã có giá, Thanh Hương vay vốn của nhân dân thì không được hưởng lãi suất âm nữa, mà đã phải chịu lãi suất dương nghĩa là không chỉ phải trả một phần trượt giá cho người gửi tiền mà phải trả thực lãi cho họ là 15% mỗi tháng.

Chính vào thời điểm này Thanh Hương bắt đầu lâm nguy và đến 10/1/1990 Thanh Hương đã bị lỗ 37 tỷ như bị

cáo Nguyễn Văn Mười Hai đã thú nhận tại Cơ quan điều tra và đã xác nhận lại nhiều lần tại phiên tòa.

Thực tế không phải chỉ có Thanh Hương bị lỗ mà có đến 80% xí nghiệp quốc doanh có vay vốn đều bị lỗ, cá biệt có đơn vị đã bị lỗ rất nặng và nợ đến 90 tỷ như Xí nghiệp Đông lạnh 1.

Tất cả những điều mà tôi trình bày trên đây là tôi muốn chứng minh với Quý Tòa rằng Nguyễn Văn Mười Hai không phải ngay từ đầu bị cáo đã gian dối mà bị lỗ, bị mất cân đối mà do đánh giá sai lầm về thời cuộc kinh tế tài chính, đặc biệt là không ngờ rằng đồng bạc Việt Nam đến tháng 3/1989 lại đứng giá do các biện pháp chống lạm phát có kết quả của Nhà nước ta. Nhưng việc đánh giá này theo tôi không phải chuyện dễ dàng. Nghĩa là vào những thời điểm đó bị cáo hoàn toàn không gian dối mà chỉ về sau này khi thấy đã bị lỗ và thấy lâm nguy thì bị cáo mới thực hiện một số hành vi gian dối như lập 2 loại sổ sách kế toán mà cáo trạng gọi là hệ thống kế toán pháp lý và hệ thống kế toán nội bộ hoặc lập hai loại hợp đồng: hợp đồng nội bộ và hợp đồng pháp lý, ...

Nhưng như bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa trong mấy ngày qua là khi đã biết mình bị lỗ, đặc biệt là khi đã bị lỗ 37 tỷ thì Nguyễn Văn Mười Hai đã có kế hoạch xoay sở, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh trong năm 1990 để mong rằng có lời để trả vốn và lãi cho người gửi tiền. Ở đây mặc dầu bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai tôi cũng thừa nhận rằng kế hoạch năm 1990 của Nguyễn Văn Mười Hai là một vấn đề năm ăn năm thua, trong một tình hình kinh tế rất khó khăn như thế. Nhưng dầu sao cũng thể hiện một quyết tâm thực sự của bị cáo

Nguyễn Văn Mười Hai cố gắng xoay sở để có tiền mà trả cho nhân dân. Cụ thể là bị cáo đã ngưng sản xuất các mặt hàng bán không chạy và đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng tiêu dùng thiết thực cho đời sống nhân dân như kem giặt, bột giặt, xà phòng bánh, dầu gội đầu,... Bị cáo cũng đã dự kiến mở rộng thị trường tiêu thụ sang Lào, Campuchia và Liên Xô. Thực tế khi chuyển sang sản xuất các mặt hàng hóa phẩm tiêu dùng và chất tẩy rửa thì bán khá chạy tất nhiên lời chưa đủ để trả lãi cho nhân dân. Điều đó là thực tế. Ở đây tôi xin mở một dấu ngoặc là nhiều lời khai của các bị cáo và cả bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai cũng đã xác nhận là phải công bằng mà nói một số sản phẩm của Nguyễn Văn Mười Hai là có chất lượng. Nhưng không cạnh tranh được là do hàng ngoại nhập lậu vô nhiều quá nhất là hàng Trung Quốc và Thái Lan, bao bì của hàng ngoại tốt, lại không chịu thuế, còn hàng của Thanh Hương phải chịu thuế, trong hoàn cảnh ấy tôi mong Quý Tòa hiểu cho sản phẩm của Thanh Hương bán không chạy là có phần của nguyên nhân đó.

Bị cáo còn khai tại Cơ quan điều tra và cũng đã xác nhận tại phiên tòa: Nếu đến cuối 1990 vẫn bị lỗ, bị cáo sẽ thông báo chính thức về tình hình phá sản của Thanh Hương. Mặt khác còn bao nhiêu tiền bạc tài sản sẽ trả hết cho dân rồi bị cáo tự kết liễu cuộc đời của mình (Bút lục 100, hồ sơ vụ án). Và Nguyễn Thị Nhu cũng đã khai nội dung tương tự ở Bút lục 517 và 563. Trong khi đó hai bị cáo này cho đến ngày ra tòa hoàn toàn bị cách ly. Nói như thế là tôi muốn chứng minh rằng lời khai đó của bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai là một lời khai rất là chân thật. Nghĩa là bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai cũng dự kiến cả tình

huống xấu nhất nếu cuối năm 1990 mà vẫn bị lỗ, không trả nổi lãi và vốn cho nhân dân thì bị cáo sẽ chọn cái chết để tạ tội đối với nhân dân như bị cáo đã khai trước tòa.

2. Đến đây còn một câu hỏi nữa phải đặt ra, đó là tổng số vốn Thanh Hương huy động để làm gì, Thanh Hương có đưa vào sản xuất kinh doanh không, nếu đưa vào sản xuất kinh doanh thì đưa vào bao nhiêu?

Hội Đồng Giám Định kết luận: Cơ sở Thanh Hương huy động vốn cho đến ngày bị bắt là 153,3 tỷ và chỉ đưa vào sản xuất kinh doanh khoảng 12 tỷ, chiếm tỷ lệ 8%, đây là con số mà bản cáo trạng cũng chấp nhận.

Kính thưa Quý Tòa,

Cách tính của Hội Đồng Giám Định là cộng gộp số tiền nhân dân gửi vào từ đầu đến cuối giống như đổ nước vào một cái lu, nước đầy đến đâu thì coi như huy động vốn đến đó. Và lấy con số 12 tỷ tiền bao bì, nguyên liệu trong hệ thống kế toán pháp lý là con số không chính xác, rất thấp so với thực tế để xác định số vốn Thanh Hương đưa vào sản xuất. Đó là cách tính của Hội Đồng Giám Định.

Nhưng thực tế việc Thanh Hương huy động vốn đưa vào sản xuất cũng giống như đổ nước vào một bình thông nhau. Nước đổ vào đầu này của bình thông nhau thì nước sẽ chuyển qua đầu kia của bình thông nhau. Nghĩa là tiền vốn huy động vào từng thời kỳ đều được chuyển ngay vào sản xuất.

Chúng ta hãy trở lại những con số đã được kết luận trong bản giám định: Tổng số vốn huy động là 153,3 tỷ, nhưng Thanh Hương đã trả 38,5 tỷ vốn gốc và 58,7 tỷ lãi, cộng lại là 97,2 tỷ. Muốn biết Nguyễn Văn Mười Hai còn nợ của dân bao nhiêu thì chúng ta lấy con số 153,3 tỷ trừ đi

(-) 97,2 tỷ, chúng ta sẽ có con số 56,1 tỷ. Đây là con số cần phải được làm rõ. Hay nói một cách khác Thanh Hương sử dụng số tiền này làm gì?

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án tôi tìm thấy ở Bút lục 52 và 53 bản báo cáo ngày 17/1/1990 của Dương Thị Thảo có ghi tổng số vốn hiện có về nguyên vật liệu, thành phẩm, tiền đặt gia công cho các cơ sở sản xuất... tức là số vốn đưa vào sản xuất là 55,9 tỷ. Nếu đem so sánh con số này với con số 56,1 tỷ thì chúng ta thấy con số chênh lệch 0,2 tỷ. Chênh lệch này là do đâu? Là do báo cáo của Dương Thị Thảo chỉ tính đến ngày 10/1/1990 mà thôi.

Như thế có thể khẳng định rằng số tiền 56,1 tỷ là số vốn Thanh Hương đã đưa vào sản xuất kinh doanh. Nếu đem con số này so với con số 153,3 tỷ của Hội Đồng Giám Định là tổng số vốn Thanh Hương huy động cho đến ngày bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai bị bắt thì tỷ lệ số vốn Thanh Hương đã đưa vào sản xuất kinh doanh cũng không phải là 8% như Hội Đồng Giám Định đã xác định mà phải khoảng 36%. Nhưng nếu đem con số trên so với số huy động vốn thực sự cho đến 10/1/1990 chỉ mới trên 90 tỷ thì tỷ lệ này phải vào khoảng 60%.

Vậy xem xét lại toàn bộ hoạt động của Nguyễn Văn Mười Hai có dấu hiệu gian dối, lừa đảo hay không?

Xin thưa Quý Tòa, mặc dầu bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai, tôi cũng phải thừa nhận rằng là có. Có nhưng mà có về thời gian sau này, chứ lúc đầu bị cáo không gian dối.

II. Thứ hai về tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế xã hội

Tôi thấy rằng không đủ cơ sở để buộc bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai về tội này. Vì các lý do sau đây:

1. Trước hết dấu hiệu bắt buộc của tội này là phải có ý thức nhằm chống chính quyền nhân dân. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án tôi hoàn toàn không tìm thấy một chứng cứ nào về dấu hiệu này. Thậm chí Cơ quan điều tra cũng không hỏi bị cáo một câu nào về tội này. Tôi nhớ không nhầm thì tại phiên tòa trong mấy ngày qua đại diện Viện Kiểm Sát cũng không thẩm vấn bị cáo về tội này.

Đặc biệt bản kết luận điều tra của cơ quan Công an cũng không xác định bị cáo phạm tội này.

Trong khi đó nếu chúng ta nghiên cứu về nhân thân, cuộc đời của bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai thì chúng ta càng không thể nào cho rằng bị cáo đã có ý thức nhằm chống lại chính quyền nhân dân.

Trước khi thành lập tổ hợp Thanh Hương, ông Nguyễn Văn Vạn, cha ruột của bị cáo làm nghề đạp xe ba gác. Bản thân Nguyễn Văn Mười Hai lúc chưa lập gia đình cũng phụ đạp xe ba gác với cha mình để kiếm sống.

Đó là chưa kể theo lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai thì cha bị cáo là ông Nguyễn Văn Vạn trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp có tham gia hoạt động Việt Minh, chú và cậu của bị cáo là liệt sĩ. Đặc biệt anh ruột của bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai trước khi phạm tội là Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Nguyễn Văn Mười Hai sinh năm 1960, lúc miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), khi đó bị cáo mới 15 tuổi, đang học lớp 9, sau đó học tiếp lớp 10, 11, 12 và từ

đó ra đòi làm ăn sinh sống đến nay. Nghĩa là cả nửa cuộc đời của bị cáo đã được giáo dục, trưởng thành trong chế độ của chúng ta. Bị cáo cũng không có tiền án, tiền sự về các tội an ninh quốc gia.

Khi bị cáo lập gia đình, cha bị cáo là ông Nguyễn Văn Vạn đã bán nhà ở dưới quê cho tiền bị cáo thuê một sạp nhỏ bán quần jean ở chợ Tân Định.

Cho nên về mặt giai cấp mà xét gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có quan hệ “com nặng áo dày” với chế độ Sài Gòn trước ngày Giải phóng, do đó không thể nói rằng bị cáo đã có hận thù gì để mà có ý thức chống lại chính quyền nhân dân của chúng ta.

2. Còn nói rằng vụ án Thanh Hương xảy ra đã làm cho hệ thống hợp tác xã tín dụng ở thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh mất khả năng chi trả, bị sụp đổ.

Tôi khẳng định không phải như vậy. Nguyên nhân chính gây ra tình trạng trên là ở chỗ cơ chế thị trường ở nước ta chưa thâm nhập được vào lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, giá cả của tiền vốn từ lãi suất vẫn chưa do người kinh doanh tiền tệ, tín dụng quyết định, cho nên lãi suất lên xuống bất thường: Tháng 3 năm 1989 lãi suất 4% nhưng đến tháng 9 năm 1989 lãi suất lên đến 12,2%. Có nhà kinh tế đã cho rằng với lãi suất thay đổi như vậy ngay các ngân hàng sừng sỏ ở Tokyo, Hong Kong hay New

York cũng phải phá sản chứ nói chi hệ thống hợp tác xã tín dụng ở thành phố và các tỉnh.

Sự thật nếu chúng ta nhìn vào hiện tượng bên ngoài thì đúng như thế. Sau khi Phạm Công Tước bỏ trốn, sau khi vụ án Thanh Hương xảy ra thì nhiều hợp tác xã tín dụng mất khả năng chi trả và sụp đổ, điều đó có. Tôi còn

nhớ rõ, sau đó toàn bộ hệ thống tín dụng của tỉnh Tiền Giang đã mất khả năng chi trả, báo Sài Gòn Giải Phóng có đăng. Và gần 200 hợp tác xã tín dụng của thành phố Hồ Chí Minh cũng mất khả năng chi trả, cũng sụp đổ. Điều đó có thật, sự thật đó không ai chối cãi được.

Nhưng mà muốn xem xét là phải đi sâu vào bản chất và tìm nguyên nhân chính của nó. Có phải vụ án Nguyễn Văn Muội Hai là nguyên nhân chính không. Theo tôi không phải. Khách quan mà nói thì khi vụ án Thanh Hương xảy ra có làm cho quá trình sụp đổ của hợp tác xã tín dụng nhanh hơn, đẩy nhanh tốc độ sụp đổ của nó và có tính chất dây chuyền do tác động về tâm lý. Nhưng nguyên nhân chính của nó là như thế nào? Nguyên nhân chính của nó là do trong một bối cảnh kinh tế hết sức khó khăn mà tôi đã trình bày với Quý Tòa, cho nên các đơn vị quốc doanh, kể cả tư doanh, tất cả các đơn vị kinh doanh vay vốn của hợp tác xã tín dụng, vay vốn của ngân hàng nữa, làm ăn thua lỗ, không trả gì cả. Trong tình hình đó vấn đề sụp đổ, mất khả năng chi trả của hệ thống hợp tác xã tín dụng là vấn đề sớm hay muộn mà thôi, chứ không thể từ đó mà nói rằng vụ án Thanh Hương là nguyên nhân chính gây ra tình hình đó. Tôi đề nghị Quý Tòa hết sức quan tâm xem xét điều này.

Do những điều mà tôi trình bày ở trên, tôi cho rằng không có một cơ sở nào để xác định được là Nguyễn Văn Muội Hai đã phạm tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế xã hội.

III. Thứ ba về tội đưa hối lộ

Về hành vi này bị cáo đã khai nhận tương đối đầy đủ tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa.

Ở đây tôi chỉ xin Quý Tòa xem xét thêm mấy điểm sau: 1. Về động cơ, ý thức của bị cáo không phải là muốn làm hư hỏng, tha hóa cán bộ, mà chỉ mong muốn hoạt động sản xuất kinh doanh của mình được trôi chảy, thuận lợi, do đó mà đã đưa tiền vàng, quà biếu cho một số cán bộ. Thực tâm bị cáo không lấy gì làm sung sướng khi phải thấy một số cán bộ đã bị truy tố về tội nhận hối lộ phải ra trước tòa với bị cáo trong mấy ngày qua. Tôi nghĩ rằng đó là sự suy nghĩ thật sự của Nguyễn Văn Mười Hai.

2. Đối chiếu giữa lời khai của các bị cáo bị truy tố về tội nhận hối lộ và lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai, tôi thấy có một số trường hợp chưa đủ cơ sở để xác định bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai đã đưa cho các bị cáo trên, như đối với bị cáo Phan Công Trinh, Nguyễn Vũ Hùng. Tôi tin rằng các đồng nghiệp của tôi sẽ phân tích đầy đủ hơn khi bào chữa cho các bị cáo trên để Quý Tòa xem xét thêm.

3. Một điểm nữa mà tôi đề nghị Quý Tòa xem xét là về thể là không phù hợp với thực tế xét xử ở Việt Nam từ trước đến nay.

Do đó với tất cả những điểm mà tôi trình bày trên đây, tôi đề nghị Quý Tòa hết sức quan tâm xem xét và quyết định cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai được hưởng một mức án khoan hồng.

Tôi cảm ơn Quý Tòa đã quan tâm theo dõi toàn bộ những lời bào chữa của tôi cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai là bị cáo đã bị vị đại diện Viện Kiểm Sát truy tố nhiều tội nhất và cũng bị đề nghị mức án cao nhất.

- Luật sư Nguyễn Đăng Trùng

2.

Bài bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai trong vụ án Cơ sở nước hoa Thanh Hương tại phiên tòa Phúc thẩm

Ngày 27 tháng 9 năm 1991

Kính thưa Quý Tòa,

Từ ngày 10/3/1990 đến ngày xét xử phúc thẩm 27/9/1991 thì đã hơn 1 năm và nếu tính từ ngày xét xử sơ thẩm 16/10/1990 đến ngày hôm nay 27/9/1991 là gần 1 năm.

Tôi nghĩ rằng với một khoảng thời gian như thế đã đủ cho mọi người trong đó có đồng bào bà con là người bị hại bình tâm suy nghĩ, đánh giá tương đối đầy đủ những vấn đề cơ bản trong vụ án hết sức phức tạp này.

Tuy vậy cho đến hôm nay vẫn còn một số vấn đề pháp lý đang có ý kiến khác nhau cần được làm rõ.

Ở góc độ là một luật sư nhận bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai, bị cáo đứng đầu trong vụ án này, tôi xin được phép phát biểu một số ý kiến để bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai như sau:

I. Về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân

Câu hỏi đặt ra ở đây là Nguyễn Văn Mười Hai có phạm tội lừa đảo không? Tôi xin xác định với Quý Tòa là có. Nghĩa là tôi thừa nhận bị cáo đã phạm tội lừa đảo và dấu hiệu của tội lừa đảo là ở chỗ nào? Đó là ở chỗ Nguyễn Văn Mười Hai đã thực hiện hành vi gian dối là lập 2 loại kế toán: Kế toán pháp lý và kế toán nội bộ.

Chính bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai đã khai nhận tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Sơ thẩm và cả tại phiên tòa Phúc thẩm lần này là mình đã phạm tội lừa đảo.

Nhưng đối với hành vi lừa đảo của bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai dưới mấy điểm cụ thể sau đây:

1. Không phải ngay từ đầu bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai đã có ý định gian dối.

Bởi vì nếu ngay từ đầu bị cáo có ý định gian dối thì bị cáo chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn mấy tháng rồi bỏ trốn như trường hợp Phạm Công Tước.

Còn ở đây bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai không phải bị cáo huy động vốn trong mấy tháng, nửa năm, một năm, hai năm, ba năm mà gần bốn năm trời.

2. Bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai đã bị lỗ nặng như bị cáo đã khai tại phiên tòa Sơ thẩm: đến ngày 10/1/1990 lỗ 37 tỷ, là do bị cáo đã đánh giá thời cơ kinh tế không đúng.

Không ngờ đến tháng 9 năm 1989 do việc chống lạm phát có hiệu quả nhưng quá liều nên đồng bạc Việt Nam đã đứng giá một cách đột ngột, bị cáo không còn khả năng chi trả cho người gửi tiền vào Thanh Hương bằng phần trượt giá mà còn phải trả thực lãi.

Nhưng việc đánh giá thời cơ kinh tế, tài chính trong tình hình kinh tế của đất nước luôn có sự thay đổi theo kiểu “sớm nắng chiều mưa” như hiện nay thì không phải là dễ dàng.

Nếu đánh giá được thời cơ kinh tế tài chính tôi chắc rằng những đơn vị huy động vốn như Xí nghiệp Đông lạnh 1 đã không bị lỗ nặng và nay còn nợ 90 tỷ đồng và giám đốc Tổng Công ty xuất nhập khẩu Long An, ông Sáu Kiệu đã không phải tự tử vì nợ trên 215 tỷ đồng.

Cả tình hình tái lạm phát với tốc độ nhanh đang hoành hành trong những tháng gần đây cũng chẳng mấy ai dự đoán trước được.

3. Về việc Thanh Hương huy động vốn rất lớn nhưng đưa vào sản xuất rất ít, chỉ 8%.

Kết luận trên đây của phiên tòa Sơ thẩm đã dựa vào những con số do Hội Đồng Giám Định cung cấp. Nhưng theo cách tôi tính để có những con số trên, Hội Đồng Giám Định đã thực hiện theo một phương pháp không đúng, không khách quan.

Bởi vì Hội Đồng Giám Định đã lấy 12 tỷ (số liệu pháp lý) so sánh với 153,3 tỷ đồng huy động vốn thật sự (số liệu nội bộ). Số liệu pháp lý là số liệu giả còn số liệu nội bộ là số liệu thật, đem so sánh số liệu giả với số liệu thật thì không thể nào có được một con số chính xác.

Lẽ ra phải đem so sánh 153,3 tỷ đồng vốn huy động thật sự (số liệu nội bộ) với 92 tỷ đồng số vốn đưa vào sản xuất thật sự (cũng là số liệu nội bộ) gồm 16 tỷ đồng chi phí nguyên vật liệu, 13 tỷ đồng thành phẩm, hàng hóa tồn kho các loại, 5 tỷ

đồng phương tiện sản xuất, mặt bằng nhà cửa phục vụ sản xuất kinh doanh và 58 tỷ đồng lãi cho dân. Chi phí trả lãi cho dân phải được hạch toán vào giá thành sản phẩm từng kỳ, từng đợt sản xuất cũng như chi phí quảng cáo, lương nhân viên, hành chánh phí, điện nước cũng phải được đưa vào giá thành sản phẩm.

Như thế huy động vốn là 153,3 tỷ đồng và đưa vào sản xuất là 92 tỷ đồng, tức là tỷ lệ vốn đưa vào sản xuất không phải 8% như kết luận của phiên tòa Sơ thẩm mà là 60,1%.

4. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội của bị cáo

Cơ sở nước hoa Thanh Hương huy động vốn trong nhân dân là căn cứ theo Nghị Định 27/HĐBT ngày 9 tháng 3 năm 1988 của Hội Đồng Bộ Trưởng, điều 17 của Nghị Định này đã quy định: “Nhà nước cho phép các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh vay vốn trong nhân dân bao gồm cả cán bộ, công nhân viên Nhà nước, lãi do hai bên thỏa thuận”. Trong Bản Thông báo số 122/UB tự phê bình ngày 14 tháng 10 năm 1990, Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã xác định “việc thiếu các quy chế về huy động vốn là một sơ hở của Nhà nước”.

Do đó ngày 21 tháng 9 năm 1988 Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã soạn thảo Quy chế về huy động vốn và quản lý về các hợp tác xã tín dụng.

Nhưng sở dĩ văn bản này không được ban hành là do có sự thỏa thuận giữa Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam và Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh là Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam sẽ có trách nhiệm ban hành quy định về cả hai vấn đề trên.

Nhưng đến ngày 19 tháng 10 năm 1988 Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam chỉ ban hành Quyết định 07 (07/NH-QĐ) quy định tạm thời về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã tín dụng ở đô thị mà không ban hành các quy định về vấn đề huy động vốn.

Tại Cơ quan điều tra, ở Bút lục số 104 của hồ sơ vụ án, bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai đã khai “Qua năm 1989 tôi bị lỗ nhiều thấy mình như cỡi trên lưng cọp”.

Tôi thừa nhận rằng lúc đó Nguyễn Văn Mười Hai đã bắt đầu leo lên lưng cọp. Nhưng tự một mình Nguyễn Văn Mười Hai có thể leo lên lưng cọp được không? Theo tôi là không.

Chính Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam với chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động huy động vốn đã đỡ Nguyễn Văn Mười Hai leo lên lưng cạp, chứ tự thân Nguyễn Văn Mười Hai không leo lên được.

Từ ngày Cơ sở nước hoa Thanh Hương được thành lập, ngày 20 tháng 1 năm 1989 đến ngày có Công văn số 10 ngày 18 tháng 10 năm 1990 của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh Cơ sở nước hoa Thanh Hương chỉ mới huy động 16 tỷ đồng. Nghĩa là vào thời điểm này Nguyễn Văn Mười Hai còn có thể dừng lại được.

Nhưng tiếc rằng Công văn số 10 ngày 18 tháng 10 năm 1990 của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã không

được các Cơ quan chức năng của Thành phố chấp hành, nên từ ngày 18 tháng 10 năm 1989 tức là ngày có Công văn số 10 đến ngày 10 tháng 3 năm 1990, ngày Nguyễn Văn Mười Hai bị bắt khoảng thời gian chỉ hơn 5 tháng nhưng số vốn huy động lại rất lớn, hơn 90 tỷ đồng.

Nghĩa là lúc này con cạp mà Nguyễn Văn Mười Hai đang cỡi, nó đang chạy lồng lên với tốc độ rất nhanh, bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai có muốn nhảy xuống cũng không nhảy xuống được.

Cho nên việc Nguyễn Văn Mười Hai ngày càng phải lao nhanh vào việc thực hiện tội lừa đảo với hậu quả nghiêm trọng như hiện nay, theo tôi phải có phần trách nhiệm của các cơ quan chức năng của thành phố Hồ Chí Minh đã không chấp hành Công văn số 10 nói trên.

II. Về tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế xã hội

Tại phiên tòa Sơ thẩm tôi đã trình bày đầy đủ những lập luận lý lẽ vững chắc để khẳng định rằng bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai không phạm tội này.

Tại phiên tòa Phúc thẩm này vị đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân Tối cao cũng không tìm ra được những cơ sở hoặc lý lẽ pháp lý nào để giữ lại tội trên, nên đã buộc lòng phải đề nghị Quý Tòa hủy bỏ tội này đối với bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai.

Nhưng dẫu sao đề nghị trên có lợi cho thân chủ của tôi nên tôi cảm ơn vị đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân Tối cao.

III. Về tội đưa hối lộ

Đối với tất cả các bị cáo trước đây là cán bộ Nhà nước như anh Phan Công Trinh, Nguyễn Vũ Hùng, Dương Kim Bôn, Lê Đình Phương, Trần Anh Tiền đã bị tòa Sơ thẩm xử về tội nhận hối lộ.

Nhưng tại phiên tòa Phúc thẩm này bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai đã xác nhận trước tòa về việc đưa tiền, vàng, quà biếu. Tất cả những việc này Nguyễn Văn Mười Hai chỉ thực hiện sau khi các bị cáo trên đã làm một việc trong phạm vi chức năng của họ có lợi cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai.

Nhưng trước đó giữa Nguyễn Văn Mười Hai và các bị cáo trên, hai bên không hề có bàn bạc, trao đổi, hứa hẹn gì cả. Trong khi đó theo Thông tư số 84 ngày 6 tháng 8 năm 1982 của Tòa Án Nhân Dân Tối Cao – Thông tư này vẫn còn hiệu lực pháp luật vì chưa có một văn bản pháp luật nào khác hủy bỏ hoặc thay thế Thông tư nói trên – đã xác

định rõ: Đối với trường hợp nhận tiền của sau khi đã sử dụng cương vị công tác làm một việc có lợi cho người đưa tiền thì dấu hiệu bắt buộc là phải có sự hứa hẹn trước giữa đôi bên mới phạm tội hối lộ.

Như thế một khi chưa chứng minh được có dấu hiệu bắt buộc này thì chưa thể xác định các bị cáo phạm tội hối lộ. Nhưng tội đưa hối lộ gắn liền với tội nhận hối lộ nếu thiếu dấu hiệu bắt buộc trên, tức là không có sự hứa hẹn trước giữa đôi bên thì lẽ ra cũng không phạm tội đưa hối lộ.

Tuy nhiên đối chiếu lời khai của Nguyễn Văn Mười Hai tại phiên tòa Phúc thẩm hôm nay với các lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Sơ thẩm có những chỗ chưa hoàn toàn ăn khớp với nhau.

Nên tôi thừa nhận rằng hành vi đưa tiền, vàng và các lợi ích vật chất khác là có dấu hiệu của tội đưa hối lộ nghĩa là bị cáo đã phạm tội đưa hối lộ.

Nhưng thực tế đây chỉ là một phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội chính là tội lừa đảo mà thôi.

Nếu Quý Tòa coi tội đưa hối lộ là một tội danh độc lập thì chỉ cần áp dụng tội này ở trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng, tức là Khung 2 của Điều 227 mà mức hình phạt cao nhất của khung này là 15 năm tù giam chứ không thể áp dụng trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, tức là Khung 3 của Điều 227 với mức hình phạt cao nhất là tù chung thân.

Đến đây có một vấn đề pháp lý được đặt ra là tòa Sơ thẩm lấy mức án tù chung thân là mức án cao nhất của một tội phụ, tội đưa hối lộ để xử phạt đối với Nguyễn Văn Mười Hai có phù hợp với nguyên tắc cơ bản của luật Hình Sự nước ta không? Theo tôi là không. Vì 3 lý do sau đây:

Thứ nhất: Một nguyên tắc cơ bản của luật Hình Sự là mức hình phạt phải tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Ở đây bản án sơ thẩm đánh giá hành vi lừa đảo là hành vi nguy hiểm nhất. Còn việc đưa quà biếu, cho dù coi đó là một tội danh độc lập, thì cũng là một tội phụ, một phương tiện để thực hiện tội chính là tội lừa đảo mà thôi.

Nhưng tòa Sơ thẩm đã lấy mức án chung thân là mức án cao nhất của một tội phụ là tội đưa hối lộ để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai là không phù hợp với nguyên tắc cơ bản nói trên. Nghĩa là đánh giá tính chất phạm tội của bị cáo một đằng lại áp dụng hình phạt một nẻo.

Thứ hai: Trong một vụ án hình sự có nhiều bị cáo bao giờ cũng chỉ có một bị cáo chính, bị cáo đứng đầu vụ chứ không thể có hai bị cáo chính. Còn đối với trường hợp bị cáo phạm nhiều tội thì chỉ có một tội chính và các tội phụ chứ không bao giờ có hai tội chính.

Thực tế trong vụ án Cơ sở nước hoa Thanh Hương tội chính của Nguyễn Văn Mười Hai là tội lừa đảo còn việc đưa quà biếu của Nguyễn Văn Mười Hai là phạm tội đưa hối lộ, thì đó cũng là một tội phụ mà thôi.

Do đó không thể tuyên hình phạt chung thân đối với bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai.

Thứ ba: Tôi thừa nhận rằng khi xây dựng Bộ luật Hình Sự và quy định về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân (Điều 157 Bộ luật Hình Sự) có khả năng các nhà làm luật của chúng ta chưa dự kiến hết mức độ rất nghiêm trọng có thể xảy ra và những tác hại kinh tế, chính trị, xã hội hết sức nghiêm trọng của tội này nên chỉ quy định mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù. Nhưng đây là một sơ

hở của pháp luật, chúng ta không thể bắt bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai phải gánh chịu sơ hở đó. Cho nên theo tôi mức án cao nhất của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân là 15 năm tù thì chỉ có thể xử bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai 15 năm tù mà thôi.

Chúng ta có thể xử một bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân theo Điều 157 với mức án chung thân với điều kiện Điều 157 này phải được Quốc Hội sửa đổi lại và nâng mức hình phạt từ 15 năm tù lên chung thân.

Tất nhiên mức hình phạt chung thân ấy chỉ có thể áp dụng đối với các bị cáo khác phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân tương tự như trường hợp Nguyễn Văn Mười Hai về sau này.

Qua tất cả những điểm mà tôi đã trình bày trên đây, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét, phúc xử bản án sơ thẩm và hạ mức án của bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai từ tù chung thân xuống còn 15 năm tù là mức án cao nhất của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân.

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trường*

3.

Phát biểu tranh luận với đại diện Viện Kiểm Sát phúc thẩm Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao đối với bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai tại phiên tòa Phúc thẩm

Ngày 27 tháng 9 năm 1991

Kính thưa Quý Tòa,

Vị đại diện Viện Kiểm Sát phúc thẩm Viện Kiểm Sát Nhân dân Tối Cao tại thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục bảo vệ quan điểm của bản án sơ thẩm là xét xử bị cáo

Nguyễn Văn Mười Hai về hai tội chính: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân với mức án cao nhất là 15 năm tù và tội đưa hối lộ, ở trường hợp đặc biệt nghiêm trọng tức là mức hình phạt cao nhất trong Khung 3 của Điều 227 là tù chung thân và tổng hợp hình phạt của hai tội trên bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai phải chịu hình phạt tù chung thân như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Nhưng kính thưa Quý Tòa vấn đề đặt ra ở đây là trong vụ án Thanh Hương này có cả 2 tội danh chính này không? Theo tôi là không. Tại sao? Bởi vì mọi người dân thành phố Hồ Chí Minh nơi xảy ra vụ án Thanh Hương cũng như tất cả bà con trên cả nước và cả ở nước ngoài đều chỉ gọi vụ án Thanh Hương là vụ án lừa đảo mà thôi mặc dù trong đó có hành vi hối lộ.

Điều đó nói lên vấn đề gì? Điều đó nói lên rằng tội lừa đảo là tội chính, nghĩa là tội đó phản ánh đầy đủ nhất bản chất của vụ án Thanh Hương.

Còn tội đưa hối lộ chỉ là một tội phụ mà thôi, nghĩa là chỉ là một phương tiện để thực hiện hành vi lừa đảo. Nếu vị đại diện Viện Kiểm Sát tìm được bất cứ một tờ báo nào hoặc một mẫu tin nào trên đất nước Việt Nam này cũng như ở nước ngoài nói rằng vụ án Thanh Hương là vụ án hối lộ thì tôi sẵn sàng thừa nhận tội đưa hối lộ của Nguyễn Văn Mười Hai là tội chính.

Tôi chắc rằng vị đại diện Viện Kiểm Sát không bao giờ tìm ra được một mẫu tin hay một tờ báo như thế cả. Do đó theo tôi cần phải thừa nhận trong vụ án Thanh Hương, đối với bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai chỉ có một tội chính là tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân và một tội phụ là tội đưa hối lộ.

Lập luận này của tôi hoàn toàn phù hợp logic của cuộc sống thực tế.

Như tôi đã có lần trình bày tại phiên tòa Phúc thẩm này: một nguyên tắc cơ bản của luật Hình Sự nước ta là mức hình phạt được tuyên trong một bản án phải tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

Ở đây tội chính của Nguyễn Văn Mười Hai là tội lừa đảo, nghĩa là hành vi này phản ánh đầy đủ nhất bản chất hoạt động phạm tội của bị cáo và Điều 157 Bộ luật Hình Sự nước ta quy định mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù.

Nhưng tòa Sơ thẩm đã lấy hình phạt chung thân là mức cao nhất của một tội phụ là tội đưa hối lộ để xử phạt Nguyễn Văn Mười Hai là trái với nguyên tắc trên đây.

Tôi cũng đã thừa nhận tại phiên tòa Phúc thẩm này là khi xây dựng Bộ luật Hình Sự và quy định về tội chiếm đoạt tài sản công dân (điều 157 Bộ luật Hình Sự) có khả năng các nhà làm luật của chúng ta chưa dự kiến hết mức độ rất nghiêm trọng có thể xảy ra và những tác hại kinh tế, chính trị, xã hội hết sức nghiêm trọng của tội này. Nên họ đã quy định mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù. Nhưng đây là một sơ hở của pháp luật, chúng ta không thể bắt bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai phải gánh chịu sơ hở đó.

Cho nên theo tôi mức án cao nhất của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân là 15 năm tù thì chỉ có thể xử bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai 15 năm tù mà thôi.

Chúng ta có thể xử một bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân theo Điều 157 với mức án chung thân và thậm chí cả với mức án tử hình cũng được. Nhưng với điều kiện Điều 157 này phải được Quốc Hội

sửa đổi lại và nâng mức hình phạt từ 15 năm tù lên chung thân hoặc tử hình.

Tất nhiên hình phạt chung thân hoặc tử hình đó chỉ có thể áp dụng đối với các bị cáo khác phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân tương tự như trường hợp Nguyễn Văn Mười Hai sau này mà thôi, chứ không thể áp dụng đối với Nguyễn Văn Mười Hai vì Luật Hình Sự nước ta không chấp nhận nguyên tắc hồi tố.

Nếu chúng ta không chấp nhận quan điểm này thì chúng ta có thể đạt được mức án chung thân đối với Nguyễn Văn Mười Hai. Nhưng chúng ta lại vi phạm một nguyên tắc lớn hơn, cơ bản hơn đó là sự an toàn pháp lý của công dân trong chế độ chúng ta.

Sự an toàn pháp lý đó cho phép mỗi một công dân nếu phạm tội thì phải biết mình có thể phải chịu mức hình phạt tối đa là bao nhiêu theo các quy định của pháp luật Hình Sự hiện hành. Chứ công dân đó không bị ở trong tình trạng nom nớp lo sợ có thể bị xử phạt rất nặng đến mức tù chung thân hoặc tử hình mặc dầu hình phạt đó chưa quy định một cách minh thị trong Bộ luật Hình Sự.

Do đó một lần nữa tôi kính mong Quý Tòa đặc biệt quan tâm xem xét những lập luận mà tôi đã trình bày để phúc xử bản án sơ thẩm, quyết định hạ mức án của Nguyễn Văn Mười Hai từ chung thân xuống còn 15 năm tù giam, là mức án cao nhất của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân.

Tôi nghĩ rằng đó là mức án khoan hồng cần thiết, mức án này sẽ động viên, giúp đỡ bị cáo cải tạo tốt trong quá trình thụ hình sau này. Tôi chắc rằng bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai sẽ ghi nhớ mãi sự biết ơn của mình đối với

sự nhân đạo và công minh của Quý Tòa.

Tôi xin cảm ơn Quý Tòa.

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trường*

D. Hỏi – Đáp

Dương Ngọc Hân: Trong bài bào chữa, luật sư có chia sẻ về những khó khăn khi tiếp nhận bào chữa cho thân chủ là bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai. Khó khăn đó là sức ép của dư luận lúc này rất mãnh liệt, gay gắt vì quá nhiều người bị mất tài sản do gửi vào Cơ sở nước hoa Thanh Hương. Tại sao lúc đó luật sư can đảm nhận bào chữa vụ án này mà không sợ bị “vạ lây”?

Luật sư Nguyễn Đăng Trường: Đối với một vụ án lớn như vụ án đã xảy ra tại Cơ sở nước hoa Thanh Hương, có số lượng người bị hại đông đảo thì áp lực dư luận đối với luật sư bào chữa cho bị cáo đầu vụ rất nặng nề.

Nhưng đây là một thử thách mà luật sư phải sẵn sàng đối mặt và phải tìm phương cách phù hợp để vượt qua cho được. Đây chính là trách nhiệm của người luật sư, không thể và không có quyền né tránh.

Vượt qua được thử thách đó sẽ thể hiện được bản lĩnh, tài năng của một luật sư tham gia bào chữa trong một vụ án hình sự lớn.

Dương Ngọc Hân: Phản ứng dữ dội của dư luận lúc đó cho thấy người dân sẵn sàng “xử” Nguyễn Văn Mười Hai mà bất chấp luật pháp. Trong quá trình hình nghệ luật sư nhiều năm, luật sư có nhận định như thế nào về tinh thần thượng tôn pháp luật của người Việt, đặc biệt là khi liên hệ với những vụ đánh chết người trộm chó vài

năm gần đây? Điều đó gây ra khó khăn thế nào cho ngành tư pháp và ảnh hưởng ra sao đến quyền lợi của chính người dân?

Luật sư Nguyễn Đăng Trùng: Sự phản ứng dữ dội của dư luận trong trường hợp này theo tôi là một điều dễ hiểu khi bà con ta chưa có thói quen tôn trọng pháp luật.

Ở nhiều nước mà người dân có thói quen tôn trọng pháp luật, dư luận sẽ phản ứng nhẹ nhàng hơn.

Chúng ta càng hội nhập sâu với khu vực và thế giới, bà con ta càng có điều kiện xây dựng được thói quen tôn trọng pháp luật thì tình trạng trên sẽ dần dần được cải thiện.

Bà con sẽ nhận ra mình không được phép thay thế cơ quan bảo vệ pháp luật để tự mình đứng ra xử lý người phạm tội. Một khi người dân có tập quán tôn trọng pháp luật sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan bảo vệ pháp luật điều tra, xử lý tội phạm, còn ngược lại thì làm cho cơ quan bảo vệ pháp luật khó khăn, vất vả khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

E. Nguyễn Văn Mười Hai làm lại cuộc đời KỲ 1: HỌC NGHỀ CHỨNG KHOÁN

• Người “nhảy cảm”

Khi biết chúng tôi đang “đeo đuổi” Nguyễn Văn Mười Hai, một anh bạn đồng nghiệp đã khuyên nên thận trọng. “Tốt hơn hết là không nên viết gì” – anh ấy nói. Chúng tôi phải suy nghĩ rất lâu và cũng muốn là... coi như mình chưa gặp Nguyễn Văn Mười Hai, chưa biết gì. Chúng tôi hiểu lời khuyên của đồng nghiệp, nó không chỉ “an toàn” cho chúng tôi mà còn cho cả nhân vật chúng tôi đang đeo bám.

Khi thận trọng lật lại hồ sơ vụ án của các cơ quan tố tụng tại thành phố Hồ Chí Minh vào những năm đó, đọc đến trang nào chúng tôi cũng thấy sợ. Khi nghiền ngẫm bài bào chữa viết tay của luật sư Nguyễn Đăng Trùng tại phiên tòa Sơ thẩm, chúng tôi cũng cảm nhận rằng ngay cả chính “ông này” thời điểm ấy cũng đã rất kín kẽ trong từng câu chữ để thể hiện quan điểm gỡ tội cho thân chủ của mình trước Hội Đồng Xét Xử và trước dư luận. Cách đây 17 năm, ông Trùng nắn nót viết: “Tôi nhận bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Mười Hai trong vụ án Thanh Hương là tôi phải ở vào một hoàn cảnh hết sức khó khăn và phức tạp. Vì bị cáo đã bị truy tố cùng một lúc 3 tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân, Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế xã hội và Tội đưa hối lộ. Mà

tội nào cũng bị vị đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố đề nghị mức án cao nhất. Trong khi đó trong lòng tôi lại mang một nỗi ưu tư, ray rứt rất lớn, đó là đồng bào những người gửi tiền ở Thanh Hương, nhiều người là bà con lao động nghèo vừa qua chưa được chi trả bao nhiêu, đã lâm vào tình cảnh rất khó khăn, khổ sở...”.

Vụ án Thanh Hương nổ ra ngày 10/3/1990, thời điểm ấy chúng tôi còn là sinh viên, đang học năm cuối Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh nhưng cũng đã chứng kiến nhiều cảnh điều đúng của các bạn cùng phòng ở ký túc xá khi toàn bộ số tiền gia đình cho gửi vào để hàng tháng rút 15% tiền lãi làm chi phí học tập đã mất trắng. Một “nhân chứng” cùng lứa với chúng tôi ở thời kỳ ấy là một người “hay tếu” như diễn viên điện ảnh Quyên Linh mà giờ đây cũng còn nhớ.

“Người ta gửi tiền bị mất. Còn em, lúc đó học Nghề thuật sân khấu cạnh chỗ công ty ông, đi qua coi cũng bị móc túi mất sạch tiền luôn” – Linh kể. Không thể nói chính xác bao nhiêu gia đình đã không thể lấy lại được tiền trong vụ “Nước hoa Thanh Hương” nhưng có một điều chắc chắn là, 17 năm qua không có ai xông vào nhà tù để trút giận lên ông chủ hãng. Và mọi chuyện đã trở nên phai mờ theo lớp bụi thời gian. Thế thì xối lại liệu có ích gì? Và một điều nữa càng khiến chúng tôi phải đắn đo thêm vì ông cứ dặn đi dặn lại: “Tôi chỉ tiếp có mình anh là nhà báo, đừng cho ai biết chỗ ở của tôi nhé!”.

Nhưng chính nghị lực làm lại cuộc đời và ý chí phấn đấu kinh khủng của một người từng dám bỏ trường cao đẳng để đi “làm kinh tế” trong suốt 17 năm qua, từ lúc vào tù cho đến khi được ra ngoài xã hội đã thôi thúc chúng tôi phải làm một điều gì đó, để con đường tái hòa nhập cộng đồng của những người như ông được rút ngắn hơn.

• Chúng khoán bây giờ và “chúng khoán nước hoa”

Khi ông còn ở trong tù, có người nói ông bỏ vốn hùn mở căn-tin bán cho phạm nhân và “rất khá”. Hồi đầu năm nay, lại có người nói Nguyễn Văn Mười Hai đã chết trong trại giam vì bệnh. Mới thứ bảy tuần rồi gặp chúng tôi, anh B.V.H, giám đốc một công ty vệ sĩ lớn ở thành phố Hồ Chí Minh cũng nói: “Nguyễn Văn Mười Hai có biệt thự ở Trị An, lúc ở tù cũng đi đi về về như cơm bữa”...

Thực ra đó chỉ là những tin đồn. Năm 1990, ông và vợ đều bị bắt, tài sản đều được kê biên và xử lý để thanh toán nợ cho những người gửi tiền. Tổng số nợ lên đến 4 vạn lượng vàng trong khi nhiều ngôi nhà của “đại gia số

1” này lúc đó không có giá thị trường như bây giờ để phát mãi nên việc khắc phục không thể suôn sẻ. Khi vào tù, vợ chồng ông chỉ để lại cho người thân “tài sản” duy nhất là hai đứa con nhỏ dại, một trai một gái.

Năm năm sau, chị Nhu, vợ ông được đặc xá ra tù phải về tá túc tại một căn phòng trọ ẩm thấp, diện tích chỉ chừng 4 mét vuông của người chị ở đường Nhà Thờ bên Thủ Thiêm để nuôi hai con nhỏ và tích góp thăm chồng. Mãi đến cuối năm 2006, khi ông được ra tù, căn phòng ấy đã trở nên quá chật chội với 4 con người (và cũng nằm trong diện giải tỏa) nên một người bạn của ông đã thương tình cho mượn 100 triệu đồng để hai vợ chồng đi tìm nhà mua. “Vợ tôi nói không thể được, nhưng tôi không tin, cứ nghĩ như hồi xưa, một trăm triệu đồng là lớn lắm, chỗ bà ấy đi suốt mấy ngày liền, rốt cuộc mới có một căn nhỏ xíu ở Hóc Môn, nhưng nó sát nghĩa địa nên thôi, mang tiền về trả lại” – ông kể.

Hôm lần đầu gặp chúng tôi, ông cũng đã đưa về căn phòng 4 mét vuông bên Thủ Thiêm và cúi rạp người thấp một nén hương cho “ông thần tài đã phù hộ vợ con tôi khỏe mạnh”. Và sau những cuộc tìm kiếm “nơi cư trú riêng tư” không thành, một người cháu của ông đã quyết định gom hàng hóa lại để dành một khoảng sinh hoạt cho gia đình ông tại nhà kho ở đường Nguyễn Văn Trỗi, quận Tân Bình. Ông cũng đã tiếp chúng tôi tại “nơi an cư” mới này và cũng dặn “đừng cho ai biết”. Đạo ấy ông vừa học xong lớp chứng khoán và khi nghe chúng tôi gọi lại chuyện xưa, ông có vẻ... rất thuộc bài.

Ông bảo: “Thực ra bản chất của chứng khoán là gì? Là một cái nơi để các đối tượng có đồng vốn nhàn rỗi muốn

tìm cách để sinh lợi và một bên đối tác nữa là các nhà doanh nghiệp có nhiều dự án để sinh lợi nhưng lại không có điều kiện về đồng vốn. Thì nó là cái nơi để cho hai bên đó gặp nhau. Bản chất cơ bản của nó là nơi đó người ta sẽ mua bán các công cụ tài chính. Sau khi học chứng khoán xong tôi mới hiểu ra rằng cái ngày xưa mình làm chính là cái này đây. Tại vì giữa hai đối tác không có ai đi đến gõ cửa ai mượn tiền, cho vay gì cả mà đến chỉ mua bán cổ phiếu trái phiếu. Cổ phiếu thì là chứng khoán vốn. Còn trái phiếu là chứng khoán nợ. Thì bây giờ mình học và biết rõ thêm như vậy”.

“Anh có mua chứng khoán? – Chúng tôi hỏi, nhưng ông lắc đầu: “Bạn bè có khuyên, nhưng tôi không mua. Có mấy người nhờ tư vấn, tôi cũng không nhận”. “Vì sao?”. “Tư vấn, nếu có lợi người ta cảm ơn mình bình thường thôi nhưng nếu lỗ người ta đổ thừa. Mà trong tình hình bây giờ nó là tình hình nhạy cảm. Phải bám sát giao dịch thường xuyên thì mới có thể quyết định mua hay bán. Chứ a dua theo người ta ngoài thị trường, ào vô mua, ào vô bán, không khoa học và dễ trắng tay”. “Có ai rủ anh hùn mua không?”. “Có chứ, nhưng thực ra tôi không có điều kiện, không có tiền”.

- **Võ Khới**

(*Báo Thanh Niên*, số 192 (4218) 11 - 7 - 2007)

KỲ 2: LÀM THẦY PHONG THỦY

• “Mặc cảm nặng”

Ngay trong lần gặp gỡ đầu tiên, ông đã tâm sự với chúng tôi: “Có thể là qua anh với anh Trùng cũng hun đúc cho tôi niềm tin. Tôi cần cái chỗ là điểm tựa như vậy đó. Bây giờ chưa thể làm gì, tôi mặc cảm nặng lắm, rất nặng”.

Ông kể rằng, tại hai phiên tòa Sơ thẩm và Phúc thẩm, Luật sư Trùng đã bào chữa cho ông mà không lấy tiền. Năm ấy, chị vợ ông từ nước ngoài về có mang đến 2 cây vàng nhưng luật sư Trùng cũng từ chối, bảo mang về “lo cho hai đứa con thằng Mười Hai”. Sau khi ông có án và lên thụ hình ở trại Xuân Lộc, luật sư Trùng cũng lên thăm, cho 200 ngàn đồng và một quyển sổ tay.

Trong quyển sổ ấy có ghi hai câu thi kệ của đại sư Mãn Giác: “Chớ nghĩ xuân tàn hoa rụng hết. Đêm qua sân trước một nhành mai”. Ông rất tâm đắc hai câu ấy và lấy đó làm điểm tựa phần đầu để thay đổi số phận của mình. Và rồi đêm đêm, các bạn tù lần lượt chìm vào giấc ngủ thì ông vẫn lợ mợ một mình thao thức.

Ông nói: “Cán bộ giao việc gì tôi cũng lo làm tốt, vì chỉ có một con đường là cải tạo tốt mới được giảm án và ra trại thôi. Nhiều người cứ nghĩ tôi là đại gia ở tù cũng sướng nhưng thực ra vợ con tôi đâu có điều kiện để thăm nuôi. Cô ấy không có nghề nghiệp, hồi đó là bạn học của tôi, năm 77 tốt nghiệp cấp 3, đi xuất cảnh nhưng không đi, xin ở lại Việt Nam theo chồng vĩnh viễn. Rồi ở với chồng phụ việc trong gia đình thì bị bắt vì cái tội là tổng quỹ. Thực ra bà đâu có học kho bạc kho quỹ gì đâu mà tổng quỹ, nhưng bị xử án 12 năm. May mắn là ở được hơn 5 năm thì Nhà nước đặc xá cho về với con vì con bơ vơ quá”.

Từ một cậu bé nghèo trở thành “đại gia” rồi trong phút chốc trắng tay, giờ đây Nguyễn Văn Mười Hai nói rằng ông đang bị lùi về “số âm” chứ không được “số 0” như một số người khác. Bị “số âm” là vì ông chưa thể tiếp cận ngay được với một xã hội mà ông đã bị cách ly gần ấy thời gian. Giữa một thành phố Hồ Chí Minh chỉ 4 triệu

dân, chưa ai biết karaoke, internet, cà phê máy lạnh, com văn phòng,... là gì khi ông chưa bị bắt với một thành phố Hồ Chí Minh 8 (7.95 – 12) triệu dân sầm uất, hiện đại và phát triển năng động chưa từng có như ngày nay.

Còn nhớ một lần hôm đầu tháng 6, khi chúng tôi mời ông vào quán Zenta ở đường Mạc Đĩnh Chi uống cà phê, ông đã chung hứng hỏi chúng tôi: “Ừa, ở đây người ta cũng dạy vi tính nữa à?”. Chúng tôi phải giải thích với ông là hầu hết các quán cà phê ở Sài Gòn bây giờ đều có hệ thống internet không dây, khách chỉ việc mang máy vi tính xách tay đến truy cập để xem báo hoặc theo dõi chứng khoán. Một buổi tối khác, chúng tôi hẹn ông đến cà phê La Mode ở góc ngã tư Tôn Thất Tùng – Bùi Thị Xuân, ông lại đứng trước cửa gọi điện vào hỏi: “Có phải nó giống như nhà hàng không?”...

• Chuyen Gió và Nước

Thời gian biểu của ông bây giờ chủ yếu là học. Nhưng ông cũng chưa dám vào lớp bằng “tên cúng cơm” của mình mà phải mượn tên người khác, khi là tên con trai, khi là tên bạn cũ. Sau lớp chứng khoán, ông học tiếp chương trình vi tính dành cho nhân viên văn phòng và gấp ghe muốn đeo đuổi chương trình đào tạo lập trình viên kéo dài 3 năm. Ông cũng muốn ghi danh thêm vào lớp giám đốc điều hành nhưng khi nhìn thấy thông báo học phí 9 triệu đồng đã hoảng. “Kinh khủng quá, tôi toàn xin tiền bạn bè đi học mà học phí cao dữ vậy đâu có dám xin, vợ tôi cũng cần nhằn nói ông học cái đó để làm gì” – ông than thở.

Biết ông chầm tử vi, coi phong thủy và thỉnh thoảng cũng châm cứu cho một số người quen, chúng tôi hỏi sao

không lấy đó làm nghề để phụ tiền chợ vợ con, ông lắc đầu: “Không được đâu, tôi sợ lắm, cảm giác sợ cũng còn nặng lắm”. Hôm hẹn chúng tôi ra quán cà phê Napoli ở hồ Con Rùa, ông đến muộn vì bận coi đất cho một “đại gia” chuẩn bị khởi công xây biệt thự ở quận 9. Lần đó, vợ chồng “đại gia” ấy cũng chuẩn bị một phong bì tiền nhưng rồi ông cũng không dám cầm. Rồi do ông không lấy tiền nên nhiều người phải trả ơn bằng cà phê, đường, sữa, mì tôm,... và mời đi nhậu. Riêng chuyện nhậu này, ông than: “Lần nào uống cũng chỉ có mấy chai mà mệt muốn chết, về tối cũng không đọc sách nghiên cứu gì được, bà xã cũng cần nhàn lắm”.

Mới đây, một người bạn thân của chúng tôi không biết cảm nhận điều gì bất thường mà cũng muốn rước thầy phong thủy về xem nhà cửa. Biết chuyện, chúng tôi mời ông ra quán cà phê và gọi anh bạn đến “mai mối” cho hai bên gặp mặt. Ông hỏi bạn chúng tôi: “Nhà anh xài nước giếng hay nước thủy cục?” – “Nước thủy cục” – bạn chúng tôi đáp. Ông hỏi luôn một lèo: “Nhà có lầu không? Có bồn chứa và sử dụng máy bơm không?”. Bạn chúng tôi cho biết là nhà có một lầu, trên lầu đặt một bồn chứa 500 lít, máy bơm đặt ở tầng trệt hút trực tiếp nước từ đường ống thủy cục đưa lên bồn để dùng chung cho cả lầu 1 và dưới trệt. Nghe vậy, ông nhăn mặt nói ngay: “Không được đâu”.

Thực ra cái “quy trình hút nước” kiểu như vậy gây ảnh hưởng đến áp lực nước chung của mạng thủy cục đồng thời dễ làm ô nhiễm nguồn nước nên Công ty cấp nước đã kiến nghị và Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh cũng đã theo đó ban hành một quyết định nghiêm cấm từ mấy năm nay. Tuy nhiên, cách giải thích của ông

đã làm cho bạn chúng tôi thấy sợ và mấy ngày sau phải lo gọi thợ đến cải tạo lại đường ống nước. Ông nói: “Ồ thành thị, mạch khí của ngôi nhà là mạch nước. Do vậy phải đặt một cái bồn lớn âm xuống để chứa nước, sau đó bơm nước từ bồn lớn lên bồn nhỏ hơn ở trên cao và cho chảy xuống sử dụng trong nhà. Bồn lớn chính là hấu bao còn bồn nhỏ là chi tiêu. Nếu nhà mà không có hấu bao, tiền của vào cũng như gió vào nhà trống, không thể giữ được. Nếu hấu bao nhỏ hơn chi tiêu thì cũng nguy vì làm không đủ xài...”.

- **Võ Khôi**

(*Báo Thanh Niên*, số 193 (4219) 12 - 7 - 2007)

Kỳ cuối: TÁI LẬP NƯỚC HOA THANH HƯƠNG

• “Cái tay nghề nó vẫn nằm ở trong đầu”

Thực ra, trong hoàn cảnh bây giờ mà ngôi gọi lại chuyện làm nước hoa, chúng tôi cũng rất sợ ông bị ám ảnh bởi quá khứ và sẽ nói “xin các anh đừng nhắc lại chuyện cũ”. Nhưng riêng chuyện này thì chúng tôi đã dự đoán sai. Ông trở nên rất sôi nổi và thậm chí không giấu giếm những chuyện đời mình.

Ông kể: “Tôi thi Đại học Kinh tế nhưng không đủ điểm nên chuyển xuống Cao đẳng Sư Phạm. Thời đó, những năm 1976 – 1977 rất khó khăn nên tôi không học ngành Sư Phạm mà bỏ ra đi làm kiếm sống. Rồi có một lần, khi ngồi buồn uống ly rượu ở lễ đường tôi đã gặp một người, mà sau này tôi gọi là thầy và rất kính trọng. Ông ấy không biết bắt đầu chuyện gì đó mà cứ nhậu hoài. Nhậu quen rồi ông ấy nói ra cái nghề liên quan tới mỹ phẩm và chỉ cho tôi cách làm. Tôi làm liền vì thấy những điều ông ấy chỉ dạy quá hay. Thì tổ hợp mà, kéo người nhà và các thầy

cô giáo cùng một số sinh viên mà tôi dạy võ thuật (chủ yếu là bên kiến trúc với bên nha – dược) tham gia.

Rồi việc mở rộng bang giao với nước ngoài bắt đầu, tôi có điều kiện tiếp cận với một số giáo sư bên Pháp và các nước xã hội chủ nghĩa trong ngành mỹ phẩm lúc đó để học bài bản hơn. Nói chung là khi đã có được cái mũi để ngửi được mùi hương thì tôi mới bắt đầu mở rộng ra làm. Thành ra cái tay nghề cho đến giờ này nó vẫn nằm ở trong đầu. Tôi đam mê, đam mê lắm...”.

Nếu chỉ đơn thuần là chuyện kinh doanh và phát triển thương hiệu thì từ những năm ấy, ở tuổi chưa đến “tam thập” nhưng Nguyễn Văn Mười Hai đã lập được nhiều thứ mà ngày nay đã trở thành phổ biến không chỉ ở thành phố Hồ Chí Minh mà còn nhiều địa phương khác. Ông mua “giờ vàng” và “nhạc hóa” sản phẩm nước hoa của mình để cho ca sĩ chuyên nghiệp rót vào tai người tiêu dùng mỗi khi họ ngồi trước màn ảnh tivi, khiến cho đến tận bây giờ nhiều người vẫn còn nhớ. Chẳng hạn như bài hát: *“Này anh ơi sao mà anh không biết. Nước hoa em dùng Cơ sở Thanh Hương. Mùi hương thơm ơi mà sao thơm thế. Ôi Tiffani dành cho mọi người”*...

Ông cũng xây dựng mạng lưới giao dịch gần 900 điểm trên khắp toàn quốc và thu nạp những võ sĩ, võ sư giỏi nghề về đào tạo thành lực lượng vệ sĩ chuyên nghiệp bảo vệ tiền, vàng và... bảo vệ ông. Nhiều người còn nhớ tại “tổng hành dinh” của Thanh Hương ở đường Phạm Ngũ Lão, mỗi khi đến gửi tiền hay rút lãi đều thấy từng nhóm vệ sĩ hiện diện ở mọi lúc mọi nơi. Còn ở ngoài đường, những năm đó thành phố Hồ Chí Minh không có nhiều xe hơi biển số trắng nhưng mỗi khi chiếc Mercedes bóng lộn

của ông lẫn đến đâu mọi người đều thấy các vệ sĩ phóng Kawasaki 125cc lượn qua lượn lại dẫn đường và “khóa đuôi”. Đến đầu năm 1990, khi Thanh Hương lâm vào cảnh khó khăn, ông còn thiết lập cả một “phòng pháp lý” với 5 luật sư trực tiếp tham mưu giải quyết sự vụ tại cơ sở và tư vấn chiến lược từ xa...

“Lúc đó không cạnh tranh lại hàng nhập lậu của Thái Lan và Trung Quốc, vì họ vừa có bao bì đẹp vừa không phải đóng thuế, nên tôi đã quyết định ngưng làm các mặt hàng bán

không chạy để đẩy mạnh các mặt hàng tiêu dùng thiết thực như kem giặt, xà phòng bánh và dầu gội đầu. Tôi cũng dự kiến mở rộng thị trường sang Lào, Campuchia, Liên Xô và xác định nếu đến cuối năm 1990 vẫn bị lỗ tôi sẽ thông báo chính thức về tình hình phá sản của Thanh Hương. Rồi bao nhiêu tiền bạc tài sản còn lại tôi sẽ mang ra trả hết cho dân và tự kết liễu đời mình” – ông nhớ lại. Nhưng sự sụp đổ của Thanh Hương diễn ra nhanh hơn dự tính. Tháng 3/1990, cơ quan chức năng phát hiện Thanh Hương lỗ 37 tỷ đồng, vụ án đã nổ ra.

• **“Tôi có làm lại được không?”**

Không phải là chuyện nói suông mà ngay từ những ngày đầu mới ra tù, Nguyễn Văn Mười Hai đã tìm lại sản phẩm của mình còn lưu giữ ở một số gia đình bà con để “ôn lại cái mũi”. Ông cũng đã dành khá nhiều thời gian để la cà vào các trung tâm mỹ phẩm lớn của thành phố và “nhận diện thị trường” như một thương gia đang làm ăn thiệt. Ông cũng đã phân tích vanh vách cho chúng tôi nghe phương thức bán hàng đa cấp của một số doanh nghiệp trong lĩnh vực này tại thành phố Hồ Chí Minh và cũng có

hiều nhận xét quan trọng về thị trường mỹ phẩm hiện nay. Nhưng ông bảo: “Mình chưa làm gì thì cũng không nên nói ra những nhận xét này”.

Hôm gặp vợ chồng ông đến thăm luật sư Trùng ở trụ sở Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi để ý thấy ông rất quan tâm đến các vấn đề thủ tục pháp lý về thành lập doanh nghiệp mà luật sư Trùng phân tích. Nhất là khi luật sư Trùng bảo ông cứ lấy lại tên Thanh Hương “vì thương hiệu đó rất hay”.

Luật sư Trùng nói ngày nay luật pháp đã rất rõ ràng, việc gây dựng lại thương hiệu nước hoa Thanh Hương không phải là việc ngoài tầm tay vì cả hai vợ chồng Nguyễn Văn Mười Hai vẫn còn trẻ, còn đam mê mỹ phẩm và nhất là đồng vợ đồng chồng để khắc phục khó khăn trong cuộc sống. “Chỉ cần tụi bây quyết tâm, nỗ lực là có thể thành công” – Luật sư Trùng động viên và phân tích thêm rằng “cái chết năm xưa” của Thanh Hương có phần là do hoàn cảnh khách quan của xã hội lúc đó. “Cho đến cuối năm 1988, cả đến tháng 2/1989 đồng bạc Việt Nam vẫn còn mất giá. Chỉ đến tháng 3/1989 thì một sự kiện đột biến đã xảy ra. Nhà nước đã đưa ra lãi suất rất cao: 12%, sau 10% và xuống 9%, và thực hiện một số biện pháp chống lạm phát có hiệu quả. Đồng bạc Việt Nam trở nên có giá đến nỗi nhân dân lúc đó không còn giữ vàng nữa mà đem bán vàng ra để lấy tiền gửi vào hợp tác xã tín dụng và các đơn vị huy động vốn. Thế giới coi đó là một thành công kỳ diệu của Việt Nam nhưng xét về một mặt khác thì lại là một tai họa đối với các đơn vị quốc doanh lẫn tư doanh, đặc biệt là các đơn vị có huy động vốn. Chính lúc đó Thanh Hương bắt đầu lâm nguy...” – luật sư Trùng nói.

Chúng tôi hiểu rằng những lập luận ấy ngày nay không còn ý nghĩa gì đối với “vụ án Thanh Hương” mà các cơ quan tiến hành tố tụng đã giải quyết xong từ 17 năm trước, nhưng rất quan trọng đối với một người đang làm lại cuộc đời như Nguyễn Văn Mười Hai. Tuy nhiên trên đường về ông đã thổ lộ với chúng tôi: “Nói thật với anh, không thể tìm đâu ra vốn liếng để làm được”. Chúng tôi chỉ biết an ủi ông là so với không ít trường hợp khác thì đời ông như vậy vẫn còn nhiều may mắn. Qua gần hai mươi năm ở tù, ông vẫn còn một gia đình hạnh phúc...

Và trong cuộc gặp mới chiều hôm qua, chúng tôi cũng kể cho ông nghe rằng sau khi bài báo đầu tiên viết về ông được đăng trên Thanh Niên, một số người từng là bạn buôn bán quần áo với ông ở khu vực chợ Tân Định đã gọi điện đến tòa soạn xin địa chỉ mới của ông để đến thăm. Nghe xong ông ngậm ngùi hỏi chúng tôi: “Liệu tôi có thể làm lại được không?”.

- Võ Khố

(*Báo Thanh Niên*, số 194 (4220) 13 - 7 - 2007)

Không chỉ tái hòa nhập lại với cộng đồng sau 17 năm ở tù, đại gia Nguyễn Văn Mười Hai ngày nào đã không ngừng học hỏi để tái khởi nghiệp trong vận hội mới. Ở tuổi xấp xỉ 30, ông bắt đầu tham gia các khóa học CEO và hiện đang làm CEO cho một số công ty lớn mà ông không muốn công khai trên báo chí.

- Dương Ngọc Hân

Vụ án thứ ba

ĐẠI ÁN CIMEXCOL

A. Bối cảnh vụ án

Vụ án kinh tế Cimexcol bị truy tố năm 1987 với 21 bị cáo là vụ án “đặc biệt nghiêm trọng” nên Tòa Án Tối Cao trực tiếp xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm. Cimexcol lúc này là một đơn vị kinh doanh do tư nhân góp vốn, không được ngân sách Nhà nước cấp vốn.

Các bị cáo lại bị truy tố 6 tội danh: Tham ô tài sản Xã Hội Chủ Nghĩa; Cố ý làm trái những nguyên tắc, chính sách, chế độ quản lý kinh tế của nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng; Đưa hối lộ; Nhận hối lộ; Buôn bán hàng cấm; Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

21 bị cáo gồm: Ban giám đốc và một số nhân viên Công ty Cimexcol, trong đó Dương Văn Ba – Phó Giám đốc Cimexcol được nhận định là người chủ mưu; chủ tịch UBND tỉnh Minh Hải – Lê Văn Bình (Năm Hạnh); một

cán bộ hải quan của khẩu Cầu Treo (Nghệ Tĩnh) bị truy tố về tội nhận hối lộ.

Vụ án được xét xử từ ngày 14 đến 22/4/1989.

Tòa tuyên án Dương Văn Ba án chung thân. Có 3 bị cáo được tuyên bố trắng án sau 2 năm giam giữ. Các bị cáo khác tùy theo mức chịu trách nhiệm mà chịu án tù từ 1 - 10 năm.

B. Dương Văn Ba là ai?

Dương Văn Ba sinh năm 1942 tại Bạc Liêu, từng là giáo viên triết học, nhà báo, Thứ trưởng Bộ Thông Tin trong chính quyền 2 ngày của Tổng thống Dương Văn Minh.

Sau 1975, ông làm việc cho tờ báo Tin Sáng. Từ năm 1984 - 1987, ông làm phó giám đốc Công ty Cimexcol Minh Hải. Dương Văn Ba được Hội Đồng Xét Xử đánh giá là người cầm đầu và chủ mưu trong vụ án kinh tế Cimexcol.

C. Bài bào chữa của luật sư Nguyễn Đăng Trùng

Bài bào chữa cho bị cáo Dương Văn Ba tại phiên tòa Sơ thẩm, Chung thẩm, xét xử vụ án CIMEXCOL

Từ ngày 14 đến ngày 22 tháng 4 năm 1989

Kính thưa Quý Tòa,

Đối với bị cáo Dương Văn Ba, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét mấy vấn đề cụ thể sau đây:

Về hành vi tham ô

Cáo trạng đã nêu 9 trường hợp cụ thể để buộc bị cáo Dương Văn Ba về tội tham ô. Nhưng theo tôi chỉ có 2 trong

9 trường hợp trên là có thể xác định về tội tham ô đối với bị cáo, còn 7 trường hợp sau chưa đủ cơ sở để xác định bị cáo đã phạm tội tham ô. Ngay cả 2 trường hợp có thể buộc bị cáo về tội tham ô cũng cần xem xét về mức độ và hoàn cảnh thực tế của bị cáo lúc đó.

Về 2 trường hợp có thể xác định tội tham ô đối với bị cáo

Trường hợp thanh toán 2 xe 69A2878 và 69A3683 trong hợp đồng khai thác vận chuyển, Dương Văn Ba cũng thừa nhận việc dựa vào bản “Dự thảo kế hoạch giá thành xuất khẩu tại Latsao (Lào) 1987”.

Nhưng nếu căn cứ vào giá được quy định trong Thông Tư 28 ngày 28/11/1986 của Ủy ban Vật giá Nhà nước và Quyết định 507 ngày 22/7/1986 của Bộ Tài Chính thì quá thấp so với giá thực tế, rất thiệt cho bị cáo. Thông thường giá do Nhà nước quy định bao giờ cũng thấp hơn giá thực tế ít nhất là một nửa. Cho nên tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa này bị cáo đã đề nghị được thanh toán theo giá thực tế mới phù hợp. Cụ thể trong trường hợp này cáo trạng cho rằng Dương Văn Ba đã chiếm hưởng trên 22 triệu đồng tương đương hơn 45,3 lượng vàng vào thời điểm đó, nhưng nếu thanh toán theo giá thực tế thì chỉ còn khoảng trên 11 triệu đồng tương đương trên 23 lượng vàng mà thôi.

Còn trường hợp thanh toán trên 5.500m³ gỗ được chuyển ra bãi 2, Dương Văn Ba đã bán với giá cao hơn giá do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Minh Hải¹ quy định là 575

¹ Tỉnh Minh Hải là tỉnh được đổi tên từ tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu năm 1976, đến năm 1996 thì được tách ra làm 2 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu như ngày nay.

đồng/m³. Điều này giúp cho Đội xe Dương Văn Ba được hưởng thêm trên 3 triệu đồng, tương đương 15 cây vàng. Đây là thông tin đã nêu trong bản cáo trạng.

Như thế tổng cộng cả 2 trường hợp Dương Văn Ba đã chiếm đoạt của Nhà nước khoảng 38 lượng vàng. Thực ra cả 2 trường hợp trên bị cáo chỉ thiếu tinh thần trách nhiệm gây thất thoát tài sản Nhà nước. Nhưng khổ một nỗi là ở vào thời điểm này Dương Văn Ba cùng một lúc có 2 tư cách khác nhau vừa là phó giám đốc Xí nghiệp Khai thác vận chuyển vừa là chủ tư nhân Đội xe hợp tác kéo gỗ ăn công nên số tiền thất

thoát trên không lọt vào tay người khác mà lọt vào Đội xe của Dương Văn Ba nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về tội tham ô. Nhưng việc tồn tại cùng một lúc 2 tư cách khác nhau đó lại được chính quyền địa phương và các ban ngành liên quan thừa nhận trong thực tế.

Về 7 trường hợp chưa đủ cơ sở để xác minh bị cáo phạm tội tham ô

1. Việc thanh toán khối lượng gỗ chặt hạ và khối lượng gỗ vận xuất

Cáo trạng cho rằng Dương Văn Ba đã thanh toán dôi ra một số gỗ chặt hạ và vận xuất để chiếm đoạt trên 900.000 đồng. Nhưng con số 10.940m³ gỗ là số gỗ chặt hạ và vận xuất được nghiệm thu cuối cùng có xác nhận của Ban nghiệm thu và nhân viên kiểm lâm Lào. Đây là con số chính thức mà Công ty Gỗ phải thanh toán với Đội xe. Ở đây nếu có thiệt hại là thiệt hại cho thợ rừng và lái xe. Nhưng thợ rừng và lái xe cũng không bị thiệt. Vì trong quá trình chặt hạ và vận xuất Dương Văn Ba đã tăng tiền công cho họ. Tiền công thanh toán cho họ không phải 300

đồng/m³ gỗ chặt hạ và 1.000 đồng/m³ gỗ vận xuất như Đội xe thanh toán với Công ty Gỗ mà đã thanh toán cho họ theo giá cao hơn.

2. Về 12 chiếc xe vận xuất tiếp súc gỗ từ Nakai về Latsao được trên 1.000m³

Trong 12 xe ấy có 6 xe của Đội xe Dương Văn Ba, 6 xe kia lấy tiền tạm ứng của Xí nghiệp Khai thác vận chuyển đóng mới.

Cáo trạng cho rằng những chiếc xe đóng mới này là của Xí nghiệp Khai thác vận chuyển chỉ được tính tiền thuê người lái xe, chi phí dầu nhớt trên 300.000 đồng chứ không được trả tiền công vận xuất gồm 1 triệu đồng. Dương Văn Ba đã thanh toán toàn bộ tiền công vận xuất cho 6 xe này. Cáo trạng cho rằng Dương Văn Ba đã chiếm đoạt số tiền trên.

Nhưng thực tế 6 xe này đã là xe của Xí nghiệp Khai thác vận chuyển chưa? Theo tôi là chưa. Dù rằng Dương Văn Ba đã dùng tiền tạm ứng của Xí nghiệp Khai thác vận chuyển để đóng mới những xe này. Nhưng những xe này chưa được nghiệm thu và bàn giao cho xí nghiệp. Nên về nguyên tắc 6 xe ấy vẫn còn thuộc Đội xe, chưa phải là xe của xí nghiệp.

Vì vậy phải thanh toán toàn bộ tiền công vận xuất cho 6 xe đó là phù hợp. Do đó Dương Văn Ba không phạm tội tham ô.

3. Về 3 khoản tiền tổng cộng trên 2 triệu đồng gồm tiền tạm ứng cho sở Lâm Nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, tiền Đại lý Tàu Biển nợ và tiền gỗ của Huyện Thới Bình

Thực tế các đơn vị trên có nhận số tiền tạm ứng và có nợ của Đội xe khoản tiền trên 2 triệu đồng chứ Dương

Văn Ba không được hưởng. Trong trường hợp này thì đây là trường hợp thiếu tinh thần trách nhiệm làm thất thoát tài sản của Nhà nước chứ không phải tham ô.

4. Về việc chuyển số nợ trên 9 triệu rưỡi đồng của Đội xe cho Công ty Gỗ

Dương Văn Ba đã tạm ứng cho các chủ xe và công nhân số tiền hơn 9 triệu trên vào các năm 1984, 1985. Sau này Đội xe giải tán nhưng các chủ xe và số công nhân này vẫn tiếp tục làm ăn với Công ty Gỗ. Vì thế Dương Văn Ba mới chuyển số liệu khoản tiền đã thanh toán trên qua cho Công ty Gỗ quản lý.

Dương Văn Ba hoàn toàn không chiếm hưởng số tiền này. Nên không thể buộc bị cáo về tội tham ô được.

5. Về 100 tấn dầu mà cáo trạng cho rằng Dương Văn Ba thanh toán giá thấp, chiếm hưởng của Nhà nước trên 3.5 triệu đồng

Giá dầu 5 đồng/lít là giá bao cấp do Ty Thương nghiệp² tỉnh Minh Hải quy định từ thời kỳ Công ty Gỗ để sản xuất gỗ nội địa. Số dầu này đã được đưa lên Gia Lai - Kon Tum để sản xuất gỗ nội địa chứ không phải đưa sang Lào làm gỗ xuất khẩu. Do đó nhất thiết phải cho phép Dương Văn Ba tính theo giá 5 đồng/lít dù rằng là giá bao cấp.

Nếu muốn tăng giá dầu lên thì phải tăng đơn giá vận chuyển gỗ từ Gia Lai - Kon Tum về thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Minh Hải. Còn buộc phải tăng giá dầu lên mà lại không cho tăng đơn giá vận chuyển gỗ lên là không có sự công bằng. Rõ ràng ở đây Dương Văn Ba không tham ô 3,5 triệu đồng trên.

² Nay là Sở Công thương.

6. Về 7 chiếc xe trong dịch vụ kiều hối với Việt kiều Đỗ Ngọc Mai

Cáo trạng cho rằng Dương Văn Ba đã chiếm đoạt 7 xe này. Nhưng như bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa này: Đối với 7 chiếc xe này thực sự có xảy ra việc mua bán.

- 1 chiếc do Ngô Công Đức mua, 2 chiếc Dương Văn Ba mua cho các con để đi học, 3 chiếc xe này sẽ trừ vào ngoại tệ kiều hối bà Mai dưới hình thức trả bằng hàng cho bà Mai.

- Còn 3 chiếc bán cho các em rể của Dương Văn Ba là Trương Hoàng Võ, Bùi Văn Tấn, Lê Văn Đức sẽ được trừ vào ngoại tệ của bà Mai dưới hình thức thu tiền Việt Nam của 3 người này trả cho bà Mai.

- Riêng 1 chiếc xe bán cho Nguyễn Hoàng, một đồng chí cách mạng lão thành ở tỉnh Minh Hải, Dương Văn Ba dự định sẽ thu tiền đồng Việt Nam của ông Hoàng mua đồ la kiều hối để trả cho Cimexcol Minh Hải.

Như thế ở đây là một sự mua bán, người mua đã nhận xe nhưng chưa thanh toán tiền. Do đó những người đã nhận xe trong đó có Dương Văn Ba có trách nhiệm phải nộp tiền lại cho Cimexcol Minh Hải.

Tất nhiên việc mua bán 7 chiếc xe này đã có sự nhập nhằng trong việc sử dụng kiều hối của bà Mai là chưa được sự đồng ý chính thức bằng giấy tờ của bà ấy.

Nhưng nếu buộc bị cáo về tội tham ô 7 chiếc xe này theo tôi là chưa có đủ cơ sở.

7. Việc Dương Văn Ba bán 7 xe chuyên dùng đã nhắc ở mục 6 cho Cimexcol Minh Hải trị giá 106 lượng vàng, bị cáo có phạm tội tham ô không? Theo tôi thì không, vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, việc Dương Văn Ba làm cam kết giao xe cho Nhà nước sau 18 tháng là với ý thức rằng đây chỉ là một hình thức thủ tục để những xe này được đăng ký biển số xanh và dễ dàng hoạt động chứ hoàn toàn không phải là sự chuyển nhượng quyền sở hữu từ các chủ tư nhân sang cho Nhà nước.

Chính vì không có sự chuyển nhượng quyền sở hữu cho Nhà nước trong thực tế nên bị cáo đã không thông báo cho các chủ xe tư nhân biết việc cam kết này.

Thứ hai, trong 7 xe trên thì 2 chiếc xe đầu Dương Văn Ba đã lấy tiền lời kéo gỗ ăn công với Công ty Vật liệu xây dựng - Chất đốt tỉnh Minh Hải trong những năm 1978, 1979. 5 chiếc xe sau bị cáo đã lấy tiền tạm ứng của Công ty Gỗ thực chất đây là tiền trả công Dương Văn Ba kéo gỗ bao gồm chi phí vận chuyển gỗ và tiền lời bị cáo đã mua 5 xe này bằng phần tiền lời trên.

Mặc dầu hình thức mua chỉ là sang tay thôi nhưng thực tế Dương Văn Ba đã bỏ tiền cá nhân của mình ra mua 7 chiếc xe. Tuy sau đó, Dương Văn Ba đã xin cấp biển số xanh cho cả 7 xe để dễ hoạt động dưới danh nghĩa là tài sản công ty. Nhưng thực chất đây vẫn là tài sản cá nhân của Dương Văn Ba.

Thứ ba, liên tục từ năm 1981 đến 1984, Dương Văn Ba làm đơn xin chính quyền địa phương quyết định về số phận những xe trên nhưng không được giải quyết. Cho đến trước khi Dương Văn Ba bán 7 xe ấy cho Cimexcol Minh Hải vẫn chưa có một văn bản nào của cấp có thẩm quyền quyết định trưng mua hoặc đưa 7 xe đó vào công ty hợp doanh.

Do đó về mặt pháp lý 7 chiếc xe trên không phải là tài sản của Nhà nước. Trong khi đó về thực chất những xe

này là tài sản của Dương Văn Ba vì bị cáo đã thực sự mua lại những xe này của các chủ tư nhân trên.

Dù rằng khi bán 7 xe này cho Cimexcol Minh Hải, Dương Văn Ba đã nhờ một số người đứng tên, ký giả mạo tên của người này, người khác. Nhưng thực tế Dương Văn Ba đã bán 7 xe là tài sản của mình cho Nhà nước. Nên bị cáo không phạm tội tham ô.

Tôi cũng xin phép Quý Tòa được trình bày thêm về tình trạng những chiếc xe mà Dương Văn Ba đưa về hợp tác kéo gỗ với Công ty Vật liệu xây dựng - Chất đốt tỉnh Minh Hải, trước đó những xe này là những xe phế thải, trôi nổi và nằm ỳ.

Việc hợp tác kéo gỗ ăn công giữa đội xe Dương Văn Ba và Công ty Vật liệu xây dựng - Chất đốt tỉnh Minh Hải là một mô hình sáng tạo và có hiệu quả. Đó là hình thức khoán gọn sản phẩm. Nhà nước bỏ ra một số vốn nhất định cho mỗi đầu m³ gỗ để thuê Đội xe Dương Văn Ba thực hiện. Mọi chi phí Đội xe Dương Văn Ba phải chịu. Kết quả giá thành bao giờ cũng rẻ hơn các nơi khác từ 10 đến 15%.

Tuy cách làm ăn này đã thực hiện từ những năm 1979, 1980 nhưng hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết 16 của Bộ Chính Trị về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoại quốc doanh vừa ra đời gần đây.

Còn nếu chúng ta thực hiện cải tạo theo kiểu đã làm trong thời kỳ 1978^[3] thì các chủ xe đã làm thụt những bộ phận rồi để đem bán chợ trời chứ không bao giờ chịu đưa về tỉnh Minh Hải hợp tác kéo gỗ ăn công với Nhà nước.

³ Vào thời điểm 1978 tuy nói là cải tạo nhưng thực tế là tịch thu tài sản của các chủ tư nhân.

Tóm lại Dương Văn Ba không tham ô tài sản của Nhà nước trị giá 117,16 lượng vàng như bản cáo trạng đã nêu mà chỉ tham ô khoảng 38 lượng vàng mà thôi.

Nếu so sánh số tiền Cimexcol Minh Hải nộp cho Ngân sách tỉnh trong 3 năm từ 1985 đến 1987 là 140 triệu đồng tương đương 1.653 lượng vàng thì 38 lượng vàng mà Dương Văn Ba tham ô không bằng con số lẻ.

Tất nhiên không phải vì thế mà Dương Văn Ba không phạm tội, tôi xác định bị cáo có phạm tội. Nhưng ở đây cũng cần đánh giá công, tội một cách phân minh mới công bằng.

Về hành vi cố ý làm trái quy định gây thất thoát

... Việc chi xài trong quan hệ giao dịch Dương Văn Ba cũng thừa nhận là quá lãng phí, chẳng hạn tiếp khách trong nước và nước ngoài đều dùng rượu ngoại, thuốc lá ngoại, lại ăn uống đãi đằng tốn kém.

Nhưng trong quan hệ giao dịch, nhất là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại mà chúng ta hà tiện, keo quá thì cũng khó khăn lắm, không làm ăn được.

Nếu chấp hành đúng quy định của Nhà nước hiện hành thì các đơn vị kinh tế chỉ đủ tiền mua thuốc lá Đà Lạt và trà đá để tiếp khách nước ngoài mà thôi.

Cho nên tôi mong rằng Quý Tòa cũng thông cảm về tình hình thực tế đối với bị cáo.

Riêng về việc sử dụng quota Lào, tuy bị cáo có thừa nhận là đã làm trái với nội dung văn bản cho phép của Thứ Trưởng Bộ Ngoại Thương. Nhưng thực tế nhu bị cáo đã khai là Thứ Trưởng Bộ Ngoại Thương Nguyễn Tu cũng biết Cimexcol đội nón Lào để xuất hàng Việt Nam và nhập hàng về cho tỉnh Minh Hải, nghĩa là tỉnh Minh Hải đã thực hiện trò chơi hát xiếc.

Dương Văn Ba cũng thừa nhận đã không kết hối cho Trung Ương mà nộp cho Sở Ngoại Thương tỉnh Minh Hải. Nhưng xét cho cùng thì khoản ngoại tệ không mất đi đâu. Nhà nước Trung ương không hưởng thì Nhà nước địa phương hưởng. Cũng giống như tiền của một người không để túi trên thì để ở túi dưới.

Còn về bán xe nhập về tuy có tùy tiện bán nhiều giá, đối với người nghèo thì bán giá thấp, người giàu thì bán giá cao, người thân quen thì bán giá ưu tiên. Nhưng tất cả số xe đó đều bán cho cán bộ, công nhân viên ở thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Minh Hải chứ không đưa ra bán ngoài chợ trời. Tuy giá bán có thấp nhưng thực tế có lời.

Những việc sử dụng quota Lào không chỉ có hại mà thực tế cũng có những cái lợi cụ thể. Như cà phê vào thời điểm đó rất có giá trên thị trường quốc tế từ 1.600 USD/tấn lên tới 2.100 USD, 2.300 USD, 2.500 USD/tấn nghĩa là xuất cà phê lúc đó có lời. Còn hàng nhập khẩu về đã lời được trên 1,5 triệu USD. Hàng nhập về không chỉ có xe, hàng tiêu dùng mà còn có vật tư phục vụ sản xuất như phân bón, ciment (xi măng), sắt...

Sở dĩ Dương Văn Ba thực hiện việc sử dụng quota Lào là vì Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Minh Hải đã bật đèn xanh cho phép làm và việc sử dụng quota Lào có lợi lớn và nhanh trong khi đó Cimexcol đang thiếu nợ và cần một số tiền để đầu tư một số công trình trong kế hoạch hợp tác với Lào.

Cáo trạng cũng coi việc Cimexcol còn nợ nước ngoài trên 5 triệu USD là một hậu quả nghiêm trọng do hành vi cố ý làm trái nguyên tắc, cụ thể là việc sử dụng quota Lào gây ra. Nhưng muốn đánh giá việc nợ nước ngoài có phải

là hậu quả nghiêm trọng hay không cần phải so sánh giữa “có” và “nợ”, nghĩa là phải xem xét công ty có phải đang làm ăn thua lỗ không và khả năng trả nợ như thế nào.

Đối chiếu giữa “có” và “nợ” cho thấy về tài sản cố định của Cimexcol cho đến ngày 30 tháng 8 năm 1988 trị giá 4,6 triệu USD, Lào còn nợ tỉnh Minh Hải 1,5 triệu USD; chỉ cần cộng 2 khoản này đã lên đến 6,1 triệu USD. So với nợ nước ngoài 5 triệu USD thì Cimexcol đòi ra khoảng trên 1 triệu USD.

Cho đến ngày 15 tháng 10 năm 1987 trước ngày Dương Văn Ba bị bắt 2 tháng thì tài khoản của Cimexcol tại Ngân hàng Ngoại Thương còn 64.000 USD. Điều đó chứng tỏ Cimexcol hoàn toàn không phải là đơn vị kinh tế đang làm ăn thua lỗ. Còn về khả năng trả nợ thì như nhân chứng Nguyễn Nhựt Hồng, giám đốc Ngân hàng Ngoại Thương chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã xác nhận tại phiên tòa là trong các năm 1987, 1988 mỗi năm trung bình Ngân hàng Ngoại Thương bảo lãnh cho Cimexcol vay nợ nước ngoài khoảng 4 triệu USD, Cimexcol đã trả nợ gần hết, tháng nào cũng trả nợ được, chỉ trong thời gian Cimexcol bị thanh tra, không còn hoạt động bình thường mới không trả nợ được.

Đặc biệt trong việc sử dụng quota Lào, kể cả việc nhập hàng về để bán, Dương Văn Ba cũng không tư túi một đồng nào.

Về hành vi đưa hối lộ

Tất nhiên số tiền bạc, tài sản, quà biếu mà bị cáo mang tặng có giá trị lớn. Nhưng bị cáo Dương Văn Ba làm việc này không phải với mục đích làm hu hỏng cán bộ mà xuất phát từ động cơ là mong muốn hoạt động của

Cimexcol mà bị cáo là Phó giám đốc kinh doanh hoạt động trôi chảy.

Tôi nghĩ đây là một hình thức “bôi trơn” nhưng cũng phải nói rằng bị cáo đã bôi trơn hơi nhiều và do trơn quá nên một số cán bộ đã té ngã, cả bị cáo cũng té ngã luôn và phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Qua sự phân tích trên đây, tôi thấy rằng tuy bị cáo Dương Văn Ba phạm tội nhưng có mức độ chứ không phải đặc biệt nghiêm trọng như bản cáo trạng đã xác định.

Do đó mà đến đây có một câu hỏi cần được đặt ra: có phải Dương Văn Ba đã dùng những thủ đoạn gian dối mua chuộc các vị lãnh đạo tỉnh Minh Hải, làm cho các vị này đánh giá sai lầm con người Dương Văn Ba, đã tín nhiệm Dương Văn Ba, gây thiệt hại nghiêm trọng cho địa phương.

Theo tôi không phải như thế. Để làm sáng tỏ vấn đề này chúng ta cần nhớ lại tình hình tỉnh Minh Hải trong những năm 1978, 1979 chính quyền địa phương thiếu gỗ để trả nợ lương thực của nhân dân rất lớn. Nghĩa là mua lúa của nhân dân không phải trả bằng tiền mặt mà phải trả gỗ cho nhân dân nhưng chưa có gỗ để trả.

Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Minh Hải đã giao cho Sở Thương Nghiệp lấy gỗ về trả nợ lương thực cho bà con nhân dân trong tỉnh. Sở Thương nghiệp giao cho Công ty Vật liệu xây dựng - Chất đốt thực hiện và công ty giao cho Dương Văn Ba làm việc này. Chính Đội xe hợp tác kéo gỗ ăn công của Dương Văn Ba là mũi nhọn để thực hiện kế hoạch lấy gỗ trả nợ lương thực của tỉnh Minh Hải.

Trong khi đó cho đến năm 1983 toàn tỉnh Minh Hải chỉ có 100km đường nhựa. Việc đi lại trong tỉnh chủ yếu bằng đường thủy và phương tiện phổ biến là ghe xuồng.

Tỉnh Minh Hải lại là căn cứ Cách mạng trong 2 thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ nên bị tàn phá rất nặng nề nhất là về nhà ở.

Tôi nhắc lại tất cả những thực tế trên đây để mong rằng Quý Tòa có thể hình dung được một phần nào nhu cầu về gỗ rất lớn trong nhân dân ở tỉnh Minh Hải.

Chính vì Dương Văn Ba đã thực hiện có hiệu quả kế hoạch lấy gỗ trả nợ lương thực, cụ thể khi còn là chủ tư nhân Đội xe hợp tác kéo gỗ ăn công với Công ty Vật liệu xây dựng - Chất đốt tỉnh Minh Hải mỗi năm Dương Văn Ba đã đưa về cho tỉnh Minh Hải trên 10.000m³ gỗ và riêng trong 2 năm 1985, 1986 Cimexcol đã đưa về cho tỉnh Minh Hải gần 40.000m³ gỗ. Chính vì thế mà lãnh đạo tỉnh Minh Hải đã tin dùng bị cáo và đã liên tục giao cho bị cáo Dương Văn Ba các chức vụ quan trọng: Phó Giám đốc Công ty Gỗ, Phó Giám đốc Xí nghiệp Liên hiệp Gỗ, Phó Giám đốc Xí nghiệp Khai thác vận chuyển, Phó Giám đốc Cimexcol liên doanh, Phó Giám đốc Cimexcol Minh Hải.

Dương Văn Ba trước đây và những năm đầu sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đã sống và hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng bị cáo đã sinh ra ở thị xã Bạc Liêu, tỉnh Minh Hải, mẹ bị cáo cũng còn sống ở đây. Cho nên về mặt tình cảm bị cáo cũng muốn đem công sức đóng góp xây dựng nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Chính vì thấy được tấm lòng nhiệt huyết của Dương Văn Ba đối với quê hương Minh Hải thể hiện qua hoạt động thực tiễn có hiệu quả trong việc thực hiện kế hoạch lấy gỗ trả nợ lương thực như tôi đã trình bày trên đây mà lãnh đạo tỉnh Minh Hải đã tin dùng Dương Văn Ba.

Cho nên theo tôi Dương Văn Ba tuy đã phạm tội

nhưng cũng phải công bằng mà thừa nhận rằng trong những năm qua bị cáo đã thực sự có đóng góp, có công đối với tỉnh Minh Hải. Đó là sự thật không thể phủ nhận được, chính trong phần phát biểu kết luận về vụ án, vị đại diện Viện Kiểm Sát cũng đã thừa nhận sự thật đó.

Do đó tôi mong rằng Quý Tòa sẽ nghiên cứu và xem xét đầy đủ những vấn đề tôi đã trình bày ở trên đây và quyết định cho bị cáo Dương Văn Ba được hưởng một mức án thấp hơn nhiều so với mức án mà vị đại diện Viện Kiểm Sát đã đề nghị.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- Luật sư **Nguyễn Đăng Trường**

Oan sai bản án Cimexcol

Năm 1990, cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra tài chính chi tiết thì phát hiện Công ty Cimexcol không những làm ăn không lỗ mà còn có lời. Tuy nhiên, kết quả này đến năm 1994 mới được công bố. Các bị cáo trong vụ án Cimexcol đã được trả tự do, trong đó có Dương Văn Ba.

Ngày 4/3/2008, bà Ngô Thị Huệ, nguyên đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa IV, Phó Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long, Vụ trưởng Ban Tổ chức Trung Ương, hiện là Phó Chủ tịch Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo thành phố Hồ Chí Minh và là phu nhân cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, có viết thư gửi các cơ quan Trung Ương đề nghị xét xử lại vụ án Cimexcol để trả lại danh dự cho các bị cáo đã bị hàm oan. Nhiều nguồn dư luận ủng hộ và đồng tình với đề nghị này.

Tuy nhiên cho đến nay, vụ án Cimexcol vẫn là một bản án oan sai chưa được giải.

D. Hỏi - Đáp

Dương Ngọc Hàn: Sau khi vụ án Cimexcol được xét xử năm 1989, luật sư có dịp nào gặp lại ông Dương Văn Ba và có theo dõi các diễn biến tiếp theo của vụ án này? Nhiều thông tin cho biết đây là vụ án oan sai, luật sư có nhận định gì về điều này?

Luật sư Nguyễn Đăng Trùng: Tôi với anh Dương Văn Ba là bạn bè. Trước năm 1975, anh Dương Văn Ba hoạt động trong nhóm dân biểu đối lập dưới chế độ Sài Gòn. Lúc đó tôi là Chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn. Chúng tôi có hỗ trợ nhau trong hoạt động.

Khi bào chữa cho anh Dương Văn Ba, tôi không xác định anh Ba vô tội, nhưng tôi đánh giá anh Ba có công rất lớn với tỉnh Minh Hải. Chính vì vậy nên tôi đề nghị Hội Đồng Xét Xử xem xét và giảm nhẹ án phạt cho anh ấy. Nhưng đề nghị của tôi không được chấp nhận và anh ấy đã bị xử tù chung thân, đây là mức hình phạt cao nhất đối với anh ấy.

Sau này anh Ba ra tù sớm hơn mức án đã tuyên. Chúng tôi có gặp nhau nhiều lần và vụ án Cimexcol đã được nhắc lại trên một số tờ báo, trong đó có báo Pháp Luật thành phố Hồ Chí Minh.

Theo anh Dương Văn Ba thì các ông Nguyễn Xuân Thái - Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Minh Hải và ông Nguyễn Công Trình - nguyên kế toán trưởng của Công ty Cimexcol Liên doanh Minh Hải - Thành phố Hồ Chí Minh đã có công cung cấp các tài liệu chứng minh Công ty Cimexcol Minh Hải làm ăn có lãi.

Theo tôi, vụ án Cimexcol lẽ ra phải được xét xử lại theo trình tự Giám Đốc Thẩm mới công bằng đối với anh Dương Văn Ba.

Vụ án thứ tư

CHUYÊN ÁN Z5.01 VỤ ÁN NĂM CAM VÀ ĐỒNG BẠN

A. Thông tin vụ án

Chuyên án Z5.01 còn được biết đến rộng rãi với tên “vụ án Năm Cam và đồng bạn” được khởi tố từ tháng 2 năm 2003 và thi hành án vào tháng 6 năm 2004.

Năm Cam (Trương Văn Cam) – bị cáo chính trong vụ án này là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, được biết đến như là “ông trùm của các ông trùm” vào thời kỳ vụ án xảy ra. Ngoài ra vụ án còn khởi tố 156 bị cáo khác có mối quan hệ mật thiết với các hoạt động phạm pháp của Năm Cam. Trong số các bị cáo này không chỉ là tội phạm mà còn có 38 cán bộ, quan chức nhà nước tham gia nhận hối lộ và tiếp tay cho tập đoàn tội phạm Năm Cam.

Năm Cam và đồng bạn bị khởi tố bởi các hoạt động phi pháp gồm: Tổ chức đánh bạc; Đánh bạc; Hối lộ và nhận hối lộ; Giết người; Che giấu tội phạm...

Vụ án Năm Cam được phanh phui không chỉ là một chiến công lớn trong phòng chống tội phạm mà còn là vụ án mang ý nghĩa chống tham nhũng.

Khi vụ án “Năm Cam và đồng bọn” bị khởi tố, luật sư Nguyễn Văn Trùng được tòa án chỉ định bào chữa cho Năm Cam. Mặc dù gia đình Năm Cam không đồng ý quyết định này, nhưng bị cáo Năm Cam lại đồng ý, dẫn đến nhiều điểm phức tạp khi thụ lý vụ án.

B. Thân thế Năm Cam

Năm Cam tên thật là Trương Văn Cam, sinh năm 1947 tại Sài Gòn.

Năm Cam sinh trưởng trong một gia đình nghèo, cha mẹ mất sớm khi Năm Cam vừa đến tuổi thiếu niên. Ban đầu Năm Cam làm chân gác cửa cho sòng bạc của anh rể là Nguyễn Văn Sy (Bảy Sy). Trong thời gian này, Năm Cam chịu tội ngộ sát thay cho Bảy Sy và lĩnh án 3 năm tù giam (1962 – 1964). Đến khi mãn hạn tù năm 1965, Năm Cam quay lại con đường phạm tội cũ, bảo kê các sòng bạc. Trong khoảng thời gian 1965 đến 1970, Năm Cam ngày càng hung bạo hơn trong hoạt động bảo kê và đâm chém, có giai đoạn còn được gửi gắm vào Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong vị trí lính kiểng quân tiếp vận thuộc Đại đội 313, đóng quân tại đường Nguyễn Văn Thoại (nay là đường Lý Thường Kiệt, quận 11).

Tính đến trước năm 1975, Năm Cam chỉ hoạt động như tay chân của một số đại ca có tiếng thời bấy giờ, chưa xây dựng được cho mình thế lực riêng.

Sau năm 1975, Năm Cam bị đưa đi cải tạo ngắn

ngày. Sau khi học tập cải tạo, Năm Cam về làm nghề buôn bán đồng hồ cũ, radio cũ tại chợ trời Huỳnh Thúc Kháng, Quận 1. Sau đó, Năm Cam tìm đến Tám Phánh – một chủ sòng bạc lớn thời bấy giờ để đầu quân và quay lại con đường phạm pháp. Không chỉ ở vai trò tay chân như trước đây, Năm Cam đã hiến kế và can thiệp vào việc tổ chức các hoạt động phạm tội tinh vi hơn.

Từ đây, Năm Cam từng bước móc nối, xây dựng và bành trướng thế lực cũng như tầm ảnh hưởng của mình. Vào những năm 1990 - 2000, thế lực Năm Cam lớn mạnh không chỉ trong khu vực phía Nam mà còn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến giới giang hồ cả nước. Ông trùm Năm Cam trong thời điểm này được coi như là “ông trùm của các ông trùm” trong giới xã hội đen.

Theo thông tin điều tra, Năm Cam chỉ đạo sáu băng đảng hoạt động theo kiểu xã hội đen tại nhiều quận huyện và tổ chức các cuộc thanh toán, đâm thuê chém mướn, tranh giành lãnh địa với các băng đảng khác tại Sài Gòn.

C. Các bài bào chữa của luật sư Nguyễn Đăng Trường

1.

Bài bào chữa tại phiên tòa Sơ thẩm xét xử vụ án Trương Văn Cam

Từ ngày 25 tháng 2 đến ngày 4 tháng 6 năm 2003

Kính thưa Quý Tòa,

Bị cáo Trương Văn Cam đã bị truy tố cùng một lúc 7 tội gồm các tội: Cố ý gây thương tích; Tổ chức đánh bạc; Đánh bạc; Che giấu tội phạm; Tổ chức người khác trốn đi

nước ngoài trái phép. Đặc biệt 2 tội: Giết người (Điểm o, Khoản 1, Điều 93 và Điểm 9 Bộ luật Hình Sự), đưa tội hối lộ (Điểm a, Khoản 4, Điều 289, Điểm 3 Bộ luật Hình Sự), cả 2 tội này đều với vai trò chủ mưu có mức án cao nhất là tử hình.

Trong khi đó dư luận xã hội hiện nay đối với Trương Văn Cam rất nặng nề, hết sức bất lợi cho bị cáo.

Không nói ra thì Quý Tòa cũng thấy rằng tôi nhận bào chữa cho bị cáo Trương Văn Cam trong trường hợp này là một việc làm rất khó khăn.

Nhưng Trương Văn Cam đã nhiều lần, xác định chỉ đồng ý tôi bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Quý Tòa. Nên tôi nhận bào chữa cho bị cáo Trương Văn Cam tại phiên tòa này. Tuy vậy với lương tâm của một luật sư, xin Quý Tòa cho

phép tôi được chia sẻ với các nạn nhân đã phải chịu những đau khổ do hành vi phạm tội của thân chủ tôi gây ra, đặc biệt là ông, bà Lê Ngọc Lâm đã phải chịu sự mất mát không thể nào bù đắp được.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nhiều lần tiếp xúc, làm việc riêng với Trương Văn Cam tại trại giam và theo dõi sự khai nhận của Trương Văn Cam và các bị cáo khác tại phiên tòa này trong nhiều ngày qua, xin Quý Tòa cho phép tôi được phát biểu những điểm sau đây để Quý Tòa xem xét cho bị cáo Trương Văn Cam.

I. Trước hết tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo

Trương Văn Cam về tội giết người với vai trò chủ mưu

Tôi cho rằng trước sau Trương Văn Cam vẫn coi Dung Hà là một đàn em thân tín của mình. Bằng chứng là khi Dung Hà mở quán Karaoke tại 17 Bùi Thị Xuân,

quận 1, Trương Văn Cam đã giúp Dung Hà tổ chức một đêm đánh bạc tại đây, rủ khách đến đánh bạc, thu được 70 triệu đồng, Trương Văn Cam cho hết Dung Hà. Trương Văn Cam còn cho thêm Dung Hà 30 triệu đồng nữa, tổng cộng là 100 triệu đồng để Dung Hà mua sắm những trang thiết bị cần thiết cho quán karaoke.

Trương Văn Cam còn cho Dung Hà hùn vào sòng bạc xóc đĩa ở đường Trần Nguyên Hãn, quận 8 lúc đầu 30 triệu đồng sau tăng lên 50 triệu đồng.

Chính vì có mối quan hệ thân thiết với nhau nên khi ra Hà Nội, Trương Văn Cam đã xuống Hải Phòng để thăm, thắp hương mộ cha của Dung Hà.

Và khi chị ruột của Trương Văn Cam là bà Trương Thị Sầm mất, Dung Hà đã đến viếng và ở lại với gia đình Năm Cam đến khuya mới về.

Dung Hà đã cho đàn em quậy phá sòng bạc trên Biên Hòa, Đồng Nai nhưng ở những sòng bạc này không có phần hùn của Trương Văn Cam.

Thời điểm Dung Hà quậy phá ở vũ trường Monaco thì lúc đó Trương Văn Cam chưa có phần hùn ở đây.

Ở vũ trường Phi Thuyền, Trương Văn Cam cũng không có phần hùn như bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra: “Riêng cá nhân tôi không có đóng góp đồng vốn nào để đầu tư vào Phi Thuyền” (Bút lục 277, tập hồ sơ V1 T2).

Và tại phiên tòa ngày 18/4, Tống Viết Hòa cũng đã xác nhận “Năm Cam không có phần hùn ở vũ trường Phi Thuyền”. Tuy Tống Viết Hòa có khai thêm: “Dung Hà tưởng lầm Năm Cam có phần hùn ở vũ trường Phi Thuyền”.

Tôi cho rằng cho dù Dung Hà đã tưởng lầm như thế nhưng trong thực tế Năm Cam không có phần hùn ở đây

thì sự quậy phá của Dung Hà cũng không làm thiệt hại đến quyền lợi của Năm Cam.

Tóm lại việc Dung Hà quậy phá ở những nơi trên không làm thiệt hại đến quyền lợi của Năm Cam. Hay nói một cách khác giữa Năm Cam và Dung Hà không có gì mâu thuẫn đến mức Trương Văn Cam phải quyết tâm, chủ mưu giết Dung Hà.

Còn mâu thuẫn giữa Nguyễn Tuấn Hải và Dung Hà thì như thế nào?

Theo tôi mâu thuẫn giữa Nguyễn Tuấn Hải và Dung Hà hết sức sâu sắc.

Chính Nguyễn Tuấn Hải trong nhiều bản tự khai viết tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã kể rõ những sự việc mâu thuẫn đó, cụ thể như sau:

Sự việc thứ nhất: Dung Hà đã yêu cầu Nguyễn Tuấn Hải phải chia phần doanh thu tại tiệm hớt tóc Vân, 21 Thủ Khoa Huân của bị cáo Hải cho đàn em của Dung Hà (Bút lục 374, 381, 390, 407, 458, tập hồ sơ V1 T3).

Sự việc thứ hai: Dung Hà đã cho một đàn em tên Tân mang hai xô phân đến đổ vào tiệm hớt tóc của Nguyễn Tuấn Hải ở 21 Thủ Khoa Huân (Bút lục 374, 382, 407, tập hồ sơ V1, T3).

Sự việc thứ ba: Dung Hà yêu cầu Nguyễn Tuấn Hải phải gỡ các máy lạnh ở tiệm hớt tóc của bị cáo Hải đem về nhà Dung Hà để Dung Hà sử dụng (Bút lục 390, tập hồ sơ V1, T3).

Sự việc thứ tư: Dung Hà 2 lần đến quậy phá tại vũ trường Phi Thuyền nơi Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê. Lần thứ nhất: Đàn em của Dung Hà ném mắm tôm vào khách của vũ trường Phi Thuyền (Bút lục 390, tập hồ sơ V1 T3).

Lần thứ hai: Đàn em của Dung Hà ném phân người và chuột chết ra sàn nhảy của vũ trường Phi Thuyền (Bút lục 376, 383, 390, 408, tập hồ sơ V1, T3).

Về việc đàn em Dung Hà quậy phá lần thứ hai tại vũ trường Phi Thuyền, Nguyễn Tuấn Hải đã tự khai như sau: “... Một lát sau tôi quay lại Phi Thuyền, tôi rất xấu hổ đã bị Dung Hà làm nhục như vậy” (Bút lục 460, tập hồ sơ V1, T3).

Việc Dung Hà quậy phá ở tiệm hót tóc Vân, 21 Thủ Khoa Huân của Nguyễn Tuấn Hải và ở vũ trường Phi Thuyền nơi Nguyễn Tuấn Hải đang bảo kê không chỉ làm nhục Nguyễn Tuấn Hải mà đã trực tiếp đập đổ chén cơm, làm mất miếng ăn của bị cáo Hải mà như Quý Tòa đã biết trong tục ngữ nước ta đã có câu:

“Miếng ăn là miếng tồn

Mất đi một miếng lợn gan lên đầu”

Chính vì lý do đó mà Nguyễn Tuấn Hải đã tổ chức giết Dung Hà là phù hợp với logic và thực tế.

Đặc biệt tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa ngày 18/4 Nguyễn Tuấn Hải đã xác nhận vào lúc 22 giờ ngày 29/9/2000, Nguyễn Tuấn Hải đã cùng với Hưng, Tường lấy xe Toyota 4 chỗ ngồi của vũ trường Phi Thuyền do Long Tây lái đi tìm Dung Hà. Trong khi đi tìm Dung Hà, họ mang theo 2 khẩu súng nhưng không gặp Dung Hà.

Lúc này chưa có cuộc trao đổi giữa Trương Văn Cam và Nguyễn Tuấn Hải, nghĩa là chưa có ý kiến của Trương Văn Cam. Điều đó chứng tỏ rằng Nguyễn Tuấn Hải đã có ý định giết Dung Hà trước khi hỏi ý kiến của Năm Cam.

Nếu đêm 29/9/2000 mà nhóm Nguyễn Tuấn Hải tìm được Dung Hà thì họ đã bắn chết Dung Hà ngay đêm đó. Đến ngày 30/9/2000 trước khi xảy ra vụ bắn chết Dung Hà

(đêm 1/10 rạng sáng ngày 2/10/2000) mới có cuộc trao đổi qua điện thoại giữa Nguyễn Tuấn Hải và Trương Văn Cam. Nội dung cuộc trao đổi như sau:

Nguyễn Tuấn Hải đã hỏi ý kiến của Trương Văn Cam về việc Dung Hà quậy phá ở vũ trường Phi Thuyền. Trương Văn Cam đã yêu cầu Nguyễn Tuấn Hải: “Chú gặp Dung Hà nói với nó là chỗ làm ăn của anh em đừng quậy phá nữa, phải điều đình với nó để sống”. Nguyễn Tuấn Hải hỏi lại Trương Văn Cam: “Nếu điều đình không được thì sao”. Trương Văn Cam đã trả lời: “Tùy chú tính sao thì tính, nếu có liên quan đến pháp luật thì để anh lo” (Bút lục 283, tập hồ sơ V1, T3).

Tuy trong một số bản cung và bản tự khai Nguyễn Tuấn Hải đã khai Trương Văn Cam có nói: “Cho nó chết luôn, anh không muốn thấy Dung Hà ở trên đời này nữa” (Bút lục 352, 355, 380, 406, tập hồ sơ V1, T3).

Nhưng tại Cơ quan điều tra Trương Văn Cam đã hai lần khẳng định là không hề nói với Nguyễn Tuấn Hải nội dung trên (Bút lục 281, 284, tập hồ sơ V1, T2).

Và tại Cơ quan điều tra Nguyễn Tuấn Hải cũng đã khai: “Những câu nói của anh Năm Cam với tôi chỉ có 2 người biết” (Bút lục 358, tập hồ sơ V1, T3). Nay Trương Văn Cam đã phủ nhận nên những lời khai của Nguyễn Tuấn Hải không còn có giá trị pháp lý nữa.

Như vậy, nội dung câu nói của Trương Văn Cam “Tùy chú tính sao thì tính, nếu có liên quan đến pháp luật thì để anh lo”, phải được suy đoán như thế nào?

Theo tôi có 2 hướng suy đoán:

Hướng suy đoán thứ nhất: Trương Văn Cam đã chỉ đạo Nguyễn Tuấn Hải tổ chức giết Dung Hà.

Hướng suy đoán thứ hai: Trương Văn Cam chỉ muốn đâm, chém, tạt acid, gây thương tích để dằn mặt Dung Hà mà thôi. Nhưng theo nguyên tắc về tố tụng hình sự thì mọi suy đoán phải có lợi cho bị cáo.

Do đó trong trường hợp này phải suy đoán là Trương Văn Cam chỉ muốn đâm, chém, tạt acid gây thương tích để dằn mặt Dung Hà mà thôi.

Tôi cho rằng sự suy đoán như thế là hoàn toàn phù hợp với thực tế khách quan. Chính Nguyễn Tuấn Hải ngày 20/12/2001 đã viết trong bản tự khai như sau:

“Tôi biết là Năm Cam đã đoán ra việc Dung Hà bị bắn chết là do nhóm tôi thực hiện, tại vì trước lúc đó Năm Cam vừa phàn nàn và bức tức chị Dung nên bảo tôi dàn xếp với chị Dung mà ai trong gang hồ nghe cũng phải hiểu là hãy thanh toán đi, nhưng anh Năm Cam cũng không ngờ là hai em của tôi lại đi bắn chết chị Dung như vậy” (Bút lục 392, tập hồ sơ V1, T3).

Nếu Trương Văn Cam thực sự chỉ đạo Nguyễn Tuấn Hải giết Dung Hà mà Nguyễn Tuấn Hải đã tổ chức bắn chết Dung Hà thì có gì mà Trương Văn Cam phải không ngờ?

Chỉ khi nào Trương Văn Cam chỉ muốn Nguyễn Tuấn Hải đâm, chém, tạt acid gây thương tích để dằn mặt Dung Hà nhưng Nguyễn Tuấn Hải lại tổ chức bắn chết Dung Hà thì Trương Văn Cam mới không ngờ.

Trong thực tế Nguyễn Tuấn Hải đã thú nhận trong bản tường trình không đề ngày tại Cơ quan điều tra là “Chị Dung

đàn áp tôi nhiều quá” (Bút lục 408, tập hồ sơ V1, T3) và trong bản tự khai ngày 14/12/2001 là “Chị Dung còn

làm nhiều việc quá đáng khác nữa” (Bút lục 390, tập hồ sơ V1, T3).

Tóm lại vốn có sẵn mối thù tức sâu sắc với Dung Hà và sẵn có ý định muốn tước đoạt mạng sống của nạn nhân nên Nguyễn Tuấn Hải đã nương theo câu nói của Trương Văn Cam, tổ chức bắn chết Dung Hà nghĩa là thực hiện một việc ngoài ý muốn của Trương Văn Cam. Hay nói theo cách nói của bà con miền Bắc nước ta, đó là việc làm “té nước theo mưa”.

Chính vì thế mà trước lúc Nguyễn Tuấn Hải bị bắt, giữa Nguyễn Tuấn Hải và Trương Văn Cam đã phát sinh mâu thuẫn nên nhiều lần đến vũ trường Monaco, Nguyễn Tuấn Hải đã chửi Trương Văn Cam là thằng già không giữ lời hứa (Bút lục 358, 406, tập hồ sơ V1, T3).

Tôi nghĩ rằng trước khi bị bắt, trước khi viết những bản tự khai và khai báo với Cơ quan điều tra, Nguyễn Tuấn Hải đã có mâu thuẫn với Trương Văn Cam thì nội dung những lời tự khai, lời khai của Nguyễn Tuấn Hải về Trương Văn Cam không đảm bảo sự khách quan cần thiết, cần phải được xem xét, đánh giá lại.

Ngoài ra các bị cáo Hưng và Trường đều xác nhận trước tòa là họ không biết có sự chỉ đạo của Năm Cam trước khi giết Dung Hà.

Nếu Trương Văn Cam phạm tội giết người với vai trò chủ mưu thì bị cáo phải vạch ra kế hoạch giết Dung Hà và phải có sự chỉ đạo cần thiết để thực hiện kế hoạch đó. Chứ không thể chỉ có một câu nói: “Tùy chú tính sao thì tính, nếu có liên quan đến luật pháp thì để anh lo” mà có thể cấu thành tội giết người với vai trò chủ mưu.

Tuy tại Cơ quan điều tra có bản cung, Trương Văn Cam đã nhận là “người chủ mưu, chỉ đạo Hải Bánh thanh toán Dung Hà” (Bút lục 2975, tập hồ sơ V1, T2).

Nhưng Trương Văn Cam đã giải thích rõ thanh toán ở đây không phải là giết Dung Hà. Trương Văn Cam đã khai cụ thể như sau: “Tôi đồng ý là tôi có ý kiến chỉ đạo Hải Bánh thanh toán Dung Hà, tôi nghĩ chú Hải Bánh thanh toán Dung Hà bằng cách đâm, chém, tạt acid, gây thương tích thôi nên tôi hứa lo cho Hải Bánh khi bị công an bắt, nhưng chú Hải Bánh thanh toán bắn chết cô Dung Hà, gây hậu quả nghiêm trọng nên làm tôi khủng hoảng, lo sợ. Tôi thấy chết người không thể nào đứng ra lo cho chú Hải Bánh được (Bút lục 2975, tập hồ sơ V1, T2).

Từ những phân tích trên đây tôi thấy có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Trương Văn Cam không phạm tội giết người với vai trò chủ mưu.

Tuy nhiên câu nói trên của Trương Văn Cam đã làm tăng thêm quyết tâm thực hiện tội phạm của Nguyễn Tuấn Hải. Mặc dầu Trương Văn Cam không có ý định tước đoạt sinh mạng của Dung Hà nhưng trong thực tế nạn nhân đã chết nên Trương Văn Cam phải chịu trách nhiệm hình sự là phạm về tội giết người với vai trò giúp sức, giúp sức ở đây là “tạo điều kiện tinh thần... cho việc thực hiện tội phạm” theo định nghĩa tại điều 20 Bộ luật Hình Sự.

Do đó tôi đề nghị Quý Tòa không áp dụng Điểm o, Điểm q, Khoản 1, Điều 93 Bộ luật Hình Sự mà áp dụng Khoản 2, Điều 93 Bộ luật Hình Sự đối với bị cáo Trương Văn Cam và mức hình phạt cao nhất được quy định tại Khoản 2, Điều 93 Bộ luật Hình Sự là 15 năm tù giam.

II. Thứ hai là về tội đưa hối lộ

Về tội này bị cáo Trương Văn Cam đã khai báo một cách rất thành khẩn, rõ ràng, chi tiết và cụ thể.

Tôi nghĩ rằng ngoài việc đưa hối lộ ở Hà Nội năm 1995, thì việc đưa hối lộ của Năm Cam sau này tại thành phố Hồ Chí Minh chỉ nhằm mục đích là “bảo kê” cho các sòng bạc và vũ trường.

Đưa hối lộ cho các cán bộ công an là để bảo kê về mặt pháp luật nhằm tránh bị xử lý, cướp mang, giúp đỡ, sử dụng các đối tượng giang hồ có tiền án, tiền sự là để bảo kê về mặt xã hội nhằm khi xảy ra các vụ quậy phá, đánh nhau, đâm chém nhau ở các sòng bạc, vũ trường, Trương Văn Cam sẽ sử dụng họ để giải quyết mà không nhờ đến cơ quan bảo vệ pháp luật can thiệp.

Hoạt động phạm tội của Trương Văn Cam chủ yếu vì động cơ vụ lợi phi pháp. Chính vì động cơ muốn làm giàu phi pháp đã thúc đẩy bị cáo đi sâu vào con đường phạm tội.

Tất nhiên sau khi bị bắt, trong giai đoạn điều tra được các điều tra viên phân tích Trương Văn Cam đã thấy được những hậu quả hết sức nghiêm trọng do hành vi phạm tội của mình gây ra mà khi thực hiện những hành vi phạm tội đó có khi Trương Văn Cam chưa lường hết được. Đặc biệt là các hoạt động đâm thuê, chém mướn, thanh toán nhau của các băng nhóm giang hồ theo kiểu xã hội đen nếu tiếp tục phát triển, không ngăn chặn kịp thời sẽ không còn là vấn đề hình sự bình thường nữa mà trở thành vấn đề an ninh chính trị của thành phố và cả nước.

Nhưng ở đây tôi đề nghị Quý Tòa xem xét thêm 2 điểm: **Thứ nhất:** Có một vấn đề mà tại phiên tòa này chưa

được làm rõ. Đó là Trương Văn Cam khai trước khi đi cải tạo, năm 1995 đã đưa cho Trần Văn Thuyết 10.000 đô la Mỹ để đưa hối lộ. Và Dương Ngọc Hiệp, con rể của Năm Cam cũng khai đã đưa cho Trần Văn Thuyết 70.000 đô la Mỹ và 20 triệu đồng để lo chạy tội cho Trương Văn Cam.

Vậy tổng số tiền mà Trương Văn Cam và Dương Ngọc Hiệp đưa hối lộ ở Hà Nội là 80.000 đô la Mỹ và 20 triệu đồng Việt Nam.

Nhưng các bị cáo nhận hối lộ và lợi dụng ảnh hưởng người có chức vụ quyền hạn để trục lợi chỉ nhận 10.500 đô la Mỹ và 17.500.000 đồng Việt Nam và riêng Trần Văn Thuyết đã tiêu xài hết 17.000 đô la Mỹ, tổng cộng là 27.500 đô la Mỹ và 17.500.000 đồng Việt Nam.

Vậy còn 52.500 đô la Mỹ và 2.500.000 đồng Việt Nam tan biến vào đâu?

Còn ở thành phố Hồ Chí Minh, Trương Văn Cam khai đã lấy từ tiền xâu của các sòng bạc là 398 triệu đồng Việt Nam để đưa hối lộ cho các cán bộ Công an thành phố nhưng các bị cáo nhận hối lộ chỉ nhận 26 triệu đồng. Vậy còn 372 triệu đồng tan biến vào đâu?

Mà như Quý Tòa đều biết tại Điều 289, Khoản 4, Điểm a Bộ luật Hình Sự đã quy định: Người đưa hối lộ với số tiền từ 300 triệu đồng Việt Nam trở lên phải chịu án cao nhất là tử hình. Chẳng lẽ thân chủ tôi, Trương Văn Cam đã khai thêm để nhận tội chết.

Vậy sự thật Trương Văn Cam đưa hối lộ trên hay dưới 300 triệu đồng Việt Nam?

Thứ hai: Tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Trương Văn Cam về hoàn cảnh, nguyên nhân và điều kiện phạm tội của bị cáo.

Theo tôi, bị cáo Trương Văn Cam có một hoàn cảnh rất đặc biệt: Trương Văn Cam từ nhỏ đã sống, lớn lên ở khu vực đường Tôn Đản, quận 4, một địa danh nổi tiếng về giang hồ, du đảng, đâm chém, đây là vùng đất dữ dưới chế độ Sài Gòn trước ngày giải phóng.

Đến năm 12 tuổi Trương Văn Cam đã mồ côi cha, lúc 15 tuổi thì mẹ của Năm Cam lại qua đời, gia đình nghèo nên chỉ học được đến lớp 3, Trương Văn Cam lại lấy vợ sớm (năm 15 tuổi) và đã có con lúc 16 tuổi, phải sống nhờ vào anh rể là Nguyễn Văn Sy (Bảy Sy). Bảy Sy là một tay giang hồ thời đó.

Do ảnh hưởng của môi trường xã hội lúc còn nhỏ và hoàn cảnh gia đình Trương Văn Cam đã sớm đi vào con đường giang hồ.

Tôi nhớ trong sách Cổ Học Tinh Hoa kể rằng có một giống cam ở bên Trung Quốc khi trồng ở Giang Bắc thì ngọt nhưng đem xuống trồng ở Giang Nam thì lại chua.

Hoàn cảnh gia đình, môi trường sống ảnh hưởng, chi phối có khi có tác động quyết định đến con đường sống tốt hay xấu của một con người. Tôi nghĩ rằng đó cũng là trường hợp của Trương Văn Cam.

Sau này khi Bảy Sy đánh chết người, Trương Văn Cam đứng ra nhận tội, đi tù thay cho Bảy Sy để Bảy Sy ở ngoài giúp đỡ, nuôi vợ con của Trương Văn Cam.

Khi đi tù về Trương Văn Cam đi lính quân vận dưới chế độ cũ cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Sau ngày 30/4/1975 Trương Văn Cam đi theo Bảy Sy phụ mở sòng bạc.

Đến khi Bảy Sy bị bắt đi cải tạo, Trương Văn Cam đứng ra tổ chức sòng bạc ở hẻm 148 Tôn Đản, quận 4.

Từ việc tổ chức sòng bạc mà Trương Văn Cam trở thành dân anh, chị trong giới giang hồ.

Trương Văn Cam nổi tiếng trong giới giang hồ từ những năm 1989 đến 1990 cho đến khi bị bắt lần này.

Trương Văn Cam đã từng đi tù dưới chế độ cũ, sau ngày giải phóng đã nhiều lần bị bắt đi tập trung cải tạo và được giáo dục nên có lúc Năm Cam đã có ý định rửa tay, gác kiếm giang hồ, từ bỏ con đường tội lỗi, trở lại cuộc sống lương thiện.

Mặt khác sau ngày giải phóng Nhà nước ta đã có chính sách khoan hồng mở đường cho những người phạm tội muốn hoàn lương.

Nhưng đối với Trương Văn Cam đã lỡ đi vào con đường giang hồ quá sớm, lúc còn quá trẻ, mới 15 tuổi đã có đến 5 tiền sự về tội đánh bạc, qua thời gian cũng nổi tiếng trong giới giang hồ nên việc hoàn lương không phải chuyện dễ dàng.

Trương Văn Cam giống như một người tay đã nhúng chàm muốn rửa sạch vết nhơ hết sức khó khăn, như trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã viết:

“Trót vì tay đã nhúng chàm

Dại rồi còn biết khôn làm sao đây.”

Mặt khác Trương Văn Cam càng nổi tiếng trong giới giang hồ thì các đối tượng giang hồ có tiền án, tiền sự ở các nơi như Hà Nội, Hải Phòng càng quy tụ về với Trương Văn Cam, họ khuyến khích, thúc đẩy Năm Cam tiếp tục con đường phạm tội để họ có điều kiện nương theo đó mà sống.

Nhưng đặc biệt qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, tôi rất chua xót khi thấy có cán bộ công an cấp thành phố đi nhậu, đi công tác cũng xin tiền Năm Cam (Bút lục 13, tập

hồ sơ V1, T3), thậm chí đàn em Năm Cam đưa tiền trể đã gọi điện thoại để nhắc (Bút lục 231, tập hồ sơ V5, T5), bắt Năm Cam phải trả tiền thuê bao điện thoại hàng tháng cho mình và cho cả vợ nữa (Bút lục 229, tập hồ sơ V5, T5).

Tôi nghĩ rằng chính một số cán bộ bảo vệ pháp luật đã sa sút về phẩm chất đạo đức là một trong những sợi dây đã buộc chặt Trương Văn Cam vào con đường phạm tội trong một thời gian dài trên địa bàn thành phố.

Giá như Trương Văn Cam được tiếp cận những cán bộ bảo vệ pháp luật tốt, vững vàng, kiên định thì tình hình có thể đã khác: Hoạt động tội phạm của Trương Văn Cam đã bị phát hiện và xử lý sớm hơn. Trương Văn Cam có thể cũng đã bị đưa ra xét xử nhưng chắc chắn không bị truy tố về những tội hết sức nghiêm trọng với mức án cao nhất là tử hình như trong vụ án này.

... Tuy Trương Văn Cam đã phạm những tội rất nghiêm trọng nhưng Năm Cam đã khai báo rất thành khẩn, rõ ràng, đầy đủ, chi tiết và cụ thể về những cán bộ bảo vệ pháp luật liên quan đến tham nhũng, tạo điều kiện cho các cơ quan bảo vệ pháp luật làm sạch nội bộ, củng cố đội ngũ cán bộ của mình, đây là một sự mong đợi rất bức xúc của nhân dân thành phố và cả nước.

Tôi trình bày tất cả những điều này với lòng thiết tha mong rằng Quý Tòa quan tâm xem xét, không quá chú ý về mặt răn đe những kẻ phạm tội, lo lắng vì tình hình phát triển tội phạm sau này để quyết định một mức án khoan hồng phù hợp cho tất cả các bị cáo trong vụ án này trong đó có Trương Văn Cam.

Cuối cùng tôi xin đề nghị Quý Tòa xem xét và quyết định tha tội chết cho Trương Văn Cam.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- Luật sư **Nguyễn Đăng Trường**

2.

**Phản tranh luận tại phiên tòa Sơ thẩm xét xử
vụ án Trương Văn Cam**

Từ ngày 25 tháng 2 đến ngày 4 tháng 6 năm 2003

Kính thưa Quý Tòa,

Lúc đầu tôi nghĩ rằng chỉ thân chủ tôi, Trương Văn Cam bị bắt lợi, nhưng nay tôi nhận ra cả tôi cũng ở vào một tình thế bất lợi. Bởi vì khi bào chữa cho thân chủ của mình, một luật sư đã trở thành 1 vị kiểm sát viên thứ 3 tại phiên tòa này để buộc tội Trương Văn Cam.

Nếu chúng ta tin rằng ở trên đời này con người ai cũng có cái số. Thì có lẽ tôi là một người có cái số vất vả. Vì rằng lẽ ra tôi chỉ phải tranh luận với 2 vị kiểm sát viên thì nay phải tranh luận với 3 vị kiểm sát viên.

Tuy vậy tôi cảm thấy không có gì phải nản lòng khi trình bày thêm một số vấn đề cho sáng tỏ hơn để Quý Tòa xem xét.

I. Vấn đề thứ nhất: Ai thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê tại vũ trường Phi Thuyền? Trương Văn Cam hay Tống Viết Hòa?

Trước khi vào làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền thì Nguyễn Tuấn Hải đã xin Trương Văn Cam vào làm bảo kê ở nhà hàng Ra Khơi.

Nhưng Trương Văn Cam đã trả lời: “Nhà hàng Ra Khơi doanh thu thấp và khách đến đây phần lớn đứng đắn, không cần bảo kê, để anh đưa em qua bảo kê bên vũ trường Phi Thuyền, mỗi tháng 10 triệu”.

Trương Văn Cam nói như vậy là định giới thiệu Nguyễn Tuấn Hải cho Tống Viết Hòa (chủ vũ trường Phi Thuyền) nhưng Trương Văn Cam chưa kịp trao đổi gì với Tống Viết Hòa thì Nguyễn Tuấn Hải đã vào làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền rồi.

Thực ra Nguyễn Tuấn Hải đã quen với Tống Viết Hòa từ trước như bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra:

“Tôi (Hải) quen biết anh Hòa từ năm 1998 thông qua anh Rớt là chồng của Giang, Giang hiện nay cập bỏ với anh Hòa. Anh Rớt hiện nay đang sinh sống ở nước Mỹ” (Bút lục 331, tập hồ sơ V1, T3).

Tuy trước khi Nguyễn Tuấn Hải chính thức vào làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền, Trương Văn Cam có cho Nguyễn Tuấn Hải 10 triệu đồng là để giúp đỡ Nguyễn Tuấn Hải, đàn em của mình lúc đầu gặp khó khăn.

Nhưng theo tôi chính Tống Viết Hòa là người đã thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê tại vũ trường Phi Thuyền. Tôi xác định như vậy là dựa vào những sự việc cụ thể sau đây:

Sự việc thứ nhất: Nguyễn Tuấn Hải đã trao đổi với Tống Viết Hòa về việc Dung Hà quấy phá ở vũ trường Phi Thuyền, Tống Viết Hòa đã nhờ Nguyễn Tuấn Hải đi gặp Dung Hà để thu xếp, nếu Dung Hà cần tiền thì Tống Viết Hòa sẽ đưa.

Nếu không làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền thì Nguyễn Tuấn Hải không cần thiết phải làm việc này. **Sự việc thứ hai:** Nguyễn Tuấn Hải đã lấy xe Toyota 4 chỗ ngồi của vũ trường Phi Thuyền mà Tống Viết Hòa là chủ, do Long Tây lái cùng với Hưng, Trường mang theo 2 khẩu súng đi tìm Dung Hà trong đêm 29/9/2000.

Nếu không làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền thì Nguyễn Tuấn Hải không làm việc này.

Sự việc thứ ba: Theo yêu cầu của Dung Hà, Nguyễn Tuấn Hải

đã 2 lần can thiệp để bảo vệ của vũ trường Phi Thuyền, thả đàn em của Dung Hà đã bị giữ vì quấy phá tại đây.

Nếu không làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền thì Nguyễn Tuấn Hải không thể làm việc này.

Sự việc thứ tư: Nguyễn Tuấn Hải mang súng trong người tự do ra vào vũ trường Phi Thuyền không bị bảo vệ của vũ trường Phi Thuyền kiểm soát (Bút lục 376, tập hồ sơ V1, V3).

Nếu không làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền thì Nguyễn Tuấn Hải không thể làm việc này.

Sự việc thứ năm: Sau khi Dung Hà bị bắn chết, Tống Viết Hòa đã cho Nguyễn Tuấn Hải tổng cộng 30 triệu đồng (Bút lục 391, 397, 443 tập hồ sơ V1, V3).

Nếu Nguyễn Tuấn Hải không làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền thì Tống Viết Hòa đã không cho Nguyễn Tuấn Hải số tiền trên.

Nhưng tôi hết sức ngạc nhiên khi nghe Tống Viết Hòa khai tại phiên tòa ngày 18/4 là Tống Viết Hòa coi Nguyễn Tuấn Hải như một người khách của vũ trường Phi Thuyền.

Tôi nghĩ rằng ở trên đời này làm gì có một vị khách lạ lòng như vậy. Một vị khách đến vũ trường, không thấy trả tiền mà lại được ông chủ vũ trường cho tiền; không phải cho một vài triệu mà cho cả 30 triệu đồng.

Và cũng ở trên đời này không có một ông chủ vũ trường nào lại hào phóng đến khó hiểu như vậy.

Vậy Nguyễn Tuấn Hải có phải là một khách của vũ trường Phi Thuyền không? Theo tôi hoàn toàn không phải. Nguyễn Tuấn Hải là người mà Tống Viết Hòa đã thuê để làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền.

Sự thật đó quá rõ ràng mà không một ai có thể đem “thúng úp voi” được.

II. Vấn đề thứ hai: Cần đánh giá về lời khai của Nguyễn Tuấn Hải về mâu thuẫn giữa Trương Văn Cam và Dung Hà như thế nào?

Việc Nguyễn Tuấn Hải khai Trương Văn Cam mâu thuẫn với Dung Hà vì đàn em Dung Hà đã đánh con của Trương Văn Cam là Trương Hiền Bảo và rể của Trương Văn Cam là Dương Ngọc Hiệp.

Nhưng lời khai của Nguyễn Tuấn Hải không được Bảo, Hiệp và cả Năm Cam xác nhận.

Còn Nguyễn Tuấn Hải cho rằng Dung Hà tranh giành địa vị với Trương Văn Cam về việc bảo kê và mở sòng bạc nghĩa là địa vị trong giới giang hồ ở thành phố Hồ Chí Minh, theo tôi không cơ sở. Bởi vì lý do sau đây:

Lý do thứ nhất: “Rừng nào cọp nấy”. Ở thành phố Hồ Chí Minh vào thời điểm vừa qua thì chưa có ai trong giới giang hồ vượt qua được Năm Cam.

Dung Hà là đối tượng giang hồ từ Hải Phòng vào đây mà muốn tranh giành địa vị với Trương Văn Cam là một việc làm không khả thi chút nào.

Ngay cả Minh Sút là đàn anh của Dung Hà còn chịu chấp nhận làm đàn em của Năm Cam, thì Dung Hà làm sao có thể tranh giành được địa vị trong giới giang hồ với Năm Cam được?

Thực tế uy thế của Trương Văn Cam lúc đó còn lớn lắm. Ngay cả nhóm Sơn Bạch Tạng và nhóm Dung Hà định thanh toán nhau, nhưng Năm Cam đứng ra can thiệp, giảng hòa là họ phải dẹp ngay.

Nên Dung Hà không thể nào tranh giành được địa vị với Năm Cam trong giới giang hồ.

Lý do thứ hai: Trong thực tế Dung Hà lại đang cần và đang nhận sự giúp đỡ của Trương Văn Cam. Cụ thể Dung Hà đã được Năm Cam cho 100 triệu để mua các thiết bị mở quán karaoke ở 17 Bùi Thị Xuân, Quận 1 và Năm Cam đã cho Dung Hà hùn vào

sòng bạc xóc đĩa ở đường Trần Nguyên Hân, Quận 8 lúc đầu 30 triệu đồng sau này tăng lên 50 triệu đồng.

Dung Hà đang cần và đang nhận sự giúp đỡ của Trương Văn Cam thì làm sao có thể tranh giành địa vị với Năm Cam được.

Và Trương Văn Cam không bao giờ lo việc đó sẽ xảy ra nên không thể vì đó mà phát sinh mâu thuẫn với Dung Hà.

III. Vấn đề thứ ba: Sự thật về số tiền mà Tống Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam 3 tháng, mỗi tháng 30 triệu đồng, tổng cộng là 90 triệu, thực chất số tiền đó là gì?

Số tiền này Tống Viết Hòa không đưa trực tiếp cho Trương Văn Cam mà đưa cho con gái của Năm Cam là Trương Thị Lan vì Lan làm kế toán cho nhà hàng Ra Khơi là nơi Tống Viết Hòa có phần hùn.

Về việc này Trương Văn Cam đã giải thích rõ tại Cơ quan điều tra như sau: “Về phía chú Hòa sở dĩ đưa tiền cho tôi mỗi tháng 30 triệu để tôi có lợi nhuận chi tiêu hàng tháng, lúc đầu khi khai trương vũ trường Phi Thuyền tôi có qua trông nom, phụ tiếp khách, tôi lui với chú Hòa. Nay chú Hòa làm ăn được, muốn trích 1 phần lợi nhuận ra để cho tôi xài” (Bút lục 297E, tập hồ sơ V1 T2).

Nhưng Trương Văn Cam chỉ nhận 90 triệu để trừ 20 cây vàng mà Tống Viết Hòa đã mượn của Năm Cam. Như Trương Văn Cam đã khai: “Lúc này tôi điện thoại cho chú Hòa: “Anh lấy 90 triệu là đủ rồi coi như trừ số vàng 20 lượng mà em mượn của anh trước đây” (Bút lục 297E, tập hồ sơ V1, T2).

Sau đó Tống Viết Hòa đã đưa tiếp Trương Văn Cam 30 triệu đồng nữa. Nhưng Trương Văn Cam đã từ chối không nhận và dặn Trương Thị Lan không nhận số tiền trên của Tống Viết Hòa.

Tôi cho rằng sự giải thích trên đây của Trương Văn Cam đã rõ ràng.

Số tiền 90 triệu mà Tống Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam là để trả số nợ 20 cây vàng mà Tống Viết Hòa đã mượn của Năm Cam.

Số tiền này không liên quan gì đến việc Nguyễn Tuấn Hải vào làm bảo kê tại vũ trường Phi Thuyền.

Nói rõ ra đây không phải là số tiền Tống Viết Hòa thuê Năm Cam làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền và Năm Cam dùng số tiền đó để thuê Nguyễn Tuấn Hải bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền.

IV. Vấn đề thứ tư: Trương Văn Cam có chủ trương giết Dung Hà không?

Nếu Quý Tòa xem xét kỹ vụ tạt acid ông Lê Ngọc Lâm và vụ giết anh Phan Lê Sơn thì Quý Tòa sẽ thấy rõ Trương Văn Cam không bao giờ chủ trương giết Dung Hà cho dù có mâu thuẫn sâu sắc với nạn nhân.

a. Về vụ tạt acid ông Lê Ngọc Lâm, tôi cho rằng mâu thuẫn giữa Trương Văn Cam và ông Lê Ngọc Lâm hết sức sâu sắc. Không phải vì câu nói của ông Lâm: “Năm Cam chỉ là thằng cò bạc, tại sao phải nể nó”, mà Trương Văn Cam đã chỉ đạo Dung Hà tạt acid ông Lê Ngọc Lâm, bởi vì trong giới giang hồ trước đây ông Lê Ngọc Lâm thuộc bậc đàn anh của Năm Cam nên Năm Cam có thể chịu đựng, có thể nhịn nhục được. Nhưng như ông Lê Ngọc Lâm đã khai trước tòa chính vì mấy bài báo ký tên Rải Cá của ông Lâm tố cáo các sòng bạc của Năm Cam mà Năm Cam đã quyết định tạt acid ông Lâm. Đây là một mâu thuẫn hết sức sâu sắc vì bằng những bài báo đó ông Lâm đã đánh vào nguồn thu nhập quan trọng nhất của Trương Văn Cam, dù rằng đây là nguồn thu nhập phi pháp. Dù mâu thuẫn sâu sắc như vậy nhưng như ông Lê Ngọc Lâm đã khai trước tòa: “Năm Cam không bao giờ muốn giết tôi, nó muốn tôi dở sống, dở chết để lấy trường hợp tôi đe dọa những người khác muốn chống lại Năm Cam”.

Quý Tòa cũng đã thấy tác dụng của việc tạt acid lợi hại đến cỡ nào. Đến nỗi nạn nhân là ông Lê Ngọc Lâm phải ngâm đắng nuốt cay suốt 4 năm trời, cho đến khi Trương Văn Cam bị bắt ông Lâm mới có điều kiện để đưa vụ án ra trước ánh sáng của pháp luật.

b. Còn vụ giết anh Phan Lê Sơn thì Trương Văn Cam chỉ là người đứng ra giải quyết những hậu quả do Nguyễn Văn Thọ, cháu của Năm Cam và con của Thọ là Nguyễn Hữu Thịnh tự phát gây ra.

Chính Trương Văn Cam đã chèn trách những việc làm của Nguyễn Văn Thọ như cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã đánh giá: “... Sau khi nắm được tình hình Năm Cam đã nhận xét: Việc Thịnh bị đánh ở Hải Triều là chuyện nhỏ nhưng Thọ Đại Úy là cha của Thịnh đáng lẽ khi biết Thịnh gọi điện về cho Bảy Việt kêu người ra quán đánh nhau thì Thọ phải can ngăn Bảy Việt và Thịnh. Nhưng Thọ không những không can ngăn mà còn theo Thịnh ra Hải Triều để đánh nhau. Sự có mặt của Thọ ở Hải Triều là nguyên nhân chính để xảy ra việc Thịnh và đồng bọn gây ra vụ án hậu quả làm chết 2 người” (Bản kết luận điều tra vụ án của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an số 50/C16 (C3) ngày 18/10/2002 trang 41 - 42).

Nhận xét trên đây của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã cho thấy rằng Trương Văn Cam không bao giờ chủ trương giết người và luôn luôn can dạn đàn em và người nhà đừng bao giờ để xảy ra những vụ giết người.

Vậy tại sao Trương Văn Cam lại không bao giờ chủ trương giết người? Bởi vì những lý do sau đây:

Lý do thứ 1: Trương Văn Cam biết rõ nếu xảy ra những vụ giết người thì toàn bộ những hoạt động làm ăn phi pháp của Trương Văn Cam cụ thể là việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc của Trương Văn Cam sẽ bị đưa ra trước ánh sáng của pháp luật.

Cho dù Trương Văn Cam có mối quan hệ quen biết với một số cán bộ Công an cấp thành phố, nếu đã xảy ra giết người thì những cán bộ đó không thể che chở được cho Trương Văn Cam.

Lý do thứ 2: Như chính Nguyễn Tuấn Hải đã đánh giá Trương Văn Cam là người rất khôn ngoan, mà đã rất khôn ngoan thì phải biết lựa chọn cách thanh toán mà vừa tránh được sự xử lý nặng của pháp luật vừa gây được sự khiếp sợ, hãi hùng đối với mọi người. Cách thanh toán đó là: đâm, chém, tạt acid để dần mặt.

Tóm lại đối với Trương Văn Cam, giết người là một hạ sách, Trương Văn Cam không bao giờ làm. Đó không phải suy nghĩ và hành động của một giang hồ như Trương Văn Cam, luôn luôn điều hành các hoạt động của các đàn em bằng sự tính toán khôn ngoan.

Vậy việc giết Dung Hà là một bước phát triển cao trong hoạt động tội phạm của Trương Văn Cam như vị đại diện Viện Kiểm Sát đã nhận định không?

Theo tôi không phải.

Mà đây chỉ là hành động liều lĩnh thiếu suy nghĩ của một tay giang hồ cơ bắp như Nguyễn Tuấn Hải mà thôi. Việc tổ chức giết Dung Hà là hoàn toàn ngoài ý muốn của Trương Văn Cam.

Tôi đã chứng minh với Quý Tòa là Trương Văn Cam và Dung Hà không có mâu thuẫn gì sâu sắc, Trương Văn Cam không có phần hùn ở vũ trường Phi Thuyền, không phải là người bảo kê vũ trường Phi Thuyền và không thuê Nguyễn Tuấn Hải bảo kê vũ trường Phi Thuyền.

Thậm chí tôi đã chứng minh với Quý Tòa cho dù có mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà thì Trương Văn Cam cũng không bao giờ chủ trương giết nạn nhân.

Vậy tại sao Trương Văn Cam lại chủ mưu, quyết tâm giết Dung Hà?

Câu hỏi này, chắc chắn sẽ không bao giờ tìm ra được một câu trả lời thỏa đáng. Bởi vì sự thật khách quan bao giờ cũng có cái logic riêng của nó. Cái logic này cứng hơn sắt thép, không có gì thay đổi được.

Một khi bị cáo Nguyễn Tuấn Hải khai báo không trung thực thì những mâu thuẫn, những sự vô lý tự chúng sẽ bộc lộ ra và sự thật khách quan sẽ sáng tỏ như ánh sáng mặt trời buổi ban mai, mọi người ai cũng có thể nhìn thấy được.

Do đó một lần nữa, tôi xin khẳng định với Quý Tòa bị cáo Trương Văn Cam không phạm tội giết người với vai trò chủ mưu.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- Luật sư Nguyễn Đăng Trùng

2.

Bài bào chữa cho Trương Văn Cam tại phiên tòa Phúc thẩm xét xử vụ án Trương Văn Cam

Từ ngày 19 tháng 9 đến ngày 15 tháng 11 năm 2003

Kính thưa Quý Tòa,

Theo yêu cầu của bị cáo và được Quý Tòa chấp nhận, tôi nhận bào chữa cho bị cáo Trương Văn Cam tại phiên tòa Phúc thẩm này.

Tôi sẽ tập trung phát biểu bào chữa cho bị cáo Trương Văn Cam về tội giết người với vai trò chủ mưu và tội đưa hối lộ.

I. Trước hết về tội giết người với vai trò chủ mưu, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Trương Văn Cam những điểm sau đây:

Điểm thứ nhất: Trương Văn Cam có mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà đến mức phải chỉ đạo, chủ mưu giết nạn nhân không? Theo tôi là không.

Bởi vì nếu Trương Văn Cam có mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà thì tại sao Trương Văn Cam lại giúp Dung Hà tổ chức một

đem đánh bạc tại 17 Bùi Thị Xuân, quận 1, rủ khách đến đánh bạc, để cho Dung Hà thu được 70 triệu và Trương Văn Cam đã cho thêm Dung Hà 30 triệu nữa để Dung Hà mua sắm những thiết bị cần thiết cho quán karaoke của Dung Hà?

Nếu Trương Văn Cam mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà thì tại sao Trương Văn Cam lại cho Dung Hà hùn vào sòng bạc xóc đĩa ở đường Trần Nguyên Hân, quận 8, lúc đầu 30 triệu sau tăng lên 50 triệu?

Việc Nguyễn Tuấn Hải khai Trương Văn Cam mâu thuẫn với Dung Hà vì đàn em Dung Hà đã đánh con của Trương Văn Cam là Trương Hiền Bảo và rể của Trương Văn Cam là Dương Ngọc Hiệp.

Nhưng lời khai của Nguyễn Tuấn Hải không được Bảo, Hiệp và cả Trương Văn Cam xác nhận.

Tại phiên tòa Phúc thẩm này Nguyễn Tuấn Hải đã khai Lưu Tấn Nhơn biết việc đàn em của Dung Hà đã đánh Dương Ngọc Hiệp. Hội Đồng Xét Xử đã cho đối chất giữa bị cáo Lưu Tấn Nhơn và Nguyễn Tuấn Hải, và Lưu Tấn Nhơn đã khẳng định không biết việc này.

Nguyễn Tuấn Hải còn khai tại Cơ quan điều tra là Dung Hà tranh giành địa vị với Trương Văn Cam về việc bảo kê và mở sòng bạc nghĩa là tranh giành địa vị trong giới giang hồ, theo tôi không có cơ sở vì 2 lý do sau đây:

Lý do thứ nhất: Ở thành phố Hồ Chí Minh vào thời điểm đó chưa có ai trong giới giang hồ vượt qua được Trương Văn Cam.

Dung Hà là đối tượng giang hồ từ Hải Phòng vào đây mà muốn tranh giành địa vị với Trương Văn Cam là một việc làm không khả thi chút nào.

Ngay cả Minh Sút là đàn anh của Dung Hà còn chịu chấp nhận làm đàn em của Năm Cam, thì làm sao Dung Hà có thể tranh giành được địa vị với Năm Cam?

Thực tế uy thế của Trương Văn Cam lúc đó còn lớn lắm. Ngay

cả nhóm Sơn Bạch Tạng và nhóm Dung Hà định thanh toán nhau, nhưng Năm Cam đứng ra can thiệp, giảng hòa là họ phải dẹp ngay.

Nên Dung Hà không thể nào tranh giành được địa vị với Năm Cam trong giới giang hồ.

Lý do thứ hai: Trong thực tế Dung Hà lại đang cần và đang nhận sự giúp đỡ của Trương Văn Cam như phần trên tôi đã trình bày thì làm sao có thể tranh giành được địa vị với Trương Văn Cam.

Tôi nghĩ rằng Trương Văn Cam không bao giờ lo việc đó xảy ra nên không thể vì lý do đó mà phát sinh ra mâu thuẫn với Dung Hà.

Trương Văn Cam không có gì mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà thì do động cơ gì mà Trương Văn Cam lại chủ mưu giết nạn nhân? Tất cả những câu hỏi trên đây chưa tìm được những câu trả lời thỏa đáng tại phiên tòa Sơ thẩm và cả trong bản án sơ thẩm.

Điểm thứ hai: Việc đàn em của Dung Hà quậy phá ở vũ trường Monaco, vũ trường Phi Thuyền và sòng bạc của Quốc Lũì ở Biên Hòa có làm thiệt hại đến quyền lợi của Trương Văn Cam không?

Theo tôi là không và thậm chí có lợi cho Trương Văn Cam. Bởi vì năm 1999 Dung Hà quậy phá ở vũ trường Monaco, lúc đó Trương Văn Cam chưa có phần hùn ở đấy. Đến năm 2000 Trương Văn Cam mới có phần hùn ở vũ trường Monaco.

Còn ở vũ trường Phi Thuyền thì Trương Văn Cam không có phần hùn, và sòng bạc của Quốc Lũì thì Trương Văn Cam cũng không có phần hùn.

Như vậy việc Dung Hà quậy phá ở vũ trường Phi Thuyền và sòng bạc của Quốc Lũì ở Biên Hòa chẳng những không làm thiệt hại đến quyền lợi của Trương Văn Cam mà còn có lợi cho Trương Văn Cam. Bởi vì một số khách ở vũ trường Phi Thuyền

sẽ dồn sang vũ trường Monaco và các con bạc ở Biên Hòa sẽ chạy về sòng bạc quận 8 của Trương Văn Cam.

Việc quây phá của Dung Hà tại vũ trường Phi Thuyền và sòng bạc của Quốc Lũì không làm thiệt hại, thậm chí có lợi cho Trương Văn Cam thì tại sao Trương Văn Cam lại chủ mưu giết Dung Hà?

Điểm thứ ba: Ai thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê tại vũ trường Phi Thuyền? Trương Văn Cam hay Tống Viết Hòa? Trước khi vào làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền thì Nguyễn Tuấn Hải đã xin vào làm bảo kê ở nhà hàng Ra Khôi. Nhưng Trương Văn Cam đã trả lời: “Nhà hàng Ra Khôi doanh thu thấp và khách đến đây phần lớn là đứng đắn, không cần bảo kê, để anh đưa em qua bảo kê bên vũ trường Phi Thuyền, mỗi tháng 10 triệu”.

Trương Văn Cam nói như vậy là định giới thiệu Nguyễn Tuấn Hải cho Tống Viết Hòa (chủ vũ trường Phi Thuyền). Nhưng Trương Văn Cam chưa kịp trao đổi gì với Tống Viết Hòa thì Nguyễn Tuấn Hải đã vào làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền rồi.

Thực ra Nguyễn Tuấn Hải đã quen với Tống Viết Hòa từ trước như Hải đã khai nhận tại Cơ quan điều tra: “Tôi (Hải) quen biết anh Hòa từ năm 1998 thông qua anh Rót là chồng của Giang, Giang hiện nay cặp bồ với anh Hòa. Anh Rót hiện nay đang sinh sống ở nước Mỹ” (Bút lục 331, tập hồ sơ V1, T3).

Tuy trước khi Nguyễn Tuấn Hải chính thức vào làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền, Trương Văn Cam có cho Nguyễn Tuấn Hải 10 triệu đồng là để giúp đỡ Nguyễn Tuấn Hải, đàn em của mình lúc đầu gặp khó khăn.

Nhưng theo tôi chính Tống Viết Hòa là người đã thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê tại vũ trường Phi Thuyền chứ không phải Trương Văn Cam.

Nếu Tống Viết Hòa không thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê thì Nguyễn Tuấn Hải không có trách nhiệm gì phải trao đổi với

Tổng Viết Hòa về việc Dung Hà đã quấy phá tại vũ trường Phi Thuyền và chính Tổng Viết Hòa đã yêu cầu Nguyễn Tuấn Hải đi gặp Dung Hà để thu xếp, nếu Dung Hà cần tiền thì Tổng Viết Hòa sẽ đưa.

Nếu Tổng Viết Hòa không thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê thì Nguyễn Tuấn Hải không thể tự động lấy xe Toyota 4 chỗ ngồi của vũ trường Phi Thuyền, sai Long Tây lái cùng với Hưng, Trường mang theo 2 khẩu súng đi tìm Dung Hà trong đêm 29/9/2000.

Nếu Tổng Viết Hòa không thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê thì Nguyễn Tuấn Hải không có tư cách gì để can thiệp 2 lần với bảo vệ của vũ trường Phi Thuyền thả đàn em của Dung Hà bị giữ vì quấy phá ở đây.

Nếu Tổng Viết Hòa không thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê thì Hải không thể mang súng trong người tự do ra vào vũ trường Phi Thuyền mà không bị bảo vệ của vũ trường kiểm soát.

Nếu Tổng Viết Hòa không thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê thì tại sao sau khi Dung Hà bị bắn chết, Tổng Viết Hòa đã cho Nguyễn Tuấn Hải tổng cộng 30 triệu (Bút lục 391, 397, 403, tập hồ sơ V1, T3).

Chính Tổng Viết Hòa tại phiên tòa Phúc thẩm này khi Hội Đồng Xét Xử thẩm vấn, đã phải thừa nhận có quan hệ khá thân thiết với Nguyễn Tuấn Hải.

Tất nhiên theo tôi Tổng Viết Hòa là người đã thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền chứ không phải Trương Văn Cam. Nhưng Tổng Viết Hòa có phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ giết Dung Hà hay không, đó là nhiệm vụ của Cơ quan điều tra sẽ làm rõ.

Theo quy luật nếu Tổng Viết Hòa thuê Năm Cam và Năm Cam thuê lại Nguyễn Tuấn Hải thì Tổng Viết Hòa phải trực tiếp trao đổi về tình hình quấy phá ở vũ trường Phi Thuyền với Trương Văn Cam trong khi đó thực tế Tổng Viết Hòa chỉ trao

đổi trực tiếp với Nguyễn Tuấn Hải về tình hình quấy phá ở vũ trường Phi Thuyền mà không trao đổi gì với Trương Văn Cam.

Điểm thứ tư: Sự thật số tiền 90 triệu hoặc số tiền 1,5% trong 3% doanh thu của nhà hàng Ra Khơi mà Tổng Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam là tiền gì?

Vấn đề này Trương Văn Cam và Tổng Viết Hòa đã khai khác nhau tại phiên tòa Phúc thẩm này.

Theo Trương Văn Cam số tiền trên Tổng Viết Hòa không đưa trực tiếp cho Trương Văn Cam mà đưa cho con gái của Trương Văn Cam là Trương Thị Lan vì Lan làm kế toán cho nhà hàng Ra Khơi là nơi Tổng Viết Hòa có phần hùn.

Trương Văn Cam nhận 90 triệu là để trừ 20 cây vàng mà Tổng Viết Hòa đã mượn của Trương Văn Cam.

Như Trương Văn Cam đã khai tại Cơ quan điều tra “Lúc này tôi điện thoại cho chú Hòa: “Anh lấy 90 triệu là đủ rồi coi như trừ số vàng 20 lượng mà em mượn của anh trước đây” (Bút lục 297, tập hồ sơ V1, T2).

Sau đó Tổng Viết Hòa đã đưa tiếp Trương Văn Cam, 30 triệu nữa. Nhưng Trương Văn Cam không nhận và dặn Trương Thị Lan không nhận số tiền trên của Tổng Viết Hòa.

Tôi cho rằng sự giải thích trên đây của Trương Văn Cam đã rõ ràng.

Số tiền 90 triệu mà Tổng Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam là để trả số nợ 20 cây vàng mà Tổng Viết Hòa đã mượn của Trương Văn Cam.

Nói rõ ra đây không phải là số tiền Tổng Viết Hòa thuê Trương Văn Cam làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền và

Trương Văn Cam dùng số tiền đó để thuê lại Nguyễn Tuấn Hải bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền.

Nhưng Tổng Viết Hòa đã khai rằng số tiền khoảng 90 triệu là số tiền 1,5% trong 3% doanh thu của nhà hàng Ra Khơi. Theo sự thỏa thuận giữa Tổng Viết Hòa và Trương Văn Cam thì số

tiền 3% doanh thu trên được dành cho 2 người sử dụng để tiếp khách tại nhà hàng Ra Khoi.

Do phần hùn của Trương Văn Cam và Tống Viết Hòa tại nhà hàng này bằng nhau, mỗi bên 50% nên số tiền 3% doanh thu của nhà hàng Ra Khoi hai người cũng được sử dụng ngang nhau tức là 1,5%.

Do đó Tống Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam số tiền 1,5% trong 3% doanh thu của nhà hàng Ra Khoi nhưng thực chất đây là số tiền Trương Văn Cam được sử dụng để tiếp khách nghĩa là đây là tiền của Trương Văn Cam chứ không phải tiền riêng của Tống Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam.

Tóm lại, đây cũng không phải số tiền Tống Viết Hòa thuê Trương Văn Cam bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền và Trương Văn Cam dùng một phần số tiền đó để thuê lại Nguyễn Tuấn Hải bảo kê vũ trường Phi Thuyền.

Thực tế Dung Hà đã có hàng loạt những việc làm quá đáng mà Nguyễn Tuấn Hải cho là đã làm nhục, đã đàn áp Nguyễn Tuấn Hải. Những hành động đó như: Yêu cầu Nguyễn Tuấn Hải phải chia phần doanh thu tại tiệm hót tóc Vân cho đàn em của Dung Hà, cho người đem 2 xô phân đổ vào tiệm hót tóc của Nguyễn Tuấn Hải, gỡ máy lạnh ở tiệm hót tóc của Nguyễn Tuấn Hải đem về nhà của Vũ Hoàng Dung để sử dụng, 2 lần quậy phá ném mắm tôm, phân người và chuột chết ra sàn nhảy của vũ trường Phi Thuyền nơi Nguyễn Tuấn Hải đang làm bảo kê.

Chính tại Cơ quan điều tra Nguyễn Tuấn Hải đã tự khai: “Tôi rất xấu hổ vì bị chị Dung Hà làm nhục như vậy” (Bút lục 460, tập hồ sơ V1 T3), “Chị Dung đàn áp tôi nhiều quá” (Bút lục 408, tập hồ sơ V1 T3).

Theo tôi chính Nguyễn Tuấn Hải có mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà nên đã tổ chức giết nạn nhân. Với tất cả những phân tích trên đây, tôi thấy có đủ cơ sở để xin khẳng định với Quý Tòa là Trương Văn Cam không phạm tội giết người với vai trò chủ mưu.

II. Về tội đưa hối lộ: Tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Trương Văn Cam 3 điểm sau đây:

• Hoàn cảnh, nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo:

Trước khi Trương Văn Cam đưa hối lộ ở Hà Nội năm 1995 và sau này đưa hối lộ cho một số cán bộ Công an thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã từng làm cơ sở bí mật cho Phòng Cảnh sát Hình sự Công an Thành phố. Chính do có một thời gian làm cơ sở bí mật cho lực lượng Công an nên bị cáo đã có điều kiện tiếp cận, quen biết với một số cán bộ Công an cấp Thành phố.

Tôi nghĩ rằng Trương Văn Cam nhận làm cơ sở bí mật cho lực lượng Công an là thể hiện bị cáo muốn từng bước từ bỏ con đường giang hồ, muốn bước ra khỏi vùng lầy tội lỗi. Lẽ ra các

cán bộ Công an đó phải giáo dục giúp đỡ bị cáo trở thành một người lương thiện. Nhưng ở đây họ đã nắm tay Trương Văn Cam cùng đi sâu xuống vùng lầy tội lỗi.

Giá như Trương Văn Cam được tiếp cận với những cán bộ Công an có phẩm chất đạo đức tốt, vững vàng, kiên định thì tình hình đã có thể khác. Và số phận của Trương Văn Cam sẽ không bi thảm như hiện nay.

Trương Văn Cam có chủ động trong việc tổ chức đưa hối lộ ở Hà Nội và sau này ở thành phố Hồ Chí Minh không?

• Việc đưa hối lộ ở Hà Nội:

Trước khi bị bắt đưa đi cải tạo 1995, Trương Văn Cam chỉ đưa cho Trần Văn Thuyết 10 ngàn đô la Mỹ tương đương với 110 triệu đồng Việt Nam tính theo tỷ giá giữa đồng bạc Việt Nam và đồng đô la Mỹ vào thời điểm đó.

Sau đó thì Trương Văn Cam bị giam tại trại cải tạo Thanh Hà đến hơn 8 tháng sau mới được thăm nuôi, tiếp xúc với gia đình.

Ở nhà vì thương em, thương chồng, thương cha vợ nên bà Trương Thị Sầm, Phan Thị Trúc và Dương Ngọc Hiệp đã sử dụng số tiền vay ngân hàng 720 triệu từ việc thế chấp căn nhà

số 91 Lý Tự Trọng, quận 1 khi Trương Văn Cam còn ở nhà, chưa bị bắt đi cải tạo và bán chiếc xe của bà Trương Thị Sấm được 28 ngàn đô la Mỹ, tổng cộng là 720 triệu và 28 ngàn đô la Mỹ để đưa hối lộ cho Trương Văn Cam được tha về sớm.

Tuy Dương Ngọc Hiệp đã khai vào sáng ngày 1/10/2003 vừa qua là khi thăm Trương Văn Cam ở trại cải tạo, Dương Ngọc Hiệp có báo việc đưa tiền cho Trần Văn Thuyết, Trương Văn Cam đã đồng ý tiếp tục lo.

Tôi nghĩ rằng do tâm trạng của Trương Văn Cam lúc đó mong mống sớm được tha về với gia đình nên đã đồng ý với ý kiến đề xuất của Dương Ngọc Hiệp.

Nhưng thực tế Trương Văn Cam không chỉ đạo Hiệp đưa tiền cụ thể cho người nào. Chính Dương Ngọc Hiệp cũng đã khai tại phiên tòa Phúc thẩm này như sau: “Tôi chỉ nói với ba vợ tôi là có đưa tiền cho Trần Văn Thuyết chứ không nói lo cho ai, vì trong trại giam không được nói nhiều”.

• **Về việc đưa hối lộ cho một số cán bộ Công an cấp Thành phố đối với sòng bạc ở quận 8:**

Tô Văn Tốt là một tay cờ bạc chuyên nghiệp ở quận 8, trước khi cùng với Trương Văn Cam mở sòng bạc tại quận 8 thì Tô Văn Tốt đã từng mở sòng bạc ở đây. Chính Tô Văn Tốt đã chủ động rủ Trương Văn Cam mở sòng bạc này.

Tiền hùn vào sòng bạc lúc đầu giữa Trương Văn Cam và Tô Văn Tốt bằng nhau, tiền lời thu từ sòng bạc cũng được chia bằng nhau giữa hai người.

Riêng tiền ngoại giao, có một phần là tiền đưa hối lộ thì Tô Văn Tốt lấy nhiều hơn. Mỗi ngày Tô Văn Tốt lấy 2,6 triệu theo lời khai của Nguyên Văn Nhã tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa này, còn Trương Văn Cam chỉ lấy 2 triệu mỗi ngày.

Như vậy Tô Văn Tốt là người chủ động hay Trương Văn Cam là người chủ động trong việc tổ chức đưa hối lộ ở quận 8. Vấn đề này tôi thấy chưa rõ.

• **Trương Văn Cam đã trực tiếp đưa hối lộ ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trên hay dưới 300 triệu?**

– Ở Hà Nội 1995 Trương Văn Cam chỉ trực tiếp đưa cho Trần Văn Thuyết 10 ngàn đô la Mỹ tương đương với 110 triệu đồng Việt Nam theo tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ và đồng bạc Việt Nam thời điểm đó.

– Còn ở thành phố Hồ Chí Minh số tiền ngoại giao lấy từ sòng bạc quận 8 là 398 triệu đồng Việt Nam, Trương Văn Cam đã chi vào 4 khoản sau đây:

+ Cho tiền một số cán bộ Công an cấp Thành phố. + Cho tiền một số nhà báo.

+ Cho tiền một số đàn em giang hồ.

+ Chi một số việc khác như làm từ thiện chẳng hạn. Nhưng theo tôi chỉ có số tiền đưa cho một số cán bộ Công an cấp Thành phố mới được coi là đưa tiền hối lộ, còn các khoản như tiền cho các nhà báo, tiền cho các tay giang hồ, tiền chi vào các việc khác thì không thể coi là tiền đưa hối lộ mặc dù tất cả số tiền đó đều là số tiền phi pháp.

Vậy Trương Văn Cam đã đưa cho cán bộ Công an cấp Thành phố là bao nhiêu? Bị cáo đã khai tại phiên tòa Phúc thẩm này vào sáng ngày 24/9 cụ thể như sau: Cho tiền và đi nhậu với Dương Minh Ngọc: 16 triệu, cho Võ Văn Tâm: 18 triệu, cho Quang Hữu Dũng để trả tiền thuê bao điện thoại di động 20 triệu, cho Nguyễn Mạnh Trung 500 đô la Mỹ và 10 triệu – tổng cộng 17 triệu. Riêng đối với Nguyễn Mạnh Trung bị cáo đã phủ nhận nhưng tôi cũng tính vô luôn thì tổng số tiền mà Trương Văn Cam đưa hối lộ tại thành phố Hồ Chí Minh là 61 triệu. Cộng với 110 triệu đưa hối lộ ở Hà Nội thì tất cả số tiền Trương Văn Cam trực tiếp đưa hối lộ ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là 171 triệu. Trong khi đó theo Điều 289, Khoản 4, Điểm a, Bộ luật Hình Sự 1999 quy định người nào đưa hối lộ mà của hối lộ từ 300 triệu trở lên thì mới có thể bị phạt đến mức án cao nhất là tử hình.

Với tất cả những điểm mà tôi đã trình bày trên, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét, giảm hình phạt cho bị cáo Trương Văn Cam, buộc bị cáo phải chịu mức án tù chung thân là phù hợp. Trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- Luật sư **Nguyễn Đăng Trừng**

3.

Phản tranh luận tại phiên tòa Phúc thẩm xét xử vụ án Trương Văn Cam

Từ ngày 19 tháng 9 đến ngày 15 tháng 11 năm 2003

Kính thưa Quý Tòa,

Trước hết về cơ bản tôi xin phép được bảo lưu tất cả những nội dung mà tôi đã trình bày với Quý Tòa sáng nay. Tuy vậy sau khi nghe ý kiến tranh luận của vị đại diện Viện Kiểm Sát, tôi xin phép Quý Tòa được phát biểu một số điểm bổ sung để Quý Tòa xem xét thêm.

Về tội giết người với vai trò chủ mưu

1. Có phải Trương Văn Cam chủ trương sử dụng Nguyễn Tuấn Hải là giang hồ miền Bắc để giết Dung Hà không? Theo tôi là không phải.

Trong vụ tạt acid Lê Ngọc Lâm, Cơ quan điều tra cho rằng giang hồ miền Bắc dám sử dụng vũ khí nóng (súng đạn) còn giang hồ miền Nam thì không dám sử dụng những thứ này. Từ đó xác định Trương Văn Cam đã chỉ đạo Nguyễn Tuấn Hải, một tay giang hồ Hà Nội tổ chức giết Dung Hà. Tôi đọc trong hồ sơ vụ án cũng thấy Trương Văn Cam đã khai tại Cơ quan điều tra: “Thông thường giang hồ miền Bắc chơi vũ khí nóng (súng đạn), còn giang hồ miền Nam thì không dám chơi những thứ này” (Bút lục 297V, tập hồ sơ V1 T2).

Nhưng tại phiên tòa Phúc thẩm này Trương Văn Cam đã phủ nhận lời khai trên và cho rằng sở dĩ bị cáo sử dụng Dung Hà là giang hồ Hải Phòng tạt acid Lê Ngọc Lâm vì sử dụng Dung Hà thì Lê Ngọc Lâm khó phát hiện ai đã chỉ đạo tạt acid nạn nhân.

Thật sự tôi rất ngạc nhiên, một người như Trương Văn Cam từ lúc 15 tuổi đã bước vào con đường giang hồ, đã hùng cứ trên vùng đất dữ Tôn Đảo, quận 4, Sài Gòn nổi tiếng du đảng, đâm chém trước ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng năm 1975 lại có thể có một nhận định, một lời khai như thế. Một nhận định, một lời khai hoàn toàn không đúng với sự khách quan. Bởi vì Quý Tòa cũng đã biết:

“Ở đâu cũng có anh hùng

Ở đâu cũng có người khùng, người điên.”

Đã là giang hồ, du đảng thứ thiệt thì dù ở miền Bắc, miền Trung hay miền Nam thì vũ khí nóng, vũ khí lạnh (dao, kiếm...) họ đều sử dụng hết, nhưng chỉ có điều họ làm, họ nhận chứ không đổ tội cho người khác.

2. Cần xem xét lại căn cứ để xác định Trương Văn Cam là chủ mưu trong vụ giết Dung Hà.

Trong khi xác định Trương Văn Cam phạm tội giết người với vai trò chủ mưu, Cơ quan điều tra chủ yếu chỉ dựa vào lời khai của Nguyễn Tuấn Hải.

Tuy tại Cơ quan điều tra lời khai của Nguyễn Tuấn Hải và lời khai của Trương Văn Cam có phù hợp nhau.

Nhưng tại phiên tòa Phúc thẩm này lời khai của Trương Văn Cam với lời khai của Nguyễn Tuấn Hải khác nhau và Trương Văn Cam đã khẳng định bị cáo không phạm tội giết người với vai trò chủ mưu.

Do đó tôi đề nghị Quý Tòa xem xét lại cơ sở để xác định Trương Văn Cam đã phạm tội giết người với vai trò chủ mưu.

Về tội đưa hối lộ

1. Tôi cho rằng Cơ quan điều tra cũng như tòa Sơ thẩm chưa phân biệt, chưa tách bạch rõ ràng giữa tiền ngoại giao và đưa hối lộ.

Trong thực tế muốn duy trì các sòng bạc tiếp tục hoạt động, Trương Văn Cam cần 3 loại bảo kê:

Thứ nhất: Bảo kê mặt dư luận: phải cho tiền một số nhà báo.

Thứ hai: Bảo kê về xã hội: phải cho tiền các tay giang hồ để khi xảy ra các vụ quậy phá ở các sông bạc thì sử dụng họ để giải quyết thay vì nhờ đến lực lượng Công an can thiệp.

Thứ ba: Bảo kê về mặt pháp luật: phải cho tiền một số cán bộ Công an để họ lơ đãng, không kiểm tra, xử lý.

Nhưng về mặt pháp luật tiền các nhà báo, tiền cho các tay giang hồ không phải là tiền đưa hối lộ mà chỉ có tiền đưa cho các cán bộ Công an Thành phố mới là tiền đưa hối lộ.

Về số tiền đưa hối lộ, tôi đã đề nghị bị cáo Trương Văn Cam khai rất thoải mái, không giấu bớt cho ai. Về phần tôi, tôi cũng tính rất thoải mái. Cụ thể số tiền Trương Văn Cam khai... đã cho Nguyễn Mạnh Trung 500 đô la Mỹ và 10 triệu đồng mặc dầu Nguyễn Mạnh Trung đã nhiều lần phủ nhận. Hoặc số tiền Trương Văn Cam đưa cho Trần Văn Thuyết là 10 ngàn đô la Mỹ và Thuyết chỉ nhận 7 ngàn đô la Mỹ. Nhưng tôi cũng tính đủ 10 ngàn đô la Mỹ.

Mặc dầu tôi đã tính rất rộng rãi nhưng số tiền mà Trương Văn Cam trực tiếp đưa hối lộ có 171 triệu đồng.

2. Cho dù Quý Tòa vẫn xác định Trương Văn Cam là người chủ mưu trong việc đưa hối lộ ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thì theo tôi Quý Tòa chỉ nên buộc Trương Văn Cam phải chịu trách nhiệm về số tiền mà bị cáo trực tiếp đưa hối lộ tức 171 triệu là phù hợp vì 2 lý do sau đây:

Thứ nhất: Vai trò chủ mưu là một tình tiết tăng nặng hình phạt đối với bị cáo được quy định tại Điều 3, Khoản 2, Bộ luật Hình Sự năm 1999. Cụ thể về nguyên tắc xử lý là: “Nghiêm trị kẻ chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy”.

Thứ hai: Số tiền 65 ngàn đô la Mỹ đưa hối lộ ở Hà Nội đã có các bị cáo Dương Ngọc Hiệp, Phan Thị Trúc và Trần Văn Thuyết chịu trách nhiệm. Số tiền 501 triệu đưa hối lộ cho các cán bộ công an cấp quận, phường ở quận 8 đã có các bị cáo như

Nguyễn Văn Nhã, Nguyễn Thanh Thảo, Nguyễn Khánh Quốc, Ta Đắc Lung và Nguyễn Xuân Liệu chịu trách nhiệm.

Nên theo tôi không cần thiết buộc Trương Văn Cam phải chịu trách nhiệm thêm một lần nữa trên những số tiền đưa hối lộ đã có các bị cáo khác chịu trách nhiệm rồi.

3. Vị đại diện Viện Kiểm Sát cho rằng tôi đã đổ tội cho người đã chết là ông Tô Văn Tốt tức Ba Mạnh. Thật lòng tôi không làm chuyện này. Chính vì thế mà tôi không sử dụng lời khai của Trương Văn Cam mà sử dụng lời khai của Nguyễn Văn Nhã mà Nguyễn Văn Nhã thì không mâu thuẫn gì với Trương Văn Cam và Tô Văn Tốt nên lời khai của Nguyễn Văn Nhã là khách quan.

Chính tòa Sơ thẩm và các vị đại diện Viện Kiểm Sát cũng thừa nhận lời khai của Nguyễn Văn Nhã là đúng: Nguyễn Văn Nhã đã khai về tiền ngoại giao đối với sòng bạc ở quận 8: Tô Văn Tốt lấy 2,6 triệu đồng, còn Trương Văn Cam chỉ lấy 2 triệu đồng.

Chính vì cho rằng lời khai của Nguyễn Văn Nhã là đúng nên tòa Sơ thẩm mới tính ra được số tiền 398 triệu đồng và 501 triệu đồng.

Tôi nghĩ rằng nếu ông Tô Văn Tốt được sống lại thì ông ta cũng phải thừa nhận rằng các con số 2,6 triệu đồng và 501 triệu đồng phải lớn hơn 2 triệu đồng và 398 triệu đồng. Chẳng lẽ ông Tô Văn Tốt lại nói ngược lại.

Mà theo lẽ bình thường ở trên đời này thì ai nhận tiền nhiều hơn thì người đó phải có quan trọng hơn. Xin cảm ơn Quý Tòa.

*- Luật sư **Nguyễn Đăng Trùng***

Vụ án Năm Cam khép lại với 5 bị cáo bị kết án tử hình: Năm Cam, Châu Phát Lai Em, Nguyễn Việt Hưng, Nguyễn Hữu Thịnh, Phạm Văn Minh. 151 bị cáo còn lại tùy mức độ phạm tội mà bị phạt tiền hoặc tù giam. Vợ Năm Cam, bị cáo Phan Thị Trúc lãnh án tù 12 năm. Ngày 3/6/2004, Năm Cam và các bị cáo bị tuyên án tử hình đã bị thi hình án tử tại trường bắn Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

D. Hỏi – Đáp

Dương Ngọc Hân : Năm Cam là một nhân vật khét tiếng với nhiều tội ác và gây hại cho xã hội, lúc đó mặc dù có chỉ định của tòa án nhưng bản thân luật sư cũng thật sự muốn bào chữa cho bị cáo này. Luật sư nhận định như thế nào về quyền được bào chữa của kẻ thủ ác trước tòa?

Luật sư Nguyễn Đăng Trường : Hiện nay trong xã hội ta còn tồn tại một tư tưởng, một quan niệm của một số người cho rằng các bị cáo phạm những tội đặc biệt nghiêm trọng (hay theo họ là “phạm những tội tày trời”) thì không việc gì phải bào chữa cho các bị cáo này. Thậm chí họ còn lên án những luật sư nào nhận bào chữa cho các bị cáo đó.

Theo tôi đó là một tư tưởng, một quan niệm sai lầm, không phù hợp với một xã hội văn minh và thượng tôn pháp luật. Bởi vì quyền bào chữa là quyền cơ bản của các bị cáo, cho dù bị cáo đã phạm những tội nghiêm trọng nhất. Quyền này đã được Liên Hợp Quốc công nhận và luật pháp hầu hết các nước trên thế giới đều quy định quyền này của bị cáo. Chính vì thế mà sau chiến tranh thế giới thứ II, các cộng sự của Hitler phạm tội ác chiến tranh đã bị đưa ra xét xử tại Tòa Án Quốc Tế Nuremberg đều có luật sư bào chữa. Gần đây Tòa án được Liên Hiệp Quốc bảo trợ tại Campuchia xét xử các thủ lãnh Khmer Đỏ phạm tội diệt chủng cũng đều có các luật sư bào chữa cho các bị cáo này.

E. Luật sư bào chữa cho Năm Cam: “Chuyện chưa bao giờ tiết lộ với báo chí”

Những năm 2002 - 2004, vụ án Năm Cam cùng đồng bọn gây chấn động cả nước cả về quy mô cũng như số lượng bị cáo bị đưa ra trước vành móng ngựa. Để tham gia bào chữa trong vụ án này, mà là bào chữa cho “ông trùm” Năm Cam – nhân vật

chính của vụ án, luật sư Nguyễn Đăng Trùng đã phải trải qua biết bao “thử thách”. Dưới đây là cuộc phỏng vấn độc quyền của hai nhà báo Công Thư - Việt Thu với Luật sư Nguyễn Đăng Trùng về những điều ông chưa bao giờ tiết lộ với báo chí.

Năm Cam chỉ chọn Luật sư Trùng bào chữa cho mình

- Thưa ông, ông có bất ngờ khi biết tù trong trại giam Năm Cam nhờ ông bào chữa không?

Tôi không bất ngờ lắm, vì trước đó tôi cũng đã được biết đến trong một số vụ án lớn.

- Có nhiều thông tin cho rằng thời điểm đó gia đình Năm Cam không nhờ ông bào chữa cho “ông trùm”, có đúng vậy không?

Đúng, ban đầu các con của Năm Cam không nhờ tôi, mà nhờ một luật sư có danh tiếng tại Hải Phòng. Tuy nhiên Năm Cam không chịu mà kiên quyết mời tôi làm luật sư bào chữa. Lần đầu tiên khi tôi vào gặp, Năm Cam có nói thế này: “Trước khi bị bắt tôi đã cố gắng tìm gặp luật sư nhưng không kịp, sau này không cách nào tôi liên hệ được với luật sư vì tôi bị bắt rồi. Tôi chỉ tin nhiệm luật sư thôi, tôi biết tội tôi thì nặng

lắm, nhưng nếu luật sư bào chữa cho tôi, mà tôi có chết thì tôi cũng cam, chứ còn người khác thì tôi không yên tâm”. Cũng chính bởi câu nói này của Năm Cam mà tôi quyết tâm phải theo vụ này đến cùng mặc dù gặp không ít khó khăn và thử thách.

- Những khó khăn và thử thách mà ông nói là gì? Lúc đó, Pháp lệnh luật sư năm 2001 quy định, chỉ có văn phòng luật sư mới được bào chữa cho các bị cáo. Còn các công ty luật chỉ được tư vấn luật thôi.

Tôi lại là giám đốc Công ty Luật Sài Gòn nên rất nhiều ý kiến, toàn những người giữ vai trò chủ chốt trong ngành luật, cho rằng tôi không đủ điều kiện để bào chữa cho Năm Cam.

- Những người chủ chốt nói ông không đủ điều kiện bào chữa cho Năm Cam mà ông nói tới là những ai?

Trước khi diễn ra phiên tòa Sơ thẩm, một tờ báo đăng tải liên

tục nhiều bài viết từ ngày 16/12/2002 đến 16/1/2003 nói về tính pháp lý của việc tôi có đủ điều kiện để bào chữa cho Năm Cam hay không. Những bài báo đó đã đăng tải ý kiến của 3 người.

Thứ nhất là Bộ trưởng Bộ Tư pháp đương nhiệm lúc bấy giờ là ông Nguyễn Đình Lộc.

Thứ hai ông Nguyễn Văn Luyến, Hiệu trưởng trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ ba là Phó Chánh án thường trực Tòa Án Nhân Dân Tối Cao Mai Ngọc Trinh.

Cả ba nhân vật này đều nói tôi không đủ điều kiện để bào chữa cho Năm Cam.

- *Làm cách nào để ông có thể vượt qua những “cửa ải” đó?* Trước tình hình khó khăn, tôi vẫn không chùn bước, bởi tôi nắm một điều hết sức cơ bản, đó là Năm Cam chỉ nhờ mình thôi. Gia đình Nam Cam nhờ người khác nhưng điều đó không quan trọng, vì một khi ý của gia đình mà khác với ý của bị cáo thì chọn quyết định của bị cáo. Tôi nắm hai điều thuận lợi, đó là Năm Cam chỉ nhờ tôi và tòa cũng chỉ định tôi bào chữa cho Năm Cam.

Bên cạnh đó, để đủ điều kiện là luật sư bào chữa cho bị cáo theo Pháp lệnh luật sư năm 2001, tôi quyết định rút ra khỏi Công ty Luật Sài Gòn, giao cho người em làm giám đốc công ty. Tôi nộp hồ sơ vào làm tại văn phòng luật sư có trụ sở tại quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Tôi trở thành nhân viên của văn phòng luật sư ấy. Vậy là không còn có lý do nào nữa để nói tôi không thể bào chữa cho Năm Cam.

- *Tại sao ông phải làm nhiều việc vậy chỉ để được bào chữa cho Năm Cam?*

Năm Cam đã nhờ mình, tín nhiệm mình thì mình phải có trách nhiệm nên tôi quyết làm cho bằng được. Với lương tâm của một luật sư, tôi không được phép không đáp ứng cái yêu cầu của thân chủ mình.

Thêm vào đó khi danh dự và lòng dũng cảm của tôi bị thử

thách, tôi lại muốn “chiến đấu” hết mình. Cuối cùng, tôi được bào chữa cho Năm Cam.

May mắn vì gặp được quý nhân

- Thưa ông, ngoài những khó khăn mà ông gặp phải, trong quá trình “chiến đấu” giành quyền bào chữa cho thân chủ của mình ông có gặp được “quý nhân” nào giúp đỡ ông không?

Trong “cuộc chiến” giành quyền bào chữa cho Năm Cam, tôi cũng có nhiều người giúp đỡ. Tôi có nhiều kẻ thù nhưng cũng có nhiều quý nhân.

Thứ nhất là hầu hết các tờ báo lúc bấy giờ có ý kiến trung lập hoặc không đưa tin về việc tôi có đủ điều kiện bào chữa cho Năm Cam hay không. Điều này giúp tôi giảm bớt áp lực từ phía dư luận.

Thứ hai, người chủ tọa phiên tòa đó nguyên là một Phó Chánh án Tòa Án Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã ủng hộ cho tôi bào chữa cho Năm Cam. Ông không nói ra nhưng cách ông làm việc là tôi biết ông ấy đang ủng hộ tôi. Bất cứ lúc nào tôi cần gặp Năm Cam thì đều cấp giấy cho tôi vào, ông không nói gì hết, chỉ hành động thôi.

Khoảng vài ngày tôi lại vào gặp Năm Cam một lần, gặp vậy cũng có tác dụng lớn. Tôi được bào chữa là một thắng lợi lớn, về mặt danh dự thì mình làm được rồi.

“Tôi đã làm hết sức để Năm Cam được sống, nhưng...”

- Dư luận ngày đó rất khủng khiếp, ai cũng muốn và tin rằng Năm Cam sẽ bị tử hình. Khi ông nhận bào chữa cho Năm Cam tức là ông đang đi ngược lại số đông. Lúc đó, ông có bị áp lực hay sợ không?

Tôi bị thử thách quen rồi. Cả trước đây và bây giờ, nhiều người cho rằng, đã phạm tội nặng và chắc chắn phải nhận án tử thì khỏi bào chữa. Bào chữa chỉ định cũng chỉ là thủ tục cho có. Đó là một quan niệm hoàn toàn sai của một xã hội không văn minh.

Quyền được bào chữa là quyền cơ bản nhất của bị cáo, không những luật pháp của mỗi nước công nhận, mà Liên Hợp Quốc cũng phải công nhận quyền này. Chính vì vậy nên Khmer đỏ cũng được xét xử, cũng được bào chữa. Hitler và những kẻ mang tội ác chiến tranh cũng được bào chữa... Chúng tỏ quyền được bào chữa là quyền hết sức cơ bản, tất cả luật sư phải có trách nhiệm bào chữa.

Nếu mình sợ dư luận thì có hai cách: một là mình không dám bào chữa, hai là mình bào chữa cho có để mình có tên trong vụ Năm Cam, để mình được nổi tiếng. Riêng tôi không như vậy, tôi làm thực sự, bào chữa thực sự, kể cả những vụ án liên quan đến an ninh quốc gia, tôi cũng cãi thật sự mà không sợ bị chụp mũ.

- Ông có niềm tin nào Năm Cam được thoát án tử hình? Khi quyết định bào chữa tôi đã dự đoán tình hình xấu nhất, mình cũng thấy cái tình hình xấu nhất đang bị đưa ra trước mặt mình. Nhưng trách nhiệm luật sư là mình phải làm hết sức. Mình cũng có lòng tin và mình làm hết sức, còn nước còn tát. Cái tự tin của luật sư rất quan trọng và mình phải hết lòng với nó, với bị cáo.

Thực lòng tôi muốn cứu Năm Cam, làm hết sức chứ không phải đấu tranh để được bào chữa, nhằm được nổi tiếng.

- Khi nhận bào chữa, ông tiên đoán tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Vậy ông có trao đổi với Năm Cam trước về việc này không? Năm Cam có thái độ gì không?

Tôi có nói với Năm Cam rằng, vụ án của anh là rất khó, nhưng tôi sẽ cố gắng hết sức. Lúc đó, Năm Cam có cảm ơn tôi. Năm Cam nói (tôi cho là nói thật): “Tôi có chết tôi cũng nhờ anh”.

- Ông tiếp xúc với Năm Cam, ông đánh giá con người Năm Cam thế nào?

Theo tôi, Năm Cam là người có bản lĩnh. Nói về đám giang hồ thì Năm Cam là người có thể tập hợp được người khác, có yếu tố để trở thành một thủ lĩnh. Là người khôn ngoan, lễ độ, nhẹ nhàng. Trông bề ngoài rất hiền, nếu chỉ gặp Năm Cam

ngoài đường không ai nghĩ Năm Cam là tên du đảng cả.

- *Tiếp xúc với Năm Cam, ông có lúc nào nghe Năm Cam nói có hối hận về những việc mình đã gây ra không, thưa ông?* Năm Cam từng tâm sự muốn “gác kiếm”, làm ăn lương thiện. Đó là thời điểm trước khi Năm Cam có mối quan hệ giang hồ với Dung Hà, Hải Bánh. Năm Cam từng làm đặc tình cho công an, có nghĩa là anh ta đã có ý định quay đầu, nhưng môi trường sống của anh ta lại không cho phép anh ta làm điều đó.

Trong bài bào chữa cho Năm Cam, tôi có nói: “Cây cam trồng ở Giang Bắc thì nó ngọt, trồng ở Giang Nam thì nó chua”. Hoàn cảnh, môi trường sống quyết định con người. Nếu Năm Cam thay đổi được môi trường, gặp được những người tốt thì có thể cuộc đời Năm Cam đã khác.

- *Tiếp xúc với con cái Năm Cam, ông cảm thấy họ nói về Năm Cam thế nào?*

Bên ngoài, có thể Năm Cam là một tội phạm nguy hiểm, nhưng trong nhà Năm Cam vẫn là người cha. Gia đình Năm Cam có nhiều người vướng vào tù tội, những người bị bắt giam, tôi không có cơ hội tiếp xúc. Những người không có liên quan, tôi thấy họ vẫn thương Năm Cam lắm. Cha con họ thương nhau, tìm cách cứu cha thoát án tử là chuyện thường.

- *Khi Năm Cam bị tử hình, ông cảm thấy thế nào?* Thật ra khi nhận bào chữa cho Năm Cam, tiếp xúc với Năm Cam mình lại thấy thương. Vì vậy Tết năm nào tôi cũng qua nhà thắp nhang cho Năm Cam. Có lẽ Năm Cam cũng là một trong những thân chủ mà tôi ấn tượng nhất trong cuộc đời bào chữa của mình.

Xin cảm ơn ông!

Công Thư – Việt Thu

Nguyễn Tuấn Hải cho Tống Viết Hòa (chủ vũ trường Phi Thuyền) nhưng Trương Văn Cam chưa kịp trao đổi gì với Tống Viết Hòa thì Nguyễn Tuấn Hải đã vào làm báo kê

ở vũ trường Phi Thuyền rồi.

Thực ra Nguyễn Tuấn Hải đã quen với Tống Viết Hòa từ trước như bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra:

“Tôi (Hải) quen biết anh Hòa từ năm 1998 thông qua anh Rớt là chồng của Giang, Giang hiện nay cặp bồ với anh Hòa. Anh Rớt hiện nay đang sinh sống ở nước Mỹ” (Bút lục 331, tập hồ sơ V1, T3).

Tuy trước khi Nguyễn Tuấn Hải chính thức vào làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền, Trương Văn Cam có cho Nguyễn Tuấn Hải 10 triệu đồng là để giúp đỡ Nguyễn Tuấn Hải, đàn em của mình lúc đầu gặp khó khăn.

Nhưng theo tôi chính Tống Viết Hòa là người đã thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê tại vũ trường Phi Thuyền. Tôi xác định như vậy là dựa vào những sự việc cụ thể sau đây:

Sự việc thứ nhất: Nguyễn Tuấn Hải đã trao đổi với Tống Viết Hòa về việc Dung Hà quấy phá ở vũ trường Phi Thuyền, Tống Viết Hòa đã nhờ Nguyễn Tuấn Hải đi gặp Dung Hà để thu xếp, nếu Dung Hà cần tiền thì Tống Viết Hòa sẽ đưa.

Nếu không làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền thì Nguyễn Tuấn Hải không cần thiết phải làm việc này.

Sự việc thứ hai: Nguyễn Tuấn Hải đã lấy xe Toyota 4 chỗ ngồi của vũ trường Phi Thuyền mà Tống Viết Hòa là chủ, do Long Tây lái cùng với Hưng, Trường mang theo 2 khẩu súng đi tìm Dung Hà trong đêm 29/9/2000.

Nếu không làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền thì Nguyễn Tuấn Hải không làm việc này.

Sự việc thứ ba: Theo yêu cầu của Dung Hà, Nguyễn Tuấn Hải đã 2 lần can thiệp để bảo vệ của vũ trường Phi

Thuyền, thả đàn em của Dung Hà đã bị giữ vì quấy phá tại đây.

Nếu không làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền thì Nguyễn Tuấn Hải không thể làm việc này.

Sự việc thứ tư: Nguyễn Tuấn Hải mang súng trong người tự do ra vào vũ trường Phi Thuyền không bị bảo vệ của vũ trường Phi Thuyền kiểm soát (Bút lục 376, tập hồ sơ V1, V3).

Nếu không làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền thì Nguyễn Tuấn Hải không thể làm việc này.

Sự việc thứ năm: Sau khi Dung Hà bị bắn chết, Tổng Viết Hòa đã cho Nguyễn Tuấn Hải tổng cộng 30 triệu đồng (Bút lục 391, 397, 443 tập hồ sơ V1, V3).

Nếu Nguyễn Tuấn Hải không làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền thì Tổng Viết Hòa đã không cho Nguyễn Tuấn Hải số tiền trên.

Nhưng tôi hết sức ngạc nhiên khi nghe Tổng Viết Hòa khai tại phiên tòa ngày 18/4 là Tổng Viết Hòa coi Nguyễn Tuấn Hải như một người khách của vũ trường Phi Thuyền.

Tôi nghĩ rằng ở trên đời này làm gì có một vị khách lạ lòng như vậy. Một vị khách đến vũ trường, không thấy trả tiền mà lại được ông chủ vũ trường cho tiền; không phải cho một vài triệu mà cho cả 30 triệu đồng.

Và cũng ở trên đời này không có một ông chủ vũ trường nào lại hào phóng đến khó hiểu như vậy.

Vậy Nguyễn Tuấn Hải có phải là một khách của vũ trường Phi Thuyền không? Theo tôi hoàn toàn không phải. Nguyễn Tuấn Hải là người mà Tổng Viết Hòa đã thuê để làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền.

Sự thật đó quá rõ ràng mà không một ai có thể đem “thúng úp voi” được.

II. Vấn đề thứ hai: Cần đánh giá về lời khai của Nguyễn Tuấn Hải về mâu thuẫn giữa Trương Văn Cam và Dung Hà như thế nào?

Việc Nguyễn Tuấn Hải khai Trương Văn Cam mâu thuẫn với Dung Hà vì đàn em Dung Hà đã đánh con của Trương Văn Cam là Trương Hiến Bảo và rể của Trương Văn Cam là Dương Ngọc Hiệp.

Nhưng lời khai của Nguyễn Tuấn Hải không được Bảo, Hiệp và cả Năm Cam xác nhận.

Còn Nguyễn Tuấn Hải cho rằng Dung Hà tranh giành địa vị với Trương Văn Cam về việc bảo kê và mở sòng bạc nghĩa là địa vị trong giới giang hồ ở thành phố Hồ Chí Minh, theo tôi không cơ sở. Bởi vì lý do sau đây:

Lý do thứ nhất: “Rừng nào cọp nấy”. Ở thành phố Hồ Chí Minh vào thời điểm vừa qua thì chưa có ai trong giới giang hồ vượt qua được Năm Cam.

Dung Hà là đối tượng giang hồ từ Hải Phòng vào đây mà muốn tranh giành địa vị với Trương Văn Cam là một việc làm không khả thi chút nào.

Ngay cả Minh Sút là đàn anh của Dung Hà còn chịu chấp nhận làm đàn em của Năm Cam, thì Dung Hà làm sao có thể tranh giành được địa vị trong giới giang hồ với Năm Cam được?

Thực tế uy thế của Trương Văn Cam lúc đó còn lớn lắm. Ngay cả nhóm Sơn Bạch Tạng và nhóm Dung Hà định thanh toán nhau, nhưng Năm Cam đứng ra can thiệp, giảng hòa là họ phải dẹp ngay.

Nên Dung Hà không thể nào tranh giành được địa vị

với Năm Cam trong giới giang hồ.

Lý do thứ hai: Trong thực tế Dung Hà lại đang cần và đang nhận sự giúp đỡ của Trương Văn Cam. Cụ thể Dung Hà đã được Năm Cam cho 100 triệu để mua các thiết bị mở quán karaoke ở 17 Bùi Thị Xuân, Quận 1 và Năm Cam đã cho Dung Hà hùn vào sòng bạc xóc đĩa ở đường Trần Nguyên Hãn, Quận 8 lúc đầu 30 triệu đồng sau này tăng lên 50 triệu đồng.

Dung Hà đang cần và đang nhận sự giúp đỡ của Trương Văn Cam thì làm sao có thể tranh giành địa vị với Năm Cam được.

Và Trương Văn Cam không bao giờ lo việc đó sẽ xảy ra nên không thể vì đó mà phát sinh mâu thuẫn với Dung Hà.

III. Vấn đề thứ ba: Sự thật về số tiền mà Tống Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam 3 tháng, mỗi tháng 30 triệu đồng, tổng cộng là 90 triệu, thực chất số tiền đó là gì?

Số tiền này Tống Viết Hòa không đưa trực tiếp cho Trương Văn Cam mà đưa cho con gái của Năm Cam là Trương Thị Lan vì Lan làm kế toán cho nhà hàng Ra Khơi là nơi Tống Viết Hòa có phần hùn.

Về việc này Trương Văn Cam đã giải thích rõ tại Cơ quan điều tra như sau: “Về phía chú Hòa sở dĩ đưa tiền cho tôi mỗi tháng 30 triệu để tôi có lợi nhuận chi tiêu hàng tháng, lúc đầu khi khai trương vũ trường Phi Thuyền tôi có qua trông nom, phụ tiếp khách, tôi lui với chú Hòa. Nay chú Hòa làm ăn được, muốn trích 1 phần lợi nhuận ra để cho tôi xài” (Bút lục 297E, tập hồ sơ V1 T2).

Nhưng Trương Văn Cam chỉ nhận 90 triệu để trừ

20 cây vàng mà Tổng Viết Hòa đã mượn của Năm Cam. Như Trương Văn Cam đã khai: “Lúc này tôi điện thoại cho chú Hòa: “Anh lấy 90 triệu là đủ rồi coi như trừ số vàng 20 lượng mà em mượn của anh trước đây” (Bút lục 297E, tập hồ sơ V1, T2).

Sau đó Tổng Viết Hòa đã đưa tiếp Trương Văn Cam 30 triệu đồng nữa. Nhưng Trương Văn Cam đã từ chối không nhận và dặn Trương Thị Lan không nhận số tiền trên của Tổng Viết Hòa.

Tôi cho rằng sự giải thích trên đây của Trương Văn Cam đã rõ ràng.

Số tiền 90 triệu mà Tổng Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam là để trả số nợ 20 cây vàng mà Tổng Viết Hòa đã mượn của Năm Cam.

Số tiền này không liên quan gì đến việc Nguyễn Tuấn Hải vào làm bảo kê tại vũ trường Phi Thuyền.

Nói rõ ra đây không phải là số tiền Tổng Viết Hòa thuê Năm Cam làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền và Năm Cam dùng số tiền đó để thuê Nguyễn Tuấn Hải bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền.

IV. Vấn đề thứ tư: Trương Văn Cam có chủ trương giết Dung Hà không?

Nếu Quý Tòa xem xét kỹ vụ tạt acid ông Lê Ngọc Lâm và vụ giết anh Phan Lê Sơn thì Quý Tòa sẽ thấy rõ Trương Văn Cam không bao giờ chủ trương giết Dung Hà cho dù có mâu thuẫn sâu sắc với nạn nhân.

a. Về vụ tạt acid ông Lê Ngọc Lâm, tôi cho rằng mâu thuẫn giữa Trương Văn Cam và ông Lê Ngọc Lâm hết sức sâu sắc. Không phải vì câu nói của ông Lâm: “Năm Cam chỉ là thằng cò bạc, tại sao phải nể nó”, mà Trương Văn

Cam đã chỉ đạo Dung Hà tạt acid ông Lê Ngọc Lâm, bởi vì trong giới giang hồ trước đây ông Lê Ngọc Lâm thuộc bậc đàn anh của Năm Cam nên Năm Cam có thể chịu đựng, có thể nhịn nhục được. Nhưng như ông Lê Ngọc Lâm đã khai trước tòa chính vì mấy bài báo ký tên Rái Cá của ông Lâm tố cáo các sòng bạc của Năm Cam mà Năm Cam đã quyết định tạt acid ông Lâm. Đây là một mâu thuẫn hết sức sâu sắc vì bằng những bài báo đó ông Lâm đã đánh vào nguồn thu nhập quan trọng nhất của Trương Văn Cam, dù rằng đây là nguồn thu nhập phi pháp. Dù mâu thuẫn sâu sắc như vậy nhưng như ông Lê Ngọc Lâm đã khai trước tòa: “Năm Cam không bao giờ muốn giết tôi, nó muốn tôi dò sống, dò chết để lấy trường hợp tôi đe dọa những người khác muốn chống lại Năm Cam”.

Quý Tòa cũng đã thấy tác dụng của việc tạt acid lợi hại đến cỡ nào. Đến nỗi nạn nhân là ông Lê Ngọc Lâm phải ngâm đắng nuốt cay suốt 4 năm trời, cho đến khi Trương Văn Cam bị bắt ông Lâm mới có điều kiện để đưa vụ án ra trước ánh sáng của pháp luật.

b. Còn vụ giết anh Phan Lê Sơn thì Trương Văn Cam chỉ là người đứng ra giải quyết những hậu quả do Nguyễn Văn Thọ, cháu của Năm Cam và con của Thọ là Nguyễn Hữu Thịnh tự phát gây ra.

Chính Trương Văn Cam đã chê trách những việc làm của Nguyễn Văn Thọ như cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã đánh giá: “... Sau khi nắm được tình hình Năm Cam đã nhận xét: Việc Thịnh bị đánh ở Hải Triều là chuyện nhỏ nhưng Thọ Đại Úy là cha của Thịnh đáng lẽ khi biết Thịnh gọi điện về cho Bảy Việt kêu người ra quán đánh nhau thì Thọ phải can ngăn

Bảy Việt và Thịnh. Nhưng Thọ không những không can ngăn mà còn theo Thịnh ra Hải Triều để đánh nhau. Sự có mặt của Thọ ở Hải Triều là nguyên nhân chính để xảy ra việc Thịnh và đồng bọn gây ra vụ án hậu quả làm chết 2 người” (Bản kết luận điều tra vụ án của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an số 50/C16 (C3) ngày 18/10/2002 trang 41 - 42).

Nhận xét trên đây của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã cho thấy rằng Trương Văn Cam không bao giờ chủ trương giết người và luôn luôn can dạn đàn em và người nhà đừng bao giờ để xảy ra những vụ giết người.

Vậy tại sao Trương Văn Cam lại không bao giờ chủ trương giết người? Bởi vì những lý do sau đây:

Lý do thứ 1: Trương Văn Cam biết rõ nếu xảy ra những vụ giết người thì toàn bộ những hoạt động làm ăn phi pháp của Trương Văn Cam cụ thể là việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc của Trương Văn Cam sẽ bị đưa ra trước ánh sáng của pháp luật.

Cho dù Trương Văn Cam có mối quan hệ quen biết với một số cán bộ Công an cấp thành phố, nếu đã xảy ra giết người thì những cán bộ đó không thể che chở được cho Trương Văn Cam.

Lý do thứ 2: Như chính Nguyễn Tuấn Hải đã đánh giá Trương Văn Cam là người rất khôn ngoan, mà đã rất khôn ngoan thì phải biết lựa chọn cách thanh toán mà vừa tránh được sự xử lý nặng của pháp luật vừa gây được sự khiếp sợ, hãi hùng đối với mọi người. Cách thanh toán đó là: đâm, chém, tạt acid để dần mặt.

Tóm lại đối với Trương Văn Cam, giết người là một hạ sách, Trương Văn Cam không bao giờ làm. Đó không

phải suy nghĩ và hành động của một giang hồ như Trương Văn Cam, luôn luôn điều hành các hoạt động của các đàn em bằng sự tính toán khôn ngoan.

Vậy việc giết Dung Hà là một bước phát triển cao trong hoạt động tội phạm của Trương Văn Cam như vị đại diện Viện Kiểm Sát đã nhận định không?

Theo tôi không phải.

Mà đây chỉ là hành động liều lĩnh thiếu suy nghĩ của một tay giang hồ cơ bắp như Nguyễn Tuấn Hải mà thôi. Việc tổ chức giết Dung Hà là hoàn toàn ngoài ý muốn của Trương Văn Cam.

Tôi đã chứng minh với Quý Tòa là Trương Văn Cam và Dung Hà không có mâu thuẫn gì sâu sắc, Trương Văn Cam không có phần hùn ở vũ trường Phi Thuyền, không phải là người bảo kê vũ trường Phi Thuyền và không thuê Nguyễn Tuấn Hải bảo kê vũ trường Phi Thuyền.

Thậm chí tôi đã chứng minh với Quý Tòa cho dù có mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà thì Trương Văn Cam cũng không bao giờ chủ trương giết nạn nhân.

Vậy tại sao Trương Văn Cam lại chủ mưu, quyết tâm giết Dung Hà?

Câu hỏi này, chắc chắn sẽ không bao giờ tìm ra được một câu trả lời thỏa đáng. Bởi vì sự thật khách quan bao giờ cũng có cái logic riêng của nó. Cái logic này cứng hơn sắt thép, không có gì thay đổi được.

Một khi bị cáo Nguyễn Tuấn Hải khai báo không trung thực thì những mâu thuẫn, những sự vô lý tự chúng sẽ bộc lộ ra và sự thật khách quan sẽ sáng tỏ như ánh sáng mặt trời buổi ban mai, mọi người ai cũng có thể nhìn thấy được.

Do đó một lần nữa, tôi xin khẳng định với Quý Tòa bị cáo Trương Văn Cam không phạm tội giết người với vai trò chủ mưu.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trìng*

2.

Bài bào chữa cho Trương Văn Cam tại phiên tòa Phúc thẩm xét xử vụ án Trương Văn Cam

Từ ngày 19 tháng 9 đến ngày 15 tháng 11 năm 2003

Kính thưa Quý Tòa,

Theo yêu cầu của bị cáo và được Quý Tòa chấp nhận, tôi nhận bào chữa cho bị cáo Trương Văn Cam tại phiên tòa Phúc thẩm này.

Tôi sẽ tập trung phát biểu bào chữa cho bị cáo Trương Văn Cam về tội giết người với vai trò chủ mưu và tội đưa hối lộ.

I. Trước hết về tội giết người với vai trò chủ mưu, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Trương Văn Cam những điểm sau đây:

Điểm thứ nhất: Trương Văn Cam có mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà đến mức phải chỉ đạo, chủ mưu giết nạn nhân không? Theo tôi là không.

Bởi vì nếu Trương Văn Cam có mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà thì tại sao Trương Văn Cam lại giúp Dung Hà tổ chức một đêm đánh bạc tại 17 Bùi Thị Xuân, quận 1, rủ khách đến đánh bạc, để cho Dung Hà thu được 70 triệu và Trương Văn Cam đã cho thêm Dung Hà 30 triệu nữa để Dung Hà mua sắm những thiết bị cần thiết cho quán karaoke của Dung Hà?

Nếu Trương Văn Cam mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà thì tại sao Trương Văn Cam lại cho Dung Hà hùn vào sòng bạc xóc đĩa ở đường Trần Nguyên Hãn, quận 8, lúc đầu 30 triệu sau tăng lên 50 triệu?

Việc Nguyễn Tuấn Hải khai Trương Văn Cam mâu thuẫn với Dung Hà vì đàn em Dung Hà đã đánh con của Trương Văn Cam là Trương Hiền Bảo và rể của Trương Văn Cam là Dương Ngọc Hiệp.

Nhưng lời khai của Nguyễn Tuấn Hải không được Bảo, Hiệp và cả Trương Văn Cam xác nhận.

Tại phiên tòa Phúc thẩm này Nguyễn Tuấn Hải đã khai Lưu Tấn Nhơn biết việc đàn em của Dung Hà đã đánh Dương Ngọc Hiệp. Hội Đồng Xét Xử đã cho đối chất giữa bị cáo Lưu Tấn Nhơn và Nguyễn Tuấn Hải, và Lưu Tấn Nhơn đã khẳng định không biết việc này.

Nguyễn Tuấn Hải còn khai tại Cơ quan điều tra là Dung Hà tranh giành địa vị với Trương Văn Cam về việc bảo kê và mở sòng bạc nghĩa là tranh giành địa vị trong giới giang hồ, theo tôi không có cơ sở vì 2 lý do sau đây:

Lý do thứ nhất: Ở thành phố Hồ Chí Minh vào thời điểm đó chưa có ai trong giới giang hồ vượt qua được Trương Văn Cam.

Dung Hà là đối tượng giang hồ từ Hải Phòng vào đây mà muốn tranh giành địa vị với Trương Văn Cam là một việc làm không khả thi chút nào.

Ngay cả Minh Sứ là đàn anh của Dung Hà còn chịu chấp nhận làm đàn em của Năm Cam, thì làm sao Dung Hà có thể tranh giành được địa vị với Năm Cam?

Thực tế uy thế của Trương Văn Cam lúc đó còn lớn lắm. Ngay cả nhóm Sơn Bạch Tạng và nhóm Dung Hà định

thanh toán nhau, nhưng Năm Cam đứng ra can thiệp, giảng hòa là họ phải dẹp ngay.

Nên Dung Hà không thể nào tranh giành được địa vị với Năm Cam trong giới giang hồ.

Lý do thứ hai: Trong thực tế Dung Hà lại đang cần và đang nhận sự giúp đỡ của Trương Văn Cam như phần trên tôi đã trình bày thì làm sao có thể tranh giành được địa vị với Trương Văn Cam.

Tôi nghĩ rằng Trương Văn Cam không bao giờ lo việc đó xảy ra nên không thể vì lý do đó mà phát sinh ra mâu thuẫn với Dung Hà.

Trương Văn Cam không có gì mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà thì do động cơ gì mà Trương Văn Cam lại chủ mưu giết nạn nhân? Tất cả những câu hỏi trên đây chưa tìm được những câu trả lời thỏa đáng tại phiên tòa Sơ thẩm và cả trong bản án sơ thẩm.

Điểm thứ hai: Việc đàn em của Dung Hà quậy phá ở vũ trường Monaco, vũ trường Phi Thuyền và sông bạc của Quốc Lũ ở Biên Hòa có làm thiệt hại đến quyền lợi của Trương Văn Cam không?

Theo tôi là không và thậm chí có lợi cho Trương Văn Cam. Bởi vì năm 1999 Dung Hà quậy phá ở vũ trường Monaco, lúc đó Trương Văn Cam chưa có phần hùn ở đấy. Đến năm 2000 Trương Văn Cam mới có phần hùn ở vũ trường Monaco.

Còn ở vũ trường Phi Thuyền thì Trương Văn Cam không có phần hùn, và sông bạc của Quốc Lũ thì Trương Văn Cam cũng không có phần hùn.

Như vậy việc Dung Hà quậy phá ở vũ trường Phi Thuyền và sông bạc của Quốc Lũ ở Biên Hòa chẳng những

không làm thiệt hại đến quyền lợi của Trương Văn Cam mà còn có lợi cho Trương Văn Cam. Bởi vì một số khách ở vũ trường Phi Thuyền sẽ dời sang vũ trường Monaco và các con bạc ở Biên Hòa sẽ chạy về sòng bạc quận 8 của Trương Văn Cam.

Việc quấy phá của Dung Hà tại vũ trường Phi Thuyền và sòng bạc của Quốc Lũ không làm thiệt hại, thậm chí có lợi cho Trương Văn Cam thì tại sao Trương Văn Cam lại chủ mưu giết Dung Hà?

Điểm thứ ba: Ai thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê tại vũ trường Phi Thuyền? Trương Văn Cam hay Tống Viết Hòa? Trước khi vào làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền thì Nguyễn Tuấn Hải đã xin vào làm bảo kê ở nhà hàng Ra Khơi. Nhưng Trương Văn Cam đã trả lời: “Nhà hàng Ra Khơi doanh thu thấp và khách đến đây phần lớn là đứng đắn, không cần bảo kê, để anh đưa em qua bảo kê bên vũ trường Phi Thuyền, mỗi tháng 10 triệu”.

Trương Văn Cam nói như vậy là định giới thiệu Nguyễn Tuấn Hải cho Tống Viết Hòa (chủ vũ trường Phi Thuyền). Nhưng Trương Văn Cam chưa kịp trao đổi gì với Tống Viết Hòa thì Nguyễn Tuấn Hải đã vào làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền rồi.

Thực ra Nguyễn Tuấn Hải đã quen với Tống Viết Hòa từ trước như Hải đã khai nhận tại Cơ quan điều tra: “Tôi (Hải) quen biết anh Hòa từ năm 1998 thông qua anh Rớt là chồng của Giang, Giang hiện nay cặp bồ với anh Hòa. Anh Rớt hiện nay đang sinh sống ở nước Mỹ” (Bút lục 331, tập hồ sơ V1, T3).

Tuy trước khi Nguyễn Tuấn Hải chính thức vào làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền, Trương Văn Cam có cho

Nguyễn Tuấn Hải 10 triệu đồng là để giúp đỡ Nguyễn Tuấn Hải, đàn em của mình lúc đầu gặp khó khăn.

Nhưng theo tôi chính Tống Viết Hòa là người đã thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê tại vũ trường Phi Thuyền chứ không phải Trương Văn Cam.

Nếu Tống Viết Hòa không thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê thì Nguyễn Tuấn Hải không có trách nhiệm gì phải trao đổi với Tống Viết Hòa về việc Dung Hà đã quậy phá tại vũ trường Phi Thuyền và chính Tống Viết Hòa đã yêu cầu Nguyễn Tuấn Hải đi gặp Dung Hà để thu xếp, nếu Dung Hà cản tiền thì Tống Viết Hòa sẽ đưa.

Nếu Tống Viết Hòa không thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê thì Nguyễn Tuấn Hải không thể tự động lấy xe Toyota 4 chỗ ngồi của vũ trường Phi Thuyền, sai Long Tây lái cùng với Hung, Trường mang theo 2 khẩu súng đi tìm Dung Hà trong đêm 29/9/2000.

Nếu Tống Viết Hòa không thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê thì Nguyễn Tuấn Hải không có tư cách gì để can thiệp 2 lần với bảo vệ của vũ trường Phi Thuyền thả đàn em của Dung Hà bị giữ vì quậy phá ở đây.

Nếu Tống Viết Hòa không thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê thì Hải không thể mang súng trong người tự do ra vào vũ trường Phi Thuyền mà không bị bảo vệ của vũ trường kiểm soát.

Nếu Tống Viết Hòa không thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê thì tại sao sau khi Dung Hà bị bắn chết, Tống Viết Hòa đã cho Nguyễn Tuấn Hải tổng cộng 30 triệu (Bút lục 391, 397, 403, tập hồ sơ V1, T3).

Chính Tống Viết Hòa tại phiên tòa Phúc thẩm này khi Hội Đồng Xét Xử thẩm vấn, đã phải thừa nhận có quan

hệ khá thân thiết với Nguyễn Tuấn Hải. Tất nhiên theo tôi Tống Viết Hòa là người đã thuê Nguyễn Tuấn Hải làm bảo kê ở vũ trường Phi Thuyền chứ không phải Trương Văn Cam. Nhưng Tống Viết Hòa có phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ giết Dung Hà hay không, đó là nhiệm vụ của Cơ quan điều tra sẽ làm rõ.

Theo quy luật nếu Tống Viết Hòa thuê Năm Cam và Năm Cam thuê lại Nguyễn Tuấn Hải thì Tống Viết Hòa phải trực tiếp trao đổi về tình hình quây phá ở vũ trường Phi Thuyền với Trương Văn Cam trong khi đó thực tế Tống Viết Hòa chỉ trao đổi trực tiếp với Nguyễn Tuấn Hải về tình hình quây phá ở vũ trường Phi Thuyền mà không trao đổi gì với Trương Văn Cam.

Điểm thứ tư: Sự thật số tiền 90 triệu hoặc số tiền 1,5% trong 3% doanh thu của nhà hàng Ra Khơi mà Tống Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam là tiền gì?

Vấn đề này Trương Văn Cam và Tống Viết Hòa đã khai khác nhau tại phiên tòa Phúc thẩm này.

Theo Trương Văn Cam số tiền trên Tống Viết Hòa không đưa trực tiếp cho Cam mà đưa cho con gái của Trương Văn Cam là Trương Thị Lan vì Lan làm kế toán cho nhà hàng Ra Khơi là nơi Tống Viết Hòa có phần hùn.

Trương Văn Cam nhận 90 triệu là để trừ 20 cây vàng mà Tống Viết Hòa đã mượn của Trương Văn Cam.

Như Trương Văn Cam đã khai tại Cơ quan điều tra “Lúc này tôi điện thoại cho chú Hòa: “Anh lấy 90 triệu là đủ rồi coi như trừ số vàng 20 lượng mà em mượn của anh trước đây” (Bút lục 297, tập hồ sơ V1, T2).

Sau đó Tống Viết Hòa đã đưa tiếp Trương Văn Cam, 30 triệu nữa. Nhưng Trương Văn Cam không nhận

và dặn Trương Thị Lan không nhận số tiền trên của Tống Viết Hòa.

Tôi cho rằng sự giải thích trên đây của Trương Văn Cam đã rõ ràng.

Số tiền 90 triệu mà Tống Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam là để trả số nợ 20 cây vàng mà Tống Viết Hòa đã mượn của Trương Văn Cam.

Nói rõ ra đây không phải là số tiền Tống Viết Hòa thuê Trương Văn Cam làm bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền và Trương Văn Cam dùng số tiền đó để thuê lại Nguyễn Tuấn Hải bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền.

Nhưng Tống Viết Hòa đã khai rằng số tiền khoảng 90 triệu là số tiền 1,5% trong 3% doanh thu của nhà hàng Ra Khơi. Theo sự thỏa thuận giữa Tống Viết Hòa và Trương Văn Cam thì số tiền 3% doanh thu trên được dành cho 2 người sử dụng để tiếp khách tại nhà hàng Ra Khơi.

Do phần hùn của Trương Văn Cam và Tống Viết Hòa tại nhà hàng này bằng nhau, mỗi bên 50% nên số tiền 3% doanh thu của nhà hàng Ra Khơi hai người cũng được sử dụng ngang nhau tức là 1,5%.

Do đó Tống Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam số tiền 1,5% trong 3% doanh thu của nhà hàng Ra Khơi nhưng thực chất đây là số tiền Trương Văn Cam được sử dụng để tiếp khách nghĩa là đây là tiền của Trương Văn Cam chứ không phải tiền riêng của Tống Viết Hòa đưa cho Trương Văn Cam.

Tóm lại, đây cũng không phải số tiền Tống Viết Hòa thuê Trương Văn Cam bảo kê cho vũ trường Phi Thuyền và Trương Văn Cam dùng một phần số tiền đó để thuê lại Nguyễn Tuấn Hải bảo kê vũ trường Phi Thuyền.

Thực tế Dung Hà đã có hàng loạt những việc làm quá đáng mà Nguyễn Tuấn Hải cho là đã làm nhục, đã đàn áp Nguyễn Tuấn Hải. Những hành động đó như: Yêu cầu Nguyễn Tuấn Hải phải chia phần doanh thu tại tiệm hớt tóc Văn cho đàn em của Dung Hà, cho người đem 2 xô phân đổ vào tiệm hớt tóc của Nguyễn Tuấn Hải, gỡ máy lạnh ở tiệm hớt tóc của Nguyễn Tuấn Hải đem về nhà của Vũ Hoàng Dung để sử dụng, 2 lần quây phá ném mắm tôm, phân người và chuột chết ra sàn nhảy của vũ trường Phi Thuyền nơi Nguyễn Tuấn Hải đang làm bảo kê.

Chính tại Cơ quan điều tra Nguyễn Tuấn Hải đã tự khai: “Tôi rất xấu hổ vì bị chị Dung Hà làm nhục như vậy” (Bút lục 460, tập hồ sơ V1 T3), “Chị Dung đàn áp tôi nhiều quá” (Bút lục 408, tập hồ sơ V1 T3).

Theo tôi chính Nguyễn Tuấn Hải là người có mâu thuẫn sâu sắc với Dung Hà nên đã tổ chức giết nạn nhân. Với tất cả những phân tích trên đây, tôi thấy có đủ cơ sở để xin khẳng định với Quý Tòa là Trương Văn Cam không phạm tội giết người với vai trò chủ mưu.

II. Về tội đưa hối lộ: Tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Trương Văn Cam 3 điểm sau đây:

• **Hoàn cảnh, nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo:**

Trước khi Trương Văn Cam đưa hối lộ ở Hà Nội năm 1995 và sau này đưa hối lộ cho một số cán bộ Công an thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã từng làm cơ sở bí mật cho Phòng Cảnh sát Hình sự Công an Thành phố. Chính do có một thời gian làm cơ sở bí mật cho lực lượng Công an nên bị cáo đã có điều kiện tiếp cận, quen biết với một số cán bộ Công an cấp Thành phố.

Tôi nghĩ rằng Trương Văn Cam nhận làm cơ sở bí mật cho lực lượng Công an là thể hiện bị cáo muốn từng bước từ bỏ con đường giang hồ, muốn bước ra khỏi vùng lầy tội lỗi. Lẽ ra các

cán bộ Công an đó phải giáo dục giúp đỡ bị cáo trở thành một người lương thiện. Nhưng ở đây họ đã nắm tay Trương Văn Cam cùng đi sâu xuống vùng lầy tội lỗi.

Giá như Trương Văn Cam được tiếp cận với những cán bộ Công an có phẩm chất đạo đức tốt, vững vàng, kiên định thì tình hình đã có thể khác. Và số phận của Trương Văn Cam sẽ không bi thảm như hiện nay.

Trương Văn Cam có chủ động trong việc tổ chức đưa hối lộ ở Hà Nội và sau này ở thành phố Hồ Chí Minh không?

• Việc đưa hối lộ ở Hà Nội:

Trước khi bị bắt đưa đi cải tạo 1995, Trương Văn Cam chỉ đưa cho Trần Văn Thuyết 10 ngàn đô la Mỹ tương đương với 110 triệu đồng Việt Nam tính theo tỷ giá giữa đồng bạc Việt Nam và đồng đô la Mỹ vào thời điểm đó.

Sau đó thì Trương Văn Cam bị giam tại trại cải tạo Thanh Hà đến hơn 8 tháng sau mới được thăm nuôi, tiếp xúc với gia đình.

Ở nhà vì thương em, thương chồng, thương cha vợ nên bà Trương Thị Sầm, Phan Thị Trúc và Dương Ngọc Hiệp đã sử dụng số tiền vay ngân hàng 720 triệu từ việc thế chấp căn nhà số 91 Lý Tự Trọng, quận 1 khi Trương Văn Cam còn ở nhà, chưa bị bắt đi cải tạo và bán chiếc xe của bà Trương Thị Sầm được 28 ngàn đô la Mỹ, tổng cộng là 720 triệu và 28 ngàn đô la Mỹ để đưa hối lộ cho Trương Văn Cam được tha về sớm.

Tuy Dương Ngọc Hiệp đã khai vào sáng ngày 1/10/2003 vừa qua là khi thăm Trương Văn Cam ở trại cải tạo, Dương Ngọc Hiệp có báo việc đưa tiền cho Trần Văn Thuyết, Trương Văn Cam đã đồng ý tiếp tục lo.

Tôi nghĩ rằng do tâm trạng của Trương Văn Cam lúc đó mong muốn sớm được tha về với gia đình nên đã đồng ý với ý kiến đề xuất của Dương Ngọc Hiệp.

Nhưng thực tế Trương Văn Cam không chỉ đạo Hiệp đưa tiền cụ thể cho người nào. Chính Dương Ngọc Hiệp cũng đã khai tại phiên tòa Phúc thẩm này như sau: “Tôi chỉ nói với ba vợ tôi là có đưa tiền cho Trần Văn Thuyết chứ không nói lo cho ai, vì trong trại giam không được nói nhiều”.

• Về việc đưa hối lộ cho một số cán bộ Công an cấp Thành phố đối với sòng bạc ở quận 8:

Tô Văn Tốt là một tay cờ bạc chuyên nghiệp ở quận 8, trước khi cùng với Trương Văn Cam mở sòng bạc tại quận 8 thì Tô Văn Tốt đã từng mở sòng bạc ở đây. Chính Tô Văn Tốt đã chủ động rủ Trương Văn Cam mở sòng bạc này.

Tiền hùn vào sòng bạc lúc đầu giữa Trương Văn Cam và Tô Văn Tốt bằng nhau, tiền lời thu từ sòng bạc cũng được chia bằng nhau giữa hai người.

Riêng tiền ngoại giao, có một phần là tiền đưa hối lộ thì Tô Văn Tốt lấy nhiều hơn. Mỗi ngày Tô Văn Tốt lấy 2,6 triệu theo lời khai của Nguyễn Văn Nhã tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa này, còn Trương Văn Cam chỉ lấy 2 triệu mỗi ngày.

Như vậy Tô Văn Tốt là người chủ động hay Trương Văn Cam là người chủ động trong việc tổ chức đưa hối lộ ở quận 8. Vấn đề này tôi thấy chưa rõ.

• **Trương Văn Cam đã trực tiếp đưa hối lộ ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trên hay dưới 300 triệu?**

– Ở Hà Nội 1995 Trương Văn Cam chỉ trực tiếp đưa cho Trần Văn Thuyết 10 ngàn đô la Mỹ tương đương với 110 triệu đồng Việt Nam theo tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ và đồng bạc Việt Nam thời điểm đó.

– Còn ở thành phố Hồ Chí Minh số tiền ngoại giao lấy từ sòng bạc quận 8 là 398 triệu đồng Việt Nam, Trương Văn Cam đã chi vào 4 khoản sau đây:

+ Cho tiền một số cán bộ Công an cấp Thành phố. + Cho tiền một số nhà báo.

+ Cho tiền một số đàn em giang hồ.

+ Chi một số việc khác như làm tù thiện chẳng hạn. Nhưng theo tôi chỉ có số tiền đưa cho một số cán bộ Công an cấp Thành phố mới được coi là đưa tiền hối lộ, còn các khoản như tiền cho các nhà báo, tiền cho các tay giang hồ, tiền chi vào các việc khác thì không thể coi là tiền đưa hối lộ mặc dù tất cả số tiền đó đều là số tiền phi pháp.

Vậy Trương Văn Cam đã đưa cho cán bộ Công an cấp Thành phố là bao nhiêu? Bị cáo đã khai tại phiên tòa Phúc thẩm này vào sáng ngày 24/9 cụ thể như sau: Cho tiền và đi nhậu với Dương Minh Ngọc: 16 triệu, cho Võ Văn Tâm: 18 triệu, cho Quang Hữu Dũng để trả tiền thuê bao điện thoại di động 20 triệu, cho Nguyễn Mạnh Trung 500 đô la Mỹ và 10 triệu – tổng cộng 17 triệu. Riêng đối với Nguyễn Mạnh Trung bị cáo đã phủ nhận nhưng tôi cũng tính vô luôn thì tổng số tiền mà Trương Văn Cam đưa hối lộ tại thành phố Hồ Chí Minh là 61 triệu. Cộng với 110 triệu đưa hối lộ ở Hà Nội thì tất cả số tiền Trương Văn Cam trực tiếp đưa hối lộ ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là 171

triệu. Trong khi đó theo Điều 289, Khoản 4, Điểm a, Bộ luật Hình Sự 1999 quy định người nào đưa hối lộ mà của hối lộ từ 300 triệu trở lên thì mới có thể bị phạt đến mức án cao nhất là tù hình.

Với tất cả những điểm mà tôi đã trình bày trên, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét, giảm hình phạt cho bị cáo Trương Văn Cam, buộc bị cáo phải chịu mức án tù chung thân là phù hợp. Trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- Luật sư **Nguyễn Đăng Trừng**

3.

Phản tranh luận tại phiên tòa Phúc thẩm xét xử vụ án Trương Văn Cam

Từ ngày 19 tháng 9 đến ngày 15 tháng 11 năm 2003

Kính thưa Quý Tòa,

Trước hết về cơ bản tôi xin phép được bảo lưu tất cả những nội dung mà tôi đã trình bày với Quý Tòa sáng nay. Tuy vậy sau khi nghe ý kiến tranh luận của vị đại diện Viện Kiểm Sát, tôi xin phép Quý Tòa được phát biểu một số điểm bổ sung để Quý Tòa xem xét thêm.

Về tội giết người với vai trò chủ mưu

1. Có phải Trương Văn Cam chủ trương sử dụng Nguyễn Tuấn Hải là giang hồ miền Bắc để giết Dung Hà không? Theo tôi là không phải.

Trong vụ tạt acid Lê Ngọc Lâm, Cơ quan điều tra cho rằng giang hồ miền Bắc dám sử dụng vũ khí nóng (súng đạn) còn giang hồ miền Nam thì không dám sử dụng những thứ này. Từ đó xác định Trương Văn Cam đã chỉ đạo Nguyễn Tuấn Hải, một tay giang hồ Hà Nội tổ chức giết Dung Hà. Tôi đọc trong hồ sơ vụ án cũng thấy Trương Văn Cam đã khai tại Cơ quan điều tra: “Thông

thường giang hồ miền Bắc chơi vũ khí nóng (súng đạn), còn giang hồ miền Nam thì không dám chơi những thứ này” (Bút lục 297V, tập hồ sơ V1 T2).

Nhưng tại phiên tòa Phúc thẩm này Trương Văn Cam đã phủ nhận lời khai trên và cho rằng sở dĩ bị cáo sử dụng Dung Hà là giang hồ Hải Phòng tạt acid Lê Ngọc Lâm vì sử dụng Dung Hà thì Lê Ngọc Lâm khó phát hiện ai đã chỉ đạo tạt acid nạn nhân.

Thật sự tôi rất ngạc nhiên, một người như Trương Văn Cam từ lúc 15 tuổi đã bước vào con đường giang hồ, đã hùng cứ trên vùng đất dữ Tồn Đản, quận 4, Sài Gòn nổi tiếng du đảng, đâm chém trước ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng năm 1975 lại có thể có một nhận định, một lời khai như thế. Một nhận định, một lời khai hoàn toàn không đúng với sự khách quan. Bởi vì Quý Tòa cũng đã biết:

“Ở đâu cũng có anh hùng

Ở đâu cũng có người khùng, người điên.”

Đã là giang hồ, du đảng thứ thiệt thì dù ở miền Bắc, miền Trung hay miền Nam thì vũ khí nóng, vũ khí lạnh (dao, kiếm...) họ đều sử dụng hết, nhưng chỉ có điều họ làm, họ nhận chứ không đổ tội cho người khác.

2. Cần xem xét lại căn cứ để xác định Trương Văn Cam là chủ mưu trong vụ giết Dung Hà.

Trong khi xác định Trương Văn Cam phạm tội giết người với vai trò chủ mưu, Cơ quan điều tra chủ yếu chỉ dựa vào lời khai của Nguyễn Tuấn Hải.

Tuy tại Cơ quan điều tra lời khai của Nguyễn Tuấn Hải và lời khai của Trương Văn Cam có phù hợp nhau.

Nhưng tại phiên tòa Phúc thẩm này lời khai của Trương Văn Cam với lời khai của Nguyễn Tuấn Hải khác

nhau và Trương Văn Cam đã khẳng định bị cáo không phạm tội giết người với vai trò chủ mưu.

Do đó tôi đề nghị Quý Tòa xem xét lại cơ sở để xác định Trương Văn Cam đã phạm tội giết người với vai trò chủ mưu.

Về tội đưa hối lộ

1. Tôi cho rằng Cơ quan điều tra cũng như tòa Sơ thẩm chưa phân biệt, chưa tách bạch rõ ràng giữa tiền ngoại giao và đưa hối lộ.

Trong thực tế muốn duy trì các sông bạc tiếp tục hoạt động, Trương Văn Cam cần 3 loại bảo kê:

Thứ nhất: Bảo kê mặt dư luận: phải cho tiền một số nhà báo.

Thứ hai: Bảo kê về xã hội: phải cho tiền các tay giang hồ để khi xảy ra các vụ quấy phá các sông bạc thì sử dụng họ để giải quyết thay vì nhờ đến lực lượng Công an can thiệp.

Thứ ba: Bảo kê về mặt pháp luật: phải cho tiền một số cán bộ Công an để họ lơ đi, không kiểm tra, xử lý.

Nhưng về mặt pháp luật tiền các nhà báo, tiền cho các tay giang hồ không phải là tiền đưa hối lộ mà chỉ có tiền đưa cho các cán bộ Công an Thành phố mới là tiền đưa hối lộ.

Về số tiền đưa hối lộ, tôi đã đề nghị bị cáo Trương Văn Cam khai rất thoải mái, không giảm bớt cho ai. Về phần tôi, tôi cũng tính rất thoải mái. Cụ thể số tiền Trương Văn Cam khai... đã cho Nguyễn Mạnh Trung 500 đô la Mỹ và 10 triệu đồng mặc dầu Nguyễn Mạnh Trung đã nhiều lần phủ nhận. Hoặc số tiền Trương Văn Cam đưa cho Trần Văn Thuyết là 10 ngàn đô la Mỹ và Thuyết chỉ nhận 7 ngàn đô la Mỹ. Nhưng tôi cũng tính đủ 10 ngàn đô la Mỹ.

Mặc dầu tôi đã tính rất rộng rãi nhưng số tiền mà Trương Văn Cam trực tiếp đưa hối lộ có 171 triệu đồng.

2. Cho dù Quý Tòa vẫn xác định Trương Văn Cam là người chủ mưu trong việc đưa hối lộ ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thì theo tôi Quý Tòa chỉ nên buộc Trương Văn Cam phải chịu trách nhiệm về số tiền mà bị cáo trực tiếp đưa hối lộ tức 171 triệu là phù hợp vì 2 lý do sau đây:

Thứ nhất: Vai trò chủ mưu là một tình tiết tăng nặng hình phạt đối với bị cáo được quy định tại Điều 3, Khoản 2, Bộ luật Hình Sự năm 1999. Cụ thể về nguyên tắc xử lý là: “Nghiêm trị kẻ chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy”.

Thứ hai: Số tiền 65 ngàn đô la Mỹ đưa hối lộ ở Hà Nội đã có các bị cáo Dương Ngọc Hiệp, Phan Thị Trúc và Trần Văn Thuyết chịu trách nhiệm. Số tiền 501 triệu đưa hối lộ cho các cán bộ công an cấp quận, phường ở quận 8 đã có các bị cáo như Nguyễn Văn Nhã, Nguyễn Thanh Thảo, Nguyễn Khánh Quốc, Tạ Đức Lung và Nguyễn Xuân Liệu chịu trách nhiệm.

Nên theo tôi không cần thiết buộc Trương Văn Cam phải chịu trách nhiệm thêm một lần nữa trên những số tiền đưa hối lộ đã có các bị cáo khác chịu trách nhiệm rồi.

3. Vị đại diện Viện Kiểm Sát cho rằng tôi đã đổ tội cho người đã chết là ông Tô Văn Tốt tức Ba Mạnh. Thật lòng tôi không làm chuyện này. Chính vì thế mà tôi không sử dụng lời khai của Trương Văn Cam mà sử dụng lời khai của Nguyễn Văn Nhã mà Nguyễn Văn Nhã thì không mâu thuẫn gì với Trương Văn Cam và Tô Văn Tốt nên lời khai của Nguyễn Văn Nhã là khách quan.

Chính tòa Sơ thẩm và các vị đại diện Viện Kiểm Sát cũng thừa nhận lời khai của Nguyễn Văn Nhã là đúng:

Nguyễn Văn Nhã đã khai về tiền ngoại giao đối với sòng bạc ở quận 8: Tô Văn Tốt lấy 2,6 triệu đồng, còn Trương Văn Cam chỉ lấy 2 triệu đồng.

Chính vì cho rằng lời khai của Nguyễn Văn Nhã là đúng nên tòa Sơ thẩm mới tính ra được số tiền 398 triệu đồng và 501 triệu đồng.

Tôi nghĩ rằng nếu ông Tô Văn Tốt được sống lại thì ông ta cũng phải thừa nhận rằng các con số 2,6 triệu đồng và 501 triệu đồng phải lớn hơn 2 triệu đồng và 398 triệu đồng. Chẳng lẽ ông Tô Văn Tốt lại nói ngược lại.

Mà theo lẽ bình thường ở trên đời này thì ai nhận tiền nhiều hơn thì người đó phải có quan trọng hơn. Xin cảm ơn Quý Tòa.

- Luật sư Nguyễn Đăng Trưng

Vụ án Năm Cam khép lại với 5 bị cáo bị kết án tử hình: Năm Cam, Châu Phát Lai Em, Nguyễn Việt Hưng, Nguyễn Hữu Thịnh, Phạm Văn Minh. 151 bị cáo còn lại tùy mức độ phạm tội mà bị phạt tiền hoặc tù giam. Vợ Năm Cam, bị cáo Phan Thị Trúc lãnh án tù 12 năm. Ngày 3/6/2004, Năm Cam và các bị cáo bị tuyên án tử hình đã bị thi hình án tử tại trường bắn Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

D. Hỏi – Đáp

Dương Ngọc Hàn : Năm Cam là một nhân vật khét tiếng với nhiều tội ác và gây hại cho xã hội, lúc đó mặc dù có chỉ định của tòa án nhưng bản thân luật sư cũng thật sự muốn bào chữa cho bị cáo này. Luật sư nhận định như thế nào về quyền được bào chữa của kẻ thủ ác trước tòa?

Luật sư Nguyễn Đăng Trưng : Hiện nay trong xã hội ta còn tồn tại một tư tưởng, một quan niệm của một số người cho rằng các bị cáo phạm những tội đặc biệt nghiêm trọng (hay theo họ là “phạm những tội tày trời”) thì không việc gì phải bào chữa cho các bị cáo này. Thậm chí họ còn lên án những luật sư nào nhận bào chữa cho các bị cáo đó.

Theo tôi đó là một tư tưởng, một quan niệm sai lầm, không phù hợp với một xã hội văn minh và thượng tôn pháp luật. Bởi vì quyền bào chữa là quyền cơ bản của các bị cáo, cho dù bị cáo đã phạm những tội nghiêm trọng nhất. Quyền này đã được Liên Hợp Quốc công nhận và luật pháp hầu hết các nước trên thế giới đều quy định quyền này của bị cáo. Chính vì thế mà sau chiến tranh thế giới thứ II, các cộng sự của Hitler phạm tội ác chiến tranh đã bị đưa ra xét xử tại Tòa Án Quốc Tế Nuremberg đều có luật sư bào chữa. Gần đây Tòa án được Liên Hiệp Quốc bảo trợ tại Campuchia xét xử các thủ lĩnh Khmer Đỏ phạm tội diệt chủng cũng đều có các luật sư bào chữa cho các bị cáo này.

E. Luật sư bào chữa cho Năm Cam: “Chuyện chưa bao giờ tiết lộ với báo chí”

Những năm 2002 - 2004, vụ án Năm Cam cùng đồng bọn gây chấn động cả nước cả về quy mô cũng như số lượng bị cáo bị đưa ra trước vành móng ngựa. Để tham gia bào chữa trong vụ án này, mà là bào chữa cho “ông trùm” Năm Cam – nhân vật chính của vụ án, luật sư Nguyễn Đăng Trưng đã phải trải qua biết bao “thử thách”. Dưới

đây là cuộc phỏng vấn độc quyền của hai nhà báo Công Thu - Việt Thu với Luật sư Nguyễn Đăng Trừng về những điều ông chưa bao giờ tiết lộ với báo chí.

Năm Cam chỉ chọn Luật sư Trừng bào chữa cho mình

- Thưa ông, ông có bất ngờ khi biết từ trong trại giam Năm Cam nhờ ông bào chữa không?

Tôi không bất ngờ lắm, vì trước đó tôi cũng đã được biết đến trong một số vụ án lớn.

- Có nhiều thông tin cho rằng thời điểm đó gia đình Năm Cam không nhờ ông bào chữa cho “ông trùm”, có đúng vậy không?

Đúng, ban đầu các con của Năm Cam không nhờ tôi, mà nhờ một luật sư có danh tiếng tại Hải Phòng. Tuy nhiên Năm Cam không chịu mà kiên quyết mời tôi làm luật sư bào chữa. Lần đầu tiên khi tôi vào gặp, Năm Cam có nói thế này: “Trước khi bị bắt tôi đã cố gắng tìm gặp luật sư nhưng không kịp, sau này không cách nào tôi liên hệ được với luật sư vì tôi bị bắt rồi. Tôi chỉ tin nhiệm luật sư thôi, tôi biết tội tôi thì nặng lắm, nhưng nếu luật sư bào chữa cho tôi, mà tôi có chết thì tôi cũng cam, chứ còn người khác thì tôi không yên tâm”. Cũng chính bởi câu nói này của Năm Cam mà tôi quyết tâm phải theo vụ này đến cùng mặc dù gặp không ít khó khăn và thử thách.

- Những khó khăn và thử thách mà ông nói là gì? Lúc đó, Pháp lệnh luật sư năm 2001 quy định, chỉ có văn phòng luật sư mới được bào chữa cho các bị cáo. Còn các công ty luật chỉ được tư vấn luật thôi.

Tôi lại là giám đốc Công ty Luật Sài Gòn nên rất nhiều ý kiến, toàn những người giữ vai trò chủ chốt trong

ngành luật, cho rằng tôi không đủ điều kiện để bào chữa cho Năm Cam.

- Những người chủ chốt nói ông không đủ điều kiện bào chữa cho Năm Cam mà ông nói tôi là những ai?

Trước khi diễn ra phiên tòa Sơ thẩm, một tờ báo đăng tải liên tục nhiều bài viết từ ngày 16/12/2002 đến 16/1/2003 nói về tính pháp lý của việc tôi có đủ điều kiện để bào chữa cho Năm Cam hay không. Những bài báo đó đã đăng tải ý kiến của 3 người.

Thứ nhất là Bộ trưởng Bộ Tư pháp đương nhiệm lúc bấy giờ là ông Nguyễn Đình Lộc.

Thứ hai ông Nguyễn Văn Luyện, Hiệu trưởng trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ ba là Phó Chánh án thường trực Tòa Án Nhân Dân Tối Cao Mai Ngọc Trinh.

Cả ba nhân vật này đều nói tôi không đủ điều kiện để bào chữa cho Năm Cam.

- Làm cách nào để ông có thể vượt qua những “cửa ải” đó?

Trước tình hình khó khăn, tôi vẫn không chùn bước, bởi tôi nắm một điều hết sức cơ bản, đó là Năm Cam chỉ nhờ mình thôi. Gia đình Năm Cam nhờ người khác nhưng điều đó không quan trọng, vì một khi ý của gia đình mà khác với ý của bị cáo thì chọn quyết định của bị cáo. Tôi nắm hai điều thuận lợi, đó là Năm Cam chỉ nhờ tôi và tòa cũng chỉ định tôi bào chữa cho Năm Cam.

Bên cạnh đó, để đủ điều kiện là luật sư bào chữa cho bị cáo theo Pháp lệnh luật sư năm 2001, tôi quyết định rút ra khỏi Công ty Luật Sài Gòn, giao cho người em làm giám đốc công ty. Tôi nộp hồ sơ vào làm tại văn phòng luật sư có trụ sở tại quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi trở thành nhân viên của văn phòng luật sư ấy. Vậy là không còn có lý do nào nữa để nói tôi không thể bào chữa cho Năm Cam.

- Tại sao ông phải làm nhiều việc vậy chỉ để được bào chữa cho Năm Cam?

Năm Cam đã nhờ mình, tín nhiệm mình thì mình phải có trách nhiệm nên tôi quyết làm cho bằng được. Với lương tâm của một luật sư, tôi không được phép không đáp ứng cái yêu cầu của thân chủ mình.

Thêm vào đó khi danh dự và lòng dũng cảm của tôi bị thử thách, tôi lại muốn “chiến đấu” hết mình. Cuối cùng, tôi được bào chữa cho Năm Cam.

May mắn vì gặp được quý nhân

- Thưa ông, ngoài những khó khăn mà ông gặp phải, trong quá trình “chiến đấu” giành quyền bào chữa cho thân chủ của mình ông có gặp được “quý nhân” nào giúp đỡ ông không?

Trong “cuộc chiến” giành quyền bào chữa cho Năm Cam, tôi cũng có nhiều người giúp đỡ. Tôi có nhiều kẻ thù nhưng cũng có nhiều quý nhân.

Thứ nhất là hầu hết các tờ báo lúc bấy giờ có ý kiến trung lập hoặc không đưa tin về việc tôi có đủ điều kiện bào chữa cho Năm Cam hay không. Điều này giúp tôi giảm bớt áp lực từ phía dư luận.

Thứ hai, người chủ tọa phiên tòa đó nguyên là một Phó Chánh án Tòa Án Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã ủng hộ cho tôi bào chữa cho Năm Cam. Ông không nói ra nhưng cách ông làm việc là tôi biết ông ấy đang ủng hộ tôi. Bất cứ lúc nào tôi cần gặp Năm Cam thì đều cấp giấy cho tôi vào, ông không nói gì hết, chỉ hành động thôi.

Khoảng vài ngày tôi lại vào gặp Năm Cam một lần, gặp vậy cũng có tác dụng lớn. Tôi được bào chữa là một thắng lợi lớn, về mặt danh dự thì mình làm được rồi.

“Tôi đã làm hết sức để Năm Cam được sống, nhưng...”

- Dư luận ngày đó rất khủng khiếp, ai cũng muốn và tin rằng Năm Cam sẽ bị tử hình. Khi ông nhận bào chữa cho Năm Cam tức là ông đang đi ngược lại số đông. Lúc đó, ông có bị áp lực hay sợ không?

Tôi bị thử thách quen rồi. Cả trước đây và bây giờ, nhiều người cho rằng, đã phạm tội nặng và chắc chắn phải nhận án tử thì khỏi bào chữa. Bào chữa chỉ định cũng chỉ là thủ tục cho có. Đó là một quan niệm hoàn toàn sai của một xã hội không văn minh.

Quyền được bào chữa là quyền cơ bản nhất của bị cáo, không những luật pháp của mỗi nước công nhận, mà Liên Hợp Quốc cũng phải công nhận quyền này. Chính vì vậy nên Khmer đỏ cũng được xét xử, cũng được bào chữa. Hitler và những kẻ mang tội ác chiến tranh cũng được bào chữa... Chúng tôi quyền được bào chữa là quyền hết sức cơ bản, tất cả luật sư phải có trách nhiệm bào chữa.

Nếu mình sợ dư luận thì có hai cách: một là mình không dám bào chữa, hai là mình bào chữa cho có để mình có tên trong vụ Năm Cam, để mình được nổi tiếng. Riêng tôi không như vậy, tôi làm thực sự, bào chữa thực sự, kể cả những vụ án liên quan đến an ninh quốc gia, tôi cũng cãi thật sự mà không sợ bị chụp mũ.

- Ông có niềm tin nào Năm Cam được thoát án tử hình?

Khi quyết định bào chữa tôi đã dự đoán tình hình xấu nhất, mình cũng thấy cái tình hình xấu nhất đang

bị đưa ra trước mặt mình. Nhưng trách nhiệm luật sư là mình phải làm hết sức. Mình cũng có lòng tin và mình làm hết sức, còn nước còn tát. Cái tự tin của luật sư rất quan trọng và mình phải hết lòng với nó, với bị cáo.

Thực lòng tôi muốn cứu Năm Cam, làm hết sức chứ không phải đấu tranh để được bào chữa, nhằm được nổi tiếng.

- Khi nhận bào chữa, ông tiên đoán tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Vậy ông có trao đổi với Năm Cam trước về việc này không? Năm Cam có thái độ gì không?

Tôi có nói với Năm Cam rằng, vụ án của anh là rất khó, nhưng tôi sẽ cố gắng hết sức. Lúc đó, Năm Cam có cảm ơn tôi. Năm Cam nói (tôi cho là nói thật): “Tôi có chết tôi cũng nhờ anh”.

- Ông tiếp xúc với Năm Cam, ông đánh giá con người Năm Cam thế nào?

Theo tôi, Năm Cam là người có bản lĩnh. Nói về đám giang hồ thì Năm Cam là người có thể tập hợp được người khác, có yếu tố để trở thành một thủ lĩnh. Là người khôn ngoan, lễ độ, nhẹ nhàng. Trông bề ngoài rất hiền, nếu chỉ gặp Năm Cam ngoài đường không ai nghĩ Năm Cam là tên du đảng cả.

- Tiếp xúc với Năm Cam, ông có lúc nào nghe Năm Cam nói có hối hận về những việc mình đã gây ra không, thưa ông?

Năm Cam từng tâm sự muốn “gác kiếm”, làm ăn lương thiện. Đó là thời điểm trước khi Năm Cam có mối quan hệ giang hồ với Dung Hà, Hải Bánh. Năm Cam từng làm đặc tình cho công an, có nghĩa là anh ta đã có ý định quay đầu, nhưng môi trường sống của anh ta lại không cho phép anh ta làm điều đó.

Trong bài bào chữa cho Năm Cam, tôi có nói: “Cây cam trồng ở Giang Bắc thì nó ngọt, trồng ở Giang Nam thì nó chua”. Hoàn cảnh, môi trường sống quyết định con người. Nếu Năm Cam thay đổi được môi trường, gặp được những người tốt thì có thể cuộc đời Năm Cam đã khác.

- Tiếp xúc với con cái Năm Cam, ông thấy họ nói về Năm Cam thế nào?

Bên ngoài, có thể Năm Cam là một tội phạm nguy hiểm, nhưng trong nhà Năm Cam vẫn là người cha. Gia đình Năm Cam có nhiều người vướng vào tù tội, những người bị bắt giam, tôi không có cơ hội tiếp xúc. Những người không có liên quan, tôi thấy họ vẫn thương Năm Cam lắm. Cha con họ thương nhau, tìm cách cứu cha thoát án tử là chuyện thường.

- Khi Năm Cam bị tử hình, ông cảm thấy thế nào? Thật ra khi nhận bào chữa cho Năm Cam, tiếp xúc với Năm Cam mình lại thấy thương. Vì vậy Tết năm nào tôi cũng qua nhà thắp nhang cho Năm Cam. Có lẽ Năm Cam cũng là một trong những thân chủ mà tôi ấn tượng nhất trong cuộc đời bào chữa của mình.

Xin cảm ơn ông!

Công Thu – Việt Thu

Vụ án thú năm

ÁN TỬ CỦA NỮ BỊ CÁO NƯỚC NGOÀI BUÔN MA TÚY

A. Bối cảnh vụ án

Nữ bị cáo Donna Buenagua Mazon, người Philippines đã bị tòa kết án tử hình trong phiên xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị bắt quả tang vận chuyển trái phép 1.487,5482 gram ma túy tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Sau phiên tòa Phúc thẩm, cùng với sự bào chữa của luật sư Nguyễn Đăng Trùng và sự xuất hiện các tình tiết mới như kết quả giám định lại khối lượng ma túy ít hơn ban đầu báo án nên nữ bị cáo được giảm án xuống chung thân trong phán quyết cuối cùng.

B. Quá trình bào chữa của luật sư Nguyễn Đăng Trường

Lời nói sau cùng cảm động của một bị cáo bị xử tử

Chiều ngày 13 tháng 8 năm 2014, Tòa Án Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa sơ thẩm xét xử Donna Buenagua Mazon, quốc tịch Philippines can tội vận chuyển trái phép chất ma túy với Hội Đồng Xét Xử 5 người, nghĩa là đây là phiên tòa xét xử đối với một bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Tôi bào chữa cho bị cáo Donna Buenagua Mazon.

Donna Buenagua Mazon sinh năm 1975, làm nghề dạy khiêu vũ, đang không có việc làm, có 4 con đều là gái, cháu lớn nhất 18 tuổi, cháu nhỏ nhất 8 tuổi, ly dị chồng, trực tiếp phải nuôi các con.

Donna Buenagua Mazon phạm pháp quả tang (chỉ trường hợp vi phạm pháp luật bị bắt trực tiếp cùng với tang vật) với số lượng ma túy rất lớn: 1.487,5482 gram. Người nhờ bị cáo vận chuyển ma túy từ Brazil đến Việt Nam tên là Rudica, hứa trả cho bị cáo 3.000 USD và bị cáo đã nhận 1.500 USD. Bị cáo khai trước tòa 3.000 USD bằng 6 tháng lương bị cáo dạy khiêu vũ. Bị cáo cảm thấy việc mà Rudica nhờ là một việc không hợp pháp nhưng không biết đó là vận chuyển chất ma túy. Bị cáo khai tại Cơ quan điều tra: “Khi nhận cặp... từ người da đen, tôi có mở ra xem không thấy gì bên trong cặp. Tôi cảm nhận không có gì bất bình thường ở chiếc cặp đó”. Tuy vậy bị cáo đã khai trước tòa là bị cáo đã hỏi Rudica nhiều lần khi Rudica liên lạc với bị cáo qua điện thoại là có gì trong cặp không, nhưng

Rudica không trả lời và nói khi nào đến Việt Nam sẽ cho biết sau. Thực tế số lượng ma túy trên đã được cất giấu ở hai bên thành cặp táp. Bị cáo tự kiểm tra bằng mắt thường không thể thấy được, chỉ qua kiểm tra bằng thiết bị của Hải Quan sân bay Tân Sơn Nhất mới phát hiện được.

Vậy tại sao Donna Buenagua Mazon cảm thấy việc Rudica nhờ là bất hợp pháp nhưng lại chấp nhận. Bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra: “Tôi không có việc làm, do cần tiền để trang trải cuộc sống nên tôi đồng ý giúp Rudica... Tôi chưa biết làm gì cho Rudica nhưng vẫn đồng ý nhận lời vì tôi đang khó khăn, cần tiền để trang trải cho cuộc sống”.

Tóm lại, do nhất thời hám lợi bị cáo đã nhận lời vận chuyển ma túy cho người khác.

Vị đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh khi phát biểu đã đề nghị áp dụng Điểm b, Khoản 4, Điều 194 đối với bị cáo. Tôi không tranh luận với vị đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố về điểm này.

Vị đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố cũng đã nêu tất cả những tình tiết giảm nhẹ như nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thái độ khai báo thành khẩn tỏ ra ăn năn hối cải nhưng ông cho rằng số lượng ma túy quá lớn nên phải đề nghị mức án cao nhất.

Đây là trường hợp rất khó bào chữa bởi vì bị cáo phạm pháp quả tang, chứng cứ rõ ràng và số lượng ma túy phạm pháp rất lớn.

Nhưng may mắn cho tôi là khi đọc lại Nghị Quyết 01/HĐTP ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Hội Đồng Thẩm Phán tôi thấy tại Tiểu mục 3.5 của mục 3 của Nghị Quyết này hướng dẫn áp dụng Điều 194 Bộ Luật Hình Sự đã quy

định như sau: “Trường hợp... người phạm tội vì hám lợi bất thời (tức là tức thời hay nhất thời) mà vận chuyển ma túy thì có thể không phạt tử hình người phạm tội và tùy trường hợp cụ thể mà xử phạt người phạm tội tù chung thân...”.

Tôi đã đề nghị Hội Đồng Xét Xử áp dụng quy định trên đây của Nghị Quyết 01 đối với bị cáo Donna Buenagua Mazon và tha tội chết cho bị cáo để các con của bị cáo còn có được chỗ dựa tinh thần sau này. Bởi vì tôi biết rằng cho dù bị cáo không bị xử tử hình thì bị cáo cũng không còn điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con của bị cáo.

Sau khi kết thúc phần tranh luận giữa đại diện Viện Kiểm Sát và Luật sư, Tòa cho phép bị cáo nói lời sau cùng. Donna Buenagua Mazon đã phát biểu: “Tôi đề nghị Quý Tòa mở rộng lượng khoan hồng, xem xét và quyết định không xử án tử hình đối với tôi, tôi xin được sống không phải vì tôi mà vì các con của tôi”.

Khi nghe bị cáo phát biểu như trên, tôi thấy chị Lê Thị Phụng, Trưởng Lãnh sự danh dự Tòa Lãnh sự Philippines tại thành phố Hồ Chí Minh đã đưa tay gạt nước mắt, chị ấy đã khóc.

Thông thường đối với trường hợp phạm pháp quá tang như trường hợp Donna Buenagua Mazon thì nghị án rất nhanh, nhưng đối với trường hợp này thì Hội Đồng Xét Xử đã nghị án tương đối lâu. Nhưng cuối cùng tòa cũng tuyên bố xử tử hình đối với bị cáo Donna Buenagua Mazon.

Sau khi kết thúc phiên tòa, thư ký phiên tòa gặp tôi và báo với tôi là Thẩm phán Nguyễn Văn Hà, chủ tọa

phiên tòa mời tôi vào gặp ông ấy. Khi tôi vào gặp ông ấy nói với tôi: “Tôi rất ưu tu khi phải xử tử hình đối với bị cáo nhưng đây là quyết định của Hội Đồng Xét Xử, tôi đề nghị luật sư tiếp tục giúp đỡ bị cáo ở cấp phúc thẩm và cả việc gửi đơn đề nghị Chủ tịch nước, đề nghị tha tội chết cho bị cáo trong trường hợp cấp phúc thẩm y án sơ thẩm”.

Tôi ra về và lòng cảm thấy mình may mắn là đã gặp được một thẩm phán có lương tâm, có tấm lòng cho dù ông ấy đã không thể ủng hộ đề nghị của tôi đối với bị cáo Donna Buenagua Mazon, thân chủ của tôi.

Tôi biết nhiều nước trên thế giới đã bỏ án tử hình, riêng ở Châu Á, Philippines cũng đã bỏ án tử hình. Nhật Bản tuy còn giữ án tử hình nhưng cả nước mỗi năm xử nhiều nhất là một án tử hình, nhiều năm không có án tử hình nào. Và tuy có xử án tử hình nhưng trong thực tế các bản án tử hình này không bao giờ được thi hành.

Một vài thông tin thêm về vụ án Donna Buenagua Mazon

Sáng ngày 27/10/2014 tôi nhận được điện thoại từ thư ký tòa Phúc thẩm Tòa Án Nhân Dân Tối Cao tại thành phố Hồ Chí Minh thông báo vụ án Donna Buenagua Mazon “vận chuyển trái phép chất ma túy” sẽ xét xử phúc thẩm vào lúc 8 giờ sáng ngày 29/10/2014 và cho tôi biết khi tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Donna Buenagua Mazon yêu cầu được gặp luật sư.

Do ngày xét xử phúc thẩm quá cận kề nên tôi phải email ngay báo cho bà Grace Mandoza, luật sư của Donna Buenagua Mazon ở Philippines thông báo ngày xét xử trên để bà báo lại cho gia đình Donna biết.

Trước đây tôi có làm việc với luật sư Grace Mandoza, em trai, mẹ và con gái lớn nhất của Donna nhưng họ phải về nước ngay không ở lại được để dự phiên tòa Sơ thẩm, chỉ có đại diện Lãnh Sự Quán Philippines tham dự phiên tòa Sơ thẩm, phiên tòa Phúc thẩm này cũng không có người thân của bị cáo tham dự.

Nhận được email của tôi, luật sư Grace Mandoza đã trả lời ngay và đề nghị tôi khi bào chữa cho Donna Buenagua Mazon tôi cần nhấn mạnh là bị cáo đã nhận làm việc vận chuyển chỉ để có tiền nuôi 4 đứa con nhỏ. Donna hoàn toàn không biết mình vận chuyển ma túy, Donna đồng ý làm việc vận chuyển để kiếm tiền nuôi các con.

Trong email luật sư Grace Mandoza còn cho biết thêm: Donna là nạn nhân của các hành vi bạo hành. Cô ấy là một người vợ bất hạnh: Người chồng cũ đã đánh đập hành hạ cô ấy và sau đó khi sang Trung Quốc lại bị cưỡng hiếp.

Đây là một tình tiết không được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Nên khi vào trại giam gặp bị cáo cũng như tại phiên tòa tôi hỏi và bị cáo đã xác nhận: Cách đây hơn 8 năm Donna đã đến Trung Quốc ở đó một tuần lễ, hết hạn visa, Donna xin qua Hong Kong nhưng không được, phải tiếp tục ở lại Trung Quốc, Donna phải ngủ ở công viên. Một người đàn ông Bangladesh đến gặp Donna hứa giúp đỡ, thuê phòng cho Donna nghỉ và cưỡng hiếp Donna tại đó.

Khi về lại Philippines Donna biết mình đã có thai, một người bạn thân của Donna khuyên Donna bỏ cái thai đó. Nhưng Donna cương quyết giữ lại vì Donna cho rằng đứa bé trong bụng mình hoàn toàn vô tội, nó có quyền sống và phải được sống.

Chính vì thế mà trong 4 đứa con của Donna thì 3 đứa đầu mang họ của người chồng cũ còn đứa thứ tư, kết quả của việc Donna bị cưỡng hiếp đã mang họ của Donna.

Khi bào chữa cho bị cáo Donna Buenagua Mazon tôi đã đề nghị Hội Đồng Xét Xử xem xét cho bị cáo mấy điểm cụ thể như sau:

Thứ nhất: Donna Buenagua Mazon hoàn toàn không biết số hàng mà bị cáo mang giúp cho Rudica từ Brazil đến Việt Nam là ma túy. Tôi đã chứng minh bằng cách trích dẫn lời khai của Donna tại Cơ quan điều tra: “Khi nhận cặp... từ người da đen, tôi có mở cặp ra xem thì không thấy gì trong cặp. Tôi cảm nhận không có gì bất thường ở chiếc cặp đó”.

Thứ hai: Bị cáo ở vào một hoàn cảnh quá khó khăn về đời sống: bị chồng bỏ, một mình phải nuôi 4 đứa con nhỏ, lớn nhất 16 tuổi nhỏ nhất 8 tuổi. Nên tuy cảm thấy việc mà Rudica nhờ có gì đó bất hợp pháp nhưng do quá cần tiền để nuôi các con nên Donna đã đồng ý làm việc cho Rudica.

Tôi tiếp tục đề nghị như ở cấp sơ thẩm: Áp dụng cho bị cáo tiểu mục 3.5 Nghị Quyết 01/HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội Đồng Thẩm Phán Tòa Án Nhân Dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng Điều 194 Bộ Luật Hình Sự: “Trường hợp người phạm tội vì hám lợi bất thời (tức nhất thời) mà vận chuyển ma túy hộ thì có thể không xử phạt tù hình người phạm tội và tùy trường hợp cụ thể mà có thể xử phạt người phạm tội tù chung thân hoặc tù có thời hạn”. Ở đây bị cáo nhất thời quá cần tiền nên nhận vận chuyển ma túy.

Thứ ba: Donna Buenagua Mazon là một phụ nữ có thân phận rất đáng thương cần được sự khoan hồng đặc

biệt của Hội Đồng Xét Xử. Tôi đã nêu lại việc Donna bị người chồng cũ đánh đập, hành hạ và bị một người đàn ông Bangladesh hãm hiếp ở Trung Quốc.

Cuối cùng, tôi đã trình bày thêm với Hội Đồng Xét Xử là tôi đề nghị tha tội chết, xử tù chung thân đối với bị cáo không phải vì bị cáo mà vì các con của bị cáo để các con của bị cáo có chỗ dựa tinh thần, có điều kiện trưởng thành sau này. Bởi vì tôi biết rất rõ rằng cho dù bị cáo được xử tù chung thân thì bị cáo cũng không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con của bị cáo.

Sau khi tôi trình bày như trên vị đại diện Viện Kiểm Sát đã phát biểu cho rằng việc Donna nhận mang chiếc cặp cho Rudica từ Brazil đến Việt Nam được hứa trả một số tiền lớn nên luật pháp buộc bị cáo phải biết là trong cặp đó là ma túy. Vị đại diện Viện Kiểm Sát cũng đề nghị Hội Đồng Xét Xử không áp dụng tiểu mục 3.5 Nghị Quyết 01 của Hội đồng thẩm phán Tòa Án Nhân Dân Tối Cao cho bị cáo Donna với lý do Nghị Quyết 01 chỉ quy định “Có thể không xử phạt tử hình người phạm tội...”.

Tôi tranh luận lại, tôi cho rằng khi nhận mang chiếc cặp từ Brazil đến Việt Nam được hứa trả một số tiền lớn Donna cảm thấy có cái gì đó không hợp pháp nhưng bị cáo hoàn toàn không biết một cách cụ thể trong cặp đó chứa ma túy, đó là điều chắc chắn.

Còn Nghị Quyết 01 đã quy định: “Có thể không xử phạt tử hình người phạm tội...” thì việc xem xét để giảm án cho bị cáo Donna là hoàn toàn thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội Đồng Xét Xử.

Mặc dù khi tuyên án, Chủ tọa phiên tòa đã ghi lại đầy đủ ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát và luật sư. Nhưng

Hội Đồng Xét Xử đã quyết định theo một hướng khác, hủy án sơ thẩm với lý do: Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh chưa làm rõ hàm lượng heroin trong 1.487,5482 gram chất bột màu trắng bị thu giữ nên không có căn cứ pháp lý để tòa Phúc thẩm Tòa Án Nhân Dân Tối Cao xem xét. Sau đó hồ sơ được trả lại cho Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao xem xét. Sau cùng hồ sơ được trả lại cho Viện Kiểm Sát điều tra lại.

Quyết định trên là một tin vui đối với tất cả chúng tôi: trước hết là Donna, gia đình của bị cáo, luật sư Grace Mandoza và tôi.

Tôi hy vọng Donna sẽ thoát được án tử hình khi vụ án được xét xử sơ thẩm lần 2.

Hy vọng của tôi đã trở thành sự thật. Nhưng không phải khi vụ án được xét xử sơ thẩm lần 2, mà là tại phiên tòa Phúc thẩm lần 2 (ngày 16 tháng 8 năm 2016), Tòa Án Nhân Dân Tối Cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định giảm án cho Donna từ tử hình xuống tù chung thân, nghĩa là Donna được sống.

Quyết định trên thực sự là niềm vui đối với Donna, luật sư Grace Mandoza và tôi.

C. Hỏi – Đáp

Dương Ngọc Hân: Với tội vận chuyển ma túy số lượng lớn mà Donna đã phạm phải, lúc bào chữa luật sư có tin tưởng mình có thể giảm được án cho bị cáo không? Trong lịch sử ngành tư pháp Việt Nam, có những vụ án nào mà nhờ có sự can thiệp của luật sư mà bị cáo được

giảm án so với mức án sơ thẩm ban đầu không? Tại sao tỷ lệ này lại thấp như vậy?

Luật sư Nguyễn Đăng Trưng: Tuy Donna đã vận chuyển ma túy số lượng lớn nhưng khi bào chữa cho Donna tôi vẫn hy vọng bị cáo sẽ được giảm án. Bởi vì nhân thân, hoàn cảnh, điều kiện đặc biệt của bị cáo khi phạm tội cần được xem xét để khoan hồng cho bị cáo.

Ở Việt Nam, trong thực tế tỷ lệ các bị cáo phạm tội về ma túy được giảm án so với mức án sơ thẩm thấp, không nhiều. Lý do là do quan điểm của Tòa án hiện nay cho rằng các bị cáo phạm tội vì ma túy cần phải được xử nghiêm mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Điều này khiến nhiều người nghĩ rằng quyết định sơ thẩm của Tòa án là không thể thay đổi được, việc bào chữa của luật sư không thực sự có tác dụng. Điều này là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm hiện nay cũng căn cứ vào các tình huống phát sinh hợp lý tại phiên xử mà quyết định thay đổi bản án. Và vì

vậy nhiệm vụ của người luật sư là phải cố hết sức để đưa ra được những bằng chứng có lợi nhất cho thân chủ của mình và viện dẫn những lý lẽ hợp lý để có thể thuyết phục tòa Phúc thẩm thay đổi quyết định của tòa Sơ thẩm. Người luật sư phải giữ được cái tinh thần biện hộ tới cùng, không được qua loa trong phạm sự của mình dù hoàn cảnh có thế nào. Tôi khẳng định sự bào chữa của luật sư trong một số trường hợp vẫn được cấp phúc thẩm xem xét và giảm án. Ví dụ như trường hợp Donna và Dinh Jason mà tôi đã bào chữa.

Vụ án thứ sáu

NGUYỄN THƯƠNG CÚC VÀ ĐỒNG BẠN

A. Thông tin về vụ án Nguyễn Hữu Chánh cùng đồng bạn can tội “khủng bố”.

Vụ án Nguyễn Hữu Chánh và đồng bạn bị xét xử với 7 bị cáo là: Nguyễn Thương Cúc (Foshee Thuong Nguyen) sinh năm 1948; Huỳnh Bích Liên, sinh năm 1955; Cao Trí, sinh năm 1971; Lê Văn Bình, sinh năm 1975; Trần Đạt Phương, sinh năm 1941; Hồ Văn Giàu, sinh năm 1947; Hồ Văn Hiền, sinh năm 1968.

Vụ án được xét xử và tuyên án trong ngày 10/11/2006. Theo đó 7 bị cáo phạm tội “Âm mưu lập đài phát thanh chống phá Nhà nước”, bị phạt 15 tháng tù giam (tính từ ngày bị bắt). Hai bị cáo Nguyễn Thương Cúc và Huỳnh Bích Liên bổ sung thêm hình phạt bị trục xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam sau 10 ngày kết thúc thời gian thụ án. Các bị cáo còn lại bị quản thúc tại địa phương 3 năm.

Bị cáo Nguyễn Hữu Chánh đã bỏ trốn và bị phát lệnh truy nã sau phiên tòa.

Ngày 11/11/2006, Tòa Án Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định giảm án cho Nguyễn Thương Cúc còn 29 ngày và trục xuất khỏi Việt Nam do tình hình sức khỏe của bị cáo không tốt.

Nguyễn Thương Cúc

Nguyễn Thương Cúc trú tại 3802 – Quando Dr Orlando Florida (Hoa Kỳ), đảm nhiệm vai trò là “Thủ trưởng Dân Vụ Đông Nam Hoa Kỳ”, “Thủ trưởng Bộ Ngoại Giao” và phụ trách kinh tài cũng như nhiều hoạt động trong tổ chức khủng bố của Nguyễn Hữu Chánh.

Năm 2005, Nguyễn Thương Cúc đã qua Campuchia để chỉ đạo các hoạt động của Nguyễn Hữu Chánh tại đây, đặc biệt là hoạt động chế tạo và vận chuyển các máy phát sóng vô tuyến về Việt Nam, âm mưu cướp sóng phát thanh tại Việt Nam. Nguyễn Thương Cúc và đồng bọn đã đưa vào Việt Nam cất giấu 14 máy phát thanh, 5 máy phát điện để chuẩn bị cho kế hoạch. Âm mưu này đã bị phá bỏ do các cơ quan chức năng Việt Nam phát hiện và bắt giữ nhanh chóng.

Ngoài ra Nguyễn Thương Cúc còn mua những mặt hàng thủ công mỹ nghệ, quần áo, giày dép,... để xuất sang các nước thứ 3 bán kiếm lời nhằm vận động kinh tài cho tổ chức.

Tổ chức tội phạm Nguyễn Hữu Chánh

Nguyễn Hữu Chánh là người thành lập tổ chức “Chính Phủ Việt Nam Tự Do” từ năm 1995. Nguyễn Hữu Chánh tự xưng là “Thủ tướng”, đặt trụ sở tại Hoa Kỳ, mục tiêu hoạt động là chống phá Nhà nước Việt Nam.

Năm 1997, Nguyễn Hữu Chánh tổ chức đưa về Việt Nam 23kg thuốc nổ, 19 kíp nổ, lựu đạn... để thực hiện âm

muu đánh bom khủng bố tại một số điểm công cộng như đường Nguyễn Huệ (Thành phố Hồ Chí Minh) và bến Ninh Kiều (Cần Thơ).

Nhóm này do Lê Kim Hùng cầm đầu, thực hiện cùng 35 tên khác. Hoạt động khủng bố này bị lực lượng an ninh thành phố Hồ Chí Minh ngăn chặn và đưa ra xét xử ngày 29/5/2001.

Trong năm 2001, Nguyễn Hữu Chánh cùng đồng bọn tổ chức đánh bom đại sứ quán Việt Nam tại Thái Lan và Philippines.

Đầu năm 2005, Nguyễn Hữu Chánh tổ chức cho đồng bọn tiến hành hoạt động phá hoại Đài Tiếng Nói Việt Nam và đài phát thanh địa phương. Tổ chức này thuê nhà tại Campuchia với hình thức trá hình là văn phòng tổ chức từ thiện. Nguyễn Thương Cúc đóng vai trò chỉ đạo hoạt động này ở Campuchia. Sau đó chúng lôi kéo và tuyển dụng nhiều người để lắp ráp và huấn luyện sử dụng các thiết bị chèn phá sóng. Tổ chức này đã đưa về Việt Nam và cất giấu 14 máy phát thanh, 5 máy phát điện. Hoạt động trên đã bị cơ quan chức năng Việt Nam triệt phá và khởi tố ra tòa.

Nguyễn Hữu Chánh bị khởi tố về hai tội là “Khủng bố” và “Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam”. Hiện Nguyễn Hữu Chánh đang bị truy nã theo quy định của pháp luật Việt Nam.

B. Bài bào chữa của luật sư Nguyễn Đăng Trùng

Bài bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thương Cúc tại phiên tòa ngày 10/11/2006

Ngày 10/11/2006, Tòa Án Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra xét xử 7 đồng phạm trong tổ chức khủng bố của Nguyễn Hữu Chánh.

Theo cáo trạng của Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao thì bị cáo Nguyễn Thương Cúc bị truy tố về tội “Khủng bố” theo quy định tại Khoản 1, Điều 84 Bộ Luật Hình Sự quy định: “1. Người nào nhằm chống lại chính quyền nhân dân và xâm phạm tính mạng của cán bộ, công chức hoặc công dân thì bị phạt tù 12 năm đến 20 năm tù chung thân hoặc tử hình”. Nhưng Tòa Án Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét và chỉ tuyên phạt 15 tháng tù và trực xuất bị cáo Cúc. Đây là bản án đặc biệt nhẹ.

Kính thưa Quý Tòa,

Theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Thương Cúc, bị Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao truy tố về tội “Khủng bố” được quy định tại Điều 84, Khoản 1, Bộ luật Hình Sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được Quý Tòa chấp nhận, tôi nhận bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thương Cúc tại phiên tòa Sơ thẩm hôm nay.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, theo dõi sự khai nhận của các bị cáo và nghe bản luận tội của vị đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho thân chủ của tôi, bị cáo Nguyễn Thương Cúc mấy điểm sau đây:

I. Nguyên nhân, hoàn cảnh, điều kiện và mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Thương Cúc

Bị cáo Nguyễn Thương Cúc không chủ động tự mình tìm đến “Tổ chức Chính Phủ Việt Nam Tự Do (TCCPVNTD)” và Đảng Dân Tộc của Nguyễn Hữu Chánh để xin tham gia vào các tổ chức này mà thông qua sự giới thiệu của anh ruột bị cáo, như bị cáo Cúc đã khai tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa này. “Sở dĩ tôi biết ông Chánh là do anh trai tôi là Nguyễn Đình Khôi giới thiệu. Anh Khôi nghiện ma túy nặng, trước đây hay đến văn phòng TCCPVNTD giúp việc cho tổ chức này” (Bút lục 000692).

Tuy mang danh nghĩa là Thứ trưởng dân vụ Đông Nam Hoa Kỳ, Thứ trưởng ngoại giao của TCCPVNTD nhưng bị cáo Cúc chỉ thực hiện một số việc rất đơn giản như sau:

- Cho TCCPVNTD sử dụng nhà của mình trong khi tổ chức này chưa có chỗ để đặt trụ sở tại bang Florida. Và từ khi tham gia cho đến ngày bị bắt, bị cáo Cúc chưa kết nạp người nào cho TCCPVNTD hay Đảng Dân Tộc của Nguyễn Hữu Chánh.

- Đón tiếp một số nhân vật có quan hệ với TCCPVNTD. - Tham dự đại hội của TCCPVNTD ở bang California.

- Tham dự lễ ra mắt văn phòng đại diện của TCCPVNTD ở Washington.

Tuy Chánh có giao cho bị cáo Cúc khi về Việt Nam tìm mua những mặt hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, quần áo,... để xuất qua nước thứ ba, để được hưởng chế độ ưu đãi về miễn thuế quan trước khi nhập vào Hoa Kỳ nhằm được giảm thuế, tạo thu nhập có kinh phí phục vụ

hoạt động của TCCPVNTD. Nhưng đây chỉ là một công việc cụ thể có tính chất đột xuất mà Nguyễn Hữu Chánh đã giao cho bị cáo Cúc khi được biết bị cáo Cúc dự định về Việt Nam vào thời điểm tháng 9/2005.

Thực tế bị cáo Nguyễn Thương Cúc nhận làm việc này vì Chánh nói với bị cáo Cúc là nếu làm được việc đó thì rất lời và Chánh sẽ cho bị cáo Cúc 1% trên các lô hàng mua được tại Việt Nam như bị cáo Cúc đã khai tại Cơ quan điều tra “Ông Chánh có hứa sẽ cho tôi tiền phần trăm trong các thương vụ này” (Bút lục 000692, hồ sơ vụ án).

Tôi cho rằng động cơ chính mà thân chủ của tôi nhận làm việc trên là vì ham lời, còn việc lo kinh tài cho TCCPVNTD chỉ là việc thứ yếu, việc phụ.

Ngoài ra sau nhiều lần về Việt Nam bị cáo Cúc thấy tình hình ở trong nước có nhiều cơ hội và điều kiện để đầu tư nên lần này thân chủ của tôi về khảo sát, tìm hiểu để kêu gọi các công ty nước ngoài khác cùng tham gia với bị cáo đầu tư tại Việt Nam. Vì thân chủ của tôi đang có Công ty xây dựng ở Mỹ.

Cụ thể bị cáo Cúc dự định sẽ tham gia đầu tư xây dựng khu biệt thự ở Cửa Đại, thị xã Hội An tỉnh Quảng Nam với số vốn 1 tỷ đô la Mỹ và liên doanh xây dựng khách sạn ở Đà Nẵng với số tiền là 10 triệu đô la Mỹ. Chính vì thế bị cáo đã đến gặp một số quan chức Nhà nước Việt Nam ở Bộ Kế Hoạch Đầu Tư và Văn Phòng Chính Phủ, khi bị bắt cơ quan an ninh điều tra đã thu được những tài liệu liên quan đến các dự án đầu tư trên.

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đặc biệt là các bản cung bị cáo Cúc, tôi thấy thân chủ của tôi đã bị Nguyễn Hữu Chánh lừa 2 lần.

– Lần thứ nhất vào cuối năm 2000 Nguyễn Hữu Chánh có đưa cho vợ chồng bị cáo Cúc một chiếc hộp đen, Chánh nói là trong chiếc hộp đen đó có một ngân phiếu trị giá 10 tỷ đô la Mỹ, nhưng chồng của bị cáo Cúc đã đưa cho an ninh Nhà Trắng kiểm tra, họ đã tịch thu luôn vì kiểm tra không thấy gì cả (Bút lục 000693, hồ sơ vụ án).

– Lần thứ hai, vào đầu tháng 9/2005 Nguyễn Hữu Chánh đã dặn bị cáo Cúc sang Hong Kong gặp Nguyễn An Long để nhận 1 LC – tức một tín dụng thư trị giá 1 tỷ đô la Mỹ để về Việt Nam mua các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, quần áo như tôi đã trình bày ở trên.

Ngày 6/9/2005 bị cáo Cúc đã bay sang Hong Kong nhưng không gặp ai cả và cũng không nhận được tín dụng thư trị giá 1 tỷ đô la Mỹ.

Cho nên việc mua các mặt hàng thủ công mỹ nghệ theo yêu cầu của Chánh cũng không thực hiện được. Chính vì thế mà thân chủ của tôi đã nhận xét về Nguyễn Hữu Chánh như sau: “Tôi thấy ông Chánh không giữ được chữ tín với những người trong tổ chức hay lợi dụng lòng tin của người khác” (Bút lục 000693, hồ sơ vụ án).

Còn việc thuê trụ sở cho USIM tại Campuchia để Nguyễn Hữu Chánh tập kết người, máy móc, thiết bị đưa vào Việt Nam thực hiện hành vi chèn phá sóng Đài Tiếng Nói Việt Nam và các đài phát thanh địa phương, Nguyễn Hữu Chánh nói với bị cáo Cúc là cứ ứng tiền trước, Chánh sẽ cho người cầm tiền sang sau.

Nhưng khi cần tiền đặt cọc thuê nhà và trả lương cho 2 cô gái Campuchia giữ nhà thì bị cáo Cúc thu tiền của Nguyễn Hoài Dũng, Tuấn Anh, Anh Kiệt, Tín (là những người trong TCCPVNTD) mỗi người 400 đô la Mỹ. Riêng

bị cáo Cúc phải lo vay thêm 900 đô la Mỹ, tổng cộng 2.500 đô la Mỹ. Trong đó 2.400 đô la Mỹ trả tiền cọc thuê nhà, 100 đô la trả cho 2 cô gái Campuchia giữ nhà mỗi người 50 đô la Mỹ.

Ngoài ra toàn bộ chi phí của bị cáo Cúc trong các lần về Việt Nam trước đây cũng như lần này bị cáo Cúc đều bỏ tiền túi ra. TCCPVNTD hay Đảng Dân Tộc của Nguyễn Hữu Chánh chưa bao giờ chi trả một đồng nào cho bị cáo Cúc.

II. Về thái độ khai báo của bị cáo Nguyễn Thương Cúc

Tôi thấy bị cáo Nguyễn Thương Cúc tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo hết sức thành khẩn và thực sự ăn năn hối cải. Cụ thể tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Thương Cúc đã khai “Việc tham gia tổ chức khủng bố của Nguyễn Hữu Chánh là do nhận thức lệch lạc, sai lầm của bản thân tôi. Việc tham gia như vậy là vi phạm pháp luật Việt Nam, tôi kính mong Cơ quan điều tra và các cơ quan có thẩm quyền xem xét chiếu cố cho bản thân tôi”. Tôi mong muốn được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật Nhà Nước Việt Nam” (Bút lục 000731, hồ sơ vụ án). Đây là một tình tiết giảm nhẹ hết sức quan trọng được quy định tại Điểm p, Khoản 1, Điều 46, Bộ luật Hình Sự. Ngoài ra trước khi phạm tội, bị cáo Cúc chưa có tiền án, tiền sự nên tôi đề nghị áp dụng thêm Khoản 2, Điều 46 của Bộ luật Hình Sự, coi đây là một tình tiết giảm nhẹ thứ hai. Tôi cũng đề nghị Quý Tòa áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình Sự cho bị cáo Cúc được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tại Khoản 1, Điều 84, Bộ luật Hình Sự mà vị đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã đề nghị.

Đến đây xin phép cho tôi được trình bày thêm với Quý Tòa là vụ án này đã được đưa ra xét xử trong một thời điểm rất đặc biệt, cách đây 2 ngày vào ngày 7/11 vừa qua Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương Mại Thế Giới WTO và chỉ còn mấy ngày nữa Hội nghị thượng đỉnh APEC sẽ diễn ra tại Thủ đô Hà Nội, trong dịp này các nguyên thủ quốc gia sẽ đến thăm Việt Nam trong đó có Tổng thống Hoa Kỳ George Bush.

Những sự kiện trên đã khẳng định mạnh mẽ với tất cả các dân tộc trên hành tinh này rằng Việt Nam đã thành công trên con đường đổi mới, hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, chắc chắn chúng ta sẽ đưa đất nước đi tới một tương lai tươi sáng nhất.

Nên tôi nghĩ rằng đây cũng là một điều kiện rất thuận lợi để Quý Tòa có thể xem xét và mở rộng lượng khoan hồng đối với bị cáo khác trong vụ án này, là những người đã lỡ lầm đường, lạc lối, cho bị cáo Nguyễn Thương Cúc được hưởng một mức án nhẹ nhất.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trùng*

C. Hỏi – Đáp

Dương Ngọc Hàn: Vụ án Nguyễn Thương Cúc là vụ án chính trị, tội xâm phạm an ninh quốc gia. Vì bị cáo sinh sống và di chuyển, hoạt động ở nhiều nơi ngoài lãnh thổ Việt Nam nên quá trình tìm hiểu thông tin xác thực về vụ án chắc chắn cũng khó khăn hơn. Vậy luật sư đã tìm hiểu thêm những thông tin về vụ án như thế nào để bào chữa hay chỉ lấy thông tin từ lời khai của bị cáo?

Luật sư có thể chia sẻ thêm một số kinh nghiệm trong việc tiếp cận và nghiên cứu thông tin vụ án như thế nào để có thể bào chữa tốt nhất cho bị cáo?

Luật sư Nguyễn Đăng Trưng: Đối với vụ án Nguyễn Thương Cúc tôi phải nghiên cứu thêm sự thay đổi trong quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, thông qua các sự kiện: Hoa Kỳ bỏ cấm vận đối với Việt Nam năm 1994, bình thường hóa quan hệ thương mại (BTA) với Việt Nam năm 2001. Tôi cũng nghiên cứu cả quan hệ giữa bị cáo Nguyễn Thương Cúc với Chính phủ Hoa Kỳ. Nhờ vậy tôi biết được bị cáo là Trưởng Ban vận động bầu cử khu vực cử tri người Mỹ gốc châu Á của Tổng thống George Bush. Trong khi đó vào thời điểm vụ án đưa ra xét xử, Tổng thống George Bush đang thăm Việt Nam. Bối cảnh chính trị này là một vấn đề mà Hội Đồng Xét Xử rất quan tâm trong quá trình xét xử.

Trước đây, năm 1988, tôi đã bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Thương (tức Đại Đức Thích Tuệ Sĩ) và bị cáo Lê Mạnh Thát (tức Đại Đức Thích Trí Siêu) là 2 bị cáo đầu vụ trong vụ án lớn về tội xâm phạm an ninh quốc gia xảy ra tại chùa Già Lam. Ở phiên tòa Sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Văn Thương và Lê Mạnh Thát đều từ chối các luật sư do Tòa án chỉ định bào chữa cho họ và tòa Sơ thẩm đã xử tử hình đối với hai bị cáo. Nhưng khi xét xử phúc thẩm, tôi được đại diện của Hòa thượng Thích Minh Châu nhờ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Thương và Lê Mạnh Thát thông qua sự giới thiệu của Ni sư Trí Hải (tức Bà Phùng Khánh) thầy dạy Anh văn của tôi khi tôi còn học lớp đệ tam, đệ nhị (tức lớp 10, 11) ở trường Trung học Phan Châu Trinh thành phố Đà Nẵng. Ni sư Trí Hải cũng

là một bị cáo với vai trò đồng phạm trong vụ án này nhưng không quan trọng.

Khi bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn Thương và Lê Mạnh Thát, tôi đã nghiên cứu rất kỹ về bối cảnh chính trị, quan hệ Việt Nam với quốc tế vào thời điểm đó, dư luận trong nước và nước ngoài sau khi vụ án được xét xử sơ thẩm. Tôi rất tiếc bài bào chữa của tôi đối với bị cáo Nguyễn Văn Thương và bị cáo Lê Mạnh Thát đã bị thất lạc nhưng Tòa Phúc thẩm đã giám án cho hai bị cáo tù tử hình xuống còn 20 năm tù giam.

Sau 14 năm, đến ngày 31 tháng 8 năm 1998, hai ông Nguyễn Văn Thương và Lê Mạnh Thát đã ra tù và hiện nay hai ông đều là Thượng tọa.

Thượng tọa Thích Trí Siêu là một trí thức lớn, ông đã tốt nghiệp Tiến sĩ Triết học tại Viện Đại học Wincosin, Madison, Hoa Kỳ.

Thượng tọa Thích Trí Siêu hiện nay là Giáo sư, Phó Viện trưởng, Viện nghiên cứu Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2012, Thượng tọa Thích Trí Siêu được bầu làm thành viên Ban Thường trực của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VII (2012 – 2017). Thượng tọa là một nhà nghiên cứu Phật học, một sử gia xuất sắc có uy tín trong nước và quốc tế.

Trong thực tế những vụ án Nguyễn Thương Cúc và vụ án xảy ra tại Chùa Già Lam, cơ quan điều tra thu thập tương đối đầy đủ các thông tin về vụ án. Kinh nghiệm của tôi là phải nghiên cứu thật kỹ hồ sơ vụ án, không được bỏ sót một chi tiết nào. Đồng thời phải thu thập thêm những thông tin, tài liệu không có trong hồ sơ vụ án nhưng mình thấy có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến vụ án.

Vụ án thứ bảy

VỤ ÁN “BẮT GIỮ NGƯỜI TRÁI PHÁP LUẬT” VÀ TỘI “CƯỜNG ĐOẠT TÀI SẢN”

A. Bối cảnh vụ án

Bản kết luận điều tra ngày 8/12/2009 cho rằng 4 bị cáo gồm: Phan Cao Trí, Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường và Phan Thị Yến bị kết tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cường đoạt tài sản”.

Theo đó 4 bị cáo này đã giam giữ và chiếm dụng tài sản của 26 nhân viên đang làm việc tại các cơ sở hành nghề massage của Công ty Tân Hoàng Phát - cơ sở kinh doanh do các bị cáo thành lập và quản lý.

Tuy nhiên cả 4 bị cáo đều kêu oan.

Vụ án được phát hiện và điều tra dựa trên các đơn thu tố cáo. Luật sư Nguyễn Đăng Trùng và luật sư Nguyễn Văn Hiệp nhận bào chữa cho các bị cáo trong vụ án này.

B. Bài bào chữa của luật sư Nguyễn Đăng Trùng

Kính thưa Quý Tòa,

Phiên tòa xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phan Cao Trí và các bị cáo khác có kháng cáo đã mở ra 2 lần: Lần thứ nhất vào ngày 4 - 5/8/2011; Lần này từ ngày 8 - 12/12/2011.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm, nghe các người bị hại, nhân chứng khai tại 2 phiên tòa, tôi thấy có mấy vấn đề nổi lên, đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Phan Cao Trí bị tòa Sơ thẩm xét xử 2 tội: “Bắt giữ người trái phép và cưỡng đoạt tài sản”.

Vấn đề thứ nhất:

Về mặt pháp lý và thực tế bị cáo Phan Cao Trí có phải là người đứng sau lưng Phan Việt Hậu để điều hành Công ty Tân Hoàng Phát không? Và Phan Cao Trí có phải là người làm chủ các cơ sở massage: Công ty Kim Thu, Công ty Hoàng Thành, Công ty Newstar, Công ty Hoàng Vân III không?

Theo tôi là không.

Tại sao như vậy: Bởi vì từ tháng 6/2008, Phan Cao Trí đã chuyển cho Phan Việt Hậu đứng tên làm người đại diện pháp luật, là giám đốc Công ty Tân Hoàng Phát, là người quản lý điều hành trực tiếp Công ty Tân Hoàng Phát, bị cáo Trí còn là một thành viên góp vốn.

Công ty Tân Hoàng Phát cũng như Công ty Kim Thu, Công ty Hoàng Thành, Công ty Newstar, Công ty Hoàng Vân III đều thuộc loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn.

Theo Luật Doanh nghiệp thì đối với loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn thì người quản lý điều hành là các giám đốc, các thành viên góp vốn không thể tham gia quản

lý điều hành mà chỉ được hưởng kết quả kinh doanh căn cứ vào tỷ lệ góp vốn mà thôi.

Chính vì không còn là giám đốc Công ty Tân Hoàng Phát nữa nên người ra bản cam kết không phải là Phan Cao Trí mà là Phan Việt Hậu, vì Hậu là giám đốc Công ty Tân Hoàng Phát, là người quản lý điều hành công ty mới có quyền làm việc này.

Tất cả 4 công ty còn lại đều có giám đốc riêng: Giám đốc Công ty Kim Thu - Phan Quốc Cường, Giám đốc Công ty Hoàng Thành - Ngô Minh Phương, giám đốc Công ty Newstar - Phan Hoàng Sang, Giám đốc Công ty Hoàng Vân III - Nguyễn Phước Thiện.

Chính bị cáo Phan Cao Trí không còn là giám đốc Công ty Tân Hoàng Phát từ tháng 6/2008 và không phải là giám đốc các công ty trên, nên Phan Cao Trí không thể xử lý kỷ luật ai và không có điều kiện để thực hiện hành vi bắt giữ người trái phép và cưỡng đoạt tài sản.

Vấn đề thứ hai:

Thực tế khu nhà ở của các nhân viên massage có phải là một trại giam trá hình để bị cáo Phan Cao Trí thực hiện hành vi bắt giữ người trái phép không?

Theo tôi hoàn toàn không phải. Trong phiên tòa ngày 4 - 5/8/2011, 2 nhân viên massage Đinh Thị Ngoan và Lê Thị Loan đã khai rất rõ mà vị đại diện Viện Kiểm Sát và Quý Tòa đều nghe: Các nhân viên ở đây không mất tự do; được tập thể dục; uống cà phê; ăn sáng; được đi tham quan, tiền do công ty bỏ ra, mỗi năm 1 lần; không ai bị nhốt vào chuồng chó; cơ quan chức năng kiểm tra thường xuyên. Thực tế thì ở đây cũng không có chuồng chó để nhốt người.

Các nhân viên massage được Quý Tòa thẩm vấn trong phiên tòa ngày 4 - 5/8/2011 đều khai rằng vợ chồng Phan Cao Trí không đánh đập, ép buộc, bắt giữ hoặc buộc họ phải nộp tiền thế chân khi về nghỉ phép, số tiền mà vợ Trí còn giữ là tiền lương tháng cuối cùng Tân Hoàng Phát chưa thanh toán do bị bắt.

Nếu khu nhà ở nhân viên massage là nơi có chuồng chó để nhốt người, là nhà giam trá hình để bắt giữ người trái phép, thì tại sao 2 nhân viên massage Ngoan và Loan làm việc cho Trí sau đó nghỉ về quê một thời gian quay trở lại làm việc cho bị cáo Trí. Chúng tôi ở đây không có việc bắt giữ người trái phép.

Nếu ở đây có việc giữ người trái phép thì 2 nhân viên này đã nghỉ luôn chứ không quay trở lại.

Vấn đề thứ ba:

Cái gọi là tiền thế chân hay là tiền mà Viện Kiểm Sát và tòa Sơ thẩm cho là số tiền bị cưỡng đoạt thực chất là tiền gì? Như bị cáo Trí đã khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa Sơ thẩm và Phúc thẩm: Tiền đó là tiền dạy nghề massage, mua đồng phục và mỹ phẩm trang điểm mà công ty ứng trước cho các nhân viên massage, nếu các nhân viên massage làm việc tại công ty không đủ 6 tháng thì phải trả lại cho công ty là công bằng và phù hợp.

Hiện nay một số nhân viên massage tiền lương tháng cuối công ty chưa trả cho họ vì lúc đó vụ án xảy ra, không có điều kiện trả lại, chứ không phải vợ chồng Trí chiếm đoạt.

Từ những nội dung tôi đã trình bày trên, tôi cho rằng có đủ cơ sở thực tế và pháp lý để xác định bị cáo Trí không phạm tội.

- Luật sư Nguyễn Đăng Trưng

C. Bài bào chữa từ quan điểm pháp lý của luật sư Nguyễn Văn Hiệp

Phiên tòa Phúc thẩm 8, 9 và 12/12/2011.

Kính thưa Hội Đồng Xét Xử,

Kính thưa vị đại diện Viện Kiểm Sát,

Tôi Luật sư Nguyễn Văn Hiệp, Văn phòng Luật sư Bảo Anh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Là người bào chữa cho các bị cáo Phan Cao Trí, Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường và Phan Thị Yến.

Bào chữa cho bị cáo Phan Cao Trí còn có luật sư Nguyễn Đăng Trừng cùng tham gia bào chữa.

Tôi xin trình bày quan điểm bào chữa cho các bị cáo với nội dung như sau:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2011/HSST ngày 27/1/2011 của Tòa Án Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Áp dụng Điểm a, d, đ, Khoản 2, Điều 123 và Điểm a, d, Khoản 2, Điều 135, Điều 50 Bộ luật Hình Sự.

- Xử phạt: Phan Cao Trí 5 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 7 năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”. Tổng hợp, buộc Phan Cao Trí phải thụ hình chung cả 2 tội là 12 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2008.

- Xử phạt: Phan Việt Hậu 4 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 6 năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”. Tổng

hợp, buộc Phan Việt Hậu phải thụ hình chung cả 2 tội là 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2008.

Áp dụng Điểm a, d, đ, Khoản 2, Điều 123 và Điểm a, Khoản 2, Điều 135, Điều 50 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Phan Quốc Cường 4 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và 5 năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”. Tổng hợp, buộc Phan Quốc Cường phải thụ hình chung cả 2 tội là 9 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2008.

Áp dụng Điểm a, d, Khoản 2, Điều 135 Bộ luật Hình Sự. - Xử phạt: Phan Thị Yến 6 năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên buộc Phan Cao Trí và Phan Thị Yến bồi thường và trả lại cho các người bị hại 230.900.000 đồng và 3 chỉ vàng 18K...

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo:

1. Ngày 30/1/2011 bị cáo Phan Cao Trí có đơn kháng cáo kêu oan. Bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cuồng đoạt tài sản”. Bị cáo yêu cầu tòa Phúc thẩm xem xét lại tội danh và hình phạt.

2. Ngày 28/1/2011, bị cáo Phan Việt Hậu có đơn kháng cáo kêu oan, bị cáo yêu cầu tòa Phúc thẩm xem xét lại tội danh và hình phạt.

3. Ngày 28/1/2011, bị cáo Phan Quốc Cường kháng cáo kêu oan. Bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cuồng đoạt tài sản”. Bị cáo yêu cầu tòa Phúc thẩm xem xét lại tội danh và hình phạt.

4. Ngày 29/1/2011, bị cáo Phan Thị Yến kháng cáo kêu oan. Bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Cuồng đoạt tài sản”. Yêu cầu tòa Phúc thẩm xem xét lại tội danh đối với bị cáo.

Tại phiên tòa Phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan.

Các bị cáo trình bày thừa nhận một số việc làm của mình trong công ty. Nhưng cho rằng việc làm đó không phải là hành vi phạm tội, mà đó là những việc làm bình thường để quản lý công ty. Việc cho nhân viên công ty ở trọ trong nhà riêng của các bị cáo là do các nhân viên có nhà xa nên xin ở trọ. Do ở tập thể đông người, nên nhà trọ phải có nội quy và các nhân viên phải chấp hành nội quy này. Các bị cáo không có bắt giữ họ như án sơ thẩm đã quy kết. Việc thu lại tiền đào tạo tay nghề, trang phục, son phấn mà công ty đã ứng trước cho các nhân viên khi nhân viên nghỉ việc. Đây là thực hiện theo bản thỏa thuận và cam kết giữa nhân viên với công ty. Bản thỏa thuận quy định nhân viên sau khi được đào tạo tay nghề nếu nghỉ việc trước 6 tháng hoặc bỏ việc ngang, thì phải nộp lại số tiền đào tạo, son phấn, trang phục mà công ty đã ứng ra trước. Việc làm này của các bị cáo là nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của công ty, chứ không phải bắt giữ người trái pháp luật hay cưỡng đoạt tài sản của nhân viên, như cáo trạng và án sơ thẩm đã quy kết.

Các bị cáo không thừa nhận có phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản”. Các bị cáo đều kêu oan.

Luật sư Nguyễn Đăng Trùng vừa trình bày quan điểm, bào chữa cho bị cáo Phan Cao Trí, tôi hoàn toàn nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư Trùng.

Sau đây, tôi xin trình bày quan điểm bào chữa bổ sung cho bị cáo Phan Cao Trí, đồng thời trình bày quan điểm bào chữa cho các bị cáo Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường Và Phan Thị Yến, với nội dung như sau:

• **Về hình thức:**

Các bị cáo Phan Cao Trí, Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường và Phan Thị Yến làm đơn kháng cáo trong hạn luật định. Kính đề nghị Hội Đồng Xét Xử chấp nhận các đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ.

• **Về nội dung:**

1. Tại Bản Kết luận điều tra số 3125/KLĐT-PC14 (Đ8) ngày 08/12/2009 kết luận đề nghị truy tố đối với các bị cáo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” gồm 2 trường hợp đối với nhân viên Nguyễn Thị Thảo và nhân viên Trần Ngọc Tình. Đề nghị truy tố các bị cáo về tội “Cuồng đoạt tài sản” với 26 trường hợp của 26 nhân viên.

- Tại Bản Cáo trạng số 92/CT-1A ngày 9/4/2010 của Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, thì cáo trạng truy tố các bị cáo Phan Cao Trí, Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường và Phan Thị Yến phạm hai tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cuồng đoạt tài sản” là trên cơ sở cáo trạng quy kết các bị cáo có hành vi bắt giữ người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản của 9 người bị hại là: Trần Ngọc Tình, Thạch Thị Lin Đa, Đặng Thị Huyền Trân, Lê Thị Mỹ Nương, Hà Thị Huyền, Phạm Thị Út Nhi, Nguyễn Thị Thùy Trang, Phạm Thị Huỳnh Nga và Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Cáo trạng còn nêu rõ: “Những trường hợp còn lại, các bị can không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ, nhưng không đủ cơ sở kết luận hành vi bắt giữ người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản theo đơn tố cáo” (Cáo trạng, trang 8).

Mặc dù cáo trạng chỉ truy tố các bị cáo có hành vi phạm tội đối với 9 trường hợp của 9 người bị hại như nêu

trên và khẳng định các trường hợp còn lại không đủ sơ sở kết luận có hành vi “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cuồng đoạt tài sản”. Nhưng án sơ thẩm lại quy kết và xét xử các bị cáo phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” đối với hành vi phạm tội bắt giữ 93 trường hợp của 93 người bị hại và tội “Cuồng đoạt tài sản” đối với hành vi chiếm đoạt tài sản 9 trường hợp của 9 người bị hại, điều này là không hợp lý.

Căn cứ điều 196 Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự (BLTTHS) quy định về “Giới hạn việc xét xử”: “Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện Kiểm Sát đã truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử.”

Căn cứ quy định của BLTTHS nêu trên, chúng tôi thấy án sơ thẩm đã xét xử vượt quá giới hạn xét xử, vi phạm điều 196 BLTTHS, gây thiệt hại quyền lợi cho các bị cáo. Chúng tôi kính đề nghị Hội Đồng Xét Xử xem xét lại vấn đề này, chỉ xét xử các bị cáo về hành vi phạm tội đối với 9 trường hợp của 9 người bị hại như cáo trạng của Viện Kiểm Sát đã truy tố.

2. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Sơ thẩm cũng như tại phiên tòa Phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Phan Cao Trí, Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường và Phan Thị Yến đều khai: Các bị cáo bị cán bộ điều tra dùng nhục hình, mớm cung, ép cung, như: đánh bị cáo, chích roi điện vào người bị cáo, ghi lời khai buộc các bị cáo khai theo sự hướng dẫn của cán bộ điều tra. Vì quá sợ nên các bị cáo phải khai nhận theo sự hướng dẫn của cán bộ điều tra. Sau đó các bị cáo phản cung khai lại không nhận tội.

Các bị cáo cho rằng lời khai trong thời gian đầu lúc bị nhục hình, ép cung là không đúng sự thật, mà lời

khai phản cung sau này mới là lời khai trung thực của các bị cáo.

Chúng tôi thấy rằng việc nhục hình, mớm cung, ép cung của cơ quan điều tra do các bị cáo khai nêu trên, tuy chưa có kết luận của cơ quan điều tra về vấn đề này. Chúng tôi cũng chưa có căn cứ để xác định được vấn đề nhục hình, mớm cung, ép cung của cán bộ điều tra như các bị cáo khai là có thật, hay không?

Nhưng dù sao, chúng tôi cho rằng đây cũng là sự phản ánh của các bị cáo trong quá trình tiến hành tố tụng của cơ quan điều tra. Chúng tôi kính đề nghị Hội Đồng Xét Xử xem xét để đánh giá lại lời khai của các bị cáo, lời khai nào là trung thực, chính xác, phù hợp với các chứng cứ khác, để có một phán quyết đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Kính thưa Hội Đồng Xét Xử,

Án sơ thẩm quy kết các bị cáo Phan Cao Trí, Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cuồng đoạt tài sản”. Riêng Phan Thị Yến phạm tội “Cuồng đoạt tài sản”. Trên cơ sở cho rằng các bị cáo đề ra các quy định để ràng buộc nhân viên công ty bằng Bản thỏa thuận và Bản cam kết trái pháp luật để bắt giữ và chiếm đoạt tài sản của các nhân viên công ty.

Về vấn đề này tại các lời khai phản cung và lời khai tại các phiên tòa Sơ thẩm và Phúc thẩm, các bị cáo đều không thừa nhận.

Qua xem xét Bản thỏa thuận và Bản cam kết do cơ sở Tân Hoàng Phát ký kết với các nhân viên công ty, chúng tôi thấy đây là Bản thỏa thuận và cam kết có điều kiện, cụ thể là:

- Khi vào làm việc, cơ sở Tân Hoàng Phát phải bỏ chi phí đào tạo tay nghề, lo chỗ ở, trang phục, phần son và chi phí đi lại cho các nhân viên.

- Khi học nghề xong các nhân viên phải làm việc cho công ty trong một thời gian nhất định. Nếu làm việc chưa được 6 tháng mà nghỉ việc, hoặc nghỉ việc ngang, thì phải trả tiền học nghề 15 triệu đồng, trả tiền ăn ở, trang phục, phần son, chi phí đi lại 9 triệu đồng. Tổng cộng 24 triệu đồng.

Chúng tôi thấy Bản thỏa thuận và cam kết này là do các Nhân viên và Công ty Tân Hoàng Phát tự thỏa thuận ký kết và cam kết thực hiện, phù hợp với những điều khoản quy định trong Bộ luật lao động. Điều 24 Khoản 3 Bộ luật lao động quy định: “Trong trường hợp doanh nghiệp nhận người vào học nghề để sử dụng thì hợp đồng học nghề phải có cam kết về thời hạn làm việc cho doanh nghiệp và phải đảm bảo ký kết hợp đồng lao động sau khi học xong, nếu không làm việc theo cam kết thì phải bồi thường chi phí dạy nghề.”

Thực tế thực hiện Bản thỏa thuận và cam kết này, Công ty Tân Hoàng Phát do các bị cáo phụ trách đã làm đầy đủ nghĩa vụ, như: bố trí chỗ ăn ở cho các nhân viên (nhân viên ở xa cần chỗ ở), thuê thầy giáo đến cơ sở Tân Hoàng Phát để đào tạo nghề xoa bóp cho các nhân viên và các nhân viên được cấp trang phục, son phấn và chi phí đi lại.

Về chỗ ở, các nhân viên hầu hết ở các tỉnh xa đến xin việc làm, không có chỗ ở, nên họ xin vào ở tại nhà của Công ty Tân Hoàng Phát và đồng ý thực hiện theo Bản thỏa thuận và cam kết mà hai bên đã ký kết.

Vì là nhà ở tập thể nhiều người (trên 65 người) nên Công ty Tân Hoàng Phát phải có nội quy, có bảo vệ, có quy định cụ thể về việc ăn ở nơi nhà trọ, nhằm đảm bảo trật tự an toàn cho nhân viên và bảo vệ tài sản của Công ty. Chúng tôi thấy việc Công ty Tân Hoàng Phát ra nội quy quy định về trật tự an toàn nơi chỗ ở của các nhân viên là một việc làm bình thường, không có dấu hiệu “bắt giữ người trái pháp luật” như án sơ thẩm đã quy kết.

Qua xem xét các Đơn tường trình của các nhân chứng là nhân viên của Tân Hoàng Phát, cũng là người ở trọ tại nhà của Công ty Tân Hoàng Phát, họ làm việc tại Công ty Tân Hoàng Phát với thời gian dài. Các nhân viên này đã khai họ làm việc tại các cơ sở Tân Hoàng Phát đều được tự do đi lại, không bị ai bắt giữ, mỗi buổi sáng các nhân viên được tự do tập thể dục ngoài đường phố, không ai canh giữ, họ tự do đi ăn sáng, uống cà phê ở các tiệm cà phê bên ngoài. Hằng năm các nhân viên được nghỉ phép, được công ty tổ chức cho đi tham quan du lịch ở các tỉnh. Mỗi năm công ty đều có tổ chức phát thưởng và tổ chức sinh nhật cho nhân viên... nói chung toàn bộ nhân viên Công ty Tân Hoàng Phát được sinh hoạt tự do, những người quản lý công ty không có bắt giữ và cưỡng đoạt tài sản của nhân viên, như cáo trạng và án sơ thẩm đã quy kết.

Chúng cứ chứng minh vấn đề này là:

- 42 đơn tường trình của nhân viên Công ty Tân Hoàng Phát khai trình về việc các nhân viên làm việc tại công ty đều được đi lại tự do và không bị ai bắt giữ hoặc cưỡng đoạt tài sản.

- 24 hộ dân ở khu phố 3, 4 phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, ở bên cạnh khu nhà ở của nhân viên Tân Hoàng

Phát xác nhận: Hàng ngày thấy nhân viên ở trọ tại khu tập thể Tân Hoàng Phát đi tập thể dục ở đường phố và uống cà phê ở các tiệm gần nhà trọ, không thấy ai canh giữ.

- Giấy xác nhận và hợp đồng thuê xe của Công ty dịch vụ lữ hành Sài Gòn Tourist và Trạm điều hành xe du lịch Út Em xác nhận: Hàng năm cơ sở Tân Hoàng Phát thuê xe chở nhân viên công ty đi du lịch các tỉnh.

- Tập hình ảnh ghi hình các nhân viên Tân Hoàng Phát đi du lịch, tổ chức phát thưởng và sinh nhật...

- 59 đơn của các nhân viên Tân Hoàng Phát xin ở lại làm việc trong dịp Tết Nguyên đán để được thưởng và tăng thu nhập.

Những chứng cứ nêu trên đã chứng minh nhân viên Tân Hoàng Phát được tự do đi lại không có dấu hiệu bị bắt giữ như cáo trạng và án sơ thẩm đã quy kết. Thực tế mỗi nữ nhân viên xoa bóp của Công ty Tân Hoàng Phát thu nhập hàng tháng từ 7 đến 10 triệu đồng, có nhân viên được lãnh đến 15 triệu đồng. Cho nên họ rất cần ở lại làm việc tại Công ty Tân Hoàng Phát để tăng thêm thu nhập. Chú hoàn toàn Công ty Tân Hoàng Phát không bắt giữ hay cưỡng đoạt tài sản của nhân viên như cáo trạng và án sơ thẩm đã quy kết.

Ngoài ra, qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ án, chúng tôi thấy Công ty Tân Hoàng Phát, Kim Thu, Hoàng Thành, New Star và Hoàng Văn III do các bị cáo quản lý, đều có giấy phép kinh doanh do cơ quan chức năng cấp phép hoạt động hợp pháp. Các nhân viên làm việc tại các công ty của Tân Hoàng Phát đều có ký hợp đồng lao động.

Do đặc thù của các cơ sở xoa bóp nêu trên, là một tổ chức xoa bóp phục hồi sức khỏe cho khách hàng, là hoạt

động có tính chất nhạy cảm, nên các cơ sở phải đề ra nội quy chặt chẽ để đảm bảo hoạt động không vi phạm pháp luật, như: mại dâm và nhiều tệ nạn khác. Thực tế, Công ty Tân Hoàng Phát khi phát hiện 3 trường hợp mại dâm của nhân viên đã xử lý kỷ luật nghiêm khắc và buộc thôi việc. Theo chúng tôi, đây là những quy định có tính chất bắt buộc để đảm bảo sự hoạt động hợp pháp của công ty, không phải là hành vi vi phạm pháp luật là “Bắt giữ người trái pháp luật” hay “Cuồng đoạt tài sản” như cáo trạng và án sơ thẩm đã quy kết.

Tóm lại, về Bản thỏa thuận và Bản cam kết do Công ty Tân Hoàng Phát đặt ra và ký kết với các nhân viên công ty, là sự thỏa thuận có điều kiện đảm bảo quyền lợi của đôi bên, phù hợp theo quy định của Khoản 3, Điều 24 Bộ luật Lao Động. Nên mọi sự vi phạm các bản thỏa thuận và cam kết này, các bị cáo phụ trách Công ty Tân Hoàng Phát xử lý theo nội dung thỏa thuận là không có gì trái với thỏa thuận mà hai bên đã ký kết và cũng không trái với pháp luật.

Án sơ thẩm cho rằng các bị cáo xử lý sự vi phạm của các nhân viên theo Bản thỏa thuận và Bản cam kết là trái pháp luật, để kết tội các bị cáo Phan Cao Trí, Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường và Phan Thị Yến “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cuồng đoạt tài sản”, theo chúng tôi là không đúng pháp luật. Các bị cáo kêu oan là có căn cứ.

Đối với 93 trường hợp vi phạm mà án sơ thẩm đã quy kết các bị cáo phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” như chúng tôi đã trình bày phần trên đây là án sơ thẩm đã xét xử “vượt quá giới hạn xét xử”. Chúng tôi kính đề nghị Hội Đồng Xét Xử chỉ xem xét có 9 trường hợp vi phạm như cáo trạng đã truy tố.

Sau đây chúng tôi xin trình bày cụ thể 9 trường hợp mà cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, như sau:

1. Đối với Trần Ngọc Tình:

Trần Ngọc Tình vào làm việc tại Công ty Tân Hoàng Phát từ tháng 12/2007. Sau khi học nghề xoa bóp xong thì được bố

trí làm việc tại cơ sở Hoàng Thành. Đến tháng 9/2008, Tình điện thoại cho mẹ là bà Đặng Thị Bé Ba lên xin cho Tình nghỉ việc. Nguyễn Minh Phương là người quản lý cơ sở này, yêu cầu Tình viết đơn xin nghỉ rồi từ từ cơ sở sẽ giải quyết. Nhưng do mẹ của Tình và Tình có ý định nghỉ ngay, nên tổ chức cho Tình uống thuốc giảm đau để Tình bị nôn ói và xin đi khám bệnh để nhằm bỏ trốn và nghỉ việc. Khi Tình bị nôn, ói mửa, Nguyễn Hoài Nhanh là phó quản lý đưa Tình đến bệnh viện Hoàn Hảo (ở Dĩ An, Bình Dương) để trị bệnh.

Nhưng khi Tình vào khám bệnh tại bệnh viện thì gia đình của Tình tự ý tổ chức người đưa Tình bỏ trốn, bị cáo Nhanh thấy vậy tưởng có người bắt Tình, nên điện thoại cho các nhân viên công ty và Phan Việt Hậu chở Tình về cơ sở Tân Hoàng Phát.

Hậu đã khai Nhanh chỉ điện thoại báo Hậu đến bệnh viện Hoàn Hảo chở Tình đi khám bệnh về, chứ không có nói là Tình bỏ trốn. Vì lúc đó tài xế đi vắng nên Hậu lái xe đến bệnh viện chở Tình về nhà trọ của Tình. Hậu không thừa nhận có việc tham gia bắt giữ Tình như án sơ thẩm đã quy kết.

Chúng tôi nhận thấy: Do Tình bị bệnh, bị cáo Nhanh hoàn toàn không biết Tình và gia đình tổ chức cho Tình bỏ trốn. Nên khi thấy Tình bị một số người bắt, bị cáo Nhanh

và một số người trong công ty cho rằng Tình bị người khác bắt đi, nên kêu người của công ty đến giải thoát và đưa Tình về nơi nhà trọ của Tình. Hậu là người chỉ đưa xe đến chở Tình từ bệnh viện về nhà trọ, chứ Hậu hoàn toàn không biết Tình trốn thoát để đưa xe đến bắt giữ như án sơ thẩm đã quy kết. Còn Phan Cao Trí hoàn toàn không có tham gia trong việc bắt giữ Tình. Chúng tôi thấy án sơ thẩm quy kết bị cáo Trí và Hậu tham gia trong việc bắt giữ Trần Ngọc Tình, để quy kết Hậu và Trí phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” là không đúng.

Sau đó, gia đình Tình đến xin cho Tình nghỉ việc. Bị cáo Hậu giải quyết cho Tình nghỉ việc và yêu cầu Tình nộp số tiền 24 triệu đồng (tiền dạy nghề, trang phục, son phấn) theo bản thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Theo chúng tôi đây là việc thực hiện hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận, không phải là hành vi cưỡng đoạt tài sản. Án sơ thẩm xử các bị cáo Trí và Hậu phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” về hành vi này là không đúng pháp luật. (Tại phiên tòa Phúc thẩm Trí và Hậu cũng không thừa nhận có nhận 24 triệu đồng của Tình.)

2. Thạch Thị Lin Đa:

Lin Đa vào làm việc tại cơ sở massage Kim Thu từ 12/2003, sau đó chuyển sang làm việc tại Công ty Tân Hoàng Phát. Đến tháng 11/2007, Lin Đa cho khách quan hệ tình dục có thai nên bị Phan Cao Trí xử lý kỷ luật, tịch thu nữ trang và phạt 20 triệu đồng, và cho Lin Đa nghỉ việc.

Chúng tôi thấy Thạch Thị Lin Đa thực hiện việc mại dâm trong cơ sở massage là vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, vi phạm bản thỏa thuận và cam kết giữa Lin Đa với công ty. Phan Cao Trí xử lý kỷ luật Lin Đa là thực hiện theo đúng

thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Phan Cao Trí và Phan Thị Yến không thừa nhận việc thu nữ trang và tiền của Thạch Thị Lin Đa. Thạch Thị Lin Đa đã bị công ty buộc nghỉ việc về quê từ lâu. Khi nghe tin Công ty Tân Hoàng Phát bị bắt và cơ quan công an mời Lin Đa lên làm việc. Lin Đa muốn lấy lại số tiền 25 triệu đồng, nên khai báo Phan Cao Trí và Phan Thị Yến cưỡng đoạt tài sản của Lin Đa.

Nhưng sau đó ngày 29/5/2011, Thạch Thị Lin Đa đã làm đơn trình bày sự thật là Phan Cao Trí và Phan Thị Yến không có cưỡng đoạt tài sản của Thạch Thị Lin Đa. Chúng tôi thấy án sơ thẩm quy kết Phan Cao Trí và Phan Thị Yến phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản” đối với hành vi các bị cáo xử lý kỷ luật Thạch Thị Lin Đa là không đúng pháp luật.

3. Đặng Thị Huyền Trân:

Trân làm việc tại cơ sở massage Kim Thu từ tháng 3/2007 đến tháng 8/2007, chưa hết thời hạn 6 tháng, ban đêm Trân leo cửa sổ bỏ trốn bị trượt chân té ngã (Không rõ lý do vì sao mà Trân leo cửa sổ bỏ trốn). Sáng hôm sau bị cáo Phan Quốc Cường cho nhân viên chở Trân đi khám bệnh và mua thuốc uống. Cường kỷ luật Trân bằng cách chuyển công việc cho làm dọn dẹp vệ sinh cơ sở. Sau đó, Cường đồng ý cho Trân nghỉ việc nhưng phải nộp 15 triệu đồng tiền đào tạo tay nghề theo bản cam kết mà hai bên đã ký kết. Cơ sở tính tiền lương của Trân còn lại 1.500.000 đồng nên Trân phải nộp thêm 13.500.000 đồng.

Do lúc ấy nhân viên đi nghỉ phép nhiều, nên Cường thỏa thuận với Trân, yêu cầu Trân làm việc dọn dẹp vệ sinh thêm 5 ngày nữa, chờ nhân viên nghỉ phép vào đủ rồi Trân về.

Trân đồng ý nên tiếp tục làm việc thêm 5 ngày nữa và sau đó ra về. Chú Cường không có bắt giữ Trân 5 ngày như án sơ thẩm quy kết.

Chúng tôi thấy Trân làm việc chưa đủ 6 tháng mà tự ý bỏ trốn, sau đó xin nghỉ việc, nên công ty thực hiện bản thỏa thuận và cam kết buộc Trân phải trả lại số tiền 15 triệu đồng là tiền đào tạo tay nghề là đúng với thỏa thuận do hai bên đã ký kết. Còn việc Trân ở lại làm việc thêm 5 ngày nữa là do sự thỏa thuận giữa bị cáo Cường với Trân. Chú không phải Cường bắt giữ Trân ở lại làm việc 5 ngày. Án sơ thẩm quy kết Cường phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cường đoạt tài sản” theo chúng tôi là không có căn cứ.

4. Lê Thị Mỹ Nương:

Nương vào làm việc tại Công ty Tân Hoàng Phát từ tháng 5/2005. Đến tháng 10/2008, Nương xin Hậu nghỉ việc, nhưng Hậu không giải quyết, Nương tiếp tục xin nghỉ việc, Trí không đồng ý, nhưng nói nếu muốn nghỉ việc phải nộp 50 triệu đồng. Nhưng sau đó Yến bớt chỉ thu một nửa số tiền là 25 triệu đồng. Anh Nguyễn Văn Việt là bạn của Nương đem nộp cho Yến 25 triệu đồng.

Nhưng Phan Cao Trí hoàn toàn phủ nhận lời khai buộc Nương phải nộp 50 triệu đồng. Còn Yến đã hoàn trả 25 triệu đồng cho Nương. Nương có đơn bãi nại. Chúng tôi nhận thấy, căn cứ vào Bản thỏa thuận nếu nhân viên tự ý nghỉ việc không có sự đồng ý của người quản lý thì phải bồi thường toàn bộ số tiền mà công ty đã bỏ ra đào tạo, trang phục, son phấn cho nhân viên. Cho nên bị cáo Hậu là người quản lý không đồng ý cho Nương nghỉ việc nhưng Nương cương quyết nghỉ thì phải bồi thường số tiền đào

tạo do hai bên đã cam kết thực hiện.

Bị cáo Phan Thị Yến hoàn toàn không thừa nhận cưỡng đoạt số tiền của Lê Thị Mỹ Nương. Bị cáo Yến chỉ thừa nhận bị cáo là người giữ số tiền 25 triệu đồng do Nương nộp nhưng sau đó Yến đã trả số tiền này lại cho Nương, và Nương có làm đơn bãi nại.

Chúng tôi nhận thấy với hành vi trên đây của bị cáo Hậu, bị cáo Yến là không cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” như án sơ thẩm đã quy kết. Riêng bị cáo Phan Cao Trí không thừa nhận tham gia việc này. Nên án sơ thẩm quy kết Trí phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản” là không đúng.

5. Hà Thị Huyền:

Huyền xin vào làm việc tại Công ty Tân Hoàng Phát từ 10/2007 đến tháng 11/2008, chị của Huyền là Hà Thị Lệ xin cho Huyền nghỉ việc. Hậu không đồng ý, nhưng nói nếu Huyền muốn nghỉ việc phải nộp lại tiền đào tạo 15 triệu đồng.

Chị của Huyền đã nộp đủ số tiền 15 triệu đồng cho Hậu. Hậu đưa số tiền này cho Lê Thị Thanh Nhanh (nhân viên lễ tân), Nhanh đưa cho Phan Thị Yến, sau đó Yến trả lại cho Huyền và Huyền có đơn bãi nại.

Bị cáo Hậu không thừa nhận việc thu tiền của Huyền. Bị cáo Yến khai chỉ là người giữ tiền của Huyền nhưng sau đó trả lại chứ không có cưỡng đoạt tài sản của Huyền.

Chúng tôi nhận thấy, án sơ thẩm quy kết Hậu, Trí và Yến “Bắt giữ người trái pháp luật và “Cưỡng đoạt tài sản” của Hà Thị Huyền là không có căn cứ.

6. Phạm Thị Út Nhi:

Út Nhi xin vào làm việc tại Công ty Tân Hoàng Phát từ tháng 4/2008, Út Nhi chưa làm việc đủ 6 tháng thì xin bị cáo Hậu cho về phép, Hậu yêu cầu nộp lại 15 triệu đồng Hậu cho Út Nhi về phép. Hậu đưa tiền này cho Lê Thị Thanh Nhanh (nhân viên lễ tân). Nhanh đưa tiền này cho Yến giữ. Sau đó Yến đã trả lại cho Út Nhi 15 triệu đồng này và Út Nhi đã có đơn bãi nại.

Trong vụ việc này Phan Cao Trí khai hoàn toàn Trí không có tham gia về việc cho Út Nhi về phép.

Hậu khai do Út Nhi làm chưa đủ 6 tháng, nên Út Nhi xin đi phép phải nộp số tiền đào tạo là 15 triệu đồng theo thỏa thuận và cam kết mà hai bên đã ký kết. Út Nhi đã xin đi phép 2 lần, lần đầu nộp 15 triệu đồng khi Út Nhi trở lại cơ sở làm việc, Hậu đã trả lại số tiền này cho Út Nhi. Lần thứ 2 Út Nhi xin đi phép nộp 15 triệu đồng nhưng không quay trở lại làm việc nên số tiền này bị cáo Phan Thị Yến vẫn còn giữ và sau đó trả lại cho Út Nhi.

Chúng tôi nhận thấy hành vi trên đây của bị cáo Hậu và bị cáo Yến là hoàn toàn không có dấu hiệu cưỡng đoạt tài sản của Út Nhi. Mà việc Út Nhi đi phép gửi lại 15 triệu đồng là thực hiện theo bản thỏa thuận và cam kết do hai bên đã ký kết. Án sơ thẩm quy kết Phan Thị Yến và Phan Việt Hậu phạm tội cưỡng đoạt tài sản là không có căn cứ và không đúng pháp luật.

7. Nguyễn Thị Thùy Trang:

Trang xin vào làm việc tại Công ty Tân Hoàng Phát từ tháng 10/2006, khoảng 3 tháng sau Trang được điều ra làm tại cơ sở Hoàn Văn III. Đến tháng 11/2007, công ty phát hiện Trần có thai do quan hệ mại dâm với khách. Phan Việt

Hậu đưa Trang về cơ sở Tân Hoàng Phát để xử lý kỷ luật, phạt Trang 20 triệu đồng và buộc Trang thôi việc.

Sau khi bị cáo Yến tính toán tiền lương, Trang còn dư 5 triệu đồng nên buộc Trang nộp thêm 15 triệu đồng. Chúng tôi nhận thấy, Nguyễn Thị Thùy Trang vi phạm nghiêm trọng nội quy của công ty là thực hiện hành vi mại dâm trong lúc hành nghề massage, nên Trang bị xử lý kỷ luật phạt tiền và buộc thôi việc là đúng theo bản thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Án sơ thẩm quy kết bị cáo Trí, Hậu và Yến phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” là không đúng.

8. Phạm Thị Huỳnh Nga:

Nga xin vào làm việc tại cơ sở Kim Thu từ năm 2004 đến cuối năm 2005, Nga sang làm việc tại Công ty Tân Hoàng Phát, đến tháng 10/2008 Nga xin nghỉ việc. Nhưng Trí không đồng ý. Theo Nga khai do Nga cương quyết xin nghỉ việc nên Trí nói nếu muốn nghỉ việc phải nộp 50 triệu đồng. Nga biết Trí cố tình không cho Nga nghỉ, nên Nga hỏi xin Yến. Thấy Nga không muốn làm nữa, nên Yến bớt cho Nga 20 triệu đồng.

Nga điện thoại cho gia đình mang 30 triệu đồng lên nộp cho Trương Kim Anh (nhân viên phát lương), Kim Anh giao lại cho Yến và Nga nghỉ việc ra về. Sau đó Phan Thị Yến đã trả lại cho Nga số tiền 30 triệu đồng và Nga đã có đơn bãi nại.

Bị cáo Trí khai không thừa nhận việc bảo Nga nộp số tiền này để cho nghỉ việc.

Bị cáo Yến khai bị cáo chỉ là người giữ tiền của Nga nhưng sau đó trả lại cho Nga.

Chúng tôi nhận thấy việc nộp tiền và nghỉ việc của chị Phạm Thị Huỳnh Nga cũng là việc thực hiện theo bản

thỏa thuận và cam kết do chị Nga và Công ty Tân Hoàng Phát đã ký kết.

Hành vi của các bị cáo Trí, Yến là không đủ căn cứ về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cuồng đoạt tài sản” như án sơ thẩm đã quy kết.

9. Nguyễn Thị Thúy Hằng:

Hằng xin vào làm việc tại Công ty Tân Hoàng Phát từ tháng 9/2008. Sau khi học nghề khoảng 20 ngày thì Hằng đi làm việc. Hằng làm massage được vài ngày thấy công việc không phù hợp với mình nên Hằng muốn xin nghỉ việc. Hằng sợ nghỉ việc trước 6 tháng thì phải bồi thường cho công ty 24 triệu đồng như Bản cam kết đã ký nên Hằng nói dối với Hậu là gia đình điện thoại báo ông nội của Hằng chết, nên Hằng xin về phép chịu tang. Hậu nói về phép phải nộp 15 triệu đồng. Hằng điện thoại cho cha mẹ Hằng đem 15 triệu đồng lên nộp, sau đó Hằng về phép. Hậu đưa số tiền này cho Lê Thị Thanh Nhanh (nhân viên lễ tân) nộp cho Yến, Yến đã trả số tiền này lại cho Hằng và Hằng đã có đơn bãi nại.

Về trường hợp của Nguyễn Thị Thúy Hằng nộp 15 triệu đồng để về phép trong khi chưa làm việc đủ 6 tháng. Chúng tôi nhận thấy đây là việc thực hiện bản thỏa thuận và cam kết mà hai bên đã ký kết. Hành vi của Phan Việt Hậu và Phan Thị Yến nhận tiền 15 triệu đồng sau đó trả lại cho Nguyễn Thị Thúy Hằng là không cấu thành tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cuồng đoạt tài sản” như án sơ thẩm đã quy kết.

Tóm lại, qua 9 trường hợp với chứng cứ mà chúng tôi vừa nêu trên, án sơ thẩm quy kết các bị cáo Phan Cao Trí, Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường và Phan Thị Yến phạm

tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo Khoản 2, Điều 123 Bộ luật Hình Sự và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Khoản 2, Điều 135 Bộ luật Hình Sự là không đúng người không đúng tội và không đúng pháp luật. Các bị cáo kháng cáo kêu oan là có căn cứ. Kính đề nghị Hội Đồng Xét Xử chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo.

Tại phiên tòa Phúc thẩm vị đại diện Viện Kiểm Sát cho rằng căn cứ lời khai nhận tội ban đầu của các bị cáo và đơn tố cáo của các nhân viên Tân Hoàng Phát là đủ căn cứ buộc tội các bị cáo phạm tội với 93 trường hợp của 93 người bị hại như Án sơ thẩm đã quy kết. Chúng tôi thấy lời kết luận của vị đại diện Viện Kiểm Sát nêu trên là không có căn cứ và không đúng pháp luật. Bởi lẽ:

Căn cứ Điều 72 Bộ luật Tố Tụng Hình Sự quy định: “Lời nhận tội của bị can bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ, nếu phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Không được dùng lời nhận tội của bị can bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội.” Trong vụ án này các bị cáo có lời khai nhận tội lúc ban đầu (bị cáo khai là bị nhục hình, ép cung, mớm cung nên sợ phải nhận tội). Sau đó các bị cáo phản cung khai lại không nhận tội. Các bị cáo khai rằng lời khai phản cung mới là lời khai đúng sự thật. Chúng tôi thấy lời khai phản cung không nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các nhân viên Công ty Tân Hoàng Phát và phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ như chúng tôi đã trình bày phần trên. Cho nên kết luận của Viện Kiểm Sát dùng lời khai ban đầu của các bị cáo, mà không xem xét đến các lời khai khác của các bị cáo và các chứng cứ khác của vụ án, để quy kết tội cho các bị cáo, là không đúng pháp luật. Về phần án sơ thẩm quy kết các bị cáo phạm tội với 93

trường hợp theo chúng tôi là không có căn cứ. Bởi vì, cáo trạng chỉ kết luận các bị cáo phạm tội với 9 trường hợp còn các trường hợp khác không đủ căn cứ để truy tố kết tội các bị cáo. Nhưng phần kết luận sau cùng của cáo trạng thì nêu các bị cáo bắt giữ người trái pháp luật chỉ có 1 trường hợp đó là nhân viên Trần Ngọc Tình và chiếm đoạt cưỡng đoạt tài sản của 9 nhân viên khác là Trần Ngọc Tình, Thạch Thị Lin Đa, Phạm Thị Út Nhi, Đặng Thị Huyền Trân, Lê Thị Mỹ Nuong, Hà Thị Huyền, Nguyễn Thị Thùy Trang, Phạm Thị Huỳnh Nga, Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Theo chúng tôi, căn cứ vào cáo trạng của Viện Kiểm Sát nêu trên, thì chỉ có đủ căn cứ xét xử trong 9 trường hợp mà cáo trạng đã nêu, để xem xét có đủ chứng cứ quy kết tội cho các bị cáo hay không? Chú không thể lấy 93 trường hợp như án sơ thẩm đã quy kết để xét xử quy kết tội cho các bị cáo Phan Cao Trí, Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường Và Phan Thị Yến phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” như kết luận của vị đại diện Viện Kiểm Sát và Tòa Án sơ thẩm đã tuyên xử là không căn cứ và không đúng pháp luật.

Kính thưa Hội Đồng Xét Xử,

Với những chứng cứ và quan điểm trình bày trên đây, Chúng tôi kính đề nghị Hội Đồng Xét Xử:

Căn cứ Điểm 1, 2, Điều 107; Điều 251 Bộ luật Tố Tụng Hình Sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

Tuyên xử: Hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố các bị cáo Phan Cao Trí, Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường và Phan Thị Yến không phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” và đình chỉ vụ án đối với các bị cáo.

Căn cứ Khoản 1, Điều 227 Bộ luật Tố Tụng Hình Sự. Tuyên bố: Trả tự do cho bị cáo Phan Cao Trí, Phan Việt Hậu, Phan Quốc Cường tại phiên tòa. Nếu họ không bị tam giam về một tội phạm khác.

Xin trân trọng cảm ơn Hội Đồng Xét Xử!

- *Luật sư Nguyễn Văn Hiệp*

So với bản án sơ thẩm, bản án chung thẩm Tòa Án Nhân Dân Tối Cao thành phố Hồ Chí Minh đã giảm án đặc biệt cho bị cáo Trí từ 12 năm tù giam xuống còn 5 năm, bị cáo Yến giảm từ 6 năm tù giam xuống còn 3 năm tù treo.

D. Hỏi - đáp

Dương Ngọc Hân: Trong một số trường hợp, luật sư nhận bào chữa cho các bị cáo không phải là người vô tội. Khi đó, luật sư tuân theo nguyên tắc nào để hành động? Nguyên tắc đó liệu có mâu thuẫn gì khi so với chuẩn mực đạo đức thông thường của xã hội?

Luật sư Nguyễn Đăng Trùng: Không phải một số trường hợp mà đa số trường hợp luật sư nhận bào chữa cho các bị cáo không phải là người vô tội.

Nhưng quyền bào chữa là quyền cơ bản của các bị cáo đã được luật pháp quy định. Các bị cáo có thể tự mình bào chữa hoặc nhờ luật sư bào chữa cho họ.

Nên bào chữa cho những bị cáo không phải là người vô tội là một việc bình thường đối với các luật sư không có gì trái với chuẩn mực đạo đức chung của xã hội.

Vụ án thứ tám

VỤ ÁN NGUYỄN TĂNG TRƯỜNG VÀ TÔI “TUYÊN TRUYỀN VĂN HÓA PHẨM ĐỒI TRỤY”

A. Bối cảnh vụ án

Bị cáo Nguyễn Tăng Trường bị đề nghị mức án từ 30 - 40 tháng tù giam do hành vi lập trang web có nội dung không lành mạnh về mặt tình dục. Luật sư Nguyễn Đăng Trùng đã bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tăng Trường và đề nghị mức phạt là 3 năm án treo.

Tuy tòa án không chấp nhận mức đề nghị này của Luật sư Trùng nhưng đã giảm mức án chung thẩm xuống còn 24 tháng tù giam.

B. Bài bào chữa của luật sư Nguyễn Đăng Trường

Kính thưa Quý Tòa,

Theo yêu cầu của bị cáo và được Quý Tòa chấp nhận, tôi nhận bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tăng Trường bị Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố truy tố về tội: “Tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy” theo Khoản 2, Điều 253 Bộ Luật Hình Sự tại phiên tòa Sơ thẩm hôm nay.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, theo dõi sự khai nhận của các bị cáo, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Nguyễn Tăng Trường mấy điểm sau đây:

I. Về nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Tăng Trường là một thanh niên rất có khả năng về lĩnh vực công nghệ thông tin, bị cáo muốn phát huy khả năng của mình trong hoạt động liên quan đến cộng đồng.

Nên đầu năm 2006 bị cáo Nguyễn Tăng Trường đã xây dựng một trang website âm nhạc Á châu có tên www.bigboom.com, nhưng trang web này ít người truy cập. Sau đó bị cáo đã lập ra website mang tên thacloan.net có nội dung không lành mạnh về mặt tình dục thì có nhiều người truy cập.

Bị cáo thấy rằng đây là hướng có thể thu hút nhiều người truy cập nhưng bị cáo cũng cảm thấy phát triển sâu theo hướng này cũng rất nguy hiểm, có nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật Nhà nước.

Từ đó bị cáo đã lập ra website mocxi.com, lúc đầu bị cáo có ý định hạn chế mặt tiêu cực của trang web thacloan.com phát triển nhiều các thông tin về giới tính.

Nhưng tình hình các thông tin trên mạng về giới tính, sức khỏe tình dục và sex đồi trụy rất phức tạp, khó phân biệt, ranh giới rất mong manh, bản thân bị cáo còn trẻ, chưa trải nghiệm cuộc đời bao nhiêu, thiếu bản lĩnh.

Chính trong hoàn cảnh điều kiện đó bị cáo Nguyễn Tăng Trường đã phạm tội.

II. Về mức độ phạm tội của bị cáo

Tôi nghiên cứu rất kỹ bản cáo trạng của Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố đã xác định trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Tăng Trường cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên bản cáo trạng cũng đã rất khách quan khi ghi nhận sự hợp tác tích cực của bị cáo Nguyễn Tăng Trường với cơ quan điều tra trong thời gian trước khi vụ án được khởi tố. Cụ thể cáo trạng đã ghi rõ: “Bằng biện pháp nghiệp vụ của cơ quan điều tra, ngày 29/8/2008 Nguyễn Tăng Trường đã tự nguyện giao nộp các tài liệu được in từ khoản admin website mocxi.com và 1 đĩa CD dữ liệu file backup của website mocxi.com do Trường quản lý và sở hữu” (Cáo trạng, trang 1).

Theo tôi việc bị cáo Nguyễn Tăng Trường tự nguyện giao nộp các tài liệu trên đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho cơ quan điều tra tiến hành xác minh để có cơ sở ban đầu vững chắc làm căn cứ pháp lý khởi tố vụ án.

Bản cáo trạng cũng rất khách quan khi đánh giá bị cáo Nguyễn Tăng Trường đã cố gắng khắc phục hậu quả về hành vi phạm tội của mình như sau:

“Khoảng giữa tháng 9/2008 ban quản trị tự ý thức được việc làm là vi phạm pháp luật cho nên lo tập trung “khử” chuyển các chuyên mục xxx (tức là các chuyên

mục có nội dung sex đồi trụy) tạm ngưng một thời gian, lo chuyển kho qua các đối tác ở nước ngoài.

Biết vi phạm pháp luật có hành động khắc phục hậu quả...” (Cáo trạng, trang 5).

Thực ra nỗ lực khắc phục hậu quả của bị cáo Nguyễn Tăng Trường còn thể hiện trong một bản tường trình tại cơ quan điều tra, bị cáo đã viết như sau:

“Tôi mong muốn và đề nghị nhận được sự hậu thuẫn của một trong những cơ quan Nhà nước trong việc điều hướng phát triển một cộng đồng” tức là loại bỏ dần những mặt xấu của trang web mocki.com (Bút lục số 40, hồ sơ vụ án).

Ngoài ra tuy bị cáo Nguyễn Tăng Trường là người sở hữu và quản lý ở cấp độ cao nhất của trang web mocki.com, nhưng chủ yếu là quản lý về mặt kỹ thuật, bị cáo không có điều kiện kiểm soát được hết các nội dung của các chuyên mục là nơi có nội dung không lành mạnh. Như bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra: “Vì đây là một cộng đồng ảo lớn, việc quản lý được dựa trên sự tự giác của các thành viên và trưởng nhóm nên tôi không cần phải trực tiếp quản lý các thành viên, chỉ thỉnh thoảng vào kiểm tra hoặc sửa lỗi khi xảy ra sự cố kỹ thuật (Bút lục số 41, hồ sơ vụ án).

Tất nhiên khi đọc bản cáo trạng tôi cũng thấy Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố đã có nhận xét bị cáo Nguyễn Tăng Trường trong quá trình điều tra thiếu hợp tác với cơ quan điều tra và khai báo chưa được thành khẩn như lúc ban đầu.

Sở dĩ có tình hình này là do bị cáo suy nghĩ nông cạn cho rằng nếu nhận hết những việc mình đã làm thì tội sẽ

nặng. Bị cáo không hiểu được rằng thành khẩn khai báo là một tình tiết rất quan trọng để nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

Chính hiểu được nguyên nhân trên nên khi làm việc với bị cáo tại trại giam tôi đã trao đổi, phân tích để bị cáo nhận thức đúng, xác định thái độ khai báo khi ra tòa.

Do đó tại phiên tòa, tôi theo dõi thấy bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải, thái độ khai báo thành khẩn và được vị đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân thành phố ghi nhận tại phiên tòa này.

Tôi đề nghị Quý Tòa ghi nhận sự thay đổi này của bị cáo và xem xét đặc biệt cho bị cáo.

Từ những nội dung mà tôi đã trình bày trên đây, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét và áp dụng Điểm b, Khoản 1, Điều 46 Bộ Luật Hình Sự về người phạm tội tự nguyện... khắc phục hậu quả” và Điểm p, Khoản 1, cùng Điều 46 Bộ Luật Hình Sự về người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải.

Ngoài ra bị cáo nhân thân tốt, tuổi còn trẻ, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều khả năng cải tạo giáo dục để trở thành người có ích cho xã hội.

Nên tôi cũng đề nghị Quý Tòa áp dụng theo Điều 47 Bộ Luật Hình Sự, xử bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt của Khoản 2, Điều 253 Bộ Luật Hình Sự cụ thể là 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Sở dĩ tôi đề nghị như trên là vì gia đình bị cáo là một gia đình tốt: Cha bị cáo là Đảng viên, mẹ bị cáo là công nhân cả hai đều đang công tác tại Công ty tư nhân hàng hóa một thành viên thuốc thú y TW. Ông nội, ông ngoại bị cáo đều tham gia cách mạng lâu năm. Riêng ông nội bị

cáo là Đảng viên đã được tặng huy hiệu 50 tuổi Đảng. Cả ông nội và ông ngoại bị cáo đều được tặng thưởng nhiều Huân chương cao quý của Nhà nước là những tấm gương mẫu mực vì đạo đức trong gia đình, cả chú và cậu của bị cáo cũng là Đảng viên. Với một môi trường gia đình như vậy tôi tin rằng bị cáo có điều kiện được giúp đỡ để tự cải tạo mà không cần phải cách ly với cộng đồng và xã hội.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trường*

C. Hỏi - Đáp

Dương Ngọc Hân: Trong vụ án này, luật sư đã đề nghị án treo cho bị cáo. Khi chấp hành án treo người phạm tội vẫn sinh hoạt ở nhà bình thường. Vậy luật sư cho biết thêm về tính rắn đe của hình thức án treo, đối với người phạm tội?

Luật sư Nguyễn Đăng Trùng: Hội Đồng Xét Xử xem xét và quyết định cho một bị cáo được hưởng án treo khi đánh giá về nhân thân và môi trường xã hội mà bị cáo đang sống, đảm bảo bị cáo đó sẽ cải tạo tốt mà không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội.

Tôi cho rằng quyết định cho một bị cáo được hưởng án treo trên cơ sở đánh giá trên đây không làm giảm tác dụng rắn đe đối với bị cáo đó cũng như đối với những người phạm tội khác.

Một bị cáo được hưởng án treo bao giờ cũng kèm theo thời gian thử thách thường bằng thời hạn án treo. Trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội thì án treo sẽ chuyển thành tù giam cộng thêm hình phạt tù giam của lần phạm tội mới. Quy định này nhắc nhở bị cáo phải luôn luôn cố gắng tự cải tạo tốt cho dù không bị cách ly ra khỏi xã hội.

Vụ án thứ chín

DINH JASON THOÁT ÁN TỬ

A. Bối cảnh vụ án

Dinh Jason, một Việt kiều Mỹ đã bị kết án tử hình trong phiên tòa Sơ thẩm năm 2014, can tội vận chuyển ma túy trái phép với khối lượng lớn (1.028,023 gram).

Chi cục Hải quan của khẩu sân bay Tân Sơn Nhất phối hợp cùng đội an ninh sân bay đã phát hiện Dinh Jason giấu số ma túy trên trong quần lót ngày 12/6/2013.

Luật sư Nguyễn Đăng Trường bào chữa cho bị cáo Dinh Jason. Bản án chung thẩm quyết định tuyên phạt án chung thân Dinh Jason thay vì án tử như trong phiên tòa Sơ thẩm.

B. Bài bào chữa của luật sư Nguyễn Đăng Trùng
Kính thưa Quý Tòa,

Qua nghiên cứu Bản án sơ thẩm hình sự số 142/2014/HSTT ngày 22/4/2014 của Tòa Án Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh và Bản án phúc thẩm hình sự số 62/2015/HSPT ngày 6 tháng 2 năm 2015 của Tòa Phúc Thẩm Tòa Án Nhân Dân Tối Cao tại thành phố Hồ Chí Minh, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, sự khai nhận của bị cáo Dinh Jason và phát biểu quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh về vụ án, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Dinh Jason mấy điểm sau:

1. Thứ nhất: Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chất bột trắng có trọng lượng 1.028,023 gram là chế phẩm heroin nhưng giám định lại chỉ có 530,084 gram là chế phẩm heroin.

Tòa Phúc thẩm Tòa Án Nhân Dân Tối Cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm hình sự ngày 22/4/2014 với lý do: Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh không xác định được hàm lượng, chất lượng heroin theo quy định của Bộ Luật Hình Sự.

Nay chất bột màu trắng có trọng lượng 1.028,023 gram mà phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận là chế phẩm heroin được giám định lại chỉ có 530,084 gram là chế phẩm heroin.

Nghĩa là bị cáo chỉ vận chuyển 530,084 gram chất ma túy chứ không vận chuyển 1.028,023 gram chất ma túy. Tất nhiên bị cáo Dinh Jason thực tế chỉ vận chuyển 530,084 gram chất ma túy cũng có đủ cơ sở để Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh áp dụng Điểm b, Khoản 4, Điều 194 Bộ Luật Hình Sự đối với bị cáo.

Nhưng Quý Tòa vẫn có thể xem xét hạ mức án trong giới hạn Điều 194, Khoản 4 Bộ Luật Hình Sự cho phép.

2. Thứ hai: Dinh Jason là nạn nhân của một tổ chức buôn bán ma túy chuyên nghiệp và bị ép buộc thực hiện tội phạm. Tuy trong lý lịch của bị cáo Dinh Jason ghi trình độ của bị cáo là Đại học, nhưng do trí óc bị cáo bị hạn chế nên bị cáo không làm được các công việc bằng trí óc như các thành viên trong gia đình bị cáo, mà làm một công việc tay chân, nghề sửa xe.

Theo tôi, Michael là người của một tổ chức buôn bán ma túy chuyên nghiệp đã chủ động tìm cách tiếp cận với bị cáo Dinh Jason. Lúc đầu đến sửa xe làm quen rồi rủ Dinh Jason đi đánh bạc ở Las Vegas. Bị cáo Dinh Jason thua hết tiền, Michael chủ động cho bị cáo mượn 20.000 USD. Sau đó liên tục đòi nợ, Dinh Jason không có tiền trả, Michael gợi ý bị cáo về việc làm cho hãng sửa xe của Michael ở Việt Nam để trừ nợ.

Do không có tiền trả nợ Dinh Jason đã đồng ý. Nhưng về Việt Nam thì Michael lại nói dối với bị cáo là hãng sửa xe của Michael đang sửa chữa chưa xong nên cho Dinh Jason đi du lịch Úc vài ngày.

Dinh Jason tin rằng Michael cho mình đi sang Úc du lịch sau đó về lại Việt Nam làm việc ở hãng sửa xe của Michael để trừ nợ.

Nhưng đột ngột lúc sắp ra máy bay thì Michael mới yêu cầu Dinh Jason phải vận chuyển ma túy cho Michael sang Úc. Tôi xin phép được nhắc lại ở đây tất cả những lời khai của bị cáo Dinh Jason tại cơ quan Điều tra để chứng minh với Quý Tòa bị cáo Dinh Jason đã bị ép buộc thực hiện tội phạm. Bị cáo Dinh Jason đã khai cụ thể như sau:

- “Tôi từ chối thì Michael nói nếu tôi đi thì sẽ được trừ hết nợ, còn nếu không đi thì Michael sẽ hại tôi và gia đình. Do không còn đường từ chối nên tôi đã đồng ý” (Bút lục số 65, hồ sơ vụ án).

- “Tôi không đồng ý và nói: “Mày bảo tao về Việt Nam làm việc sao bây giờ lại vận chuyển hàng cấm” thì Michael đe dọa và nói “Mày muốn sống hay chết”, tôi sợ Michael làm hại tôi hoặc người thân của tôi bên Mỹ nên tôi đồng ý làm theo yêu cầu Michael” (Bút lục số 70, hồ sơ vụ án).

- “Tôi có ý từ chối thì Michael hăm dọa sẽ hại tôi và người thân gia đình, do sợ nên tôi đồng ý” (Bút lục số 71, hồ sơ vụ án). - “Do tôi thiếu tiền của thì Michael ép buộc tôi phải đi để trừ nợ, còn không Michael sẽ làm hại bản thân tôi và gia đình nên tôi phải đồng ý nhận heroin để đi và bị bắt” (Bút lục số 73, hồ sơ vụ án).

- “Tôi có hỏi là những gì thì Michael nói là ma túy và hăm dọa nếu tôi không đem đi sẽ hại đến bản thân và những người

thân trong gia đình, buộc tôi phải nhận” (Bút lục số 76, hồ sơ vụ án).

- “Tôi có hỏi là hàng gì thì Michael nói là mày biết là hàng gì rồi, tôi từ chối thì Michael hăm dọa nếu tôi không mang đi thì tính mạng của tôi và gia đình tôi sẽ nguy hiểm, nghe vậy tôi phải đồng ý” (Bút lục số 78, hồ sơ vụ án).

3. Thứ ba: Dinh Jason và Michael không bàn bạc, trao đổi về việc vận chuyển ma túy.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Dinh Jason đã khai nhận “Trong những lần gặp ở bên Mỹ, Michael không nói gì đến chuyện mua bán hay vận chuyển ma túy kể cả khi về Việt

Nam từ ngày 7/6/2013 cho tới ngày 12/6/2013, Michael cũng không nói và không đặt vấn đề gì liên quan đến ma túy” (Bút lục số 75, hồ sơ vụ án).

Bị cáo Dinh Jason còn khai rõ thêm: “Tôi và Michael không nói chuyện hay bàn bạc với nhau về việc vận chuyển ma túy qua Úc nhưng khoảng ngày 9 hoặc ngày 10/6/2013 Michael nói do hãng xe hơi của Michael đang sửa chữa chưa xong nên cho tôi đi du lịch Úc vài ngày...

Không nói gì đến ma túy cho đến ngày 12/6/2013 Michael điện thoại rủ tôi đến một nhà hàng ăn uống, trước khi đi (ra sân bay để đến Úc) trong lúc ăn uống nói chuyện Michael cũng không nói đưa ma túy cho tôi đem đi Úc, mà chỉ nói ảnh ở bên Úc và hẹn gặp tôi tại Úc” (Bút lục số 76, hồ sơ vụ án).

Tóm lại bị cáo Dinh Jason và Michael không có bàn bạc trao đổi trước về việc vận chuyển ma túy khi ở Mỹ cũng như ở Việt Nam. Chỉ đến khi sắp đến giờ ra sân bay, Dinh Jason đi vào phòng vệ sinh, Michael đi theo và ép buộc Dinh Jason phải mang ma túy sang Úc cho Michael.

4. Thứ tư: Do sức khỏe tâm thần yếu nên bị cáo Dinh Jason đã không đủ sức chống lại việc Michael ép buộc bị cáo phải thực hiện phạm tội.

Tình trạng sức khỏe tâm thần của bị cáo Dinh Jason yếu do khi còn ở Việt Nam lúc 16 tuổi bị cáo đã bị thương tích ở đầu nghiêm trọng sau khi ngã từ trên mái của ngôi nhà 2 tầng. Sau tai nạn này bị cáo phải chịu những cơn đau đầu nghiêm trọng và gia đình đã nhận thấy những đổi thay lâu dài trong khả năng tâm lý và nhận thức. Những việc hàng ngày và không phức tạp cũng trở nên một thách thức đối với bị cáo.

Sau đó sang Mỹ vào ngày 9/6/2004 bị cáo lại bị trượt té từ độ cao 10 feet. Bác sĩ John W. Witzak, bệnh viện Garden Grove, bang California, Hoa Kỳ, bác sĩ chuyên khoa chấn thương, trực tiếp điều trị cho bị cáo Dinh Jason đã xác định như sau: “Vào thời điểm đó tôi đã chẩn đoán và kết luận bệnh nhân (tức Dinh Jason) bị chấn thương não”.

Sau khi được cung cấp các thông tin về tình hình sức khỏe tâm thần của bị cáo Dinh Jason, chuyên gia tâm lý, pháp lý Peter B Schaapveld của Quỹ Y tế quốc gia phía Nam London và Mausley, khoa tâm lý, Phòng pháp y Riverhouse, Nhà tù Isle of Wright Liên Hiệp Anh đã có ý kiến về trường hợp Dinh Jason như sau:

“Với việc Jason đã bị hai lần chấn thương não nghiêm trọng và với những thông tin từ chị gái và người chủ cũ của Jason tôi xem xét rằng rất có thể là Jason đã chịu sự giam giữ về tâm thần lâu dài và sẽ có thể bị coi là tàn tật về trí óc vì hậu quả của những thương tích chấn thương não đó” và “về những vấn đề pháp lý hiện tại của anh ta (tức Dinh Jason) theo như ý kiến chuyên nghiệp của tôi rằng thương tích chấn thương não là công cụ có thể nhất để gây ra sự việc, Jason đặc biệt yếu thế đối với sự can thiệp và lợi dụng vì chức năng não giảm sút và sự thay đổi tính cách của anh ta”.

Nhiều người sống gần gũi với Dinh Jason ở Mỹ cũng có những đánh giá tương tự về sức khỏe tâm thần của bị cáo. Tất cả những tài liệu trên, tôi đã gửi cho Quý Tòa để Quý Tòa tham khảo, xem xét.

Chính do sức khỏe tâm thần yếu nên bị cáo đã không đủ sức chống lại việc Michael ép buộc bị cáo phải vận chuyển ma túy sang Úc cho Michael.

5. Thứ năm: Bối cảnh quan hệ quốc tế hiện nay của nước ta.

Mặc dù nước ta vẫn giữ án tử hình nhưng Việt Nam đang hội nhập với khu vực và thế giới. Trong khi đó nhiều nước đã bỏ án tử hình. Dinh Jason là công dân Hoa Kỳ gốc Việt Nam nhưng một số bang của Hoa Kỳ đã bỏ án tử hình.

Tuy Việt Nam chưa bỏ án tử hình nhưng cũng đang trao đổi, bàn bạc về việc giảm án tử hình.

Đặc biệt trong vụ án này, Hiệp hội Luật sư Quốc tế UIA (International Association of Lawyers), một tổ chức luật sư quốc tế rất quan tâm đối với việc hạn chế và bỏ án tử hình. Ông Stephen L Dreyfuss, Chủ tịch Hiệp hội Luật sư Quốc tế đã có thư gửi đến Tòa, đề nghị Quý Tòa xem xét và giảm án tử hình cho bị cáo Dinh Jason. Trong thư ông Stephen L Dreyfuss cũng quan tâm về sức khỏe tâm thần của bị cáo: “Anh Dinh (Jason) có tiền sử về chấn thương não mà dường như có thể ảnh hưởng chức năng trí khôn cũng như việc phát triển về tâm lý và tình cảm. Vì như thế mà anh Dinh (Jason) có thể được coi là bị tàn tật về trí khôn hoặc bệnh thần kinh và rơi vào trong những trường hợp của những người mà áp dụng án tử hình được rộng rãi coi là không phù hợp”. Riêng bị cáo Dinh Jason trước khi phạm tội là một người lương thiện, hiền lành, chưa có tiền án, tiền sự. Ông Đinh Hiến, cha ruột của bị cáo Dinh Jason và cả dòng tộc ông chỉ có một mình Dinh Jason là con trai duy nhất của dòng tộc.

Với tất cả những nội dung mà tôi đã trình bày trên đây, tôi đề nghị Quý Tòa đặc biệt quan tâm xem xét, mở lượng khoan hồng và quyết định giảm án tử hình, tha tội chết cho bị cáo Dinh Jason.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Tòa.

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trưng*

C. Hỏi Đáp:

Dương Ngọc Hân : Một số bị cáo có quốc tịch nước ngoài khi phạm tội tại Việt Nam có thể nhận được sự can thiệp của chính phủ các nước nhằm giảm án cho họ. Vậy việc can thiệp này ảnh hưởng như thế nào đến tính công minh của luật pháp Việt Nam?

Luật sư Nguyễn Đăng Trưng: Hiện nay Việt Nam đang mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới nên những bị cáo là người nước ngoài hoặc có quốc tịch nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam thường được các Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của họ gửi văn bản đề nghị Tòa án Việt Nam xem xét và khoan hồng đối với bị cáo là công dân nước họ.

Trong những trường hợp này, tòa án Việt Nam sẽ xem xét đề nghị của họ nhưng có chấp nhận đề nghị của họ hay không là thuộc thẩm quyền của Tòa án Việt Nam. Nghĩa là Tòa án Việt Nam không bị bắt buộc phải chấp nhận đề nghị của họ.

Nên theo tôi sự can thiệp này không ảnh hưởng gì đến tính công minh của luật pháp Việt Nam.

MỘT SỐ VỤ ÁN KHÁC

1. Bài bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế Vũ với tội danh hoạt động khủng bố

Kính thưa Quý Tòa,

Theo yêu cầu của bị cáo và được Quý Tòa chấp nhận, tôi nhận bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế Vũ, trong vụ án Nguyễn Quốc Quân và các bị cáo hoạt động khủng bố, riêng bị cáo Nguyễn Thế Vũ bị truy tố về tội khủng bố theo Điều 84, Khoản 3 Bộ Luật Hình Sự với vai trò giúp sức.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, theo dõi sự khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa Sơ thẩm hôm nay, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Nguyễn Thế Vũ mấy điểm sau đây:

I. Nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh và mức độ phạm tội của bị cáo

Tuy trước đây thông qua những người chuyển tiền cho gia đình Nguyễn Đức Thuận từ Na Uy về Việt Nam, bị cáo Nguyễn Thế Vũ có biết Nguyễn Đức Thuận tham

gia tổ chức chống đối Nhà nước Việt Nam ở nước ngoài nhưng bị cáo không biết rõ đó là Đảng Việt Tân như bị cáo đã khai tại cơ quan an ninh điều tra: “Tôi thật sự không hiểu biết gì về tổ chức Đảng Việt Tân và tôi cũng chưa tham gia tổ chức này, cho nên tôi không biết rõ về vị trí vai trò của họ (tức các bị cáo trong vụ án này) như thế nào và cơ cấu tổ chức của đảng này ra sao” (Bút lục số 72, hồ sơ vụ án).

Còn nội dung các tài liệu bỏ vào các phong bì chuyển cho những người nhận tuy bị cáo Nguyễn Thế Vũ có biết nhưng ở mức độ nghe nói là khiếu kiện và nói xấu chế độ, chỉ sau khi bị bắt được cơ quan an ninh điều tra cho đọc bản kết quả giám định nội dung các tài liệu trên thì bị cáo Nguyễn Thế Vũ mới biết một cách cụ thể như bị cáo đã khai nhận: “Nội dung tờ truyền đơn này sau khi bị bắt tôi mới được cơ quan an ninh điều tra cho xem và đọc toàn bộ nội dung, còn trước đó tôi chỉ nghe nói là khiếu kiện và nói xấu chế độ. Đến nay tôi mới thấy hết sự nguy hiểm và tác hại của nó. Bản thân tôi thấy ân hận vì đã có tham gia những công việc giúp sức trong việc làm cất dán in ấn phong bì, tập kết người làm tại nhà tôi để đưa vào phong bì gửi đi” (Bút lục số 80, hồ sơ vụ án).

Riêng về số tiền 1.000 USD mà Nguyễn Đức Thuận gửi cho bị cáo Nguyễn Thế Vũ để mua bì thư, tem, máy in, giấy in, USB modem, dụng cụ cất dán giấy, bị cáo Nguyễn Thế Vũ đã xác định rõ: “Thực tế tôi cũng không biết tiền này là của tổ chức đảng Việt Tân hay là tiền của cá nhân anh Thuận. Tôi chỉ biết anh Thuận khi nhờ tôi làm phong bì giúp anh Thuận, tôi nói là không có tiền thì anh Thuận gửi cho tôi” (Bút lục số 73, hồ sơ vụ án).

Lúc đầu bản thân bị cáo Nguyễn Thế Vũ đã thấy Nguyễn Đức Thuận làm một việc không bình thường, bị cáo đã sợ và từ chối làm nội dung trong phong bì để gửi đi, nhưng do cả nể tình cảm anh em bà con họ hàng bởi vì cha của Nguyễn Đức Thuận là Nguyễn Đức Thọ là anh ruột của bà Nguyễn Thị Mùi tức là mẹ của bị cáo Nguyễn Thế Vũ, lại thêm Nguyễn Đức Thuận đã hứa cho bị cáo Vũ mượn 3.000 USD để phụ thêm tiền mua nhà của vợ chồng bị cáo Vũ mặc dù cho đến khi bị bắt, bị cáo Vũ chưa nhận được số tiền trên. Ngoài ra bị cáo Vũ đã suy nghĩ đơn giản không lường hết hậu quả nghiêm trọng của việc làm của mình nên đã dẫn bị cáo đến chỗ phạm tội.

Đối với vụ án này lực lượng công an đã điều tra phát hiện kịp thời và đã bắt giữ tất cả các đối tượng trong vụ án thế nên những tài liệu phản động đã không gửi được đến những người nhận, do đó hậu quả của vụ án đã được hạn chế rất nhiều.

II. Đề nghị Quý Tòa xem xét và cho bị cáo Nguyễn Thế Vũ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau đây:

1. Tình tiết giảm nhẹ thứ nhất: Người phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại Điểm p, Khoản 1, Điều 46 Bộ Luật Hình Sự. Cụ thể trong bản nhận tội ngày 25/11/2007 gửi cho cơ quan an ninh điều tra Bộ Công an bị cáo Nguyễn Thế Vũ đã viết “Qua thời gian làm việc với cơ quan an ninh điều tra đã phân tích cho tôi thấy được rằng những công việc mà tôi đã làm trong thời gian qua như mua tem, phong bì, in địa chỉ người nhận, người gửi là một cách gián tiếp tiếp tay cho một thế lực xấu làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Tôi nhận ra rằng những việc làm trên là hoàn toàn sai trái.

Trong thời gian qua, tôi cũng đã cộng tác tích cực với cơ quan điều tra và đã tường trình chi tiết đầy đủ những gì mà mình đã biết được.

Tôi xin cam kết sẽ không bao giờ tái phạm những việc làm như trên cũng như những việc làm tương tự có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Nếu tôi phát hiện được những hành động nào của người nào làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia tôi sẽ trình báo với cơ quan công an Việt Nam” (Bút lục số 97, hồ sơ vụ án).

2. *Tình tiết giảm nhẹ thứ hai:* Phạm tội do lạc hậu được quy định tại Điểm k, Khoản 1, Điều 46 Bộ Luật Hình Sự. Lạc hậu ở đây không phải do trình độ văn hóa mà lạc hậu về nhận thức hiểu biết chính trị.

3. *Tình tiết giảm nhẹ thứ ba:* Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thế Vũ nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự, tuổi đời cũng còn trẻ.

Tôi đề nghị Quý Tòa áp dụng Khoản 2, Điều 46, coi đây là một tình tiết giảm nhẹ và cho phép bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ này.

Tôi đề nghị Quý Tòa áp dụng thêm Điều 47 Bộ Luật Hình Sự. điều này quy định: “Khi có ít nhất 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1, Điều 46 Bộ Luật Hình Sự, Tòa có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định”.

Ở đây bị cáo Nguyễn Thế Vũ bị truy tố về tội khủng bố được quy định tại Khoản 3, Điều 84, có khung hình phạt từ hai năm đến bảy năm tù và đây là khung hình phạt nhẹ nhất của Điều 84 Bộ Luật Hình Sự.

Nên với 3 tình tiết giảm nhẹ trên đây tôi đề nghị Quý Tòa xem xét và quyết định mức hình phạt dưới 2 năm

tù nhưng cho hưởng án treo hoặc mức phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Tòa đã quan tâm theo dõi những lời bào chữa của tôi đối với bị cáo Nguyễn Thế Vũ.

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trường*

2. Bài bào chữa cho các bị cáo trong vụ án Hoàng Cơ Minh

Xét xử từ ngày 1 đến ngày 3 tháng 12 năm 1987

Kính thưa Quý Tòa,

Theo yêu cầu của các bị cáo và được Quý Tòa chấp nhận, tôi bào chữa cho các bị cáo: Đỗ Bạch Thổ, Lý Minh Chánh, Nguyễn Văn Bình, Lý Hồ, Trần Hữu Công, Phạm Hoàng Lê, Đỗ Xuân Trường, Trần Văn Nào và Tô Văn Hải can tội “Phản bội Tổ quốc” và “Hoạt động phi”.

Về những nguyên nhân đã đưa các bị cáo trong vụ án này đi vào con đường phạm tội, luật sư Triệu Quốc Mạnh, đồng nghiệp của tôi đã phân tích, tôi hoàn toàn nhất trí. Ở đây tôi chỉ đề nghị Quý Tòa quan tâm xem xét mấy điểm cụ thể đối với các bị cáo mà tôi đảm nhận bào chữa. Tôi cũng hy vọng rằng qua sự trình bày của tôi sẽ gián tiếp bào chữa cho cả những bị cáo mà luật sư Triệu Quốc Mạnh đảm nhiệm bào chữa.

Ý thức, động cơ phạm tội của các bị cáo

Trong 9 bị cáo trên chỉ trừ 3 bị cáo: Phạm Hoàng Lê trước giải phóng là lính kiểng, con của một Đại tá nguy, cha mẹ và 7 em đều đã vượt biên và hiện đang sống ở Mỹ. Lý Hồ và Trần Hữu Công cũng đã tham gia nguy quân nhưng chỉ làm nhiệm vụ chuyên môn: Lý Hồ là y tá, cấp

bậc thượng sĩ, Trần Hữu Công lái xe, cấp bậc hạ sĩ. Sáu bị cáo còn lại: Đỗ Bạch Thổ, Lý Minh Chánh, Nguyễn Văn Bình, Đỗ Xuân Trường, Trần Văn Nào, Tô Văn Hải đều thuộc thành phần nhân dân lao động, tuổi đời hãy còn trẻ, có bị cáo khi vượt biên mới 15 tuổi, khi vào tổ chức của Hoàng Cơ Minh mới 16 tuổi như bị cáo Tô Văn Hải.

Nhưng tất cả 9 bị cáo khi vượt biên, trốn sang Thái Lan lúc đầu không phải với ý thức chống lại cách mạng mà phần lớn xuất phát từ động cơ lợi ích kinh tế, muốn có một cuộc sống vật chất đầy đủ và sung sướng hơn như Lý Hồ, Lý Minh Chánh, Nguyễn Văn Bình, Đỗ Xuân Trường, Tô Văn Hải. Những bị cáo còn lại thì vượt biên với những lý do khác: Đỗ Bạch Thổ thì rớt phổ thông trung học, chán học, nghe lời bạn bè xấu rủ rê, ăn cắp của bố mẹ một cây vàng để vượt biên. Trần Hữu Công lúc ở nhà đã lừa đảo lấy một chiếc xe đạp và một chiếc Honda của người khác bị chính quyền tại chỗ kêu lên kiểm điểm nên trốn đi nước ngoài. Trần Văn Nào lỡ lấy trộm của mẹ vợ 4 lượng vàng, bị mẹ vợ tố cáo với chính quyền, sợ bị bắt nên tìm cách trốn ra nước ngoài. Phạm Hoàng Lê vượt biên để được sum họp với gia đình vì cha mẹ và các em đều đang ở Mỹ.

Nhưng khi sang đến đất Thái Lan thì các bị cáo đã bị đưa vào những trại tị nạn do chính phủ Thái Lan lập ra như Dong-Rep, NW82 hoặc các trại tị nạn do nhóm phản động Campuchia Xon Xen dựng lên trên đất Thái Lan như Nong Chan, Nong-Samit và cả trại Aran của quân cảnh Thái Lan. Ở những trại này tình hình đời sống rất khổ cực, thiếu vệ sinh, bệnh tật, phải làm việc nặng nhọc như chặt cây, đào giếng nhưng lại bị đối xử tàn tệ. Như ở trại Aran bị cáo Nguyễn Văn Bình đã khai: “Lính quân cảnh Thái Lan

đã đánh đập những người bị giam giữ ở đây bằng ba trảo và roi xương cá đuối”. Hoặc ở trại Nong-Chan, bị cáo Đỗ Xuân Trường cũng khai: “Mỗi ngày chỉ được cho ăn 2 lần cháo loãng. Có lần chính tôi được phục vụ ở bếp thì được cấp 7 lon gạo để nấu cháo cho 100 người ăn nên mỗi lần chia khẩu phần cháo tôi phải khuấy liên tục để các suất cháo đều có nước và cái, có lúc mỗi tay tôi ngừng khuấy một tí là suất cháo người đó toàn là nước phải chia lại” và chính bị cáo cũng đã chứng kiến: “Một số người vào rừng cưa cây giẫm phải mìn, nổ chết, đào giếng bị thương vì giếng sập”.

Tóm lại khi bị cáo vào các trại tị nạn, các bị cáo thực sự bế tắc, lâm vào đường cùng, không có lối thoát. Từ đó tình báo Thái Lan đã đưa người của Hoàng Cơ Minh vào đây để tuyên truyền tuyển mộ họ vào tổ chức phản động Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam (MTQGTNGPVN). Hầu hết các bị cáo đều khai vì muốn có một cuộc sống khá hơn, muốn thoát khỏi cảnh sống đói khổ ở các trại tị nạn nên đã tham gia vào tổ chức của Hoàng Cơ Minh. Chính vì ham tiền mà một số bị cáo đã tham gia vào tổ chức phản động MTQGTNGPVN như Tô Văn Hải, Nguyễn Văn Bình, sau khi nhận lời tham gia vào tổ chức này, đã được Trương Tấn Lộc cho mỗi bị cáo 150 бат (tiền Thái Lan). Lý Minh Chánh cũng được phát 200 бат. Người của Hoàng Cơ Minh còn hứa hẹn vào “kháng chiến quân” Hoàng Cơ Minh mỗi tháng sẽ được cấp 500 бат. Trong khi đó ở trại Đông-Rek đi xay bột mướn mỗi ngày chỉ được 3 бат, nếu tính cả tháng làm liên tục không nghỉ ngày nào cũng chỉ kiếm được 90 бат nghĩa là tiền lương mà người của Hoàng Cơ Minh hứa trả cao gấp hơn

5 lần tiền công một tháng xay bột muốn ở trại Dong-Rek. Cũng có bị cáo nghe người của Hoàng Cơ Minh hứa sau khi tham gia sẽ được đi Nam Vang giải trí hoặc đi Phi Luật Tân học tập nên nghĩ rằng lúc đó sẽ có cơ hội trốn ra nước ngoài, do đó đã tình nguyện tham gia vào tổ chức của Hoàng Cơ Minh.

Cá biệt cũng có bị cáo ngay từ đầu đã bị ép buộc vào tổ chức phản động MTQGTNGPVN như bị cáo Lý Hồ trong lúc đang sống ở trại NW82 thì lính Thái Lan gọi lên làm việc, sau đó cho xe chở thẳng vào căn cứ của Hoàng Cơ Minh. Lúc đầu bị cáo không chịu vào tổ chức này, xin được trả lại trại tị nạn. Hoàng Cơ Minh hứa sẽ thỏa mãn nguyện vọng của bị cáo. Nhưng chờ mãi không thấy Hoàng Cơ Minh thực hiện. Khoảng 5 tháng sau Trần Khánh, Trương Tấn Lộc đến gặp bị cáo cho biết không thể trả lại trại tị nạn, trả lại đó cũng sẽ bị lính Thái Lan bắn chết, cuối cùng bị cáo Lý Hồ phải làm đơn xin vào tổ chức của Hoàng Cơ Minh.

Kính thưa Quý Tòa,

Thi sĩ Đỗ Trung Quân đã viết một bài thơ nổi tiếng, đó là bài “Quê hương”, bài thơ ấy đã được nhạc sĩ Giáp Văn Thạch phổ nhạc, mà tôi chắc rằng các vị đại biểu và đồng bào đang tham dự và theo dõi phiên tòa đã từng nghe bài ca đó, trong bài thơ này có những câu:

“Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người.”

Tôi nghĩ rằng “không lớn nổi thành người” có nghĩa là “không chọn được cho mình một con đường sống phù

hợp”. Các bị cáo đã bỏ quê hương ra đi, những tưởng có một cuộc sống sung sướng hơn nhưng khi tới Thái Lan bị đưa vào các trại tị nạn, muốn thoát ra khỏi cảnh sống đói khổ ở đây lại rơi vào tổ chức của Hoàng Cơ Minh, tình trạng của họ càng tệ hại hơn. Thực tế họ muốn “tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa”.

Khi vào tổ chức của Hoàng Cơ Minh các bị cáo giống như những người chân bị xiềng vào một cỗ xe mà cỗ xe ấy đang lao nhanh xuống dốc, họ thấy mình sắp rơi xuống vực thẳm nhưng không tự cứu được. Bởi vì Hoàng Cơ Minh đã đặt 5 điều kỷ luật để xử tử hình bất cứ ai không phục tùng họ. Trong thực tế như các bị cáo Trần Đế, Đỗ Bạch Thổ, Lý Minh Chánh đã khai tại phiên tòa là Hoàng Cơ Minh đã xử bắn và treo cổ trên dưới 20 người, những người này đã tìm đường trốn thoát nhưng bị lính Thái Lan bắt và giao lại cho Hoàng Cơ Minh. Do đó các bị cáo có muốn trốn khỏi tổ chức của Hoàng Cơ Minh cũng không thể trốn được.

Cho nên tôi nghĩ rằng các bị cáo đặc biệt những bị cáo tuổi đời hãy còn trẻ, thực sự là những nạn nhân hết sức đáng thương của Hoàng Cơ Minh và những người cầm đầu tổ chức phản động MTQGTNGPVN, tôi mong rằng Quý Tòa hãy cứu vớt họ.

Hoàn cảnh của các bị cáo trong quá trình phạm tội

Trong 9 bị cáo có 4 bị cáo đã tham gia giết đồng bọn. Đỗ Bạch Thổ đã giết Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Văn Ngọc (nhưng chưa chết sau được bộ đội cứu sống). Đối với Đỗ Bạch Thổ ngoài chức vụ Dân Đoàn trưởng còn được giao thêm chức vụ “Chủ tịch ủy ban kháng quân tỉnh Lâm

Đồng”. Nhưng theo tôi đây chỉ là một chức vụ ma mà thôi. Bởi vì cả 2 lần xâm nhập về Việt Nam vào tháng 9/1985 và tháng 2/1986 đều không thực hiện được phải quay lại. Bị cáo cũng đã khai tại phiên tòa là không biết sẽ làm gì với các chức vụ ấy nếu không xâm nhập được về Việt Nam. Bị cáo nghĩ rằng Hoàng Cơ Minh giao cho bị cáo cái chức vụ này là đưa bị cáo vào con đường chết. Thật vậy Đỗ Bạch Thổ đã được giao “cái quyền rom”, “quyền rom rác” nhưng ngày hôm nay phải chịu “cái vạ đá” nhưng đây không phải đá thường mà đá tảng. Lý Minh Chánh đã giết Lê Thanh Tùng, Mai Trương Ngọc Tân, Thạch Kim Ca. Lý Hồ đã dùng thuốc sát trùng mạnh của Mỹ để tiêm chết Trương Ngọc Ni, Võ Hồng Đức, Trần Trọng Thảo. Ngoài ra Lý Hồ còn tham gia giết Danh Hồng Quang theo lệnh của Nguyễn Huy, còn Huy đã đứng cách đó khoảng 5, 6 mét để kiểm tra.

Các bị cáo này được giao nhiệm vụ giết đồng bọn chúng tỏ họ có phần được cấp trên tin cậy nhưng đồng thời trong thực tế họ cũng ở vào một hoàn cảnh là không giết cũng không được vì đây là mệnh lệnh của những người cầm đầu không thể thoái thác được.

Còn Nguyễn Văn Bình đã đâm chết Chí, đã đâm huyệt Trần Khánh Linh vì lúc đó Nguyễn Văn Bình, Trần Khánh Linh và Chí đã lâm vào tình trạng đói khát, tuyệt vọng nên đã đâm chém lẫn nhau.

Các bị cáo khác như Trần Hữu Công, Phạm Hoàng Lê, Đỗ Xuân Trường, Trần Văn Nảo, Tô Văn Hải, mức độ phạm tội của họ có phần hạn chế hơn. Trần Hữu Công tuy có lớn tuổi hơn nhiều các bị cáo trong vụ án này nhưng vì trí tuệ có phần dần độn, điều này thể hiện qua cách khai

báo rất ngắn của bị cáo tại phiên tòa. Trần Hữu Công lại có cái tật hay lừa đảo, ăn cắp, lúc còn ở nhà đã lừa đảo lấy xe đạp, xe honda, khi ở trong căn cứ của Hoàng Cơ Minh cũng đã ăn cắp đường, đậu xanh,... đáng lẽ bị cáo có thể bị xử bắn như một số người khác. Nhưng tại sao bị cáo được cấp trên tin dùng? Là do được phân công phục vụ trực tiếp cho Hoàng Cơ Minh và những người cầm đầu của tổ chức này, bản thân bị cáo lại biết cách nịnh bợ cấp trên nên được họ tin dùng. Trần Hữu Công được phong làm Dân Đoàn trưởng nhưng thực tế chỉ làm nhiệm vụ hầu hạ cho Hoàng Cơ Minh, Nguyễn Huy, Trần Khánh mà thôi. Bị cáo chưa gây ra những tội ác cụ thể nào.

Phạm Hoàng Lê tham gia tổ chức Hoàng Cơ Minh vào tháng 6/1982 nhưng không phải phần tử tích cực được cấp trên tin dùng. Đã 2 lần bị kỷ luật: Lần thứ nhất bị nghi có liên quan đến 2 người trong tổ chức bỏ trốn (Phong Bi, Sơn B2), hai người này bị lính Thái bắt giao lại cho Hoàng Cơ Minh và đã bị Hoàng Cơ Minh xử bắn. Lần thứ hai khi xướng ngôn cho Đài phát thanh đọc vấp và máy móc bị hư, bị cáo bị nghi ngờ đã phá hoại. Chính vì thế mà mãi đến tháng 7/1985, tức 3 năm sau Phạm Hoàng Lê mới được vào MTQGTNGPVN và đến tháng 6/1987 lúc đó thiếu người, bị cáo mới được giao cho chức Dân Đoàn phó. Nhưng thực tế cũng chỉ làm hậu cần lo cơm nước, lương thực cho những người trong đơn vị.

Đỗ Xuân Trường đã có lần bị kỷ luật từ Dân Đoàn trưởng xuống làm toàn viên (lính trơn). Trường không ăn cánh với nhóm chỉ huy nên tuy trình độ văn hóa cao hơn so với một số bị cáo khác, thời gian tham gia lâu nhưng vai trò, vị trí không lớn, không thuộc loại đặc lực, cốt cán.

Đặc biệt là trong ngày 27/8/1987 khi ra đầu hàng, Trường đã chỉ đường rút chạy của nhóm chỉ huy để bộ đội tiêu diệt gọn nhóm này.

Trần Văn Nào là toàn viên (lính trơn), không có vai trò vị trí gì trong tổ chức Hoàng Cơ Minh. Trong thời gian ở căn cứ của tổ chức này, Nào chỉ làm công việc: cất dựng nhà, nấu cơm, tải gạo. Tuổi đời của Nào hãy còn trẻ, mới 19 tuổi khi bắt đầu phạm tội (sinh 1965, tham gia tổ chức của Hoàng Cơ Minh 8/1984). Thời gian tham gia cũng ngắn hơn so với các bị cáo khác (3 năm). Trong đợt xâm nhập “Đông Tiến 2” bị cáo đã ra hàng sớm nhất (14/7/1987).

Tô Văn Hải là bị cáo trẻ tuổi nhất trong vụ án, sinh 1967, vượt biên lúc 15 tuổi (5/1982), tham gia tổ chức Hoàng Cơ Minh lúc 16 tuổi (5/1983), cũng chỉ là toàn viên.

Đặc biệt bị cáo này trình độ văn hóa thấp (2/12) và hiểu biết về xã hội còn kém nên đã bị tổ chức của Hoàng Cơ Minh dụ dỗ, lừa gạt.

Ngoài ra tất cả 9 bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa trong mấy ngày qua đều đã khai báo thành khẩn và đầy đủ, nhất là các bị cáo Phạm Hoàng Lê, Đỗ Xuân Trường, Trần Văn Nào, Tô Văn Hải.

Với những điểm mà tôi trình bày trên đây, tôi đề nghị Quý Tòa xem xét và quyết định cho các bị cáo mà tôi bào chữa được hưởng những mức án khoan hồng nhất.

Tôi xin cảm ơn Quý Tòa đã quan tâm theo dõi những lời bào chữa của tôi đối với các bị cáo.

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trùng*

3. Bài bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đắc Phú trong vụ án kinh tế Trần Ty

Kính thưa Quý Tòa,

Theo yêu cầu của bị cáo và được Quý Tòa chấp nhận, hôm nay tôi nhận bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đắc Phú can tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản Xã Hội Chủ Nghĩa”.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và theo dõi sự khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, cho phép tôi được phát biểu một số nội dung sau đây để Quý Tòa xem xét cho bị cáo Nguyễn Đắc Phú.

I. Tổ Giám định đã sử dụng các tài liệu một cách không công bằng và thiếu khách quan

Đối chiếu nội dung bản cáo trạng và nội dung bản giám định tôi thấy rằng bản cáo trạng đã sử dụng những kết luận và các số liệu của Ban Giám định làm căn cứ chính để đánh giá toàn bộ vụ án cũng như để buộc tội Nguyễn Đắc Phú.

Tại phiên tòa ngày hôm qua, ông Hồ Sĩ Hồng, đại diện Tổ Giám định Bộ Tài Chánh cũng đã xác nhận như thế. Nhưng theo tôi, những kết luận và các số liệu của Tổ Giám định không đủ giá trị pháp lý và thực tế để làm căn cứ xem xét, đánh giá vụ án này đặc biệt là đối với bị cáo Nguyễn Đắc Phú. Bởi vì Tổ Giám định đã sử dụng các tài liệu một cách không công bằng và thiếu khách quan.

Cụ thể Tổ Giám định đã sử dụng 2 loại hóa đơn: hóa đơn có kèm theo chứng từ gốc và hóa đơn trong nhật ký ghi sổ. Đối với loại hóa đơn trong nhật ký ghi sổ, Tổ Giám định chỉ sử dụng những hóa đơn nào bất lợi cho Nguyễn

Đắc Phú, còn những hóa đơn nào có lợi cho Nguyễn Đắc Phú thì Tổ Giám định loại ra, không sử dụng. Tổ Giám định đã sử dụng 2 hóa đơn 60B và 62 trong nhật ký ghi sổ của Công ty cung ứng hàng xuất khẩu quận 4, trị giá 86.400 đồng ghi nợ của Công ty Nông sản Thực phẩm xuất khẩu nghĩa là bất lợi cho Nguyễn Đắc Phú. Trong khi đó Tổ Giám định đã loại ra, không sử dụng 54 hóa đơn trong nhật ký ghi sổ khác trị giá 19.826.790 đồng là những hóa đơn có lợi cho Nguyễn Đắc Phú.

Qua đây làm tôi phải suy nghĩ, liệu rằng Tổ Giám định làm việc để góp phần làm sáng tỏ sự thật của vụ án hay là để minh họa cho một ý định buộc tội bị cáo Nguyễn Đắc Phú đã có từ trước.

II. Về con số 31 triệu đồng Trần Tỷ nợ Công ty Nông sản Thực Phẩm Xuất Khẩu

Từ một phương pháp làm việc sai lầm đó, Tổ Giám định đã cho ra đời con số 31 triệu Trần Tỷ nợ Công ty Nông sản. Sự thật như thế nào?

Tổ Giám định đã thừa nhận tổng giá trị hàng xuất khẩu Trần Tỷ giao cho Công ty Nông sản là 199 triệu và tổng giá trị quỹ hàng hóa và tiền mặt Công ty Nông sản giao cho Trần Tỷ là 179 triệu. Chỉ cần làm một bài toán trừ đơn giản là chúng ta đã thấy Công ty Nông sản nợ Trần Tỷ 20 triệu. Nhưng trong 179 triệu có trị giá quỹ hàng hóa 8 triệu Công ty Nông sản đã điều cho 4 đơn vị khác: Comat, Xí nghiệp Đông lạnh Sóc Trăng, Đại lý thu mua Củ Chi và Công ty Thủy sản tỉnh Minh Hải. Nghĩa là làm tiếp một phép tính cộng cũng hết sức đơn giản nữa thì chúng ta sẽ có con số 28 triệu Công ty Nông sản nợ Trần Tỷ như bản án sơ thẩm lần thứ nhất đã xác định.

Chỉ bằng một con đường thẳng, rất ngắn đó thì Tổ Giám định đã tìm ra sự thật: ai nợ ai, Công ty Trần Tỷ nợ Công ty Nông sản hay Công ty Nông sản nợ Công ty Trần Tỷ. Nhưng Tổ Giám định không đi con đường thẳng đó mà đi con đường lắt léo hơn nên đã không tìm ra sự thật. Có thể nói như vậy nếu tôi không muốn nói Tổ Giám định đã cố tình không muốn tìm ra sự thật.

Tại sao lại lấy tổng giá trị hàng xuất khẩu trị giá 199 tỷ, gồm 2 nguồn có hợp đồng và không có hợp đồng, mà Công ty Trần Tỷ giao cho Công ty Nông sản trừ đi tổng giá trị Công ty Trần Tỷ nợ các địa phương là 51 triệu để làm giảm tổng trị giá hàng xuất khẩu mà thực tế Công ty Trần Tỷ đã giao cho Công ty nông Sản từ 199 triệu xuống còn 148 triệu. Rồi sau đó lấy 179 triệu, là số tiền Công ty Trần Tỷ phải trả cho Công ty nông Sản, trừ đi 148 triệu, ra con số 31 triệu và Tổ Giám định kết luận Trần Tỷ nợ Công ty nông Sản 31 triệu?

Nhưng Tổ Giám định đã quên rằng trong hoạt động kinh doanh của mình, Trần Tỷ cùng một lúc có 2 mối quan hệ: quan hệ hợp tác làm ăn với các tỉnh và quan hệ với Công ty Nông sản. Trong quá trình làm ăn chúng ta thấy 2 quan hệ đó nhập nhằng với nhau thành một cục, nhưng khi thanh toán cần phải tách bạch hai quan hệ đó ra. Tại sao Tổ Giám định không thấy điều đó? Hay Tổ Giám định không muốn thấy điều đó? Vậy con số 31 triệu phản ánh cái gì đây? Nó phản ánh Trần Tỷ nợ Công ty Nông sản phải không? Không. Con số 31 triệu phản ánh 17 triệu là giá trị hàng tồn kho của Trần Tỷ khi bị cáo bị bắt mà Cơ quan điều tra đã thu hồi ở Safico, quận 11 và một số nơi khác, cùng với 14 triệu của Trần Tỷ bị phong tỏa ở Công ty Nông

sản 3 của tỉnh Minh Hải. Hay nói một cách khác con số 31 triệu đó chỉ phản ánh số tiền của Trần Tỷ bị kẹt lại khi bị bắt chứ không phản ánh quan hệ nợ nần giữa Công ty Nông sản và Trần Tỷ.

Tôi xin nói thêm về cách làm việc của Tổ Giám định. Tại cuộc họp ngày 9/2/1988 để thẩm định lại mối quan hệ về tài chính giữa Công ty Nông sản và Trần Tỷ. Chị Nguyễn Thị Thơm, quyền Kế toán trưởng Công ty Trần Tỷ đã cho biết phòng Tài vụ không được tham gia tính toán cùng Tổ Giám định mà chỉ cử một nhân viên là Hồ Phước Tấn đi theo quản lý tài liệu của Công ty Trần Tỷ cho Tổ Giám định mượn mà thôi.

Khi làm xong, Tổ Giám định đã đưa bản giám định cho chị Thơm và yêu cầu chị Thơm ký ngay vào bản giám định lúc đó. Chị Thơm có đề nghị có cho thời gian để rà soát lại các số liệu. Nhưng Tổ Giám định bảo ký vào để đòi nợ Trần Tỷ chứ không có việc gì đâu, nên chị Thơm mới ký. Nếu chị Nguyễn Thị Thơm hiểu rằng chữ ký của mình sẽ dẫn đến hậu quả là để buộc tội ông Nguyễn Đắc Phú, Giám đốc cũ Công ty Nông sản, đã tạo điều kiện để Trần Tỷ trốn thuế, chắc là chị ấy đã không ký vào bản giám định này.

Đồng chí Trần Thái Thạch, quyền Giám đốc Công ty Nông sản chỉ xác nhận chữ ký của Nguyễn Thị Thơm, quyền Kế toán trưởng chứ không phải xác nhận các số liệu trong bản giám định.

Còn Nguyễn Đắc Phú, khi Tổ Giám định đưa xem bản dự thảo, bị cáo đã đề nghị ghi chú cần tính toán lại con số 31 triệu. Nhưng khi đánh máy chính thức thì bỏ đi đề nghị ghi chú này của Nguyễn Đắc Phú.

Điểm đáng chú ý nữa là chị Nguyễn Thị Thom – quyền Kế toán trưởng Công ty Trần Tỷ, Trần Thái Thạch – quyền Giám đốc Công ty Nông sản và bị cáo Nguyễn Đắc Phú – Giám đốc cũ Công ty Nông sản không được ký cùng một lúc mà phải ký riêng rẽ.

Hình như Tổ Giám định nghĩ rằng chỉ cần làm thế nào để buộc cho được Trần Thái Thạch, Nguyễn Thị Thom, Nguyễn Đắc Phú, Trần Tỷ phải ký vào bản giám định và có 4 chữ ký đó là có thể dùng để buộc tội được Nguyễn Đắc Phú.

Nhưng theo tôi với cách làm việc trên đây thì chẳng những 4 chữ ký trên mà cho dù có thêm 100 hay 1.000 chữ ký nữa thì bản giám định cũng không có giá trị pháp lý và thực tế.

III. Vấn đề Trần Tỷ trốn thuế 17 triệu đồng

Chúng ta cần nhớ lại rằng trước khi hợp tác làm ăn với Công ty Nông sản, Trần Tỷ đã có 6 năm hợp tác làm ăn với các tỉnh. Cho đến khi bị bắt Trần Tỷ mới hợp tác làm ăn với Công ty Nông sản có 6 tháng. Như thế thời gian hợp tác giữa Trần Tỷ và Công ty Nông sản chưa bằng 1/10 thời gian làm ăn hợp tác với các tỉnh. Qua đó trong thực tế Trần Tỷ không chỉ quen biết hầu hết các đồng chí phụ trách các đơn vị xuất nhập khẩu các tỉnh mà còn rất có uy tín đối với các đồng chí Lãnh đạo các tỉnh. Nên khi vận chuyển hàng từ các tỉnh về thành phố Hồ Chí Minh thì các tỉnh lo giấy tờ, phương tiện vận chuyển cho Trần Tỷ. Như ở Minh Hải tại thị xã Bạc Liêu, Công ty Nông sản 3 của Minh Hải lo phương tiện, giấy tờ vận chuyển cho Trần Tỷ hoặc tại Cà Mau, Liên hiệp xuất nhập khẩu tỉnh Minh Hải lo phương tiện và giấy tờ vận chuyển cho Trần Tỷ.

Thông thường tàu, thuyền chở hàng nông sản về tận bến Lê Quang Liêm nên hà tất Nguyễn Đắc Phú phải cung cấp giấy tờ, phương tiện để Trần Tỷ chở hàng rồi qua đó Trần Tỷ trốn thuế. Mặt khác hợp đồng cam kết giữa Công ty Nông sản và các tổ hợp do Trần Tỷ làm đại diện đã ghi rõ: “Hàng xuất khẩu đưa xuống tàu đầy đủ phẩm chất mới được thanh toán”. Nên việc gì Công ty Nông sản lại phải cung cấp phương tiện và giấy tờ cho Trần Tỷ vận chuyển hàng.

Hơn nữa việc sử dụng Trần Tỷ, Công ty Nông sản đã báo cáo với Quản lý thị trường, công an Kinh Tế, Sở Tài Chính nên giả sử có việc Trần Tỷ trốn thuế Nhà nước thì đâu phải trách nhiệm của Công ty Nông sản, càng không phải trách nhiệm của Nguyễn Đắc Phú. Bởi vì chính hoạt động của Công ty Nông sản và của bản thân Nguyễn Đắc Phú cũng phải chịu sự kiểm soát của các cơ quan chức năng nói trên.

Cho nên theo tôi không thể buộc bị cáo Nguyễn Đắc Phú phải chịu trách nhiệm về việc Trần Tỷ trốn thuế 17 triệu.

IV. Vấn đề giá gia công có phải Nguyễn Đắc Phú đã làm thiệt hại cho Nhà nước 4,1 triệu không?

Tổ Giám định đã so sánh giá gia công trong hợp đồng Công ty Nông sản ký với Công ty Cung ứng hàng xuất khẩu quận 11, và giá gia công trong một số hợp đồng mà Công ty Nông sản ký với các tổ hợp của Trần Tỷ, từ đó kết luận Nguyễn Đắc Phú đã làm thiệt hại cho Nhà nước 4,1 triệu.

Nhưng việc so sánh này không có cơ sở vì mấy lý do sau đây:

Thứ nhất, là giá gia công cao hay thấp là tùy thuộc vào khối lượng công việc và những chi phí mà người nhận gia công phải thực hiện. Thí dụ một hợp đồng gia công chỉ làm các việc đơn giản như sàng, sảy thì giá phải thấp. Còn ngược lại một hợp đồng mà ngoài công việc đơn giản như sàng, sảy nói trên, còn phải thực hiện các chi phí khác như tiền bao bì, vận chuyển đường ngắn trong nội thành, lưu kho chờ đến khi xuất khẩu từ một tháng trở lên, đối với một hợp đồng như thế tất nhiên giá gia công phải cao.

Thứ hai, là tại phiên tòa ngày hôm qua Trần Tỷ cũng đã khai, ngay trong số các hợp đồng mà Công ty Nông sản ký với các tổ hợp của Trần Tỷ, có những hợp đồng giá gia công cao nhưng có những hợp đồng giá gia công thấp và thậm chí có một vài hợp đồng giá gia công rất thấp.

Thứ ba, tại thành phố hiện nay có rất nhiều đơn vị xuất nhập khẩu của thành phố, của quận, huyện và cả của Trung ương nên khi hợp đồng gia công, các đơn vị này cũng không thể theo một giá nhất định nào.

Vậy thì Tổ Giám định lấy cơ sở nào để xem giá gia công mà Công ty Nông sản ký với quận 11 là một mẫu mực để từ đó cho rằng Nguyễn Đắc Phú đã làm thiệt hại cho Nhà nước 4,1 triệu.

Con số 4,1 triệu theo tôi chỉ là một ảo giác chứ không có trong thực tế (Hội đồng Xử Án đã chấp nhận ý kiến này của luật sư).

V. Vấn đề giá thu mua nông sản xuất khẩu

Tổ Giám định cho rằng Công ty Nông sản đã điều chỉnh giá thu mua Nông sản xuất khẩu từng tháng một cho phù hợp với giá thị trường để cho Trần Tỷ hưởng chênh lệch quá cao.

Ở đây chúng ta cần nhớ lại tình hình kinh tế của thành phố trong những năm 1979 - 1984. Nếu trong kháng chiến chống Mỹ trước đây chúng ta có các thời kỳ đen tối là các năm 1959 - 1960 trước Đồng Khởi và cuối 1969 đầu 1970 sau Mậu Thân thì trong xây dựng kinh tế sau ngày giải phóng thời kỳ đen tối đó là những năm 1979 - 1980.

Tại thành phố trong thời điểm này có đến 21 công ty và liên hiệp xí nghiệp và 50 xí nghiệp khác thiếu vật tư nguyên liệu, có những xí nghiệp công nhân nghỉ ăn lương 70% kéo dài 9, 10 tháng, có khi 15.000 công nhân không có việc làm.

Tình hình hoạt động xuất nhập khẩu của thành phố cũng lâm vào chỗ bế tắc, cả năm 1980 toàn thành phố chỉ xuất khẩu trực tiếp được 0.5 triệu đô la.

Do tình hình trên đây Thường vụ Thành ủy và Thường trực Ủy ban đã bắt đầu tập trung và đi sâu vào lãnh vực xuất nhập khẩu. Các ban lãnh đạo nhận thấy cần phải chuyển từ phương thức giao nộp hàng xuất khẩu theo chỉ tiêu kế hoạch không còn phù hợp nữa sang phương thức mới xuất nhập khẩu trực tiếp tự cân đối.

Từ đó mà thành phố cho ra đời một số công ty công tư hợp doanh xuất nhập khẩu như Direximco, Cholimex, Ficonimex, Fidimex. Những đơn vị này được phép hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu nhưng không bị bắt buộc phải tuân thủ những quy định hiện hành của ngành Ngoại thương đã lỗi thời, do đó mà doanh số của các đơn vị này tương đối lớn như Direximco, Cholimex.

Trong khi đó Công ty Nông sản Thực Phẩm Xuất Khẩu thành phố là một đơn vị quốc doanh bị ràng buộc bởi những quy định pháp luật hiện hành.

Chúng ta có thể hình dung Công ty Nông sản và các công ty hợp doanh xuất nhập khẩu lúc đó giống như 2 người đang đứng trên bờ sông, một người thì được tự do (các công ty hợp doanh xuất nhập khẩu) còn một người thì bị trói tay, trói chân (Công ty Nông sản), được lệnh phải nhảy xuống sông để bơi thì chắc chắn chỉ người không bị trói mới bơi được, còn người kia chỉ có chịu chết thôi.

Trong khi đó chỉ tiêu thành phố giao cho Công ty Nông sản năm 1981 về doanh số tăng gấp 20 lần, riêng kim ngạch xuất khẩu khu vực Tư Bản Chủ Nghĩa phải đạt 7,5 triệu đô la, gấp hơn 143 lần so với năm 1980 (cả năm 1980 chỉ có 0.5 triệu đô la).

Do đó khi sử dụng Trần Tỹ, Công ty Nông sản buộc phải thường xuyên điều chỉnh giá thu mua nông sản xuất khẩu cho phù hợp với giá thị trường, mới thu mua được hàng nông sản xuất khẩu, mới bảo đảm thực hiện được kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó nhiều công ty xuất nhập khẩu khác cũng thực hiện theo cơ chế giá thị trường.

Nếu không làm như thế thì Nguyễn Đắc Phú lúc đó chỉ có một con đường là không làm gì cả và từ chức Giám đốc Công ty Nông sản mà thôi.

Tuy vậy giá thu mua hàng nông sản xuất khẩu mà Công ty Nông sản cho phép Trần Tỹ thực hiện bao giờ cũng thấp hơn giá thị trường từ 15 - 20%.

VI. Vấn đề quỹ hàng hóa đối lưu giá cho Trần Tỹ

Ở đây cần phân biệt 2 loại hàng. Đối với mặt hàng sữa, bia, thuốc lá để làm quỹ hàng hóa thì Công ty Nông sản thực hiện theo giá quy định của Ủy Ban Nhân Dân

thành phố tại các thông báo số 46 TBUB ngày 24/10/1981 và số 25 TBUB ngày 10/12/1981.

Về các hàng hóa từ nguồn nhập khẩu thì khi định giá công ty áp dụng chỉ thị số 42 CTUB ngày 3/4/1981 của UBTP. Cụ thể Công ty định giá giao cho Trần Tỷ với tỷ giá 77,3 đồng Việt Nam/USD. Nghĩa là có khác nhau chứ không phải như kết luận của Tổ Giám định cho rằng Công ty Nông sản đã áp dụng cơ chế giá giống nhau giữa Trần Tỷ và các xí nghiệp quốc doanh. Thưa Quý Tòa, kết luận như thế là hoàn toàn không đúng sự thật.

Một vấn đề nữa được đặt ra là khi giao quỹ hàng hóa cho Trần Tỷ, có phải có Công ty Nông sản đã tạo ra thế độc quyền cho Trần Tỷ để lũng đoạn thị trường không? Không phải như thế.

Hàng nhập khẩu của công ty chủ yếu phục vụ cho sản xuất và một phần làm quỹ hàng hóa nhưng ưu tiên cho các đơn vị quốc doanh.

Còn đối với các mặt hàng sữa, bia, thuốc lá thì công ty nhập nguyên liệu sau đó hợp tác với các xí nghiệp Trung ương tại thành phố sản xuất để có quỹ hàng hóa chứ không nhập bia, sữa, thuốc lá ngoại. Làm như thế có mấy cái lợi. Trước hết khi sản xuất công nhân có việc làm, ta cũng được một phần lãi, sau đó khi bán ra, qua đó ta mua lại được hàng nông sản xuất khẩu.

Nhưng 3 mặt hàng này người làm chủ thị trường vào thời điểm đó là các đơn vị xuất khẩu tại chỗ chứ không phải Trần Tỷ, vì xuất khẩu tại chỗ chiếm 60% về bia và 58% về thuốc lá, trong khi đó Trần Tỷ chỉ chiếm 17% về bia và 19% về thuốc lá trong tổng trị giá của các mặt hàng này của Công ty Nông sản giao lúc đó.

Ở đây có một điều mà chúng ta phải hết sức chú ý là phần lớn các mặt hàng bia, sữa, thuốc lá mà Công ty Nông sản giao cho các đơn vị xuất khẩu tại chỗ và các tỉnh đều được tung ra bán trên thị trường thành phố.

Tại sao lại có tình hình như vậy? Bởi vì chẳng hạn như mặt hàng sữa bán cho thân nhân Việt kiều, mỗi người mua cả 500 hộp, 1.000 hộp họ làm sao xài hết nên bán lại cho con buôn để bán ra trên thị trường. Mặt khác do tỷ giá giữa đồng bạc Việt Nam và đồng đô la lúc đó Nhà nước quy định rất thấp nên họ phải bán lại cho con buôn với giá cao để bù lại phần bị thiệt. Trong lúc đó các đơn vị của các tỉnh cũng tung số sữa, bia thuốc lá mà họ nhận của Công ty Nông sản ra bán trên thị trường thành phố vì họ còn nguồn hàng lậu là sữa, thuốc lá ngoại.

Do đó khi nhìn thấy cảnh tượng bia, sữa, thuốc lá tràn ngập thị trường thành phố vào thời điểm ấy chúng ta có thể lầm tưởng đây là hàng của Trần Tỷ do Công ty Nông sản giao đã được tung bán trên thị trường. Sự thật không phải như thế.

Hơn nữa quỹ hàng hóa Trần Tỷ bán ra thị trường theo Tổ Giám định là 144 triệu, theo Nguyễn Đắc Phú là 80 triệu, còn theo lời khai của Trần Tỷ chỉ có 50 triệu. Nhưng cho dù chúng ta chấp nhận con số cao nhất của Tổ Giám định thì con số đó cũng chẳng thấm vào đâu so với dung lượng thị trường xã hội thời điểm đó là 9 tỷ và thị trường xuất nhập khẩu là 3,5 tỷ.

Nên với một trị giá hàng bán ra như vậy thì làm sao Trần Tỷ có thể giành được vị trí độc quyền để lũng đoạn thị trường thành phố lúc đó.

VII. Việc sử dụng Trần Ty trong công tác xuất nhập khẩu, Nguyễn Đắc Phú có công hay có tội

Ở đây cần làm rõ có phải Công ty Nông sản sử dụng Trần Ty đã tạo ra tình trạng tranh mua tranh bán, đặc biệt là tranh mua hàng nông hải sản xuất khẩu không? Không phải như vậy.

Vậy nguồn gốc thực sự của sự tranh mua hàng nông hải sản xuất khẩu là ở đâu? Đó là sức mạnh thanh toán nhập khẩu với nước ngoài rất lớn của hàng nông hải sản. Nên nhiều đơn vị, nhiều địa phương tranh nhau mua hàng nông hải sản để xuất khẩu thu ngoại tệ cho mình. Trong lúc đó điều kiện sản xuất của thành phố và các tỉnh chưa phát triển, nguồn hàng còn phân tán, chưa có đầu tư chiều sâu, do đó chưa có chân hàng lớn nên lúc đó cũng như hiện nay chưa tổ chức được những đơn vị xuất khẩu chuyên ngành mà chúng ta có nhiều công ty xuất nhập khẩu tổng hợp cùng kinh doanh xuất khẩu những mặt hàng giống nhau nên không tránh khỏi sự tranh mua.

Chính vì thế mà Trần Ty đã bị bắt 5, 6 năm rồi, Công ty Nông sản không còn sử dụng Trần Ty nữa nhưng tình trạng tranh mua tranh bán hàng nông hải sản xuất khẩu đâu có chấm dứt, thậm chí có mặt hàng sự tranh mua diễn ra rất gay gắt như con tôm, hạt tiêu, hạt điều.

Vậy Công ty Nông sản thực hiện phương thức mới xuất nhập khẩu trực tiếp tự cân đối đúng hay sai. Tôi khẳng định là đúng, đặc biệt là trong tình hình kinh tế của thành phố thời điểm 1981 - 1982 và cả bây giờ.

Nhưng đó là một phương thức tối ưu chứ không phải một phương thức tuyệt hảo. Mà đã là một phương thức tối ưu thì khi thực hiện sẽ có những cái lợi và những

cái không lợi. Nhưng nếu đem đối chiếu những cái lợi và những cái không lợi thì bao giờ những cái lợi cũng nhiều hơn. Tôi nghĩ rằng tình hình tranh mua, tranh bán là một hạn chế tất yếu của phương thức này. Nhưng trong hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của thành phố và của nước ta lúc đó cũng như hiện nay không cho phép chúng ta lựa chọn được một phương thức hoặc một giải pháp tuyệt hảo.

Đặc điểm thị trường thành phố trong thời điểm cuối 1981 đầu 1982, thời kỳ sử dụng Trần Tỷ là thị trường thả nổi, hàng nông sản trôi nổi, chủ yếu là hàng từ Campuchia về, hàng của các tỉnh cũng có nhưng ít thôi. Chính các tỉnh cũng đã đặt nhiều trạm thu mua hàng nông sản trôi nổi này để xuất khẩu.

Vậy hàng nông sản trôi nổi trên thị trường thành phố này là của ai? Có phải của thành phố không? Chắc là không. Chúng ta không nên quan niệm theo kiểu Hội đồng Du trong vở tuồng cải lương Tiếng Hò Sông Hậu “Chim đậu trên đất ta là của ta”. Trong thực tế chỉ khi nào Hội đồng Du bắt được những con chim đó bỏ vào lồng thì chúng mới thực sự là của ông ta. Nếu không thì những con chim ấy mãi mãi là của trời cao biển rộng mà thôi.

Cũng như thế hàng nông sản trôi nổi trên thị trường thành phố chỉ trở thành hàng xuất khẩu của thành phố để thu ngoại tệ khi nào chúng ta thu mua được những mặt hàng đó. Hàng nông sản trôi nổi trên thị trường này cũng giống như của đồ ra, Nguyễn Đắc Phú sử dụng Trần Tỷ để hút lại cho thành phố. Từ đó đã đưa kim ngạch xuất khẩu trực tiếp của thành phố từ 0.5 triệu USD của cả năm 1980 lên 21,5 triệu USD trong năm 1981 và 99 triệu USD trong năm 1982 phần lớn do Công ty Nông sản đem lại.

Cũng trong thời kỳ 1981 - 1982 Công ty Nông sản đã đầu tư cho các nhà máy bia, sữa, thuốc lá của Trung ương tại thành phố 3,5 triệu USD để nhập phụ tùng thiết bị mới, giúp cho gần 7.000 công nhân có công ăn việc làm với mức lương cao hơn mức lương của các xí nghiệp Trung ương khác 1,5 lần.

Những việc làm trên đây Nguyễn Đắc Phú có công hay có tội. Chắc là có công chứ không phải là có tội. Chẳng những có công mà còn có tài. Tôi nghĩ rằng Nguyễn Đắc Phú là một nhân tài trong lĩnh vực xuất nhập khẩu của thành phố.

Tất nhiên Nguyễn Đắc Phú không tránh khỏi những vấp vấp, thiếu sót trong công tác quản lý mà tại phiên tòa ngày hôm qua bị cáo đã khai nhận đầy đủ.

Bây giờ cho phép tôi được nêu một vài dòng về cuộc đời của Nguyễn Đắc Phú. Bị cáo đã tham gia cách mạng từ lúc mới 14 tuổi. Sau này Nguyễn Đắc Phú được đào tạo có hệ thống, tốt nghiệp Đại học Kinh tế Ngoại thương năm 1966, từ đó liên tục làm công tác ở bộ Ngoại thương. Sau ngày giải phóng, bị cáo tiếp tục tham gia hoạt động xuất nhập khẩu của thành phố cho đến ngày bị ngưng chức.

Hiện nay Nguyễn Đắc Phú đã 50 tuổi, có gần 30 năm tuổi Đảng, về năng lực đã đến lúc chín muồi, nguyện vọng của bị cáo thiết tha mong muốn được cống hiến cho thành phố và cho đất nước, nhưng không được cống hiến nữa.

Thân phận của Nguyễn Đắc Phú cũng giống như một dây khoai lang được chăm bón mới bắt đầu ra củ đã bị nhổ lên. Liệu sau này còn thu hoạch được gì nữa không?

Việc ngưng chức Nguyễn Đắc Phú đã gây ra những thiệt hại cụ thể cho thành phố có thể tính ra bằng vật chất.

Khi còn làm Phó tổng Giám đốc Imexco phụ trách khu vực các nước Tư Bản Chủ Nghĩa, Nguyễn Đắc Phú đã đàm phán với các công ty nước ngoài để hợp tác liên doanh với thành phố đầu tư cho Sở Công nghiệp một số công trình như xí nghiệp hợp doanh may mặc Vitexco, Xí nghiệp hợp doanh Điện tử Sài Gòn (xây dựng trên nghĩa địa Quảng Đông, Gò Vấp), nhà máy thuốc lá Bến Thành và một số công trình khác. Nguyễn Đắc Phú bị ngưng chức đã làm cho các công trình này phải chậm lại, có công trình phải bị bỏ dở. Những công trình đưa vào hoạt động đã mang lại hiệu quả kinh tế rất lớn. Như Xí nghiệp hợp doanh Điện tử Sài Gòn chỉ trong 45 ngày với 7 công nhân đã thu được cho thành phố một số lợi nhuận là 38,5 triệu đồng. Hoặc nhà máy thuốc lá Bến Thành, năm 1988 chỉ tiêu Sở Công Nghiệp nộp lãi cho thành phố là 12 tỷ đồng thì Xí nghiệp Thuốc lá Bến Thành nộp 3 tỷ. Trong những hiệu quả về kinh tế mà các công trình trên đã mang lại cho thành phố đã có công lao đóng góp rất lớn của Nguyễn Đắc Phú.

Riêng đối với công ty hợp doanh sửa chữa tàu với số vốn mà Singapore đồng ý đầu tư là 7,2 triệu USD nhưng khi Nguyễn Đắc Phú bị ngưng chức họ đã ngưng lại không đầu tư nữa.

Đối với một giám đốc như Nguyễn Đắc Phú, một người thực sự có tinh thần đổi mới, quyết tâm thực hiện có hiệu quả phương thức mới xuất nhập khẩu trực tiếp tự cân đối góp phần tìm ra một hướng phát triển cho hoạt động xuất nhập khẩu của thành phố trong những năm 1981, 1982. Hiện nay nhiều đơn vị xuất nhập khẩu của quận, huyện, thành phố, các tỉnh và cả của Trung Ương cũng đang thực hiện phương thức đó.

Đối với một giám đốc như thể liệu rằng pháp luật có nên truy tố họ hay cần bảo vệ họ, theo tôi cần bảo vệ họ, do đó tôi đề nghị Quý Tòa tuyên bố bị cáo Nguyễn Đắc Phú không phạm tội.

Tôi xin cảm ơn Quý Tòa đã quan tâm theo dõi bài bào chữa của tôi đối với bị cáo Nguyễn Đắc Phú và rất mong Quý Tòa chấp nhận đề nghị của tôi.

- Luật sư Nguyễn Đăng Trưng

4. Bài bào chữa cho bị cáo Lê Minh Tâm can tội thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (trích)

... Tôi đề nghị Quý Tòa xem xét cho bị cáo Lê Minh Tâm mấy nội dung sau đây:

I. Bối cảnh ra đời của Xí nghiệp công tư hợp doanh Tân Tiến 1

Quyết định 241 ngày 25 tháng 9 năm 1982 của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh cho phép Sở Công Nghiệp thành phố Hồ Chí Minh lập Xí nghiệp công tư hợp doanh Tân Tiến 1 trực thuộc Xí nghiệp Liên hiệp Nhựa.

Xí nghiệp Liên hiệp Nhựa có 8 xí nghiệp gồm 5 xí nghiệp quốc doanh hạch toán nội bộ, 3 xí nghiệp công tư hợp doanh hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân, tài khoản và con dấu riêng trong đó có Tân Tiến 2 và Tân Tiến 3 hoạt động theo phương thức cũ: Nhà nước và tư nhân cùng đầu tư chia lãi cố định 8%, trong thực tế hoạt động na ná như xí nghiệp quốc doanh.

Còn Tân Tiến 1 hoạt động theo phương thức hoàn toàn mới mẻ, lời cùng chia, lỗ cùng chịu. Bộ máy nhân sự do Sở Công Nghiệp đề xuất Ủy Ban Nhân Dân thành phố

thông qua chứ không phải do Xí nghiệp Liên hiệp Nhựa đề xuất nghĩa là hoàn toàn do cấp trên quyết định.

Chưa có một văn bản nào quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Xí nghiệp Liên hiệp Nhựa đối với Tân Tiến 1, đặc biệt là mối quan hệ giữa Xí nghiệp Liên hiệp Nhựa và Tân Tiến 1 như thế nào. Mặc dù Quyết định 241 ngày 25 tháng 9 năm 1982 của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh đã giao cho Sở Công Nghiệp làm việc này.

Nhưng thời gian hoạt động của Tân Tiến 1 quá ngắn, thành lập được 7 tháng thì Triệu Bình Thiệt, Giám đốc Tân Tiến 1 bị bắt, thực tế chỉ hoạt động có 4 tháng.

Thời gian quá ngắn như thế không cho phép bất cứ mô hình nào phát huy đầy đủ tác dụng nên Sở Công Nghiệp cũng không thể có cơ sở đặt ra những quy định cụ thể cho Tân Tiến 1.

Do đó mà bị cáo Lê Minh Tâm rất bị động, lúng túng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tân Tiến 1. Bị cáo không thể tự ý đặt ra những quy định cho Tân Tiến 1 cũng không thể đơn giản áp dụng những quy định hiện hành đã lỗi thời của xí nghiệp công tư hợp doanh chia lãi 8% cho Tân Tiến 1 theo kiểu lời cùng chia lỗ cùng chịu.

Bị cáo không có quyền quyết định hoặc ngăn cản các hoạt động của Triệu Bình Thiệt, lúc đó do Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Công Nghiệp trực tiếp chỉ đạo nhằm thử nghiệm để xác định một mô hình hoạt động của một công ty hợp doanh kiểu mới.

Do bối cảnh, điều kiện cụ thể đó nên phải nói rằng tuy về nguyên tắc Tân Tiến 1 là xí nghiệp trực thuộc Xí

ngiệp Liên hiệp Nhựa, nhưng Lê Minh Tâm trong thực tế không có quyền hạn gì cụ thể đối với Triệu Bình Thiệt.

Quan hệ giữa Lê Minh Tâm và Triệu Bình Thiệt chẳng khác nào quan hệ trong một cuộc hôn nhân bị áp đặt giống như trường hợp một thanh niên phải lấy một người tình trẻ tuổi của cha mình làm vợ. Về hình thức, bên ngoài tưởng rằng anh ta có quyền đối với vợ nhưng trong thực tế người vợ đó chỉ nghe lời cha của anh ta mà thôi.

II. Về một số việc cụ thể mà bản cáo trạng cho rằng bị cáo Lê Minh Tâm phải chịu trách nhiệm

Việc thứ nhất: 14,7 triệu đồng Xí nghiệp Liên hiệp Nhựa vay của Tân Tiến 1.

1. Đây là tiền Xí nghiệp Liên hiệp Nhựa vay của Tân Tiến 1 để mua nguyên liệu. 14,7 triệu đồng là chi phiếu (séc) chứ không phải tiền mặt. Thay vì vay ở Ngân hàng nhưng do Triệu Bình Thiệt thông báo có tiền nên Lê Minh Tâm đã quyết định vay số tiền này.

Bị cáo Lê Minh Tâm làm việc này là vì thực tế cần tiền để mua nguyên liệu chứ không phải giúp Triệu Bình Thiệt rút tiền của Ngân hàng quận 11.

Việc thứ hai: Tân Tiến 1 chỉ có nhiệm vụ sản xuất nhưng tại sao để cho Tân Tiến 1 làm xuất khẩu.

Thực tế đây không phải thẩm quyền của Lê Minh Tâm, bị cáo chỉ ghi ý kiến của mình vào báo cáo đề nghị của Triệu Bình Thiệt rồi trình lên trên. Việc này Sở Công Nghiệp cũng không quyết định được, phải Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh mới quyết định được.

Tất nhiên “mùi đại thì lái phải chịu đòn”, dấu sao về mặt pháp lý Xí nghiệp Liên hiệp Nhựa là cấp trên trực tiếp của Tân Tiến 1 nên Lê Minh Tâm với tư cách là Tổng Giám

đốc Xí nghiệp Liên hiệp Nhựa phải chịu trách nhiệm một phần các hoạt động của Tân Tiến 1.

Nhưng những thiết sót của Lê Minh Tâm đã bị Thành Ủy xử lý về mặt Đảng, cách chức Phó Bí Thư Đảng Ủy, chỉ còn là Đảng viên thường, về mặt chính quyền đã hạ chức từ Tổng Giám Đốc xuống Phó Tổng Giám đốc, tôi cho rằng xử lý như thế là thỏa đáng, không cần thiết phải chịu trách nhiệm hình sự...

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trừng*

5. Bài bào chữa cho bị cáo Triệu Bình Thiệt can tội tham ô tài sản Xã Hội Chủ Nghĩa (trích)

... Cơ sở chính để bản cáo trạng kết luận bị cáo Triệu Bình Thiệt phạm tội tham ô là ở chỗ cho rằng 21.700.000 đồng trị giá của 2 chuyến hàng đầu tiên là không phải vốn của Triệu Bình Thiệt và Sở Công Nghiệp thành phố Hồ Chí Minh xác nhận là của Triệu Bình Thiệt là không đúng.

Vậy 21.700.000 đồng là vốn của ai?

Trong khi Triệu Bình Thiệt đã thông qua Trần Mậu Thành, có sự hỗ trợ của Trần Kim Đệ, để móc 2 chuyến hàng đó, Triệu Bình Thiệt đã trả cho Trần Kim Đệ 400.000 đồng gọi là tiền hoa hồng. Trần Kim Đệ đã xác nhận tại phiên tòa ngày hôm qua.

Chúng ta theo nguyên tắc nào để coi 21.700.000 đồng trị giá 2 chuyến hàng trên là của Nhà nước? Chẳng lẽ chúng ta theo nguyên tắc “của đem đến nhà quan là của quan” trong vở kịch Nghêu Sò Ốc Hến?

Vị đại diện Viện Kiểm Sát cho rằng hàng nhận về phải đưa vào kho của Tân Tiến 1 tức kho Nhà nước nên là hàng của Nhà nước.

Tôi xin hỏi rằng liệu Tân Tiến 1 có lập ra 100 kho hay 1.000 kho nếu Triệu Bình Thiệt không thông qua Trần Mậu Thành, Trần Kim Đệ móc về, Tân Tiến 1 có hàng không?

Tôi xin bảo đảm với Quý Tòa không có một ký nhựa chứ đừng nói là hàng trăm tấn nhựa.

Lập luận của cáo trạng là Triệu Bình Thiệt dùng tiền quỹ của Tân Tiến 1 để mua nông sản trả cho nước ngoài nên đó là hàng của Nhà nước.

Nhưng như bị cáo Triệu Bình Thiệt, khi bị cáo về làm giám đốc Tân Tiến 1, nhà máy này không có một đồng nào, chỉ có những máy móc cũ, hư hỏng, không sử dụng được.

Vậy tiền đâu Triệu Bình Thiệt mua nông sản trả cho nước ngoài? Nhựa nhập về một phần bán cho Xí nghiệp Liên hiệp Nhựa, số còn lại gia công lấy sản phẩm, tự sản tự tiêu, bán ra ngoài lời được một số tiền lớn, dùng tiền đó mua nông sản trả cho nước ngoài. Số tiền này chắc chắn không phải là của Nhà nước. Tất nhiên số tiền đó phải đưa vào quỹ Tân Tiến 1 nhưng không phải là của Nhà nước và mỗi lần chi tiêu Triệu Bình Thiệt phải rút ra dưới hình thức tạm ứng...

- *Luật sư Nguyễn Đăng Trường*

LỜI KẾT

Qua thực tiễn rèn luyện phấn đấu trở thành một luật sư hình sự trong cuộc đời tôi, tôi nghĩ rằng các bạn sinh viên luật muốn trở thành những luật sư hình sự thành công thì ngay từ những ngày tháng ở trường Đại học Luật các bạn cần xây dựng và nuôi dưỡng ước mơ của mình.

Ước mơ trở thành một luật sư hình sự thành công, một luật sư hình sự xuất sắc, các bạn không mất một đồng bạc nào cho nó. Nhưng ước mơ là một điều rất quan trọng trong cuộc đời của các bạn. Nó luôn luôn thôi thúc, nhắc nhở các bạn phải thực hiện cho được điều mà mình đã lựa chọn và theo đuổi.

Từ ước mơ sẽ hình thành ở các bạn lòng say mê đối với điều các bạn lựa chọn, nghề nghiệp các bạn theo đuổi, sự yêu nghề. Không mấy ai thành công khi không có sự yêu nghề, lòng say mê nghề nghiệp. Phải “chung thủy” với nghề nghiệp như chung thủy với “người tình muôn thuở”.

Nếu các bạn không an tâm với công việc, nghề nghiệp mà mình đã lựa chọn thì cũng giống như người trồng cây được mấy bữa lại nhổ lên đem đi trồng chỗ khác thì cây đó chắc chắn sẽ chết hoặc may ra còn sống thì cũng không làm sao phát triển được.

Có một điều nữa mà tôi muốn chia sẻ với các bạn sinh viên luật. Đó là kỹ năng nói trước đám đông, hùng biện. Tài hùng biện rất cần thiết đối với những người khi hoạt động phải tiếp xúc, nói chuyện, phát biểu trước đám đông như thầy giáo nói trước học trò, linh mục nói trước con chiên, nhà sư nói trước tín đồ Phật tử, tướng lĩnh nói trước ba quân, chính khách nói trước quần chúng nhân dân.

Nhưng đối với các luật sư hình sự, tài hùng biện càng đặc biệt cần thiết nhất là khi tham gia bào chữa cho các bị cáo đầu vụ trong những vụ án lớn, phức tạp, có đông đảo người tham dự phiên tòa.

Thông thường tại phiên tòa hình sự, việc công bố cáo trạng, thẩm vấn các bị cáo của Hội Đồng Xét Xử, đại diện Viện Kiểm Sát về nguyên tắc là nhằm mục đích làm sáng tỏ sự thật vụ án. Nhưng trong thực tế những việc trên phần lớn có nội dung buộc tội các bị cáo.

Nên tâm lý của những người tham dự phiên tòa rất mong được nghe phát biểu bào chữa và tranh luận của luật sư với đại diện Viện Kiểm Sát.

Một luật sư có tài hùng biện sẽ làm cho phiên tòa hấp dẫn, sôi nổi hẳn lên. Sự thành công của luật sư rất dễ thấy. Khi luật sư bào chữa cả hội trường sẽ im phăng phắc, một con ruồi bay cũng nghe được. Mọi người tập trung lắng nghe từng lời phát biểu, theo dõi từng cử chỉ, điệu bộ của luật sư và trên khuôn mặt của họ thể hiện rõ sự hưng

phấn. Có khi họ vỗ tay tán thưởng mặc dầu nội quy phiên tòa không cho phép vỗ tay.

Tôi nghĩ rằng Hội Đồng Xét Xử cũng thích thú khi nghe một luật sư có tài hùng biện phát biểu cho dù Hội Đồng Xét Xử không chấp nhận đề nghị đối với bị cáo mà luật sư ấy bào chữa.

Sự thành công của một luật sư có tài hùng biện sẽ làm cho luật sư đó hưng phấn, hạnh phúc không phải một ngày, một tuần lễ có khi cả tháng vẫn còn hưng phấn hạnh phúc.

Sự hưng phấn, hạnh phúc đó không có tiền bạc nào mua được.

Ngược lại một luật sư không có khả năng hùng biện, bào chữa dở thì cũng rất dễ thấy. Những người tham dự phiên tòa tỏ vẻ thất vọng khi nghe luật sư đó phát biểu. Trong hội trường bắt đầu nghe tiếng xì xào, nói chuyện riêng, thậm chí có người ngáp dài. Mọi người mong muốn Hội Đồng Xét Xử tìm một lý do nào đó phù hợp để yêu cầu luật sư này ngưng phát biểu bởi vì họ không muốn nghe.

Tất nhiên phiên tòa sẽ trở nên tẻ nhạt, không có gì hào hứng cả.

Các luật sư bao giờ cũng mong muốn thân chủ của mình được giảm án.

Nhưng trường hợp không thể giảm án thì khi bào chữa luật sư phân tích về nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo là luật sư đã gửi một thông điệp đến xã hội về sự cần thiết phải ngăn ngừa tội phạm và cả phương cách ngăn ngừa tội phạm; nghĩa là mọi người phải tích cực ngăn ngừa ngay từ đầu không để phát sinh những nguyên nhân, những điều kiện để tội phạm có thể xảy ra.

Sự bào chữa của luật sư, sự chia sẻ, thông cảm sâu sắc của luật sư đối với bị cáo cũng là một chỗ dựa tinh thần cần thiết cho bị cáo trong thời gian cải tạo, giúp cho bị cáo mạnh mẽ đứng lên sau lần té ngã để khi ra tù có thể trở lại cuộc sống bình thường với gia đình và cộng đồng như trường hợp của anh Nguyễn Văn Mười Hai mà tôi đã bào chữa cho anh ấy trước đây.

Tôi nghĩ rằng những sinh viên luật giỏi tiếng Anh sẽ có điều kiện, cơ hội thuận lợi trong việc rèn luyện kỹ năng nói trước đám đông, hùng biện. Bởi vì hiện nay nhiều sách, tài liệu về nghệ thuật hùng biện và cả những bài phát biểu tuyệt vời thể hiện một cách xuất sắc nghệ thuật hùng biện của các chính khách, các nhân vật nổi tiếng ở các nước trên thế giới đều bằng tiếng Anh, các bạn có thể tham khảo dễ dàng.

Rèn luyện kỹ năng nói trước đám đông, hùng biện nên bắt đầu ngay từ khi còn rất trẻ, những ngày tháng đầu tiên ở trường Đại học Luật, thậm chí trước đó càng tốt.

Bởi vì rèn luyện khả năng hùng biện là quá trình hình thành các thói quen, các tập quán. Ở độ tuổi từ bốn mươi tuổi trở lên, các tập quán, thói quen đã được định hình và ổn định. Nên những người ở độ tuổi này mà đã nói dở thì sẽ nói dở suốt đời, không có khả năng thay đổi trừ khi họ đã có khả năng hùng biện từ trước.

Con đường rèn luyện phấn đấu để trở thành một luật sư hình sự thành công, một luật sư hình sự xuất sắc không dễ dàng. Các bạn sinh viên phải kiên trì và tự tin.

Hồi thời sinh viên của tôi có một lời ca mà tôi cho là tuyệt vời, đó là:

“Ai chiến thắng không từng chiến bại

Ai nên khôn chẳng dại một lần!”

Tôi nghĩ rằng mỗi chúng ta phải sẵn sàng đối mặt với thử thách, vượt qua thử thách, sẵn sàng chấp nhận thất bại, sẵn sàng chịu “dại” không phải một lần mà nhiều lần mới có thể trưởng thành lên được, mới làm được những điều lớn lao mà chúng ta mơ ước.

Càng thử thách lớn, càng có cơ hội lớn. Tất nhiên chúng ta phải có lòng tin mạnh mẽ.

Tôi nhớ trong Kinh Thánh Thiên Chúa Giáo có một câu rất nổi tiếng: *“Lòng tin chuyển núi”* (“The belief moves the mountains”).

Trong thực tiễn chính trị trên thế giới đã có những chính khách trải qua thử thách tưởng chừng không thể vượt qua nổi, tưởng chừng những thử thách đó sẽ chôn vùi sự nghiệp chính trị của họ xuống biển sâu. Nhưng họ đã vượt qua và trở thành những nhà lãnh đạo chính trị lỗi lạc. Đó là trường hợp ông Chu Dung Cơ, bị mất Đảng, bị đưa đi cải tạo 5 năm và ông Kim Đại Trọng (Kim Dae-jung) bị bỏ vào bao bố đẩy xuống biển nhưng được cứu sống.

Ông Chu Dung Cơ đã trở thành Thủ tướng giỏi của Trung Quốc, và ông Kim Đại Trọng đã trở thành Tổng thống xuất sắc của Hàn Quốc.

Tôi cho rằng hai ông ấy khi đối mặt với những thử thách đó đã có một lòng tin mãnh liệt và một sự lạc quan ghê gớm như tinh thần lạc quan được thể hiện trong mấy câu thơ của nhà sư Mãn Giác thời nhà Lý ở nước ta:

*“Chớ tưởng đông tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một nhành mai!”.*

- Luật sư **Nguyễn Đăng Trưng**

Phụ lục

LUẬT SƯ NGÀNH LUẬT TẠI VIỆT NAM VÀ TRÊN THẾ GIỚI

Tại Việt Nam

Ngày 26/11/1876, nghề luật sư chính thức xuất hiện tại Việt Nam khi người Pháp ban hành Nghị Định về biện hộ cho người Pháp hoặc người An Nam mang quốc tịch Pháp tại tòa án. Trước đó, việc xét xử theo chế độ phong kiến không có sự bào chữa.

Thời gian đầu, luật sư tại nước ta đều là những người mang quốc tịch Pháp. Đến ngày 30/1/1911, Nhà cầm quyền Pháp đã ban bố sắc lệnh mở rộng cho người Việt Nam không có quốc tịch Pháp được làm luật sư. Trường Đại học Luật Đông Dương cũng được thành lập năm này để đáp ứng sắc lệnh trên.

Người Việt Nam đầu tiên làm luật sư là ông Phan Văn Trường (1876 - 1933), người Hà Nội. Ông được đánh giá là một trong những luật sư lỗi lạc nhất trong lịch sử ngành Luật Việt Nam.

Sau giải phóng, năm 1987, Nhà nước ban bố Pháp Lệnh Luật Sư và thành lập các đoàn Luật sư trên cả nước.

Năm 2001, Nhà nước ban bố Pháp Lệnh Luật Sư cho phép các luật sư được hoạt động độc lập, không phụ thuộc bất kỳ tổ chức nào.

Tháng 5/2009, luật sư cả nước đã tổ chức Đại hội lần thứ nhất và thành lập nên Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Năm 2017, cả nước có hơn 9.000 luật sư.

Theo pháp luật Việt Nam, để có thể hành nghề luật sư, phải đảm bảo các điều kiện sau: Có bằng cử nhân luật, qua lớp đào tạo kỹ năng hành nghề luật sư, trải qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, đạt kết quả kỳ thi kết thúc tập sự, có phẩm chất đạo đức tốt và có sức khỏe hành nghề. Thời gian tối thiểu để một người phấn đấu làm luật sư là 6 năm.

Các đơn vị đào tạo ngành luật gồm:

- ĐH Luật Hà Nội:

Địa chỉ: 87 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: 04. 8352630; Fax: 04. 8343226

Email: info@hlu.edu.vn

Website: www.hlu.edu.vn

- ĐH Luật TP.HCM:

Địa chỉ: CS 1: 2 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM
CS 2: 123 QL. 13, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, TP.HCM
Tel: 08. 8262208 - 08. 7266311

Fax: 08. 8265291

Email: quantrimang@hcmulaw.edu.vn

Website: www.hcmulaw.edu.vn

- *Khoa Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội*: Đào tạo với chuyên ngành: Lý luận Hiến pháp Nhà nước, Tư pháp Dân sự, Tư pháp Hình sự, Kinh doanh, Luật Quốc tế.

Địa chỉ: 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà
Nội Tel: (04) 7549042; Fax: (04) 7547724

Email: webmaster@vnu.edu.vn

Website: www.vnu.edu.vn/law/

- *Khoa Luật - ĐH Cần Thơ* có các chuyên ngành:
Hành chính, Thương mại, tư pháp, Luật So sánh.

Địa chỉ: Khu II, Đường 3/2, TP. Cần Thơ

Tel: 071.832.596 hoặc 071.831.530 (xin số 8234
hoặc 8240) Fax: 071.838.474

Email: Trưởng khoa TS. Nguyễn Ngọc Điện:
nndien@ctu.edu.vn

Website: www.ctu.edu.vn

- *Học viện Tư pháp* đào tạo Thẩm phán, Luật sư,
Chấp hành viên.

Địa chỉ: 10, Phan Văn Trường, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04.7566129

Website: www.judaca.edu.vn

- *Trung tâm đào tạo Luật Kinh tế (LETC)*

Địa chỉ: 299 - Điện Biên Phủ - Q.3 - TP.HCM

Tel: 08.9302407

Email: daotaolkt@yahoo.com

Trên thế giới

Ở châu Âu, nghề luật sư đã xuất hiện vào thời Hy
Lạp, La Mã cổ đại.

Trong xã hội Hy Lạp cổ, người dân được trình bày ý
kiến, lý lẽ để bảo vệ mình trước tòa hoặc nhờ người có tài
hùng biện để bảo vệ mình. Còn ở La Mã cổ đại, trong các
phiên tòa đã có sự tham gia của các nhà chuyên môn để

nhắc nhở về các quy tắc tôn giáo. Về sau họ am hiểu pháp luật và hoạt động như luật sư ngày nay.

Vai trò của luật sư ở châu Âu trong thời kỳ Trung Cổ bị hạn chế và bóp nghẹt bởi chính quyền cũng như quyền lực của giáo hội.

Trong chế độ tư bản, nghề luật sư lại được tổ chức chặt chẽ nhằm bảo vệ quyền lợi cho giai cấp ưu thế trong xã hội. Cùng với các cuộc đấu tranh vì dân chủ, bình đẳng, nghề luật sư ngày càng thể hiện vai trò của mình và hình thành nên một nghề tự do.

Hiện nay nghề luật sư là một nhánh quan trọng trong hệ thống ngành tư pháp, không chỉ có vai trò bảo vệ quyền lợi chính đáng của công dân trước tòa án mà còn có chức năng tư vấn luật pháp và hướng dẫn công dân thực hiện đúng luật.

- *Dương Ngọc Hân tổng hợp*

Lịch sử án tử hình trên thế giới

Án tử hay còn gọi là án tử hình là hình phạt cao nhất được áp dụng với những người phạm các tội nghiêm trọng. Các tội này được xét theo quy định của từng quốc gia hay thể chế nhất định. Hình phạt này có lịch sử lâu đời và được áp dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia.

Ở phương Đông, hình phạt tử hình đã xuất hiện từ thời kỳ chiếm hữu nô lệ sơ khai đầu tiên. Điều luật cổ nhất có quy định về hình phạt tử hình ở phương Đông thời kỳ này là trong bộ luật Hammurapi và bộ luật Manu.

Bộ luật Hammurapi là bộ luật cổ nhất của người Babilon, được tạc vào thời vua Hammurapi (1792 - 1750

trước Công nguyên). Bộ luật được chép trên một phiến đá bazan cao hơn 2 mét và vẫn còn được lưu truyền đến ngày nay. Trong 282 điều của bộ luật này có đến 30 trường hợp bị áp mức phạt xử tử. Hình thức thi hành án tử lúc này rất khắc nghiệt như đốt, chìm nước hay đóng cọc.

Bộ luật Manu là bộ luật của người Ấn Độ, ra đời vào khoảng thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ I trước Công Nguyên. Bộ luật này thể hiện rõ tính giai cấp và sự khắc nghiệt. Luật này trừng phạt rất nặng các tội như trộm cắp, hiếp dâm, giết người.

Những quy định tử hình ở phương Đông cổ đại hầu hết mang nặng tính trấn áp, bảo thủ, khắc nghiệt. Trong thời kỳ phong kiến, đặc biệt đáng quan tâm là pháp luật của các triều đại phong kiến Trung Quốc với những hình thức tử hình như: chém hay thắt cổ, chém bêu đầu và lăng trì; rất đáng sợ. Hình phạt tru di tam tộc, tru di cửu tộc là hình phạt cao nhất của luật pháp Trung Hoa thời phong kiến.

Ở các quốc gia phương Tây, bộ luật nổi tiếng và điển hình là bộ luật thời La Mã cổ đại. Bộ luật này chủ yếu bảo vệ quyền sở hữu của giai cấp quý tộc. Đến thời kỳ phong kiến thì các quốc gia phương Tây vẫn duy trì tục “trả nợ máu”, nghĩa là giết người phải đền mạng. Pháp luật của thời kỳ này bảo vệ nghiêm ngặt cho chế độ phong kiến và áp án tử cho các thế lực chống đối. Hình thức tử hình ở phương Tây được áp dụng vào thời kỳ này như: hỏa thiêu, thắt cổ, đóng cọc...

Năm 1819, Hạ nghị viện Anh quy định 220 loại tội phạm. Việc thi hành án tử rất man rợ, như: cho xe cán, chặt tứ chi và đầu, mổ bụng moi lục phủ ngũ tạng... Án tử hình áp dụng rất khốc liệt vào thời kỳ này, thậm chí với một số tội như xâm phạm súc vật hay ăn cắp vài xu...

Ở Việt Nam cũng áp dụng các án tử hình cho các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng từ thời phong kiến. Dưới ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, Việt Nam cũng có các mức phạt tử hình có tính răn đe tàn khốc như tru di tam tộc, tru di cửu tộc. Điển hình như vụ án Lê Chi Viên (Tru di tam tộc đại công thần Nguyễn Trãi).

Hiện nay, chủ trương của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong Nghị quyết 49/NQ-TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, đang dần hướng tới hạn chế án tử và xóa bỏ án tử trong tương lai.

Báo cáo của tổ chức Ân xá quốc tế (Amnesty International), cho biết tính đến năm 2008, có 94 quốc gia trên thế giới đã xóa bỏ án tử triệt để, 10 quốc gia chỉ giữ án tử cho các tội phạm đặc biệt như tội phạm chiến tranh. 35 quốc gia tuy vẫn còn giữ án tử trên luật nhưng đã không áp dụng án này trong suốt 10 năm qua.

Venezuela là quốc gia đầu tiên xóa bỏ hình phạt tử hình vào năm 1863.

Xu hướng quốc tế chung cho thấy các quốc gia ít thi hành án tử hơn và ngày càng tiến tới xóa bỏ án tử trong luật như một biểu hiện cho sự tôn trọng nhân quyền.

Tuy nhiên, cho đến nay nhiều quốc gia vẫn cho rằng án tử nên được duy trì để trừng phạt các tội nhân phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Hầu hết các án tử này chỉ áp dụng cho tội giết người và tội liên quan đến chiến tranh. Tuy nhiên ở các quốc gia như: Trung Quốc, Indonesia, Malaysia, Singapore, Ả Rập Saudi và Việt Nam, án tử còn áp dụng cho các tội như buôn lậu ma túy và tham nhũng.

- **Dương Ngọc Hân** tổng hợp

